

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 1, Bài 1: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình Liên Xô và kết quả công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

- Hiểu được những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở LX từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của TK XX.

- Nhận xét về thành tựu KH – KT của LX.

2. Kỹ năng

- Biết khai thác tư liệu lịch sử, tranh ảnh để hiểu thêm những vấn đề kinh tế xã hội của Liên Xô.

- Biết so sánh sức mạnh của Liên Xô với các nước tư bản những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai.

3. Thái độ

- Tự hào về những thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô, thấy được tính ưu việt của CNXH và vai trò lãnh đạo to lớn của Đảng Cộng sản và nhà nước Xô Viết.

- Biết ơn sự giúp đỡ của nhân dân Liên Xô với sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rút ra bài học kinh nghiệm qua công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở LX từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của TK XX. Nhận xét về thành tựu KH – KT của LX.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh về Liên Xô sau CTTG thứ hai.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Liên Xô sau CTTG thứ hai.

IV. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là tình hình Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan về số liệu của LX về những tổn thất sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua số liệu thống kê đó, em có suy nghĩ gì?

- Dự kiến sản phẩm: Đó là những tổn thất hết sức nặng nề của LX sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai Liên Xô bị thiệt hại to lớn về người và của, để khôi phục và phát triển kinh tế đưa đất nước tiến lên phát triển khẳng định vị thế của mình đối với các nước tư bản, đồng thời để có điều kiện giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới Liên Xô phải tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH. Để tìm hiểu hoàn cảnh, nội dung và kết quả công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH diễn ra như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950)

- Mục tiêu: Biết được tình hình Liên Xô và kết quả công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- Thời gian: 15 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận và trả lời câu hỏi:</p> <p>? Công cuộc khôi phục nền kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở LX đã diễn ra và đạt được kết quả ntn?</p> <p>? Em có nhận xét gì về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên Xô trong thời kì khôi phục kinh tế, nguyên nhân sự phát triển đó?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Bối cảnh Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh TG thứ hai?</p> <p>- <i>Liên Xô bị chiến tranh tàn phá nặng nề.</i></p> <p>? Nêu những số liệu về sự thiệt hại của LX trong CT2?</p> <p>? Em có nhận xét gì về sự thiệt hại của Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai?</p> <p>- <i>Thiệt hại quá nặng nề.</i></p> <p>GV nhận xét, bổ sung và nhấn mạnh. Có thể so sánh với số liệu</p>	<p>- Đất nước Xô viết bị chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề: hơn 27 triệu người chết, 1 710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc bị phá huỷ,...</p> <p>- Nhân dân Liên Xô thực hiện và hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946 - 1950) trước thời hạn.</p> <p>- Công nghiệp tăng 73%, một số ngành nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. Năm 1949,</p>

<p>các nước tham chiến.</p> <p>? Nhiệm vụ to lớn của nhân dân Liên Xô là gì?</p> <p>- <i>khôi phục kinh tế, thực hiện các kế hoạch năm năm...</i></p> <p>? Cho biết kết quả của kế hoạch 5 năm L1?</p> <p>- <i>CN tăng 73%, 1 số ngành NN vượt mức trước ctr, đời sống nhân dân được cải thiện.</i></p> <p>- <i>1949, chế tạo thành công bom nguyên tử</i></p> <p>? Những thành tựu về ktế và KHKT của LX?</p> <p>- <i>1949, chế tạo thành công bom nguyên tử</i></p> <p>? Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào ?</p> <p>- <i>Phá vỡ thế độc quyền về bom nguyên tử của Mỹ.</i></p> <p>- <i>Chứng tỏ bước tiến vượt bậc về KH-KT và trình độ công nghiệp của Liên Xô trong thời gian này.</i></p> <p>GV nhấn mạnh sự quyết tâm của nhân dân Liên Xô đã hoàn thành kế hoạch 5 năm trước thời hạn 9 tháng.</p> <p>? Em có nhận xét gì về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên Xô trong thời kì khôi phục kinh tế, nguyên nhân sự phát triển đó ?</p> <p>- <i>Tốc độ khôi phục kinh tế tăng nhanh chóng. Có được kết quả này là do sự thống nhất về tư tưởng, chính trị của xã hội Liên Xô, tinh thần tự lập tự cường, tinh thần chịu đựng gian khổ, lao động cần cù, quên mình của nhân dân Liên Xô.</i></p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.</p>
---	--

2. Hoạt động 2. 2. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)

- **Mục tiêu:** HS hiểu được những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở LX từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của TK XX. Nhận xét về thành tựu KH – KT của LX.

- **Phương pháp:** Khuyến khích học sinh tự đọc.

- **Thời gian:** 17 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận và trả lời câu hỏi:</p> <p>? LX thực hiện các kế hoạch dài hạn với các phương hướng chính nào?</p>	<p>- Liên Xô tiếp tục thực hiện các kế hoạch dài hạn với các phương hướng</p>

<p>? Thành tựu mà LX đạt được trong giai đoạn này?</p> <p>? Em nhận xét về thành tựu KH – KT của LX?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Liên Xô xây dựng CSVC – KT của CNXH trong hoàn cảnh nào?</p> <p>- <i>Sau khi hoàn thành việc khôi phục kinh tế.</i></p> <p>? Nó ảnh hưởng như thế nào đến công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô?</p> <p>- <i>Ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng CSVC – KT, làm giảm tốc độ của công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô.</i></p> <p>GV nhận xét: - Các nước tư bản phương tây luôn có âm mưu và hành động bao vây, chống phá Liên Xô cả kinh tế, chính trị và quân sự.</p> <p>- Liên Xô phải chi phí lớn cho quốc phòng, an ninh để bảo vệ thành quả của công cuộc xây dựng CNXH. (Ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng CSVC – KT, làm giảm tốc độ của công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô.)</p> <p>? LX thực hiện những kế hoạch gì?</p> <p>? Phương hướng chính là gì?</p> <p>- <i>LX tiếp tục thực hiện các kế hoạch dài hạn với các phương hướng chính là: tiếp tục ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, thực hiện thâm canh trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng...</i></p> <p>? Kết quả đạt được?</p> <p>? Về kinh tế?</p> <p>? Về khoa học kỹ thuật?</p> <p>- <i>Về khoa học kỹ thuật: Là nước mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của con người - 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo, 1961 phóng tàu Phương Đông đưa con người lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất.</i></p> <p>GV giới thiệu một số tranh ảnh về thành tựu của Liên Xô, giới thiệu hình 1 SGK (vệ tinh nhân tạo đầu tiên nặng 83,6kg của loài người do Liên Xô phóng lên vũ trụ năm 1957)</p> <p>? Chính sách đối ngoại của LX?</p> <p>- <i>Chủ trương duy trì hòa bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước, ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc.</i></p> <p>GV yêu cầu học sinh lấy một số ví dụ về sự giúp đỡ của Liên Xô đối với các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam?</p> <p>? Ý nghĩa những thành tựu mà Liên Xô đạt được?</p> <p>- <i>Uy tín chính trị và địa vị quốc tế của Liên Xô được đề cao, Liên Xô trở thành chỗ dựa cho hòa bình thế giới.</i></p> <p>* Về đối ngoại, GV minh họa thêm:</p>	<p>chính là: phát triển kinh tế với ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kỹ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng.</p> <p>- Kết quả: Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: Sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 9,6%, là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Mỹ; là nước mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của con người năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo, năm 1961 phóng tàu "Phương Đông" đưa con người (I. Gagarin) lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất.</p> <p>- Về đối ngoại: Liên Xô chủ trương duy trì</p>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1960, theo sáng kiến của LX Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về việc thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân và trao trả độc lập cho các thuộc địa. - Năm 1961, LX đề nghị Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về cấm sử dụng vũ khí hạt nhân. - Năm 1963, theo đề nghị của LX Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn thủ tiêu các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	hoà bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.
---	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và hiểu được những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở LX từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của TK XX, nhận xét về thành tựu KH – KT của LX.

- **Thời gian:** 6 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1 Bảng thống kê thành tựu của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950):

Lĩnh vực	Thành tựu
Về kinh tế	
Về khoa học – kỹ thuật:	

• Sắp xếp các sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A theo yêu cầu sau đây: (VD)

A	B
1. Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai. 2. Thành tựu Liên Xô đạt được trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật.	a. Hơn 27 triệu người chết
	b. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
	c. Đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.
	d. Bị các nước đe dọa yêu cầu chia lại lãnh thổ.
	e. Đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái đất.
	g. Giàu có nhờ thu lợi nhuận sau chiến tranh.

Dự kiến sản phẩm:

Lĩnh vực	Thành tựu
Về kinh tế	Hoàn thành kế hoạch 5 năm (1946 – 1950) trước thời hạn 9 tháng.
	Công nghiệp: Năm 1950, công nghiệp tăng 73% so với mức trước chiến tranh, hơn 6000 nhà máy được khôi phục và xây dựng
	○ Nông nghiệp vượt trước chiến tranh, tỉ lệ sản phẩm nông nghiệp từ 0,9 năm 1945 tăng lên 1,4 năm 1950
Về khoa học – kĩ thuật:	Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền của Mỹ

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Rút ra bài học kinh nghiệm qua công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở LX từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của TK XX. Nhận xét về thành tựu KH – KT của LX.

- Phương thức tiến hành: Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Từ những thành tựu khôi phục đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu (từ năm 1945 đến đầu những năm 70), Việt Nam có thể học hỏi được gì? Lí giải

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm

Từ những thành tựu khôi phục đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu (từ năm 1945 đến đầu những năm 70), Việt Nam có thể học hỏi được:

+ Tính kế hoạch hoá trong việc thực hiện các kế hoạch nhà nước 5 năm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

+ Tập trung phát triển công nghiệp để thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Liên Xô sau CTTG thứ hai.

+ Nêu một số ví dụ về sự giúp đỡ của Liên Xô đối với các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam.

+ Chuẩn bị bài mới

- Học bài cũ, đọc và soạn phần II. Đông Âu.

- Nắm được những nét chính về việc thành lập nhà nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và công cuộc xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX).

- Nắm được những nét cơ bản về hệ thống các nước XHCN, thông qua đó hiểu được những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 2, Bài 1

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình các nước dân chủ nhân dân Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Biết được sự thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.

- Xác định tên các nước dân chủ nhân dân Đông Âu trên lược đồ. Hiểu được những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

2. Kỹ năng

- Biết sử dụng bản đồ thế giới để xác định vị trí của từng nước Đông Âu.

- Biết khai thác tranh ảnh, tư liệu lịch sử để đưa ra nhận xét của mình.

3. Thái độ

- Khẳng định những đóng góp to lớn của các nước Đông Âu trong việc xây dựng hệ thống XHCN thế giới, biết ơn sự giúp đỡ của nhân dân các nước Đông Âu đối với sự nghiệp cách mạng nước ta.

- Giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế cho HS.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rút ra bài học kinh nghiệm qua công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Đông Âu và những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh về Đông Âu sau CTTG thứ hai, bản đồ các nước Đông Âu, bản đồ thế giới.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Đông Âu sau CTTG thứ hai.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là tình hình các nước Đông Âu sau chiến tranh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan hình 2 trang 6. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Xác định đây là khu vực nào? Em hãy chỉ rõ vị trí của khu vực đó?

- Dự kiến sản phẩm: Đó là khu vực Đông Âu. HS chỉ lược đồ.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: “Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc đã sản sinh ra một nước chủ nghĩa xã hội duy nhất là Liên Xô, còn chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã có những nước XHCN nào ra đời? Quá trình xây dựng CNXH ở các nước này diễn ra và đạt kết quả ra sao?

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu

- Mục tiêu: Biết được tình hình các nước dân chủ nhân dân Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- Thời gian: 15 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Nhóm lẻ: Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <p>+ Nhóm chẵn: Để hoàn thành cuộc CMDCND, các nước Đông Âu đã thực hiện những nhiệm vụ gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <p>- Trước chiến tranh TG thứ hai.....giành chính quyền.</p> <p>? Trình bày sự ra đời của các nước dnd Đông Âu?</p> <p>- Ba lan 7/1944. Ru ma ni 8/1944.....</p> <p>GV phân tích thêm: Hoàn cảnh ra đời nhà nước Cộng hoà dân chủ Đức. Giáo viên tóm lược những nội dung cần ghi nhớ.</p> <p>? Để hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu cần tiến hành những công việc gì?</p> <p>- Những việc cần làm trên các mặt sau: Về mặt chính quyền? Cải cách ruộng đất? Công nghiệp ...</p>	<p>- Trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân ở hầu hết các nước Đông Âu tiến hành cuộc đấu tranh chống phát xít và đã giành được thắng lợi: giải phóng đất nước, thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân (Ba Lan tháng 7 1944, Tiệp Khắc 5 – 1945,...).</p> <p>- Nước Đức bị chia cắt, với sự thành lập nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức (9 1949), Cộng hoà Dân chủ Đức (10 1949).</p> <p>- Từ năm 1945 đến năm 1949, các nước Đông Âu hoàn thành những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân: xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân,</p>

<p>Quan sát hình 2 – SGK, xác định tên các nước dân chủ nhân dân Đông Âu trên lược đồ.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân,...</p> <p>Mục II.2 Tiến hành xây dựng CNXH (HS tự đọc đề hiểu thêm)</p>
---	---

2. Hoạt động 2. III. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.

- **Mục tiêu:** Hiểu được những cơ sở hình thành hệ thống XHCN, hiểu được những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Thời gian:** 17 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:</p> <p>? Cơ sở hình thành hệ thống XHCN?</p> <p>? Về quan hệ kinh tế văn hoá khoa học – kĩ thuật các nước XHCN có hoạt động gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Cơ sở hình thành hệ thống XHCN?</p> <p>- <i>Đều có ĐCS lãnh đạo.</i></p> <p>- <i>Lấy CN Mác-Lênin làm nền tảng.</i></p> <p>- <i>Cùng chung mục tiêu xây dựng CNXH</i></p> <p>- <i>Sau CT2 hệ thống XHCN ra đời</i></p> <p>? Về quan hệ kinh tế văn hoá khoa học – kĩ thuật các nước XHCN có hoạt động gì?</p> <p>GV hướng dẫn học sinh trình bày sự ra đời của khối Vác-xa-va và vai trò của khối Vác-xa-va.</p> <p>GV lấy ví dụ về mối quan hệ hợp tác giữa các nước trong đó có sự giúp đỡ Việt Nam.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p>	<p>+ Cơ sở hình thành:</p> <p>- Đều có ĐCS lãnh đạo.</p> <p>- Lấy CN Mác-Lênin làm nền tảng.</p> <p>- Cùng chung mục tiêu xây dựng CNXH</p> <p>- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai hệ thống XHCN ra đời.</p> <p>- Ngày 8 – 1 – 1949 Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) ra đời.</p> <p>- 5 – 1955 tổ chức Hiệp ước Vác-xa-va thành lập.</p>

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và tiếp đó là công cuộc xây dựng CNXH ở các nước này đã làm CNXH ngày càng mở rộng, đóng góp to lớn vào phong trào cách mạng thế giới.
- Các tổ chức của hệ thống XHCN ra đời: Khối SEV và khối Vác-xa-va đã có vai trò to lớn trong việc củng cố và phát triển hệ thống XHCN.

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về sự ra đời các nước dân chủ nhân dân Đông Âu và sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

? Vì sao năm 1949, trên lãnh thổ nước Đức lại có hai nhà nước ra đời với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau?

Dự kiến sản phẩm

Năm 1949, trên lãnh thổ nước Đức lại có hai nhà nước ra đời với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau vì:

Theo thỏa thuận của 3 cường quốc Liên Xô, Mỹ và Anh, quân đội Liên Xô chiếm đóng khu vực phía Đông nước Đức. Trong khi đó quân đội Mỹ, Anh, Pháp chiếm đóng khu vực phía Tây nước Đức. Và đến tháng 9 năm 1949 nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức được thành lập ở Tây Đức. Sau đó một tháng, tháng 10 năm 1949 nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức đã ra đời ở Đông Đức.

=> Như vậy, cùng một lãnh thổ nước Đức nhưng lại có hai nhà nước với hai chế độ chính trị xã hội khác nhau, chịu ảnh hưởng của hai cường quốc lớn nhất thế giới là Mỹ và Liên Xô.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Rút ra được bài học kinh nghiệm qua công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Đông Âu và những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Em có nhận xét gì về sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu?

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và tiếp đó là công cuộc xây dựng CNXH ở các nước nay đã làm CNXH ngày càng mở rộng, đóng góp to lớn vào phong trào cách mạng thế giới.

- GV giao nhiệm vụ cho HS
- + Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Đông Âu sau CTTG thứ hai.
- + Liên hệ những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.
- + Chuẩn bị bài mới
- Soạn trước bài 2: LX và các nước ĐÂ từ giữa những năm 70 đến đầu 90 của thế kỉ XX. Nắm được những nét chính về sự khủng hoảng và sự tan rã của Liên bang Xô viết (từ nửa sau những năm 70 đến 1991) và của các nước XHCN ở Đông Âu. Đánh giá những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của LX và các nước XHCN ở Đông Âu.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 3, Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX.

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nguyên nhân, quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. Hệ quả cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.
- Biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- Nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX. Xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

2. Kỹ năng

- Rèn kĩ năng nhận biết sự biến đổi của lịch sử từ tiến bộ sang phản động bảo thủ, từ chân chính sang phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động của các dân tộc giữ trọng trách lịch sử.
- Biết cách khai thác các tư liệu lịch sử để nắm chắc sự biến đổi của lịch sử.

3. Thái độ

- Cần nhận thức đúng sự tan rã của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu là sự sụp đổ của mô hình không phù hợp chứ không phải sự sụp đổ của lí tưởng XHCN.
- Phê phán chủ nghĩa cơ hội của M.Gooc-ba-chốp và một số người lãnh đạo cao nhất của Đảng cộng sản và Nhà nước Liên Xô cùng các nước XHCN Đông Âu.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa

những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX. Xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh về sự tan rã của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu và tranh ảnh về một số nhà lãnh đạo Liên Xô và các nước Đông Âu.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh một số nhà lãnh đạo Liên Xô và các nước Đông Âu.

IV. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: GV dùng các câu hỏi phần luyện tập tiết 2 để kiểm tra.

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là tình hình các nước Đông Âu sau chiến tranh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan hình 3 trang 9. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: EM hiểu gì khi nhìn bức tranh này?

- Dự kiến sản phẩm: Đó là cuộc biểu tình đòi li khai và độc lập ở Lit-va.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã đạt những thành tựu nhất định về mọi mặt. Tuy nhiên, nó cũng bộc lộ những hạn chế, sai lầm và thiếu sót, cùng với sự chống phá của các thế lực đế quốc bên ngoài CNXH đã từng tồn tại và phát triển hơn 70 năm đã khủng hoảng và tan rã. Để tìm hiểu nguyên nhân của sự tan rã đó như thế nào? Quá trình khủng hoảng tan rã ra sao chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay để lí giải những vấn đề trên.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết

- **Mục tiêu:** - Biết được nguyên nhân, quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. Nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX và xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục I SGK (4 phút), thảo luận và trả lời câu hỏi: + Nhóm lẻ: Nguyên nhân dẫn đến quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết?	a. Nguyên nhân: Sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nền kinh tế xã hội của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ, không ổn

+ Nhóm thảo luận: Quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:

? Tình hình Liên Xô giữa những năm 70 đến 1985 có điểm gì nổi bật?

- *Tình hình kinh tế? Chính trị xã hội? Khủng hoảng dầu mỏ thế giới năm 1973 đã tác động đến nhiều mặt của Liên Xô, nhất là kinh tế.*

? 3/1985 có sự kiện gì?

? Hãy cho biết mục đích và nội dung của công cuộc cải tổ?

? Kết quả? => *Thất bại.*

? Nguyên nhân thất bại?

- Giáo viên cần so sánh giữa lời nói và việc làm của M.Goóc-ba-chốp, giữa lý thuyết và thực tiễn của công cuộc cải tổ để thấy rõ thực chất của công cuộc cải tổ của M.Goóc-ba-chốp càng làm cho kinh tế lún sâu vào khủng hoảng.

GV giới thiệu hình 3, 4 trong SGK.

? Hậu quả của công cuộc cải tổ ở LXô ntn?

Giáo viên nhận xét, bổ sung hoàn thiện nội dung kiến thức. Đồng thời nhấn mạnh cuộc đảo chính 21 – 8 – 1991 thất bại đưa đến việc Đảng Cộng Sản Liên Xô phải ngừng hoạt động và tan rã, đất nước lâm vào tình trạng không có người lãnh đạo.

Quan sát hình 4 – SGK, xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

định và lâm dần vào khủng hoảng: Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không tăng, đời sống nhân dân khó khăn, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu ngày càng khan hiếm, tệ nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng...

b. Quá trình khủng hoảng:

- Tháng 3 1985, Goóc-ba-chốp đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

- Do thiếu chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược đúng đắn, công cuộc cải tổ nhanh chóng lâm vào tình trạng bị động, khó khăn và bế tắc. Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn: bãi công, nhiều nước cộng hoà đòi ly khai, tệ nạn xã hội gia tăng,...

- Hậu quả: Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt. Ngày 21 – 12 – 1991, 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là SNG). Tối 25 – 12 – 1991, Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

2. Hoạt động 2. II. Hệ quả của cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.

- **Mục tiêu:** Hệ quả cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu. Biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- **Thời gian:** 17 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục II SGK (4 phút), thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: ? Hậu quả của cuộc khủng hoảng ở Đ.Âu? ? Nguyên nhân sự đổ của các nước XHCN Đông Âu?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.</p>	<p>- Chính quyền mới ở các nước Đông Âu đều tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị và chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường với nhiều thành phần sở hữu. Tên nước thay đổi, nói chung đều gọi là các nước cộng hòa.</p> <p>- Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô chấm dứt sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa (ngày 28 – 6 – 1991, SEV ngừng hoạt động và ngày 1 – 7 – 1991, Tổ chức Hiệp ước Vácava giải tán). Đây là những tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng dân chủ, tiến bộ ở các nước.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết và Hệ quả của cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

? Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) tác động đến tình hình quan hệ quốc tế như thế nào

Dự kiến sản phẩm

+ Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã đã làm cho phe xã hội chủ nghĩa không còn hệ thống đối trọng với Mỹ và các nước tư bản.

+ Quan hệ quốc tế sau khi Liên Xô và Đông Âu tan rã không còn xoay quanh mối quan hệ giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

+ Một số vấn đề quốc tế bị Mỹ chi phối

HS thảo luận và trình bày

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Biết đánh giá một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Vì sao công cuộc cải tổ của Tổng thống Góóc-ba-chốp thất bại? Theo em, Việt Nam đã rút ra được bài học kinh nghiệm gì từ công cuộc cải tổ của Liên Xô? Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) có tác động đến Việt Nam như thế nào?

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

* Công cuộc cải tổ của Tổng thống Góóc-ba-chốp thất bại là vì:

+ Cuộc cải tổ không có sự chuẩn bị đầy đủ các điều kiện.

+ Thiếu một đường lối chiến lược toàn diện, nhất quán nên Liên Xô càng lâm vào tình trạng bị động, lúng túng, đầy khó khăn.

* Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) có tác động đến Việt Nam như sau:

+ Ảnh hưởng đến tâm lý và tư tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

+ Việt Nam mất chỗ dựa cả về tư tưởng và vật chất.

+ Xem xét đánh giá lại mô hình chủ nghĩa xã hội để có những điều chỉnh phù hợp.\

HS trả lời.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Liên hệ những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

+ Học bài cũ, soạn bài 3: Quá trình phát triển phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa và trả lời câu hỏi cuối SGK

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 4 , Bài 3

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA.

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỉ XX.

- Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

- Biết được nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

- Xác định trên lược đồ vị trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập.

- Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kĩ năng sử dụng bản đồ ...

3. Thái độ

- Tăng cường tình đoàn kết hữu nghị với các nước Châu Á, Phi, Mĩ la tinh
- Nâng cao lòng tự hào dân tộc vì nhân dân đã giành được những thắng lợi to lớn trong đấu tranh giải phóng dân tộc...

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
+ Biết xác định trên lược đồ vị trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập. Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh về các nước Á, Phi, Mĩ La tinh. Bản đồ thế giới và các nước Á, Phi, Mĩ La tinh.
- Bản đồ chính trị thế giới từ sau CTTG2 đến năm 1989

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tư tài liệu, tranh ảnh các nước Á, Phi, Mĩ La tinh.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là xác định vị trí ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 3 phút.
- Tổ chức hoạt động: GV trực quan bản đồ thế giới. Yêu cầu HS lên xác định vị trí các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh
- Dự kiến sản phẩm: HS xác định trên bản đồ.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cao trào giải phóng dân tộc diễn ra rất sôi nổi ở Châu Á, Phi, Mĩ-La tinh làm cho hệ thống thuộc địa của CNĐQ tan rã từng mảng lớn và đi tới sụp đổ hoàn toàn. Quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm

90 của thế kỉ XX diễn ra như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay để lí giải những vấn đề trên.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: I. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX

- **Mục tiêu:** Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỉ XX. Xác định trên lược đồ vị trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình.

- **Thời gian:** 13 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục I và hoàn thành yêu cầu:</p> <p>+ Tìm những nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỉ XX.</p> <p>+ Xác định trên lược đồ vị trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Chiến tranh thế giới thứ hai tác động như thế nào tới các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh?</p> <p>- <i>Lôi kéo các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh vào vòng xoáy của chiến tranh -> tác động tới phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh. Đặc biệt khi Nhật đầu hàng đồng minh chiến tranh kết thúc -> hàng loạt các nước lần lượt đứng lên giành độc lập.</i></p> <p>GV giới thiệu khái quát về khu vực Á, Phi, Mĩ La-tinh.</p> <p>+ Là những khu vực đông dân, lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên.</p> <p>+ Trước 1945, hầu hết là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Hà Lan, BDN...</p> <p>? Từ sau CTTG thứ hai đến giữa những năm 60 của TK XX, PTGPDT ở châu Á có gì nổi bật?</p> <p>- <i>Phát xít Nhật đầu hàng tạo cơ hội các nước Đông Nam Á giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh vũ trang, lật đổ thực dân, tuyên bố độc lập (ví dụ cụ thể) - PTGDL cũng diễn ra mạnh mẽ ở Ấn Độ.</i></p> <p>? Phong trào tiêu biểu là những nước nào ở ĐNÁ?</p> <p>- Xác định vị trí các nước trên bản đồ.</p> <p>? Phong trào đấu tranh các nước Nam Á và Bắc Phi ntn?</p>	<p>- Phong trào đấu tranh được khởi đầu từ Đông Nam Á với những thắng lợi trong các cuộc khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố độc lập ở các nước như In-đô-nê-xi-a (17 - 8 - 1945), Việt Nam (2 - 9 - 1945) và Lào (12 - 10 - 1945).</p> <p>- Phong trào tiếp tục lan sang Nam Á, Bắc Phi như ở Ấn Độ, Ai Cập và An-giê-ri,...</p> <p>- Năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước ở lục địa này tuyên bố độc lập.</p> <p>- Ngày 1 - 1 - 1959 cuộc cách mạng nhân dân thắng lợi ở Cu-ba.</p> <p>-> Tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc về cơ bản đã bị sụp đổ.</p>

<p>GV: Tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc về cơ bản đã bị sụp đổ (năm 1967 chỉ còn 5,2 triệu km² với 35 triệu dân, tập trung chủ yếu ở Nam châu Phi).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	
--	--

2. Hoạt động 2. II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX

- **Mục tiêu:** Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 7 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục II SGK, và trả lời câu hỏi:</p> <p>? Nêu một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX. Xác định trên bản đồ vị trí Ăng-g-la, M-dă-bích, Ghi-nê Bít-xao.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>GV: Sự tan rã hệ thống thuộc địa BDN là một thắng lợi quan trọng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>Thắng lợi của phong trào đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha, giành độc lập ở ba nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Ghi-nê Bít-xao vào những năm 1974 – 1975.</p>

3. Hoạt động 3. III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX

- **Mục tiêu:** Biết được nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX. Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Thời gian:** 13 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục III SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi: nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS bằng các câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Từ cuối những năm 70 chủ nghĩa thực dân tồn tại dưới hình thức nào?</p> <p>- GV giải thích: chế độ phân biệt chủng tộc Apac thai: Là chính sách phân biệt chủng tộc cực đoan và tàn bạo của Đảng quốc dân, chính Đảng của thiểu số da trắng cầm quyền ở Nam Phi chủ trương tước đoạt mọi quyền lợi cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội của người da đen. Ban bố hơn 70 đạo luật phân biệt đối xử. Là tội ác chống nhân loại</p> <p><i>Giáo viên:</i> Gọi học sinh chỉ 3 nước trên bản đồ Châu Phi.</p> <p>? Sau nhiều năm đấu tranh bền bỉ người da đen đã giành được thắng lợi gì?</p> <p>? Ý nghĩa của phong trào?</p> <p>? Em có nhận xét gì về hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX?</p> <p>GV: Từ 1945-1990 hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ hoàn toàn.</p> <p>? Sau khi giành được độc lập nhân dân các nước này đã làm gì?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai), tập trung ở 3 nước miền Nam châu Phi là: Rô-đê-di-a, Tây Nam Phi và Cộng hoà Nam Phi.</p> <p>- Sau nhiều năm đấu tranh ngoan cường của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ và người da đen được quyền bầu cử và các quyền tự do dân chủ khác. Cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi ở Rô-đê-di-a năm 1980 (nay là Cộng hoà Dim-ba-bu-ê), ở Tây Nam Phi năm 1990 (nay là Cộng hoà Na-mi-bi-a), đặc biệt ở Cộng hoà Nam Phi – sào huyệt lớn nhất và cuối cùng của chế độ A-pac-thai. N. Man-đê-la được bầu là Tổng thống người da đen đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi năm 1994.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

- Em hãy hoàn thành bảng sau

Các giai đoạn	Khu vực	Nước giành độc lập	Thời gian độc lập	Kết quả
I. Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 TK XX				
II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 TK XX				
III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 TK XX				

Dự kiến sản phẩm

I. Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 TK XX	Đông Nam Á Nam Á Bắc Phi Châu Phi Mĩ La Tinh	-In-đô-nê-xi-a -Việt Nam -Lào -Ấn Độ -Ai Cập -An-giê-ri -17 nước -Cu Ba	-17/8/1945 -2/9/1945 -12/10/1945 -1947 -1952 -1954-1960 -1960 -1/1/1959	Hệ thống thuộc địa của CNDQ căn bản bị sụp đổ
II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 TK XX	Miền nam châu Phi	-Ghi-nê-Bit-xao -Môđambích -Ăng gô la	-9/1974 -6/1975 -11/1975	Thể hiện thắng lợi quan trọng của phong trào GPDT ở châu Phi
III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 TK XX	Miền nam châu Phi	-Dim-ba-buê -Na-mi-bi-a -CH Nam Phi	-1980 -1990 -1993	Hệ thống thuộc địa của CNDQ bị sụp đổ hoàn toàn

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Học sinh biết lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.
? Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh?

Lập bảng niên biểu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc....

Giai	Châu Á	Châu	Mĩ La-tinh
------	--------	------	------------

đoạn		Phi	
?	?	?	?

- **Thời gian:** 4 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

HS trả lời.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ, soạn bài 4: Các nước châu Á. Nắm khái quát tình hình các nước Châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự ra đời của nước CHND Trung Hoa: Các giai đoạn phát triển từ 1949 – 2000.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 5, Bài 4: CÁC NƯỚC CHÂU Á

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Biết được một số nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay).
- Tìm hiểu một số nét chính về cuộc đời và hoạt động của Mao Trạch Đông.
- Xác định vị trí của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau ngày thành lập trên lược đồ.
- Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ ...

3. Thái độ

- Giáo dục tinh thần quốc tế, đoàn kết với các nước, cùng xây dựng xã hội công bằng văn minh.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Biết xác định vị trí của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau ngày thành lập trên lược đồ. Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, bản đồ, clip về các nước Á, Trung Quốc.
- Bản đồ châu Á.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh các nước Á, Trung Quốc.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được tình hình của Trung Quốc qua clip, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV chiếu clip về Trung Quốc. Yêu cầu HS phát biểu suy nghĩ của mình sau khi xem clip.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trả lời.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Châu Á với diện tích rộng lớn và dân số đông nhất thế giới. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, châu Á có nhiều biến đổi sâu sắc, trải qua quá trình đấu tranh lâu dài gian khổ các dân tộc châu Á đã giành được độc lập. Từ đó đến nay các nước đang ra sức củng cố độc lập, phát triển kinh tế xã hội. Ngày nay, một trong những đất nước có sự tốc độ phát triển rất nhanh là Trung Quốc. Trung Quốc đã đạt được những thành tựu lớn trong công việc phát triển kinh tế, xã hội, vị thế của nước ngày càng lớn trên trường quốc tế. Chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung này trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: I. Tình hình chung

- **Mục tiêu:** Biết được tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục I. - Xác định trên lược đồ vị trí của châu Á. - Thảo luận cặp đôi: Hãy nêu những nét nổi bật của châu Á từ sau năm 1945?	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra ở châu Á. Tới cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã giành được độc lập.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở: Giáo viên: Giới thiệu vị trí châu Á trên bản đồ và yêu cầu HS xác định. - Đất rộng, đông dân, tài nguyên phong phú. ? Trước 1945 tình hình châu Á như thế nào?	- Nửa sau thế kỉ XX, tình hình châu Á lại không ổn định bởi đã diễn ra các cuộc chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc, nhất là ở khu vực Đông Nam Á và Trung Đông. Sau Chiến tranh lạnh, lại xảy ra xung đột, li khai, khủng bố ở

<p>- Điều bị các nước TB phương Tây nô dịch, bóc lột (trừ NB và phần lãnh thổ LX thuộc châu Á).</p> <p>? Sau 1945 châu Á có sự thay đổi gì?</p> <p>- Sau 1945 phần lớn đều giành được độc lập, nhiều nước đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế.</p> <p>? Từ nửa sau thế kỷ XX tình hình châu Á như thế nào?</p> <p>- Châu Á không ổn định vì những cuộc CT xâm lược của các nước đế quốc hoặc những cuộc xung đột, tranh chấp biên giới lãnh thổ...</p> <p>GV: Ấn Độ là một trường hợp tiêu biểu với cuộc “CM xanh” trong nông nghiệp, sự phát triển của công nghiệp phần mềm, các ngành CN thép, xe hơi...</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>một số nước như: Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ và Pa-ki-xtan,...</p> <p>- Hiện nay một số nước châu Á đã đạt sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế như Trung Quốc, Hàn quốc, Xin-ga-po... Ấn Độ là một trường hợp tiêu biểu với cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, sự phát triển của công nghiệp phần mềm, các ngành công nghiệp thép, xe hơi,...</p>
---	--

2. Hoạt động 2. II. Trung Quốc

- **Mục tiêu:** Biết được một số nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay). Tìm hiểu một số nét chính về cuộc đời và hoạt động của Mao Trạch Đông. Xác định vị trí của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau ngày thành lập trên lược đồ.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Thời gian:** 20 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1, 4 phần II SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận các câu hỏi:</p> <p>+ Nhóm lẻ: Trình bày một số nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.</p> <p>+ Nhóm chẵn: Trình bày một số nét chính về công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay).</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>GV hướng dẫn học sinh xác định vị trí của TQ trên bản đồ châu Á.</p> <p>Nhóm lẻ:</p> <p>? Nước CHND Trung Hoa ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <p>+ Sau thắng lợi của KC chống Nhật, ở TQ đã diễn ra cuộc</p>	<p>+ 1 – 1 – 1949 nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử đối với đất nước, nhân dân Trung Quốc và thế giới.</p> <p>+ Giai đoạn từ năm 1978 đến nay: tiến hành cải cách - mở cửa.</p> <p>- Tháng 12 - 1978, Trung Quốc đề ra đường lối mới với chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa nhằm xây dựng Trung</p>

<p>nội chiến kéo dài tới 3 năm (1946-1949), giữa Quốc dân đảng-Tướng Giới Thạch (Mĩ giúp đỡ) và ĐCS TQ. + Cuối cùng ĐCS TQ đã thắng lợi. Ngày 1/10/1949.... ? Sự ra đời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có ý nghĩa gì? Giáo viên: Hướng dẫn học sinh khai thác hình 5. Giáo viên kết luận: Nước CHND Trung Hoa. Được thành lập. Đây là một sự kiện có ý nghĩa đối với đất nước, nhân dân TQ và thế giới. + Nhóm thảo luận: ? Nội dung đường lối đổi mới của TQ? Kết quả? - Về thành tựu GV nêu thêm về thành tựu KH-KT: TQ là nước thứ 3 trên thế giới phóng thành công tàu vũ trụ. ? Tình hình đối ngoại của Trung Quốc? - Bình thường hóa với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ ... mở rộng quan hệ hợp tác. - Địa vị Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế. ? Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh. - Sau hơn 20 năm cải cách mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trung bình hằng năm 9,6%, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 15 lần. Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt. - Về đối ngoại, Trung Quốc đã cải thiện quan hệ với nhiều nước, thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (1997) và Ma Cao (1999). Địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.</p>
--	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai và nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay).

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Á là thuộc địa của những nước nào?

- A. Anh, Pháp, Mĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. B. I-ta-li-a, Nhật, Mĩ, Anh, Pháp.
C. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Hà Lan. D. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Tây Ban Nha.

Câu 2. Nét nổi bật của tình hình châu Á từ cuối những năm 50 là

- A. tất cả các quốc gia trong khu vực đều giành được độc lập.
B. các nước tiếp tục chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.
C. phần lớn các quốc gia trong khu vực đã giành được độc lập.

D. các nước tham gia khối phòng thủ chung Đông Nam Á (SEATO).

Câu 3. Bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh" vì

A. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

B. nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến.

C. tất cả các nước châu Á giành được độc lập.

D. có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

Câu 4. Yếu tố nào sau đây quyết định nhất đến sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự suy yếu của các nước thực dân phương Tây.

B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của lực lượng dân tộc.

C. Thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

Câu 5. Để tự túc được lương thực và xuất khẩu gạo, Ấn Độ đã

A. thực hiện biện pháp đẩy mạnh sản xuất ra nhiều máy móc hiện đại.

B. áp dụng các kĩ thuật canh tác mới trong nông nghiệp.

C. tiến hành cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

D. thực hiện lai tạo nhiều giống lúa mới có năng suất cao.

Câu 6. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949) đánh dấu Trung Quốc đã

A. hoàn thành công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. chuẩn bị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 7. Đường lối đổi mới trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc có đặc điểm gì?

A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.

D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 8. Từ sau 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với trước?

A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dân.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 9. Sau 20 năm cải cách mở cửa (1979 - 1998) nền kinh tế Trung Quốc

A. ổn định và phát triển mạnh.

B. phát triển nhanh chóng.

C. không ổn định và bị chững lại.

D. bị cạnh tranh gay gắt.

- Dự kiến sản phẩm:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	8
ĐA	A	C	A	B	C	D	B	D	D

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

?1 Tại sao cách mạng Trung Quốc thành công (10–1949) có tác động lớn đến cách mạng Việt Nam?

? 2. Từ thắng lợi của công cuộc cải cách ở Trung Quốc và thất bại của công cuộc cải tổ ở Liên Xô Đảng ta đã rút ra những bài học kinh nghiệm gì cho đất nước ta?

? 3 Tại sao có ý kiến cho rằng “thế kỉ XXI là thế kỉ của châu Á”?

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

1. Với diện tích bằng $\frac{1}{4}$ diện tích châu Á và chiếm $\frac{1}{4}$ dân số toàn thế giới, thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc có tác động to lớn đến Cách mạng thế giới, mà trước hết là tăng cường lực lượng cho phe chủ nghĩa xã hội và động viên cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới, đặc biệt là các nước Á, Phi, Mỹ Latinh.

Việc Trung Quốc thu được nhiều thắng lợi từ sau cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ (1946 – 1949) đã để lại nhiều bài học cho Cách mạng các nước, đặc biệt là Việt Nam, một nước gần Trung Quốc, đang tiến hành cải cách và đổi mới đất nước.

2 Những bài học kinh nghiệm

- Cải cách, đổi mới phải kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội, làm cho mục tiêu đó có hiệu quả hơn bằng những bước đi, biện pháp đúng đắn, thích hợp...

- Đảm bảo quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm vững nguyên lí chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; lấy dân làm gốc...

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị phải thận trọng...

3 “thế kỉ XXI là thế kỉ của châu Á”

- Đây là một lục địa rộng nhất thế giới, Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), các nước châu Á đều chịu sự lệ thuộc vào các nước Đế quốc, Thực dân.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), phần lớn các nước ở đều giành độc lập như Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia, Việt Nam ...

- Tuy nhiên, một số nước ở châu Á cũng đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về kinh tế như Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xingapo...

- Hiện nay, Nhật Bản là một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới.

- Ấn Độ đang cố gắng vươn lên hàng các cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ.

- Trung Quốc, một cường quốc thuộc Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, có tiếng nói ngày càng có giá trị trên trường quốc tế Sin-ga-bo... Qua sự phát triển nhanh chóng đó, một số người dự đoán rằng “Thế kỉ XX là thế kỉ của châu Á”.

* GV giao nhiệm vụ cho HS: Học bài cũ, soạn bài 5 theo hệ thống câu hỏi sgk

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 6 , Bài 5: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.
- Hiểu được hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN và biết được mục tiêu hoạt động của tổ chức này.
- Trình bày được quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ khi thành lập đến nay.
- Nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.
- Xác định vị trí các nước Đông Nam Á trên lược đồ.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng tư duy lô gic, xây chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử.
- Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

3. Thái độ

- Giáo dục niềm tự hào về các thành tựu đạt được của nhân dân Đông Nam Á, củng cố khối đoàn kết trong khu vực.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Biết xác định vị trí của nước ASEAN trên lược đồ. Nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ chính trị thế giới từ sau CTTG2 đến năm 1989
- Tranh ảnh, clips về các nước Đông Nam Á.
- Bản đồ châu Á.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh các nước Đông Nam Á.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được tình hình của Đông nam Á qua clip, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV chiếu clip về Đông Nam Á. Yêu cầu HS phát biểu suy nghĩ của mình sau khi xem clip.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trả lời.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Chiến tranh thế giới thứ 2 đã tạo cơ hội để nhiều nước trong khu vực ĐNA giành độc lập và phát triển kinh tế, bộ mặt các nước trong khu vực có nhiều thay đổi. Nhiều nước đã trở thành con rồng châu Á. Để hiểu rõ hơn về tình hình phát triển của Đông Nam Á sau 1945 đến nay chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945

- **Mục tiêu:** Biết được tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của các nước Đông Nam Á. - Thảo luận cặp đôi: Hãy trình bày tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>Giáo viên: Giới thiệu về bản đồ Đông Nam Á</p> <p>? Đông Nam Á bao gồm bao nhiêu nước? Là những nước nào? (11 nước).</p> <p>? Tình hình Đông Nam Á trước 1945?</p> <p>? Sau 1945 tình hình Đông Nam Á ra sao?</p> <p>Học sinh: Lập niên biểu các nước Đông Nam Á (STT, tên nước, ngày độc lập, ...)</p> <p>? Sau khi một số nước giành độc lập, tình hình khu vực này ra sao?</p> <p>? Trước phong trào đấu tranh của nhân dân, Mỹ, Anh đã phải độc lập?</p> <p>? Từ giữa những năm 1950 của thế kỷ XX đường lối đối ngoại của Đông Nam Á có gì thay đổi?</p> <p>Giáo viên: SEATO gồm 8 nước, Pilíppin và Thái Lan tham gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - In-đô-nê-xi-a và Miến Điện thi hành chính sách trung lập. ? Mỹ thành lập khối SEATO nhằm mục đích gì? (nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của CNXH và phong trào GPDT đối với ĐNA) <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trước năm 1945, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của thực dân phương Tây (trừ Thái Lan). - Sau năm 1945, tình hình Đông Nam Á diễn ra phức tạp và căng thẳng: + Nhiều nước Đông Nam Á đã nổi dậy giành chính quyền như ở In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào từ tháng 8 đến tháng 10 1945. Sau đó, đến giữa những năm 50 thế kỷ XX, hầu hết các nước trong khu vực đã giành được độc lập. + Từ năm 1950, tình hình Đông Nam Á trở nên căng thẳng, chủ yếu do sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Mỹ thành lập khối quân sự SEATO (1954) nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc đối với Đông

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	Nam Á. Mĩ đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam kéo dài tới 20 năm (1954 - 1975).
--	---

2. Hoạt động 2. Sự ra đời của tổ chức ASEAN

- **Mục tiêu:** Hiểu được hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN và biết được mục tiêu hoạt động của tổ chức này. Xác định vị trí các nước Đông Nam Á trên lược đồ.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 2 SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận các câu hỏi: + Nhóm lẻ: Hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN. + Nhóm chẵn: Mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. ? Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh nào? (Do yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội) ? Mục tiêu hoạt động của ASEAN là gì? ? Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ ASEAN là gì? ? Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN như thế nào? GV: Trụ sở của ASEAN (ban thư kí) đặt tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a) Trong thời kì đầu mới thành lập ASEAN có 2 văn kiện quan trọng là: 1. "Tuyên bố Băng Cốc" (8/1967) xác định mục tiêu của ASEAN là tiến hành sự hợp tác kinh tế và văn hoá giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực. 2. "Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á" Hiệp ước Ba-li (2/1976) đã xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên. - Từ đầu những năm 80 thế kỉ XX, do "vấn đề Cam-pu-chia" quan hệ giữa các nước ASEAN và ba nước Đông Dương lại trở nên căng thẳng, đối đầu nhau. Cũng trong thời gian này, nền kinh tế các nước ASEAN đã có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt được sự tăng trưởng cao như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,... Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	+ Hoàn cảnh ra đời: - Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển đất nước và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực. - Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po. + Mục tiêu: Tiến hành sự hợp tác kinh tế và văn hoá giữa các nước

<p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.</p>
--	---

3. Hoạt động 3.3. Từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10"

- **Mục tiêu:** Trình bày được quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ khi thành lập đến nay. Nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 10 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2 SGK và trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Tổ chức ASEAN đã phát triển như thế nào?</p> <p>? Hoạt động chủ yếu của ASEAN là gì?</p> <p>? Những hoạt động của ASEAN trong thập kỷ 90 có những nét gì mới?</p> <p>? Quan sát hình 11. <i>Hội nghị cấp cao ASEAN VI họp tại Hà Nội</i> SGK và nêu nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức này.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Giáo viên: Hướng dẫn học sinh xem Hình 11 → Thể hiện sự hợp tác hữu nghị, giúp đỡ nhau cùng phát triển.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Sau Chiến tranh lạnh, Đông Nam Á đã được cải thiện rõ rệt. Lần lượt các nước đã gia nhập ASEAN: Việt Nam vào năm 1995, Lào và Mi-an-ma – năm 1997, Cam-pu-chia – năm 1999.</p> <p>- Với 10 nước thành viên, ASEAN trở thành một tổ chức khu vực ngày càng có uy tín với những hợp tác kinh tế (AFTA, 1992) và hợp tác an ninh (Diễn đàn khu vực ARF, 1994). Nhiều nước ngoài khu vực đã tham gia hai tổ chức trên như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ,...</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức là tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945; hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN và biết được mục tiêu hoạt động của tổ chức này; quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ khi thành lập đến nay.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Lập niên biểu những sự kiện chính về tổ chức ASEAN.

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Sự kiện</i>
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		

Dự kiến sản phẩm

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Sự kiện</i>
1	8/8/1967	ASEAN được thành lập tại Băng cốc gồm có 5 nước: Thái Lan, In đô, Mã lai, Xinh ga po, philippin
2	1/1984	Kết nạp Bru này
3	1992	Việt Nam kí hiệp ước Ba li, trở thành quan sát viên
4	7/1995	Kết nạp VN
5	1997	Kết nạp Lào và Mi an ma
6	1999	Kết nạp Cam pu chia
7	1992	Thành lập Khu mậu dịch tự do(AFTA)
8	1994	Thành lập diễn đàn khu vực ARP

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

1/ Tại sao nói từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực ĐNÁ.

2/ Quan hệ Việt Nam và các nước ASEAN hiện nay?

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

1/ Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á là vì:

Từ đầu những năm 90, tình hình chính trị của khu vực có nhiều cải thiện rõ rệt, xu hướng mới là mở rộng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. Đến tháng 4- 1999, 10 nước ĐNÁ đều là thành viên của tổ chức ASEAN. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử khu vực, 10 nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất.

Trên cơ sở đó, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, quyết định biến Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do (AFTA), lập diễn đàn khu vực(ARF) nhằm tạo một môi trường hoà bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của ĐNÁ.

Như vậy, một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á.

2/ Quan hệ Việt Nam – ASEAN

Quan hệ Việt Nam – ASEAN diễn ra phức tạp, có lúc hòa dịu, có lúc căng thẳng tùy theo sự biến động của quốc tế và khu vực, nhất là tình hình phức tạp ở Cam-pu-chia.

Từ cuối những năm 1980 của thế kỉ XX, ASEAN đã chuyển từ chính sách “đôi đầu” sang “đôi thoại”, hợp tác với ba nước Đông Dương. Từ khi vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại “Muốn là bạn với tất cả các nước”, quan hệ Việt Nam – ASEAN được cải thiện.

Tháng 7/1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước Ba-li, đánh dấu một bước mới trong quan hệ Việt Nam – ASEAN và quan hệ khu vực.

Ngày 28/7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN, mối quan hệ Việt Nam và các nước trong khu vực là mối quan hệ trên tất cả các mặt, các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, khoa học, kĩ thuật... và nó ngày càng được đẩy mạnh.

* GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ, soạn bài 6: Các nước Châu Phi. Nắm khái quát tình hình các nước Châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Suy tầm những tranh ảnh, tư liệu về Châu Phi.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 7, Bài 6: CÁC NƯỚC CHÂU PHI

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét chính tình hình chung ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai).
- Quan sát hình 13. Nen-xon Man-đê-la và tìm hiểu thêm về cuộc đời và hoạt động của ông.
- Xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kĩ năng tư duy lô gic, xâu chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử. biết khai thác tư liệu tranh ảnh.
- Kĩ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ, ủng hộ nhân dân Châu Phi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Biết xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ chính trị thế giới
- Tranh ảnh về các nước Châu Phi
- Bản đồ châu Phi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh các nước Châu Phi.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được tình hình của Châu Phi qua clip, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV chiếu clip về các nước châu Phi. Yêu cầu HS phát biểu suy nghĩ của mình sau khi xem clip.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trả lời.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Châu Phi là châu lục rộng lớn, dân số đông, sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào đấu tranh chống CNTD giành độc lập của các nước châu Phi đã diễn ra sôi nổi rộng khắp. Đến nay hầu hết các nước châu Phi đều đã giành được độc lập nhưng trên con đường phát triển các nước châu Phi còn gặp nhiều khó khăn, vấn đề chủ yếu của các nước hiện nay là chống đói nghèo lạc hậu. Để hiểu rõ hơn về tình hình phát triển của châu Phi sau 1945 đến nay chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Tình hình chung

- **Mục tiêu:** Biết được nét chính tình hình chung ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của các nước Châu Phi.	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải

<p>- Thảo luận cặp đôi: Hãy trình bày tình hình chung của các nước châu Phi sau năm 1945.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>Giáo viên: Giới thiệu về bản đồ châu Phi.</p> <p>- Châu Phi đứng thứ 3 thế giới về diện tích, đứng thứ 4 thế giới về dân số.</p> <p>- Có tài nguyên phong phú.</p> <p>Giáo viên: Trước chiến tranh hầu hết các nước châu Phi đều là thuộc địa của đế quốc thực dân.</p> <p>? Những nét nổi bật về tình hình châu Phi từ sau CTTG thứ hai là gì?</p> <p>? Tại sao phong trào nổ ra sớm nhất lại ở Bắc Phi? (Nơi có trình độ phát triển cao hơn các vùng khác).</p> <p>? Em hãy nêu những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân châu Phi?</p> <p>HS: Quan sát Hình 12 - Xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập?</p> <p>? Em có nhận xét gì về hệ thống thuộc địa của đế quốc ở châu Phi? (Hệ thống thuộc địa lần lượt tan rã, ra đời các quốc gia độc lập).</p> <p>GV: Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi tiến hành công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế-xã hội và thu được nhiều thành tích.</p> <p>? Nguyên nhân tình hình châu Phi ngày càng khó khăn và không ổn định ?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>phóng dân tộc đã diễn ra sôi nổi ở châu Phi. Năm 1960 "Năm châu Phi", với 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.</p> <p>- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước và đã thu được nhiều thành tích. Tuy nhiên, nhiều nước châu Phi vẫn trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, thậm chí lại diễn ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu.</p> <p>- Châu Phi đã thành lập nhiều tổ chức khu vực để các nước giúp đỡ, hợp tác cùng nhau, lớn nhất là Tổ chức thống nhất châu Phi – nay là Liên minh châu Phi (viết tắt là AU).</p>
--	---

2. Hoạt động 2. 2. Cộng hoà Nam Phi

- **Mục tiêu:** Trình bày được kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai). Quan sát hình 13. Nen-xon Man-đê-la và tìm hiểu thêm về cuộc đời và hoạt động của ông.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.
- **Thời gian:** 15 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2 SGK.</p>	<p>- Chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-</p>

<p>- Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận: Kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai). Quan sát hình 13. Nen-xon Man-đê-la và tìm hiểu thêm về cuộc đời và hoạt động của ông.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>Giáo viên: Giới thiệu vị trí và một số nét của Nam Phi trên lược đồ.</p> <p>GV: Trước CTTG thứ hai, Liên bang Nam Phi nằm trong khối Liên hiệp Anh. Năm 1961, Liên bang Nam Phi rút khỏi khối Liên hiệp Anh và tuyên bố là nước Cộng hoà Nam Phi.</p> <p>GV: Kéo dài hơn 3 thế kỉ (kể từ năm 1662, khi người Hà Lan tới đây), chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai) đã thống trị cực kì tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi.</p> <p>Giáo viên: Kể tên một số đạo luật.</p> <p>? Trước những đạo luật đó người da đen và da màu phải sống ra sao?</p> <p>? Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi diễn ra như thế nào, kết quả? (Người da đen đã ngoan cường và bền bỉ đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc. Dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC), người da đen đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ).</p> <p>? Sau khi giành được tự do nhân dân Nam Phi đã làm gì?</p> <p>? Việc Nen-xon-man-đê-la trúng cử Tổng thống có ý nghĩa gì?</p> <p>? Chính quyền mới của Nam Phi đã làm gì để xây dựng đất nước?</p> <p>? Việc đưa ra chiến lược này nhằm mục đích gì? Kết quả?</p> <p>? Men-xon-man-đê-la có vai trò như thế nào trong phong trào chống chế độ Apácthai? (Ông là nhà hoạt động chính trị, là lãnh tụ của ANC, là anh hùng chống chế độ phân biệt chủng tộc).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>thai) đã thống trị cực kì tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi hơn 3 thế kỉ.</p> <p>- Dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC), người da đen đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ.</p> <p>- Năm 1994, cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên được tiến hành và Nen-xon Man-đê-la - lãnh tụ ANC được bầu và trở thành vị Tổng thống người da đen đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.</p> <p>- Nam Phi đang tập trung sức phát triển kinh tế và xã hội nhằm xoá bỏ "chế độ A-pac-thai" về kinh tế.</p>
---	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức là tình hình chung của các nước châu Phi.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi đã đạt được những thắng lợi nào có ý nghĩa lịch sử to lớn?

Câu 2. Hiện nay các nước châu Phi đang gặp những khó khăn gì trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội đất nước?

- Dự kiến sản phẩm

Câu 1

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Nam Phi dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC) đã bền bỉ tiến hành cuộc đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc. Thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi.

+ Kết quả: buộc chính quyền của người da trắng phải tuyên bố xoá bỏ chế độ Apartheid năm 1993. Nen-xon Man-đê la - lãnh tụ của ANC đã được thả tự do và được bầu làm Tổng thống người da đen đầu tiên trong lịch sử nước Cộng hoà Nam Phi. Chế độ phân biệt chủng tộc vĩnh viễn bị xoá bỏ.

+ Sau khi chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ, nhân dân Nam Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 2

+ Xung đột, nội chiến, đói nghèo, nợ nần chồng chất và bệnh tật (từ năm 1987 đến năm 1997 có tới 14 cuộc xung đột và nội chiến ở Run-an-đa có tới 800 nghìn người chết và 1,2 triệu người phải lang thang, chiếm 1/10 dân số).

+ Hiện nay châu Phi có 57 quốc gia, nhưng 32 nước xếp vào nhóm nghèo nhất thế giới, 2/3 dân số châu Phi không đủ ăn, 1/4 dân số đói kinh niên (150 triệu người).

+ Tỷ lệ tăng dân số cao nhất thế giới.

+ Tỷ lệ người mù chữ cao nhất thế giới.

+ Đầu thập kỉ 90, châu Phi nợ chồng chất: 300 tỉ USD.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhận xét về tình hình châu Phi hiện nay.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

- **Thời gian:** 5 phút.

* GV giao nhiệm vụ cho HS

? Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc (Apartheid) của nhân dân Nam Phi có điểm gì giống và khác so với cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)?

Dự kiến sản phẩm

Điểm giống nhau: Cả hai cuộc đấu tranh đều diễn ra để đòi lại quyền tự do, dân chủ, quyền con người.

Điểm khác nhau:

- Cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi là cuộc đấu tranh thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid của chính quyền thực dân da trắng.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và thực dân Pháp

+ Học bài cũ, soạn bài 8: Các nước Mỹ La Tinh. Nắm khái quát tình hình các nước Mỹ La Tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Suru tầm những tranh ảnh, tư liệu về Mỹ La Tinh.

● .

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 8, Bài 7: CÁC NƯỚC MỸ LA TINH

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét chính tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Trình bày được nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng CNXH ở nước này.

- Quan sát lược đồ 14. Khu vực Mỹ La-tinh sau năm 1945 SGK xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.

- Quan sát hình 15 SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng tư duy lô gic, xâu chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử. biết khai thác tư liệu tranh ảnh.

- Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

- Quan sát lược đồ 14. Khu vực Mỹ La-tinh sau năm 1945 SGK xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.

- Quan sát hình 15 SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.

3. Thái độ

- Thấy được tinh thần đấu tranh kiên cường của nhân dân Cu Ba và những thành tựu về mọi mặt của nhân dân Cu ba.

- Thắt chặt hơn nữa tinh thần đoàn kết hữu nghị, tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa VN và Cu Ba.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Biết xác định trên lược đồ khu vực Mĩ La-tinh sau năm 1945 và xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này. Tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh về các nước MLT.
- Bản đồ châu Mĩ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suru tâm tư liệu, tranh ảnh các nước MLT.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được tình hình của MLT qua clip, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV chiếu clip về các nước MLT. Yêu cầu HS phát biểu suy nghĩ của mình sau khi xem clip.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trả lời.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Mĩ La tinh là khu vực rộng lớn, trên 20 triệu km² (1/7 diện tích thế giới) gồm 23 nước cộng hoà (từ Mê-xi-cô đến cực nam của châu Mĩ), tài nguyên phong phú. Từ sau 1945 không ngừng đấu tranh để củng cố độc lập chủ quyền, phát triển kinh tế nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc Mĩ. Trong cuộc đấu tranh đó nổi bật lên là tấm gương Cu-ba, điển hình của phong trào cách mạng kv Mĩ-La tinh. Để hiểu rõ hơn về tình hình phát triển của MLT sau 1945 đến nay chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Những nét chung

- **Mục tiêu:** - Biết được nét chính tình hình chung của các nước Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xác định trên lược đồ khu vực Mĩ La-tinh sau năm 1945 và xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của các nước MLT.	- Đầu thế kỉ XIX, MLT trở thành "sân sau" của đế quốc Mĩ.

- Thảo luận cặp đôi: Hãy trình bày tình hình chung của các nước MLT sau năm 1945.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:

Giáo viên: Giới thiệu về bản đồ châu Mỹ.

? Sau CT2 tình hình cách mạng MLT phát triển ntn? (*Từ sau CT2, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc nổ ra nhiều nơi với mục tiêu là thành lập chính phủ dt,dc và tiến hành các cải cách tiến bộ, nâng cao đ/s của nd. Tiêu biểu là cuộc cm nd Cu Ba đầu năm 1959...*)

? Hãy nêu một số phong trào đấu tranh tiêu biểu? (*Bãi công ở Chilê; Cuộc nổi dậy nhân dân Méhicô, Pêru; Khởi nghĩa vũ trang Panama; Đấu tranh nghị viện thông qua tổng tuyển cử Achentina, Goatêmalat; Cách mạng Cuba*)

? Em có nhận xét gì về những cuộc đấu tranh này? (*Diễn ra dưới nhiều hình thức, sôi nổi mạnh mẽ trở thành một làn sóng rộng khắp, với nhiều nước => Lục địa núi lửa: Bôlivia, Vênuêxuêla, Côlômbia, Pêru, Nicaragua, Enxanvađo trong đó tiêu biểu là Chilê và Nicaragua*).

? Tại sao nói phong trào đấu tranh CMLT lại trở thành Đại lục núi lửa? (*Phong trào đấu tranh làm thành cơn bão táp làm thay đổi cục diện chính trị nhiều nước, làm cho nhân dân tỉnh ngộ ý thức tinh thần dân tộc, làm cho phong trào đấu tranh ngày càng mạnh mẽ lan rộng ra nhiều nước và nó trở thành một làn sóng nhấn chìm mọi âm mưu đen tối của Mỹ*).

Quan sát lược đồ 14. *Khu vực Mỹ La-tinh sau năm 1945* SGK xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.

? Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của các nước Mỹ La tinh diễn ra ntn?

GV: Nhưng đến những năm 90 lại rơi vào tình trạng không ổn định như: kinh tế suy giảm, chính trị bất ổn định thậm chí có lúc căng thẳng.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cao trào đấu tranh đã diễn ra ở nhiều nước Mỹ La-tinh.

- Các nước Mỹ La-tinh đã thu được nhiều thành tựu trong công cuộc củng cố độc lập dân tộc, dân chủ hoá đời sống chính trị, tiến hành các cải cách dân chủ...

- Tuy nhiên, ở một số nước có lúc đã gặp phải những khó khăn như: tăng trưởng kinh tế chậm lại, tình hình chính trị không ổn định do sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái...

2. Hoạt động 2. 2. Cu-ba

- **Mục tiêu:** Trình bày được nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng CNXH ở nước này. Quan sát hình 15 SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2 SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận: Trình bày nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng CNXH ở nước này. Quan sát hình 15 SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở:</p> <p>Giáo viên: Giới thiệu vị trí và một số nét của Cu ba trên lược đồ.</p> <p>? Cuộc cách mạng Cu-ba diễn ra như thế nào? Kết quả ra sao?</p> <p>? Về công cuộc xây dựng đất nước ở Cu-ba?</p> <p>? Ý nghĩa của việc Cách mạng Cu Ba thành công và tiến lên chủ nghĩa xã hội?(Làm thất bại âm mưu của Mĩ muốn thống trị Cu Ba; Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào GPDT ở MLT).</p> <p>- Quan sát hình 15 SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.</p> <p>GV cung cấp thêm về tình hình Cu ba gặp khó khăn khi Mĩ bao vây cấm vận.</p> <p>GV liên hệ về quan hệ VN Cu Ba. Câu nói của Phi đen “Vì Việt Nam...”</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Ngày 1 - 1 - 1959, cuộc cách mạng nhân dân giành được thắng lợi.</p> <p>- Chính phủ cách mạng tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để: cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng các cấp và thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục, y tế... Bộ mặt đất nước Cu-ba thay đổi căn bản và sâu sắc.</p> <p>- Trong nửa thế kỉ qua, nhân dân Cu-ba vượt qua những khó khăn do chính sách phá hoại, bao vây, cấm vận về kinh tế của Mĩ Cu-ba vẫn đứng vững và tiếp tục đạt được những thành tích mới.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức là tình hình chung của các nước MLT và Cu ba.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Em hãy hoàn thành bảng so sánh giữa các phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và phong trào đấu tranh của nhân dân khu vực Mỹ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Nội dung so sánh	châu Á	châu Phi	Khu vực Mỹ La-tinh
Đối tượng đấu tranh			
Mục tiêu đấu tranh			
Phương pháp đấu tranh			
Kết quả			

Dự kiến sản phẩm

Nội dung so sánh	châu Á	châu Phi	Khu vực Mỹ La-tinh
Đối tượng đấu tranh	Tầng lớp nhân dân	Chống chủ nghĩa thực dân cũ	Chống thực dân kiểu mới
Mục tiêu đấu tranh	Lật đổ sự bóc lột và nô dịch của các nước đế quốc thực dân	Đấu tranh giành độc lập	Đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ
Phương pháp đấu tranh	đấu tranh vũ trang	Đấu tranh chính trị hợp pháp và thương lượng	Nhiều hình thức đấu tranh phong phú (bãi công, nổi dậy, đấu tranh vũ trang).
Kết quả	Một số nước đã giành độc lập, phát triển đất nước: Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a...	Năm 1960, 17 nước châu phi lần lượt giành độc lập. hệ thống thuộc địa các nước nước đế quốc tan rã....	Chính quyền độc tài nhiều nước bị lật đổ, chính phủ dân tộc, dân chủ được thiết lập.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm mở rộng kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn về các nước MLT và Cu ba hiện nay.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Câu 1. Vì sao gọi Mỹ la tinh là lục địa bùng cháy?

Câu 2: Vì sao nói Cuba là hòn đảo anh hùng?

Câu 3: Tìm hiểu về tình hữu nghị VN- Cu ba.

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

Câu 1 - Sau CTTG II MLT được gọi là “lục địa bùng cháy” hay còn gọi là lục địa núi lửa bởi tuy trước CT các nước này đều là các nước độc lập nhưng lệ thuộc vào Mỹ nhưng sau CT thì phong trào đấu tranh nổ ra mạnh mẽ mà mở đầu là thắng lợi của CM CUBA (1959). Từ đây, một cao trào đấu tranh đã phát triển mạnh mẽ, đấu tranh vũ trang nổ ra ở nhiều nơi như Bô-li-vi-a, Vê-nê-xu-e-la, co-lom-bi-a,... Các chính phủ DTDC thành lập...

=> MLT trở thành đại lục núi lửa.

Câu 2. Cu ba là hòn đảo anh hùng

+ Trong đấu tranh: CM Cu ba... -> lá cờ đầu trong PTGPDT...

+ Trong xây dựng, bảo vệ đất nước: Sau thắng lợi CM->tiến hành cải cách -> thành tựu... Mĩ bao vây, cấm vận -> khó khăn nhưng vẫn đứng vững....-> Vì vậy...

Câu 3. Tình hữu nghị Việt Nam - CuBa

Trong thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc có chung kẻ thù. Sau khi giành độc lập; cùng mục tiêu và lí tưởng xây dựng chế độ XHCN; cùng chung sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Việt Nam và Cu Ba đã có nhiều sự ủng hộ giúp đỡ nhau trong công cuộc chống kẻ thù chung, Phi đen từng nói: "Vì Việt Nam, Cu Ba sẵn sàng hiến cả máu của mình". Ngày nay, quan hệ hai nước ngày càng bền chặt, thắm thiết tình anh em...

* GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Ôn tập lại các nội dung từ bài 1 đến bài 7, tiết sau kiểm tra 1 tiết.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 9: KIỂM TRA VIẾT MỘT TIẾT

I/ Mục tiêu kiểm tra:

1 Kiến thức:

- Biết được tình hình Liên Xô từ năm 1945 đến những năm 70 của thế kỷ XX
- Hiểu được những biến đổi của các nước Á, Phi, Mĩ la tinh từ sau 1945 đến nay.
- Lí giải vai trò của Liên Xô từ năm 1945 đến những năm 70 của thế kỷ XX

- Chứng minh được sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước ở Á, Phi, Mỹ la tinh từ sau 1945 đến nay.
- So sánh được phong trào giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước ở Á, Phi, Mỹ la tinh từ sau 1945 đến nay.
- Nhận xét, đánh giá về phong trào giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước ở Á, Phi, Mỹ la tinh từ sau 1945 đến nay.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ghi nhớ, tái hiện kiến thức lịch sử, viết bài phân tích so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ:

- Tích cực tự giác và sáng tạo trong làm bài kiểm tra.
- Nâng cao nhận thức và tự hào về những thành tựu mà Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thành tựu trong phong trào giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh.

4. Năng lực:

- Tự học, tư duy, giải quyết vấn đề, thực hành bộ môn, xác định mối quan hệ, phân tích, vận dụng và liên hệ.

II/ Hình thức kiểm tra:

- Trắc nghiệm khách quan và tự luận

III/ Ma trận:

Tên chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		Tổng
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chủ đề 1 Liên Xô và các nước Đông Âu(3t)	Biết được tình hình Liên Xô từ năm 1945-1970		Lí giải vai trò của Liên Xô từ năm 1945-1970						
<i>Số câu</i>	8		4						12
<i>Số điểm</i>	2		1						3
Chủ đề 2 Các nước Á, Phi, Mỹ la tinh từ năm 1945 đến nay(5t)			Hiểu được những biến đổi của các nước Á, Phi, Mỹ latin từ sau 1945 đến nay.		- Chứng minh được sự thắng lợi của pthgd và công cuộc xây dựng đất nước ở Á, Phi, Mỹ latin		Nhận xét, đánh giá được pthgd và công cuộc xây dựng đất nước ở Á, Phi, Mỹ latin từ		

					từ sau 1945 đến nay. - So sánh được ptgpdđt và công cuộc xây dựng đất nước ở Á, Phi, Mĩ la tinh từ sau 1945 đến nay.		sau 1945 đến nay.		
Số câu Số điểm Tỉ			4 1	1 1	4 1	1/2 2		1/2 2	10 7
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	8 2 20%		4+1 3 30%		Số câu: 4+1/2 Số điểm: 3 30%		số câu: 1/2 số điểm: 2 20%		Số câu: 20+3 Số điểm: 10

IV/ Câu hỏi:

Đề 1

Phần I Trắc nghiệm: Em hãy khoanh tròn ý đúng nhất (5 điểm)

Câu 1. Hậu quả nặng nề nhất mà Liên Xô phải gánh chịu do cuộc chiến tranh thế giới thứ 2?

- a. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá. b. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy.
c. Hơn 1710 thành phố bị đổ nát. d. Hơn 27 triệu người chết.

Câu 2. Yếu tố cơ bản nào để Liên Xô xây dựng lại đất nước?

- Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.
- Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.
- Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, lao động quên mình.
- Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

Câu 3. Thành tựu KHKT nào sau đây không phải của Liên Xô.

- Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
- Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất.
- Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.
- Năm 1969 đưa người lên mặt trăng

Câu 4. Từ những năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp?

- a. là cường quốc công nghiệp đứng đầu thế giới. 26
b. là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.
c. là cường quốc công nghiệp đứng thứ ba thế giới.
d. cường quốc công nghiệp đứng thứ tư thế giới.

Câu 5: Ai là nhà du hành vũ trụ đầu tiên bay vòng quanh trái đất ?

- a.Amstrong b.Gagarin c.Titop d.Phạm Tuân

Câu 6. Phương hướng chính của Liên Xô trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH là

- a. ưu tiên phát triển nền công nghiệp nhẹ. b. ưu tiên phát triển nền công nghiệp truyền thống.
c. ưu tiên phát triển kinh tế công-nông- thương nghiệp. d. ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 7. Nội dung nào sau đây thể hiện đường lối ngoại giao của Liên Xô trong những năm 1950 - 1970.

- a. Duy trì hòa bình với các nước lớn. b. Đặt quan hệ ngoại giao với các nước XHCN
- c. Tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.
- d. Duy trì hòa bình, quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.

Câu 8. Sự kiện nào chứng tỏ Liên Xô là nước đầu tiên mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ?

- a. Phóng con tàu Phương Đông có người lái bay vòng quanh Trái Đất

- b. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
 c. Chế tạo thành công bom nguyên tử
 d. Đưa người lên mặt trăng.

Câu 9: Trong lĩnh vực công nghiệp thành tựu nào sau đây của Liên Xô có ý nghĩa nhất?

- a. Năm 1950, Liên Xô sản xuất 27,3 triệu tấn thép, đến năm 1970 sản xuất được 115,9 triệu tấn.
 b. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.
 c. Từ năm 1951 đến 1975, mức tăng trưởng công nghiệp của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%.
 d. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Câu 10: Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa gì

- a. Phá vỡ thế độc quyền về vũ khí hạt nhân của Mỹ.
 b. Khẳng định sức mạnh về quân sự của Liên Xô.
 c. Khẳng định sức mạnh về kinh tế.
 d. Khẳng định sức mạnh vũ khí hạt nhân.

Câu 11: Liên xô có vai trò như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

- a. Giúp duy trì hòa bình thế giới
 b. Giữ gìn mối quan hệ hữu nghị với tất cả các nước
 c. Là chỗ dựa vững chắc của hòa bình và cách mạng thế giới
 d. Tích cực ủng hộ chống chủ nghĩa thực dân

Câu 12: Đóng góp lớn nhất của Liên Xô trong tổ chức hội đồng tương trợ SEV

- a. Là nước sáng lập tổ chức
 b. Liên xô cho các nước thành viên vay với lãi suất thấp
 c. Viện trợ không hoàn lại
 d. Liên xô cho các nước thành viên vay với lãi suất thấp và viện trợ không hoàn lại.

Câu 13: Tại sao năm 1960 được gọi là năm châu Phi:

- a. 17 nước Châu Phi giành độc lập.
 b. Chủ nghĩa thực dân hoàn toàn sụp đổ.
 c. Chế độ phân biệt chủng tộc A pác thai bị xóa bỏ
 d. Nen xon Man de la được bầu làm tổng thống da đen đầu tiên ở châu Phi.

Câu 14: Tại sao Cuba được mệnh danh là hòn đảo anh hùng

- a. Lật đổ ách thống trị của Đế quốc Mỹ.
 b. Đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH ở khu vực Mỹ la tinh.
 c. Lật đổ chế độ độc tài Batista.
 d. Là nước đầu tiên ở khu vực Mỹ latin giành độc lập.

Câu 15: Yếu tố nào không phải là nguyên nhân dẫn đến thành lập tổ chức ASEAN?

- a. Hợp tác giữa các nước để cùng nhau phát triển.
 b. Có chung mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
 c. Hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.
 d. Đáp ứng xu thế liên minh, liên kết trên thế giới

Câu 16: Tại sao nói “thế kỷ 21 là thế kỷ của châu Á” :

- a. Các nước Châu Á lần lượt giành độc lập
 b. Các nước Châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới
 c. Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các liên minh, liên kết khu vực.
 d. Nhiều nước Châu Á có sự phát triển nhanh về kinh tế.

Câu 17: Nét khác biệt cơ bản về hình thức đấu tranh trong PTGPDT của Mỹ latin với châu Phi?

- A Đấu tranh chính trị.
 B Đấu tranh vũ trang
 C Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang
 D Đấu tranh hòa bình.

Câu 18: Đánh giá nào sau đây khẳng định vai trò của Nen- xon- man- de- la:

- a. Là chiến sỹ nổi tiếng chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân
 b. Là lãnh tụ của phong trào gpdt ở Angiery
 c. Là lãnh tụ của phong trào gpdt ở Ănggola
 d. Lãnh đạo nhân dân nam Phi xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc A pác thai

Câu 19: Nhận xét nào sau đây không đúng với thực trạng của Châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ II.

- a. Đạt được sự tăng trưởng nhanh về kinh tế.
 b. Nằm trong tình trạng đói nghèo lạc hậu
 c. Nợ nước ngoài nhiều nhất
 d. Có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất

Câu 20: Khẳng định nào sau đây đúng với tình hình Đông Nam Á từ những năm 90 của thế kỉ XX.

- a. 11 Nước đều gia nhập tổ chức A SEAN.
 d. Chuyển trọng tâm sang hợp tác kinh tế, văn hóa

b. Một chương mới đã mở ra cho các nước Đông Nam Á c. Tình hình chính trị không ổn định.

Tự luận: 5 điểm

Câu 1. (3,5 đ). Hãy chọn một sự kiện đặc biệt quan trọng ảnh hưởng đến vận mệnh và sự phát triển của đất nước Trung quốc? Trình bày nội dung và đánh giá ý nghĩa lịch sử của sự kiện đó ?

Câu 2: (1,5 đ): Tại sao nói "Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á" ?

Đề 2

Phần I Trắc nghiệm: Em hãy khoanh tròn ý đúng nhất (5 điểm)

Câu 1: Từ năm 1945-1950 Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn nào trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo
- B. Thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.
- C. Xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội
- D. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.

Câu 2. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Liên Xô năm 1949?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử
- B. Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ tư
- C. Liên Xô lần đầu tiên đưa người đi do thám mặt trăng
- D. Liên Xô hoàn thành xây dựng nhà máy điện nguyên tử Trécnobun

Câu 3. Ngay sau khi phát xít Nhật đầu hàng, các nước nào ở ĐNA giành được độc lập trong tháng 8/1945?

- A. Việt Nam, Lào, Indônêxia.
- B. Lào, Indônêxia
- C. Việt Nam, Indônêxia
- D. Indônêxia

Câu 4. Ngày ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa?

- A. 30/10/1949
- B. 23/4/1949
- C. 1/10/1949
- D. 1/11/1979

Câu 5 . Người đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Cu Ba năm 1959 là:

- A. Hô-xê Mác-ti
- B. Phi-đen Ca-xtơ-rô
- C. Nen-xơn Man ê-la
- D. Áp- đen Ca-ê.

Câu 6 . Tại Mê hi cô Phi đen catx tơ rô đã thành lập phong trào gì.

- A. Phong trào thanh niên yêu nước
- B. Phong trào hòa bình
- C. Phong trào 26.7
- D. Phong trào Phi đen catx tơ rô

Câu 7. Năm nước tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967 là

- A. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Xingapo.
- B. Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Xingapo.
- C. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Indônêxia.
- D. Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Brunây.

Câu 8. Đi đầu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Mĩ la tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc cách mạng của nhân dân nước nào?

- A. Cu Ba
- B. Chi lê
- C. Vê nê xu ê la
- D. Cô lô m bi a

Câu 9: Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có Ý nghĩa gì

- A. Phá vỡ thế độc quyền về vũ khí hạt nhân của Mĩ.
- B. Khẳng định sức mạnh về kinh tế.
- C. Khẳng định sức mạnh về quân sự của Liên Xô.
- D. Khẳng định sức mạnh vũ khí hạt nhân

Câu 10: ‘Chủ nghĩa Apacthai’ có nghĩa là

- A. chế độ độc tài chuyên chế
- B. chế độ phân biệt chủng tộc hết sức tàn bạo.
- C. biểu hiện của chế độ chiếm nô
- D. biểu hiện của chủ nghĩa thực dân mới

Câu 11: Tại sao nói “thế kỷ 21 là thế kỷ của châu Á” :

- A. Các nước Châu Á lần lượt giành độc lập
- B. Các nước Châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới
- C. Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các liên minh ,liên kết khu vực.
- D. Nhiều nước Châu Á có sự phát triển nhanh về kinh tế.

Câu 12. Đến giữa những năm 50 của thế kỷ XX, ở khu vực Đông Nam Á diễn ra tình hình nổi bật là

- A. tất cả các quốc gia trong khu vực đều giành được độc lập.
- B. hầu hết các quốc gia trong khu vực đã giành được độc lập.
- C. các nước tiếp tục chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.
- D. các nước tham gia khối phòng thủ chung Đông Nam Á (SEATO).

Câu 13 Năm được gọi là “Năm châu Phi” là:

- A, Năm 1952 B, Năm 1953 C, Năm 1959 D, Năm 1960

Câu 14 Nội dung nào sau đây gắn với tên tuổi của ông Nen-XơnMan- đê-la

- A, Lãnh tụ của phong trào gpdt ở An-giê-ri
- B, Lãnh tụ phong trào gpdt ở Ăng gô la
- C, Lãnh tụ cuộc binh biến ở Ai Cập
- D, Lãnh tụ của tổ chức “Đại hội dân tộc Phi” trong cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc

Câu 15 Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về Châu Phi:

- A, ngày càng khó khăn và không ổn định
- B, là châu lục phát triển năng động nhất thế giới
- C, vẫn trong tình trạng đói nghèo lạc hậu
- D, Liên hợp quốc xếp 32 trong 57 nước Châu Phi vào nhóm những nước nghèo nhất thế giới

Câu 16: Đánh giá nào sau đây đúng với vai trò của Liên xô đối với phong trào cách mạng thế giới?

- A. Giúp duy trì hòa bình thế giới.
- B. Giữ gìn mối quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.
- C. Là chỗ dựa vững chắc của hòa bình và cách mạng thế giới.
- D. Tích cực ủng hộ chống chủ nghĩa thực dân.

Câu 17. Nhiệm vụ quan trọng nhất của các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh sau khi giành được độc lập?

- A. Cũng cố an ninh quốc phòng.
- B. Hợp tác cùng phát triển.
- C. Xây dựng và phát triển kinh tế.
- D. Thành lập các liên minh quân sự.

Câu 18: Khẳng định nào sau đây đúng với tình hình Đông Nam Á từ những năm 90 của thế kỷ XX.

- A. Một chương mới đã mở ra cho các nước Đông Nam Á
- B. Tình hình chính trị không ổn định
- C. 11 Nước đều gia nhập tổ chức A SEAN
- D. Chuyển trọng tâm sang hợp tác kinh tế, văn hóa

Câu 19. Cơ hội của Việt Nam khi tham gia tổ chức ASEAN là

- A. hội nhập, giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới về mọi mặt.
- B. tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta phát triển với các nước trong khu vực.
- C. có điều kiện tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển. có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lý kinh tế của các nước phát triển trên thế giới.

Câu 20 Nét khác biệt trong xây dựng đất nước sau khi giành độc lập giữa Châu Phi với Châu Á

- A, Hầu hết các nước đều gặp khó khăn
- B, Nhiều nước đạt được sự tăng trưởng cao
- C, Có sự giúp đỡ của các nước XHCN
- D, Là châu lục phát triển năng động

Tự luận

Câu 1. (3,5 đ).

Trình bày nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Ban chấp hành TƯ Đảng cộng sản Trung Quốc đề ra 12/1978? Và nêu những thành tựu Trung Quốc đã đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa?

Câu 2: (1,5 đ):

Tại sao nói "Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á"?

Đề 3

Phần I Trắc nghiệm: Em hãy khoanh tròn ý đúng nhất (5 điểm)

Câu 1: Ai là người thực hiện công cuộc cải tổ ở Liên Xô ?

- A. Lê Nin B. En xin C. Xtalin D. Goocbachốp

Câu 2: Người đầu tiên bay vào vũ trụ là ai? Thuộc quốc gia nào?

- A. Dương Lợi Vĩ (Trung Quốc). B. .I-Ga-ga-rin (Liên Xô).
C. Phạm Tuân (Việt nam). D. Am-strong (Mĩ).

Câu 3. Sự kiện đánh dấu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân sụp đổ hoàn toàn diễn ra ở đâu?

- A. Ở Rôđêdia B. Ở Cộng hòa Nam Phi C. Ở Tây Nam Phi D. Ở Ghinê Bítxao.

Câu 4. 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập vào thời gian nào?

- A. Năm 1945. B. Năm 1952 C. Năm 1960 D. Năm 1974

Câu 5: ‘Chủ nghĩa Apacthai’ có nghĩa là

- A. chế độ độc tài chuyên chế B. chế độ phân biệt chủng tộc hết sức tàn bạo.
C. biểu hiện của chế độ chiếm nô D. biểu hiện của chủ nghĩa thực dân mới

Câu 6. Nhiệm vụ quan trọng nhất của các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh sau khi giành được độc lập?

- A Cũng cố an ninh quốc phòng. B. Hợp tác cùng phát triển.
C Xây dựng và phát triển kinh tế. D. Thành lập các liên minh quân sự.

Câu 7. Theo em cách gọi nào dưới đây chưa đúng?

- A. Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ. B. Châu Á, Phi, Khu vực Mỹ la tinh.
C Châu Phi, Châu Mỹ la tinh, Châu Á.

Câu 8. Vì sao bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh"?

- A. Vì phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.
B. Vì nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến,
C. Vì tất cả các nước châu Á giành được độc lập
D. Vì ở châu Á có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế

Câu 9. Năm nước tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967 là

- A. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Xingapo.
B. Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Xingapo.
C. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Indônêxia.
D. Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Brunây.

Câu 10. Đến giữa những năm 50 của thế kỷ XX, ở khu vực Đông Nam Á diễn ra tình hình nổi bật là

- A. tất cả các quốc gia trong khu vực đều giành được độc lập.
B. hầu hết các quốc gia trong khu vực đã giành được độc lập.
C các nước tiếp tục chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.
D. các nước tham gia khối phòng thủ chung Đông Nam Á (SEATO).

Câu 11: Khẳng định nào sau đây đúng với tình hình Đông Nam Á từ những năm 90 của thế kỉ XX.

- A. 11 Nước đều gia nhập tổ chức A SEAN.
B. Một chương mới đã mở ra cho các nước Đông Nam Á
C. Tình hình chính trị không ổn định.
D. Chuyển trọng tâm sang hợp tác kinh tế, văn hóa

Câu 12 Kết luận nào sau đây đúng với công cuộc xây dựng đất nước phát triển kinh tế xã hội ở Châu Phi

- A, Đã làm thay đổi một cách toàn diện căn bản bộ mặt các nước Châu Phi
B, Chưa đủ sức làm thay đổi một cách căn bản bộ mặt Châu Phi
C, Đánh dấu bước phát triển mới của Châu Phi
D, Xóa bỏ hoàn toàn chế độ phân biệt chủng tộc

Câu 13. Nét khác biệt trong xây dựng đất nước sau khi giành độc lập giữa Châu Phi với Châu Á

- A, Hầu hết các nước đều gặp khó khăn B, Nhiều nước đạt được sự tăng trưởng cao
C, Có sự giúp đỡ của các nước XHCN D, Là châu lục phát triển năng động

Câu 14. Phi đen đến chiến trường Quảng Trị năm nào?

A. Năm 1971 B. Năm 1972 C. Năm 1973 D. Năm 1975

Câu 15. Trong công cuộc xây dựng đất nước nhân dân Cu ba đạt được thành tựu nổi bật trên lĩnh vực nào?

A. Kinh tế B. Giáo dục, y tế C. Quân sự D. Khoa học kỹ thuật

Câu 16. Cách mạng Cu ba được mệnh danh là

A. Hòn đảo kiên cường B. Hòn đảo anh hùng
C. Đất nước anh hùng D. Dân tộc anh hùng

Câu 17 Cu ba tiến lên chủ nghĩa xã hội vào thời gian nào?

A. Tháng 4. 1960 B. Tháng 4. 1961 C. Tháng 4. 1963 D. Tháng 4. 1964

Câu 18 : Điểm khác nhau về mục đích sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô so với Mỹ là gì?

A. Để mở rộng lãnh thổ. B. Để khống chế các nước khác.
C. Để duy trì nền hòa bình thế giới. D. Để ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 19. Khi ở chiến trường Quảng Trị ác liệt Phi đen catxơ rô đã có câu nói nổi tiếng gì?

A. Việt Nam là dân tộc anh hùng
B. Cu ba sẽ hi sinh cùng với nhân dân Việt Nam chống Mỹ
C. Vì Việt Nam, Cu ba sẵn sàng hiến dâng cả máu
D. Nhân dân Cu ba và nhân dân Việt Nam mãi mãi là tình bạn thủy chung.

Câu 20. Cơ hội của Việt Nam khi tham gia tổ chức ASEAN là

D. hội nhập, giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới về mọi mặt.
E. tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.
F. có điều kiện tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển. có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lý kinh tế của các nước phát triển trên thế giới.

Tự luận

Câu 1. (3,5 đ). Trình bày những thành tựu Trung Quốc đã đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa? Đánh giá ý nghĩa của những thành tựu đó

Câu 2: (1,5 đ):

Tại sao nói "Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX một chương mới đã mở ra trong lịch sử các nước Đông Nam Á" ?

Đáp án

Trắc nghiệm:

câu	1	2	3	4			7	8	9	10
Đ1	d	c	d	b	b	d	d	b	d	a
Đ2	d	a	a	c	b	c	b	a	a	b
Đ3										
Câu	11	12	13	14	1	1	17	18	19	20
Đ1	c	d	a	b	b	d	c	d	a	b
Đ2	d	b	d	d	b	c	c	a	c	a
Đ3										

Tự luận

Đề 1 Câu 1 HS có thể chọn 1 trong 2 sự kiện sau

Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hoặc công cuộc cải cách mở cửa
Và trình bày được nội dung và ý nghĩa của sự kiện đó

Đề 2 Câu 1 yêu cầu học sinh nêu được chủ trương, thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

Đề 3 câu 1 yêu cầu nêu được thành tựu và đánh giá ý nghĩa

1	Chủ trương:- Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung	0,5
	- Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm (0,5đ)	0,5
	- Thực hiện cải cách mở cửa nhằm mục tiêu hiện đại hoá đất nước, đưa đất nước Trung Quốc thành một quốc gia giàu mạnh văm minh .	0,5
	* Thành tựu: + Kinh tế phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới (GDP tăng 9,6%).	1
	+ Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.	0,25
	+ Xuất nhập khẩu tăng 15 lần	0,25
	+ Chính trị-xã hội: ổn định,	0,5
	+ Đạt nhiều thành tựu trong phát triển khoa học kỹ thuật, phóng tàu, đưa người lên vũ trụ để nghiên cứu KHKT (Là nước thứ 3 trên thế giới)	0,5
	+ Đối ngoại: bình thường hoá quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác. thu hồi Hồng Công, Ma Cao.	0,5
	+ Địa vị trung quốc nâng cao rõ rệt	0,5
2	- Đến tháng 4 năm 1999, 10 nước Đông Á đều là thành viên của tổ chức (ASEAN)	1
	- ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, biến Đông Nam Á thành khu vực mậu dịch tự do (ARF) nhằm tạo môi trường hoà bình ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển khu vực	1

Ngày soạn:

Ngày giảng:

CHƯƠNG III: MỸ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Tiết 10 , Bài 8: NƯỚC MỸ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân của sự phát triển đó.

- Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh.

- Giải thích vì sao nước Mỹ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Quan sát bản đồ nước Mỹ (gồm 3 bộ phận lãnh thổ - lục địa Bắc Mỹ, bang A-la-xca và quần đảo Ha-oai) và xác định vị trí thủ đô Oa-sinh-ton và thành phố Niu Oóc trên bản đồ.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ ...

3. Thái độ

- HS nhận thức rõ thực chất của chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ. Hiểu được quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Mỹ ngày nay.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Biết xác định vị trí nước Mỹ (gồm 3 bộ phận lãnh thổ - lục địa Bắc Mỹ, bang A-la-xca và quần đảo Ha-oai) và xác định vị trí thủ đô Oa-sinh-ton và thành phố Niu Oóc trên bản đồ. Hiểu được quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Mỹ ngày nay.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh về nước Mỹ.

- Bản đồ châu Mỹ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về nước Mỹ.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Trả bài kiểm tra 1 tiết.

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được sơ lược về nước Mĩ qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan một số tranh ảnh về đất nước Mĩ. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Hình ảnh này cho các em liên tưởng đến quốc gia nào?

+ Qua hình ảnh này em thấy nền kinh tế nước Mĩ ra sao?

- **Dự kiến sản phẩm:** Đó là những hình ảnh về nước Mĩ...

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai với thể của một nước thắng trận và thu được lợi nhuận khổng lồ trong cuộc chiến tranh. Mĩ có điều kiện phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật, trở thành nước giàu, mạnh trên thế giới cùng sự vượt trội về kinh tế. Chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung này trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Tình hình kinh tế nước Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- **Mục tiêu:** Trình bày được sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích vì sao nước Mĩ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 20 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục I. - Xác định trên lược đồ vị trí của nước Mĩ. - Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận các câu hỏi: + Nhóm lẻ: Trình bày sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. + Nhóm chẵn: Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa. + Biểu hiện: chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới (56,4%), $\frac{3}{4}$ trữ lượng vàng của thế giới. Có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc. GV giới thiệu: vị trí nước Mĩ và chỉ trên lược đồ diện tích, dân số GV: Treo biểu đồ về sản lượng công nghiệp, nông nghiệp, trữ lượng vàng của Mĩ so với thế giới. ? Nhận xét nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến	

<p>những năm 50 của thế kỉ XX? (là nước tư bản giàu mạnh nhất, chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới tư bản)</p> <p>? Biểu hiện như thế nào? Nguyên nhân của sự phát triển đó?</p> <p>? Từ năm 1950 -> nay: kinh tế suy giảm. Vậy nguyên nhân do đâu?</p> <p>(Sự cạnh tranh của các nước đế quốc, khủng hoảng có chu kì, chạy đua vũ trang, chênh lệch giàu nghèo)</p> <p>GV cung cấp thêm:</p> <p><i>Hiện nay, năm 2011 số nợ của Mỹ đối với Trung Quốc là khoảng 1100 tỉ USD.</i></p> <p><i>Đầu tháng 10-2011 ở Mỹ diễn ra phong trào biểu tình với khẩu hiệu “Chiếm lấy phố Wall” của các tầng lớp nhân dân ở Tp New-York, sau đó lan rộng ra khắp nước Mỹ.</i></p> <p><i>GV nói thêm về cuộc chiến tranh xâm lược VN</i></p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>khí nguyên tử.</p> <p>+ Nguyên nhân: Thu lợi nhuận từ chiến tranh, không bị chiến tranh tàn phá.</p> <p>- Trong những thập niên tiếp sau, kinh tế Mỹ đã suy yếu tương đối và không còn giữ ưu thế tuyệt đối như trước kia. Nguyên nhân do sự cạnh tranh của các nước đế quốc khác, khủng hoảng chu kì, những chi phí khổng lồ cho việc chạy đua vũ trang và các cuộc chiến tranh xâm lược,...</p>
---	--

2. Hoạt động 2. 2. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh

- **Mục tiêu:** Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh. Quan sát bản đồ nước Mỹ (gồm 3 bộ phận lãnh thổ - lục địa Bắc Mỹ, bang A-la-xca và quần đảo Ha-oai) và xác định vị trí thủ đô Oa-sinh-tơn và thành phố Niu Oóc trên bản đồ.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.
- **Thời gian:** 15 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK.</p> <p>- Thảo luận cặp đôi: Trình bày chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu trả lời các câu hỏi sau</p> <p>- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>GV hướng dẫn học sinh quan sát bản đồ nước Mỹ (gồm 3 bộ phận lãnh thổ - lục địa Bắc Mỹ, bang A-la-xca và quần đảo Ha-oai) và xác định vị trí thủ đô Oa-sinh-tơn và thành phố Niu Oóc trên bản đồ.</p> <p>? Nêu những nét cơ bản trong chính sách đối nội của Mỹ?</p> <p>=> <i>đạo luật Táp-hác-lây (chống phong trào công đoàn và đình công)</i></p>	<p>a. Đối nội</p> <p>- Ban hành hàng loạt các đạo luật phản động nhằm chống lại Đảng Cộng sản Mỹ, phong trào công nhân và phong trào dân chủ.</p> <p>b. Đối ngoại</p> <p>- Đề ra “chiến lược toàn cầu”.</p>

<p><i>Mác-ca-ren (chống cộng sản)</i> => <i>Đàn áp phong trào công nhân, thực hiện phân biệt chủng tộc...</i> ? Thái độ nhân dân Mỹ đối với chính sách của Mỹ ntn? <i>(phản ứng gây gắt, phong trào chống đối mạnh mẽ từ năm 1963-1969-1975 đặt biệt là phong trào phản đối chiến tranh ở Việt Nam)</i> ? Chính sách đối ngoại của Mỹ ntn? <i>(mở rộng và bành trướng xâm lược trên thế giới, chống phá các nước XHCN viện trợ lôi kéo không chế các nước phụ thuộc. Thành lập các khối quân sự (NATO) và thiết lập thế giới đơn cực).</i> GV: Nhiều năm trở lại đây Mỹ tiến hành nhiều chính sách nhằm xác lập trật tự thế giới mới do Mỹ dẫn đầu nhưng giữa tham vọng và thực tế vẫn còn một khoảng cách khá xa. ? Theo em từ sau CTTG II Mỹ đã gây chiến với những quốc gia nào? <i>(Nhật 1945, Trung Quốc 1945-1960, triều tiên 1950-1953, Cuba 1959-1960, Việt Nam 1961-1975, Nam tư 1999-2000, Afgaxixtan 2001 cho đến nay, Irắc 2003 đến nay ...)</i> Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - Các cặp đôi trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Viện trợ cho các chính quyền thân Mỹ, gây ra nhiều cuộc chiến tranh xâm lược.</p>
--	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về nước Mỹ.

- **Thời gian:** 4 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Nguyên nhân cơ bản nhất khiến Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. bóc lột sức lao động của người dân trong nước.

B. Dựa vào thành tựu CMKHKT, điều chỉnh lại hợp lý cơ cấu sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng xuất lao động.

C. có nhiều tài nguyên

D. không chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế.

Câu 2. Điền đúng (Đ) và sai (S) trước mỗi ý nhận xét sau

Mỹ đề ra chiến lược toàn cầu nhằm bá chủ thế giới

Từ năm 2000 đến nay Mỹ chiếm ưu thế tuyệt đối trong thế giới tư bản

Cuộc CMKHKT lần thứ hai khởi đầu từ nước Mỹ

Trong thực hiện chiến lược toàn cầu, Mỹ gặp phải những thất bại nặng nề, tiêu biểu nhất là trong chiến tranh tại Việt Nam

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để chứng minh được Mỹ là nước giàu nhất thế giới TB sau CTTG 2. Mối quan hệ ngoại giao Việt – Mỹ sau năm 1975 đến nay.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Bằng những kiến thức đã học, chứng minh sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ vươn lên trở thành nước giàu mạnh nhất trong thế giới tư bản? Quan hệ ngoại giao Việt – Mỹ sau năm 1975 đến nay có sự thay đổi như thế nào?

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

* **Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ vươn lên trở thành nước giàu mạnh nhất trong thế giới tư bản, là trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới.**

- Trong những năm 1945 – 1950, sản lượng công nghiệp của Mỹ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,47 % - 1948).

- Sản lượng nông nghiệp gấp 2 lần sản lượng nông nghiệp của năm nước tư bản lớn Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại.

- Nắm trong tay $\frac{3}{4}$ trữ lượng vàng của thế giới, là chủ nợ duy nhất trên thế giới.

- Về quân sự: Mỹ có lực lượng mạnh nhất trong thế giới tư bản và độc quyền vũ khí hạt nhân.

* **Quan hệ ngoại giao Mỹ – Việt nam sau năm 1975 đến nay có sự thay đổi**

- Giai đoạn sau 1975 Mỹ thực hiện cấm vận Việt Nam, ngăn cản các hoạt động giúp đỡ của quốc tế đối với Việt Nam.

- Năm 1994 Mỹ tuyên bố xóa bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam.

- Tháng 7/1995 Mỹ tuyên bố chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao với VN.

- Tháng 7/2000 Việt Nam và Mỹ kí hiệp định thương mại song phương. Giá trị thương mại hai chiều ngày càng tăng...

- Mỹ thường xuyên viện trợ nhân đạo, hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh, ủng hộ Việt Nam đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. Việt Nam tích cực giúp Mỹ tìm kiếm thân nhân, hài cốt binh sĩ Mỹ....

* GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ, soạn bài 9: Nhật Bản. Nắm khái quát tình hình Nhật Bản trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Suy tầm những tranh ảnh, tư liệu về Nhật Bản và mối quan hệ giữa Nhật Bản với Việt Nam.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 11, Bài 9: NHẬT BẢN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản.

- Biết được chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh.

- Quan sát lược đồ 17. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai SGK, xác định vị trí một số thành phố lớn. Quan sát hình 18, 19, 20 trong SGK và nhận xét về sự phát triển khoa học – công nghệ của Nhật Bản.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ ...

3. Thái độ

- HS nhận thức rõ ý chí vươn lên tự cường, lao động hết mình và tôn trọng kỷ luật của người Nhật Bản. Hiểu được quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Nhật ngày nay.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Quan sát lược đồ 17. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai SGK, xác định vị trí một số thành phố lớn. Quan sát hình 18, 19, 20 trong SGK và nhận xét về sự phát triển khoa học – công nghệ của Nhật Bản.

+ Vận dụng kiến thức về những nguyên nhân giúp nền kinh tế Nhật Bản để rút ra được bài học cho bản thân cũng như của Việt Nam.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh về Nhật Bản.

- Bản đồ châu Á.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Nhật Bản.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được sơ lược về đất nước Nhật Bản qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan một số tranh ảnh về đất nước Nhật Bản. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- + Hình ảnh này cho các em liên tưởng đến quốc gia nào?
- + Qua hình ảnh này em thấy nền kinh tế Nhật Bản ra sao?
- + Em hiểu gì về đất nước Nhật Bản?

- **Dự kiến sản phẩm:** Đó là những hình ảnh về Nhật Bản, Nhật Bản có nhiều thiên tai, đất nước giàu có, con người cần cù.....

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, là một nước bại trận, kinh tế gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Nhật Bản đã vươn lên nhanh chóng trở thành một siêu cường về kinh tế, đứng thứ 2 TG (sau Mỹ). Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển thần kì của đất nước Nhật Bản?... Chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung này trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh

- **Mục tiêu:** Trình bày được tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Quan sát lược đồ 17. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai SGK, xác định vị trí một số thành phố lớn.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của Nhật Bản. - Thảo luận cặp đôi: Trình bày tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Quan sát lược đồ 17, xác định vị trí một số thành phố lớn. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.</p> <p>GV giới thiệu vài nét về Nhật Bản và chỉ trên lược đồ.</p> <p>? Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản ở trong tình trạng như thế nào?</p> <p>GV: Để thủ tiêu chủ nghĩa quân phiệt và “dân chủ hoá” nước Nhật, một loạt các cải cách dân chủ đã được tiến hành.</p> <p>? Ý nghĩa của những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh? (Đem lại một luồng không khí mới đối với nhân dân, đó là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh)</p> <p>Quan sát lược đồ 17, xác định vị trí một số thành phố lớn.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là nước bại trận, bị tàn phá nặng nề, gặp nhiều khó khăn lớn. - Ban hành nhiều cải cách dân chủ: ban hành Hiến pháp mới (1946), thực hiện cải cách ruộng đất, xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị các tội phạm chiến tranh, ban hành các quyền tự do dân chủ (luật Công đoàn, nam nữ bình đẳng...),... -> Những cải cách này đã trở thành nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau này.

nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

2. Hoạt động 2. 2. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh

- **Mục tiêu:** Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận:</p> <p>+ Nhóm chẵn: Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</p> <p>+ Nhóm lẻ: Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>? Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, kinh tế NB đạt được những thành tựu như thế nào?</p> <p>? Nguyên nhân nguyên nhân chính của sự phát triển đó?</p> <p>GV: phân tích rõ những yếu tố cơ bản dẫn đến sự phát triển "thần kì"</p> <p>GV liên hệ thực tế của nước ta hiện nay. Chúng ta cần học hỏi điều gì từ kinh nghiệm của NB.</p> <p>GV cho HS quan sát hình 18,19, 20 sgk và nhận xét về sự phát triển khoa học-công nghệ của NB. (so sánh với Việt Nam để HS thấy VN cần phải vượt lên nhiều ,xác định nhiệm vụ to lớn của thế hệ trẻ)</p> <p>GV nói thêm: Trong thập kỉ 90, kinh tế Nhật bị suy thoái kéo dài, có năm tăng trưởng âm (1997 – âm 0,7%, 1998 – âm 1,0%). Nền kinh tế Nhật Bản đòi hỏi phải có những cải cách theo hướng áp dụng những tiến bộ của khoa học – công nghệ. Quan sát hình 18, 19, 20 trong SGK và nhận xét về sự phát triển khoa học – công nghệ của Nhật Bản.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện</p>	<p>- Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 thế kỉ XX, kinh tế Nhật tăng trưởng mạnh mẽ, được coi là "sự phát triển thần kì": tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân hằng năm trong những năm 50 là 15%, những năm 60 – 13,5%; tổng sản phẩm quốc dân (GNP) năm 1950 là 20 tỉ USD, năm 1968 – 183 tỉ USD, đứng thứ hai trên thế giới, sau Mỹ (830 tỉ USD)...</p> <p>- Cùng với Mỹ và Tây Âu, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính trên thế giới.</p> <p>- Nguyên nhân của sự phát triển con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo và có ý chí vươn lên; sự quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti; vai trò điều tiết và đề ra các chiến lược phát triển của Chính phủ Nhật.</p>

nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Nhật Bản.

- **Thời gian:** 4 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu hỏi 1 Những nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản phát triển. Nguyên nhân chủ yếu. Vì sao?

Câu hỏi 2: Nền kinh tế Nhật Bản có những khó khăn và hạn chế gì?

Dự kiến sản phẩm

1. Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản vào những năm 70 của thế kỉ XX là:

- Truyền thống văn hóa, giáo dục lâu đời của người Nhật — sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiên bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc.
- Hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti Nhật Bản.
- Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra các chiến lược phát triển, nắm bắt đúng thời cơ và sự điều tiết cần thiết để đưa nền kinh tế liên tục tăng trưởng.
- Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỉ luật và coi trọng tiết kiệm.

2. Những khó khăn và hạn chế của nền kinh tế Nhật Bản là:

- Nghèo tài nguyên, hầu hết năng lượng, nguyên liệu đều phải nhập từ nước ngoài.
- Bị Mỹ và nhiều nước khác cạnh tranh và chèn ép.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học về sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản để rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong công cuộc CNH, HĐH đất nước hiện nay.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Sau sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản Việt Nam rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước hiện nay?

- **Thời gian:** 3 phút.

* GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm hiểu và hỏi người thân

+ Học bài cũ, soạn bài 10: Các nước Tây Âu. Nắm khái quát tình hình các nước Tây Âu trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về các nước Tây Âu và mối quan hệ giữa các nước Tây Âu với Việt Nam.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 12, Bài 10: CÁC NƯỚC TÂY ÂU

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét nổi bật về kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Quan sát lược đồ 21 xác định vị trí các nước thuộc Liên minh châu Âu trên lược đồ và nêu nhận xét về tổ chức này.
- Lập niên biểu về sự thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở châu Âu.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ ...

3. Thái độ

- Việt Nam và EU đã thiết lập quan hệ ngoại giao và chính thức hợp tác về mọi mặt, cần tôn trọng quan hệ hợp tác với các nước châu Âu.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Quan sát lược đồ 21 xác định vị trí các nước thuộc Liên minh châu Âu trên lược đồ và nêu nhận xét về tổ chức này.
 - + Vận dụng kiến thức để rút ra được bài học sự phát triển của Việt Nam hiện nay.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh về Nhật Bản.
- Bản đồ châu Âu.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suru tầm tư liệu, tranh ảnh về các nước Tây Âu.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được sơ lược về các nước Tây Âu qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan một số tranh ảnh về các nước Tây Âu. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- + Những hình ảnh trên là biểu tượng của những quốc gia nào?
- + Lá cờ màu xanh có 12 ngôi sao là của tổ chức nào?
- + Em biết gì về các quốc gia đó? Và em biết gì về tổ chức đó?

- **Dự kiến sản phẩm**

+ Tháp đồng hồ Big ben là ở nước Anh, Tháp Eiffel là biểu tượng của nước Pháp, đấu trường Colide ở Italia.

+ Lá cờ màu xanh, có 12 ngôi sao là biểu tượng của Liên minh châu Âu.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Đây là những quốc gia nằm ở Tây Âu, có nền kinh tế rất phát triển và đã thành lập tổ chức Liên minh châu Âu. Bài học hôm nay, thầy trò chung ta tìm hiểu về tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai và sự Liên kết khu vực như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Tình hình chung

- **Mục tiêu:** Biết được nét nổi bật về kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của Tây Âu.	- Về kinh tế: nhận viện trợ kinh tế của Mỹ theo "Kế hoạch Mác-san". Kinh tế

<p>- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận:</p> <p>+ Nhóm 1,2: Trình bày nét nổi bật về kinh tế của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</p> <p>+ Nhóm 3,4: Trình bày nét nổi bật về chính trị của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</p> <p>+ Nhóm 5,6: Trình bày nét nổi bật chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu và tình hình nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.</p> <p>GV giới thiệu vài nét về Tây Âu và chỉ trên lược đồ.</p> <p>? Tình hình các nước Tây Âu trong CT2 như thế nào?</p> <p>? Để khôi phục kinh tế các nước Tây Âu đã làm gì?</p> <p>? Kế hoạch Macsan được thực hiện như thế nào?</p> <p>? Sau khi nhận viện trợ quan hệ giữa Tây Âu và Mĩ như thế nào?</p> <p>? Khi được củng cố quyền lực, giai cấp cầm quyền đã làm gì?</p> <p>? Chính sách đối ngoại Tây Âu sau CT2 như thế nào?</p> <p>? Trong thời kì chiến tranh lạnh, >< gay gắt giữa 2 phe XHCN và ĐQCN, các nước T.Âu đã làm gì? (<i>Tham gia khối quân sự Bắc ĐTD (NATO 4.1949), tiến hành chạy đua vũ trang...</i>)</p> <p>? Tình hình nước Đức sau chiến tranh như thế nào?</p> <p>? Nguyên nhân nào đưa đến nước Đức thống nhất?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>được phục hồi, nhưng các nước Tây Âu ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.</p> <p>- Về chính trị: thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ các cải cách tiến bộ đã thực hiện trước đây, ngăn cản các phong trào công nhân và dân chủ, củng cố thế lực của giai cấp tư sản cầm quyền.</p> <p>- Về đối ngoại: tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa; tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.</p> <p>- Tình hình nước Đức: bị chia cắt thành hai nhà nước: Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ Đức, với các chế độ chính trị đối lập nhau. Tháng 10 1990, nước Đức thống nhất, trở thành một quốc gia có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất Tây Âu.</p>
---	--

2. Hoạt động 2. 2. Sự liên kết khu vực

- **Mục tiêu:** Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Quan sát lược đồ 21 xác định vị trí các nước thuộc Liên minh châu Âu trên lược đồ và nêu nhận xét về tổ chức này. Lập niên biểu về sự thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở châu Âu.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.
- **Thời gian:** 15 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK.

- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận: Hoàn thành bảng sau: Quá trình thành lập Liên minh châu Âu:

Thời gian	Thành lập
4/1951	
3/1957	
7/1967	
12/1991	
1/1999	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS và cung cấp thêm:

- Sau chiến tranh, ở Tây Âu xu hướng liên kết khu vực ngày càng nổi bật và phát triển. Những mốc phát triển chính của xu hướng này là :

+ Tháng 4 - 1951, "Cộng đồng than, thép châu Âu" được thành lập, gồm 6 nước : Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

+ Tháng 3 - 1957, "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC) được thành lập, gồm 6 nước trên. Cộng đồng kinh tế châu Âu chủ trương xoá bỏ dần hàng rào thuế quan, thực hiện tự do lưu thông hàng hoá, tư bản và nhân công giữa 6 nước.

+ Tháng 7 - 1967, "Cộng đồng châu Âu"(EC) ra đời trên cơ sở sáp nhập 3 cộng đồng trên.

+ Sau 10 năm chuẩn bị, tháng 12 - 1991 các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-a-xtơ-rích (Hà Lan). Hội nghị đã thông qua hai quyết định quan trọng: xây dựng một liên minh kinh tế và một liên minh chính trị, tiến tới một nhà nước chung châu Âu. Theo đòi hỏi của sự phát triển, Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) và từ ngày 1 - 1 - 1999, một đồng tiền chung của Liên minh đã được phát hành với tên gọi là đồng orô (EURO). Tới nay, Liên minh châu Âu là một liên minh kinh tế chính trị lớn nhất thế giới, có tổ chức chặt chẽ nhất với 25 nước thành viên (2004).

GV hướng dẫn HS quan sát lược đồ 21 xác định vị trí các nước thuộc Liên minh châu Âu trên lược đồ và nêu nhận xét về tổ chức này.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Các nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

*** Dự kiến sản phẩm**

Thời gian	Thành lập
4-1951	"Cộng đồng than, thép châu Âu"
3-1957	"Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng"

	kinh tế châu Âu" (EEC)
7-1967	"Cộng đồng châu Âu"(EC)
12-1991	Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)
1-1999	Phát hành đồng tiền chung của Liên minh châu Âu là đồng orô (EURO)

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các nước Tây Âu.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc GV ? Em hãy vẽ sơ đồ quá trình liên kết các nước Tây Âu

- **Dự kiến sản phẩm**



3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải thích vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau?

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

Các nước Tây Âu có chung nền văn minh, có nền kinh tế không cách biệt nhau lắm và từ lâu đã liên hệ mật thiết với nhau. Sự hợp tác là cần thiết nhằm mở rộng thị trường, giúp các nước Tây Âu tin cậy nhau hơn về chính trị, khắc phục những nghi kỵ, chia rẽ đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử.

Từ năm 1950, sau khi phục hồi, nền kinh tế bắt đầu phát triển nhanh, các nước Tây Âu muốn thoát dần sự lệ thuộc Mỹ. Nếu đứng riêng lẻ, các nước Tây Âu không thể đọ sức với Mỹ, họ cần liên kết để cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

* GV giao nhiệm vụ cho HS

- Học bài cũ, soạn bài 11 với nội dung sau:

1. Hội nghị I-an-ta (*Thời gian hội nghị, địa điểm, thành phần tham dự và hội nghị đã quyết định những vấn đề gì?*)

2. Hội nghị I-an-ta tổ chức trong hoàn cảnh nào?

3. Tác động của những quyết định của hội nghị I-an-ta đối với tình hình thế giới sau 1945.

4. Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc.

5. Chiến tranh lạnh là gì? Biểu hiện và hậu quả của chiến tranh lạnh.

6. Tại sao Liên Xô – Mỹ kết thúc chiến tranh lạnh? Cục diện thế giới sau chiến tranh lạnh là gì?

- Viết một đoạn văn khoảng 7-10 dòng về quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước trong Liên minh châu Âu.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

CHƯƠNG IV: QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Tiết 13, Bài 11

TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được sự hình thành trật tự thế giới mới Trật tự hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc.
- Trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó.
- Biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.
- Quan sát hình 22 SGK, tìm hiểu về các nhân vật Séc-sin, Ru-dơ-ven, Xta-lin.
- Nêu nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay.
- Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, các vấn đề lịch sử và kỹ năng sử dụng bản đồ

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần yêu chuộng hòa bình, căm ghét chiến tranh.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Phân tích, nhận xét, quan sát và liên hệ thực tế. Phương pháp học tập bộ môn.
 - + Nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay. Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, tổng hợp...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tranh ảnh lịch sử, tư liệu.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh về lịch sử.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được một số nét khái quát của bài học đó là nhận biết được một số bức ảnh liên quan đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 5 phút.
- Tổ chức hoạt động: GV cho học sinh cho HS quan sát các hình ảnh các nguyên thủ của nước Mỹ, Anh, Liên Xô tham dự hội nghị I-an-ta, hình Tổng thư kí lá cờ, buổi

hợp Liên hợp quốc, hệ thống tên lửa, tàu ngầm của Liên Xô-Mĩ... và sẽ trình bày những hiểu biết của các em về nội dung tranh ảnh đó.

- Dự kiến sản phẩm: Hình ảnh ba nhân vật ngồi trong hình trên là nguyên thủ của ba nước Anh, Mĩ, Liên Xô tại hội nghị I-an-ta. Hình thứ hai là bản đồ thế giới phân chia khu vực ảnh hưởng của Liên Xô và Mĩ. Biểu tượng lá cờ màu xanh là của tổ chức Liên hợp quốc. Hình tiếp theo là một buổi họp của Liên hợp quốc và cuối cùng Thủ tướng nước ta bắt tay với Tổng thư kí Liên hợp quốc ông ANTONIO GUTERRES (người Bồ Đào Nha), cảnh hành hình tù nhân của bọn khủng bố IS, rời tàu ngầm, tàu sân bay của Nga và Mĩ. Tất cả những hình ảnh đó phản ánh về thế giới sau 1945 đến nay.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Sau CTTG thứ 2, một trật tự TG mới đã được xác lập: Trật tự hai cực I-an-ta, do 2 siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực. Sự phân chia thành hai phe TBCN và XHCN đã trở thành đặc trưng lớn chi phối tình hình chính trị TG sau CTTG thứ 2. Điều này được thể hiện như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới

- **Mục tiêu:** Giúp HS biết được sự hình thành trật tự thế giới mới: Trật tự hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Quan sát hình 22 SGK, tìm hiểu về các nhân vật Séc-sin, Ru-dơ-ven, Xta-lin.

- **Phương pháp:** Phát vấn, thuyết trình.

- **Thời gian:** 7 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1 và trả lời các câu hỏi: ? Trật tự thế giới mới được hình thành như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ hai? Quan sát hình 22 SGK, tìm hiểu về các nhân vật Séc-sin, Ru-dơ-ven, Xta-lin.	- Từ ngày 4 đến ngày 11 - 2 – 1945, nguyên thủ của ba cường quốc là Liên Xô, Mĩ và Anh có cuộc gặp gỡ tại I-an-ta và thông qua những quyết định quan trọng về phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ. - Trật tự thế giới mới hình thành: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS.	
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV.	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của của các bạn. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	

2. Hoạt động 2: 2. Sự thành lập Liên hợp quốc

- **Mục tiêu:** Giúp HS biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc. Quan sát hình 23 nêu nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm

- **Thời gian:** 10 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 2.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu thảo luận:</p> <p>+ Nhóm lẻ: Trình bày sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc.</p> <p>+ Nhóm chẵn: Trình bày vai trò của tổ chức Liên hợp quốc. Quan sát hình 23 nêu nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p><i>* Tích hợp GDMT: nêu nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết vấn đề môi trường hiện nay. Giáo viên nói về biến đổi khí hậu và tình hình môi trường hiện nay đòi hỏi thế giới cần chung tay bảo vệ môi trường.</i></p>	<p>- Thành lập vào tháng 10 – 1945.</p> <p>- Mục đích: nhằm duy trì hoà bình an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia dân tộc, thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội...</p> <p>- Vai trò: Duy trì hoà bình, an ninh thế giới, đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, xã hội,...</p> <p>- Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc từ tháng 9 - 1977 và là thành viên thứ 149.</p>

3. Hoạt động 3: 3. Chiến tranh lạnh

- **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó. Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 7 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 3 và trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Chiến tranh lạnh là gì?</p> <p>+ Biểu hiện của chiến tranh lạnh.</p> <p>+ Hậu quả để lại của chiến tranh lạnh</p>	<p>- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch của Mỹ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và</p>

<p>+ Đánh giá tác động của chiến tranh lạnh đối với thế giới.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV nói thêm: Đây là cuộc chiến phi nghĩa tốn kém vô ích chế tạo các loại vũ khí hủy diệt, trong khi nhiều nơi trên thế giới thiếu ăn, thiếu thuốc men và dịch bệnh... GV nêu ví dụ thêm về chạy đua vũ trang, tàu ngầm, tàu sân bay, bom nguyên tử, tên lửa vượt đại dương xuyên lục địa...</p>	<p>các nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>- Biểu hiện: Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, thành lập các khối và căn cứ quân sự, tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ.</p> <p>- Hậu quả: thế giới luôn căng thẳng, chi phí tốn kém cho chạy đua vũ trang và chiến tranh xâm lược,...</p>
--	---

4. Hoạt động 4: 4. Thế giới sau Chiến tranh lạnh

- **Mục tiêu:** Giúp HS biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Thời gian:** 7 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 4, trả lời câu hỏi theo hình thức nhóm cặp đôi: Trình bày đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Xu hướng hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.</p> <p>- Một trật tự thế giới mới đang hình thành và ngày càng theo chiều hướng đa cực, đa trung tâm.</p> <p>- Dưới tác động của cách mạng khoa học – công nghệ, hầu hết các nước đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.</p> <p>- Nhưng ở nhiều khu vực (như châu Phi, Trung Á,...) lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu với những hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>* Xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ; sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc; những biểu hiện và hậu quả của "Chiến tranh lạnh", nguyên nhân Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" và các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo:

?1. Em hãy Lập bảng thống kê việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ theo yêu cầu sau:

<i>Khu vực</i>	<i>Ảnh hưởng của Liên Xô</i>	<i>Ảnh hưởng của Mỹ và các nước phương Tây</i>
<i>Châu Âu</i>		
<i>Châu Á</i>		

? 2. Những quyết định của Hội nghị Ianta đã ảnh hưởng như thế nào đến mối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?

3. Hãy cho biết thời cơ và thách thức của Việt Nam trước những biến đổi của tình hình thế giới sau "Chiến tranh lạnh".

Gợi ý sản phẩm

Lập bảng thống kê việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ:

<i>Khu vực</i>	<i>Ảnh hưởng của Liên Xô</i>	<i>Ảnh hưởng của Mỹ và các nước phương Tây</i>
<i>Châu Âu</i>	<i>Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát vùng Đông nước Đức và phía Đông châu Âu (Đông Âu).</i>	<i>Vùng Tây nước Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Anh.</i>
<i>Châu Á</i>	<i>Duy trì nguyên trạng Mông Cổ trả lại cho Liên Xô phía nam đảo Xa-kha-lin...</i>	<i>Các vùng còn lại của châu Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.</i>

Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã ảnh hưởng đến mỗi quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay như sau:

+ *Toàn bộ những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới – trật tự hai cực I-an-ta.*

+ *Với việc hình thành trật tự hai cực I-an-ta thế giới đã phân chia thành hai phe TBCN và XHCN với đối lập nhau về hệ tư tưởng, chế độ xã hội, kinh tế, chính sách đối ngoại.*

+ *Cùng với việc hình thành trật tự hai cực I-an-ta đã dẫn đến cuộc “Chiến tranh lạnh” từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai giữa Mỹ và Liên Xô đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.*

+ *Quan hệ quốc tế từ sau khi hình thành trật tự hai cực I-an-ta đến khi Liên Xô tan rã đều bị chi phối bởi những vấn đề liên quan đến Trật tự hai cực I-an-ta.*

– Thời cơ và thách thức của Việt Nam trước những biến đổi của tình hình thế giới sau "Chiến tranh lạnh":

+ *Cơ hội: Việt Nam có thể tận dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật để phát triển kinh tế; tận dụng xu thế toàn cầu hóa để tăng cường hợp tác với các nước; là cơ hội để Việt Nam vươn ra hội nhập với khu vực và thế giới bên ngoài.*

+ *Thách thức: Nếu không tận dụng cơ hội phát triển sẽ bị tụt hậu; hội nhập sẽ dễ hoà tan, đánh mất bản sắc dân tộc.*

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Nêu những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam mà em biết.

? Kể tên các cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra để đàn áp cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của các dân tộc trong thời kì "Chiến tranh lạnh".

Để tìm hiểu những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam và kể tên các cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra, GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm rồi báo cáo kết quả làm việc trước lớp. **(hoặc cho học sinh về tìm hiểu ở nhà)**

Gợi ý sản phẩm

– Những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam:

Đây là câu hỏi đòi hỏi HS phải có vốn hiểu biết thực tế rộng để trả lời. GV có thể gợi ý một số nội dung trả lời như:

Liên hợp quốc đã có nhiều việc làm thiết thực để giúp đỡ nhân dân Việt Nam trên nhiều mặt: kinh tế, giáo dục, văn hoá, môi trường, nhân đạo, y tế,... thông qua các tổ chức của Liên hợp quốc có mặt ở Việt Nam: FAO (Tổ chức nông — lương thực), UNICEF (Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc),...

– Kể tên các cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra để đàn áp cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của các dân tộc trong thời kì "Chiến tranh lạnh": chiến tranh xâm lược Việt Nam, dính líu vào cuộc chiến tranh ở Trung Đông,...

5, Hoạt động tìm tòi mở rộng**Mục tiêu**

Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

Phương thức hoạt động

Đây cũng là hoạt động không bắt buộc tất cả HS phải hoàn thành, song GV nên khuyến khích các em tự học, theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một:

+ Tìm hiểu thêm các tư liệu về các sự kiện, nội dung của bài học như: Hội nghị I-an-ta, bức tường Béc-lin, vai trò của tổ chức Liên hợp quốc, "Chiến tranh lạnh",...

+ Sưu tầm các hình ảnh về Hội nghị I-an-ta, bức tường Béc-lin,....

* GV giao nhiệm vụ cho HS

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới: Bài 12: Những thành tựu của cuộc CM KH-KT.

Trả lời câu hỏi: theo sách giáo khoa

Ngày soạn:

Ngày giảng:

CHƯƠNG V: CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Tiết 14, Bài 12: NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC- KỸ THUẬT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật.
- Biết được những thành tựu về khoa học kỹ thuật của Mỹ sau chiến tranh. Quan sát hình 16 nhận xét về sự phát triển khoa học của Mỹ sau chiến tranh.
- Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kỹ thuật.
- Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho học sinh phương pháp tư duy, tổng hợp, phân tích, so sánh liên hệ được những kiến thức đã học ở thực tế.

3. Thái độ

- Khẳng định được ý chí vươn lên không ngừng, sự phát triển không có giới hạn của trí tuệ con người. Nhờ đó, con người đã làm nên bao nhiêu thành tựu kì diệu.
- Tiếp tục nâng cao ý thức học tập, ý chí rèn luyện...

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kỹ thuật. Nhận xét về sự phát triển khoa học của Mỹ sau chiến tranh.
 - + Suru tầm tranh ảnh, tài liệu về những thành tựu, tiến bộ của cách mạng khoa học – kỹ thuật.
 - + Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh về những thành tựu về cuộc cách mạng KH-KT...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suru tầm tranh ảnh, tài liệu về những thành tựu, tiến bộ của cách mạng khoa học – kỹ thuật.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được sơ lược về một số thành tựu cơ bản qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan một số tranh ảnh về thành tựu của cuộc CM KH-KT trước đây và bây giờ. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Em biết gì về những hình ảnh đó?

- **Dự kiến sản phẩm**

+ Sự khác nhau về sự tiến bộ của KH-KT trước đây và ngày nay.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Con người luôn đạt được các thành tựu mới để phục vụ cuộc sống đó là do sự phát triển không ngừng của khoa học-kỹ thuật và công nghệ. Các em cũng đã thấy và đã sử dụng những sản phẩm này và điều đó thể hiện như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật

- **Mục tiêu:** Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật và những thành tựu về khoa học kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh TG thứ hai, nhận xét về sự phát triển khoa học của Mĩ sau chiến tranh.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi. + Máy vi tính.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1 và mục 2 bài nước Mĩ. - Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận: + Nhóm 1: Trình bày những phát minh lớn trong lĩnh vực khoa học cơ bản. + Nhóm 2: Trình bày những phát minh lớn trong lĩnh vực công cụ sản xuất mới và nguồn năng lượng mới. + Nhóm 3: Trình bày những phát minh lớn trong lĩnh vực sáng chế ra vật liệu mới và trong nông nghiệp. + Nhóm 4: Trình bày những phát minh lớn trong lĩnh vực giao thông vận tải, thông tin liên lạc và chinh phục vũ trụ. + Nhóm 5: Trình bày những thành tựu về khoa học kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh TG thứ hai, nhận xét về sự phát triển khoa học của Mĩ sau chiến tranh. + Nhóm 6: Suy tầm tranh ảnh, tài liệu về những thành tựu, tiến bộ	- Khoa học cơ bản: Toán học, Vật lí, Hoá học và Sinh học (cừu Đô-li ra đời bằng phương pháp sinh sản vô tính, bản đồ gen người,...). - Công cụ sản xuất mới: máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động,... - Nguồn năng lượng mới: năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng

của cách mạng khoa học – kĩ thuật và tham khảo thêm hình 24, 25, 26 – SGK để biết thêm về những thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật, nhận xét về tốc độ phát triển của nó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày, phản biện.

GV có thể cung cấp thêm tư liệu:

- Rôbốt “*người máy*” đảm nhận những công việc con người không đảm nhận được: làm việc dưới đáy biển, trong các nhà máy điện nguyên tử...

- Giới thiệu Hình 25: Nhật Bản đã sử dụng năng lượng mặt trời rất phổ biến

- Hiện nay, các nhà thiết kế đang nghiên cứu và chế tạo loại máy bay dùng động cơ tên lửa, bay ở độ cao 80 km với tốc độ 2 vạn km/giờ (gọi là máy bay tên lửa)

- Năm 1945, một lao động nông nghiệp nuôi được 14,6 người. Năm 1977 tăng lên 56 người.

- Tàu hoả chạy tới 300 km/giờ (tới đích đúng giờ tuyệt đối) nếu sai trên 30 giây phải phạt tiền, loại này xuất hiện ở Nhật Bản, Anh, Pháp ...

- Trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ: Vệ tinh nhân tạo 1957, con người bay vào vũ trụ 1961. Đặt chân lên Mặt trăng 1969. Với tốc độ phát triển của các ngành khoa học đã đưa con người du lịch vũ trụ.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

lượng gió,...

- Vật liệu mới: pôlime (chất dẻo), những vật liệu siêu bền, siêu nhẹ, siêu dẫn, siêu cứng,...

- Tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.

- Những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

- Những thành tựu kì diệu trong lĩnh vực du hành vũ trụ.

* Nước Mĩ là nơi khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai với nhiều thành tựu to lớn: sáng chế công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, vật liệu tổng hợp mới, "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông liên lạc, chinh phục vũ trụ...

2. Hoạt động 2. 2. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học - kĩ thuật

- **Mục tiêu:** Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật. Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi. + Máy vi tính.

- **Thời gian:** 15 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK.	- Ý nghĩa: Thực hiện những bước nhảy vọt về

- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận câu hỏi:
- + Nhóm 1,2: Đánh giá về ý nghĩa của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- + Nhóm 3,4: Đánh giá về tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- + Nhóm 5,6: Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Các nhóm trình bày, phản biện.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

* Giáo dục môi trường: Những vấn đề liên quan đến môi trường: nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, CM xanh trong nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, chính phục vũ trụ. Ý thức bảo vệ MT khi mà công nghiệp phát triển, hậu quả của việc xử lí không tốt việc ô nhiễm MT do SX công nghiệp gây ra. Đấu tranh chống việc sử dụng các thành tựu KH –KT vào mục đích chiến tranh, phá huỷ MT, ảnh hưởng đời sống nhân dân.

GV sơ kết bài học: Cho đến nay, trong lịch sử loài người đã diễn ra hai cuộc cách mạng kĩ thuật với quy mô toàn cầu. Cội nguồn dẫn tới hai cuộc CM kĩ thuật này đều bắt đầu từ những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

sản xuất và năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người.

- Tác động tích cực: Thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

- Hậu quả: chế tạo các loại vũ khí huỷ diệt, ô nhiễm môi trường, những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới,...

- Cuộc CM KH-KT lần thứ hai đạt được nhiều thành tựu to lớn quá sự mong đợi của loài người ở tất cả các lĩnh vực...Những thành tựu trên có ý nghĩa vô cùng to lớn, như một mốc chói lọi trong lịch sử tiến hoá văn minh của loài người

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về cuộc cách mạng KH – KT lần thứ 2.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc GV

GV giao nhiệm vụ cho HS: Lập Bảng thống kê những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật:

STT	Các lĩnh vực	Thành tựu
1	Khoa học cơ bản	
2	Công cụ sản xuất mới	
3	Vật liệu mới	

4	Nguồn năng lượng mới	
5	Cách mạng xanh	
6	Giao thông và thông tin liên lạc	
7	Chinh phục vũ trụ	

Dự kiến sản phẩm

STT	Các lĩnh vực	Thành tựu
1	Khoa học cơ bản	Đánh dấu những bước nhảy vọt trong Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học,...
2	Công cụ sản xuất mới	Máy tính điện tử, máy tự động, hệ thống máy tự động.
3	Vật liệu mới	Chất dẻo pô-li-me, vật liệu na-no, vật liệu com-po-sit,...
4	Nguồn năng lượng mới	Năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều.
5	Cách mạng xanh	Lai tạo giống mới, phân bón hoá học, cơ khí hoá,...
6	Giao thông và thông tin liên lạc	Máy bay siêu thanh, tàu siêu tốc, điện thoại thông minh, ...
7	Chinh phục vũ trụ	Phóng thành công vệ tinh nhân tạo, con người bay vào vũ trụ, đặt chân lên Mặt Trăng.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để ứng dụng vào đời sống và để bảo vệ môi trường.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Sự phát triển của KH-KT đã tạo ra một khối lượng khổng lồ về vật chất và đi đôi với nó thì con người cũng tạo ra một “đống rác khổng lồ”.

1. Theo em, tác hại của rác đối với đời sống con người là gì?
2. Bản thân em làm gì để cho môi trường xanh sạch đẹp?

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

1. Rác gây ô nhiễm môi trường, các chất độc hại từ rác sẽ lẫn vào trong không khí gây mùi hôi thối khó chịu.

Rác cũng là nguồn gốc sinh ra các loại bệnh tật và được các loài nhện, bọ, ruồi, muỗi lan truyền cho con người tạo ra dịch bệnh.

Nguy hiểm hơn có những loại rác hóa học với kim loại nặng ngấm vào trong đất, thấm vào trong nước đi vào cơ thể con người thông qua đường ăn uống dẫn đến các loại bệnh nguy hiểm khó chữa trị...

- Rác làm mất mỹ quan môi trường.

2. - Không xả rác ra môi trường mà bỏ rác đúng nơi quy định.

- Tuyên truyền, nhắc nhở thậm chí đấu tranh với người xả rác bừa bãi.

- Các cấp chính quyền vừa tuyên truyền vừa có biện pháp xử phạt những người gây ô nhiễm môi trường.

.....
Phần này giáo viên nghe HS trình bày trước lớp và nhận xét. Đồng thời khuyến khích các em chia sẻ qua mail, qua Internet để nhiều học sinh được biết.

* GV giao nhiệm vụ cho HS

- Học bài cũ, soạn bài 13: Tổng kết lịch sử thế giới từ 1945 đến nay.

- Soạn câu hỏi: Tại sao nói: “Hòa bình, ổn định và hợp tác vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc?”

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Bài 13:

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ ĐỌC

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi đọc học xong bài, học sinh

- Trình bày được những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

- Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

- Biết được các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho học sinh phương pháp tư duy, tổng hợp, phân tích, so sánh liên hệ được những kiến thức đã học ở thực tế.

3. Thái độ

- Có ý thức tự học

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện

II. Phương pháp: Hướng dẫn học sinh về nhà đọc và làm theo hướng dẫn

1. Hoạt động 1: 1. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học	- Chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống thế giới.

<p>tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 1 trả lời câu hỏi sau</p> <p>1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa sau năm 1945? Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu?</p> <p>2. Phong trào đấu tranh GPDT ở châu Á, Phi, Mĩ latin? Ý nghĩa lịch sử của phong trào GPDT ở châu Á, Phi và MLT sau CTTG thứ hai?</p> <p>3, Tình hình kinh tế các nước tư bản sau CTTG thứ hai? Xu hướng phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa sau năm 1945?</p> <p>4.Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay diễn ra như thế nào?</p> <p>5.Nêu những thành tựu chủ yếu của cuộc CM KH-KT lần thứ hai? Cuộc cách mạng này có ý nghĩa lịch sử to lớn với nhân loại như thế nào?</p> <p>6.Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu ghi vào vở</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận vào tiết học sau</p>	<p>Là một lực lượng hùng mạnh, có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình phát triển của thế giới. Nhưng do phạm phải nhiều sai lầm, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tan rã vào những năm 1989 – 1991.</p> <p>- Cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã sụp đổ. Nhiều quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời, ngày càng giữ vai trò quan trọng trên trường quốc tế và thu được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, xã hội.</p> <p>- Những nét nổi bật của hệ thống tư bản chủ nghĩa là:</p> <p>+ Nền kinh tế phát triển tương đối nhanh, tuy không tránh khỏi có lúc suy thoái, khủng hoảng.</p> <p>+ Mĩ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và theo đuổi mưu đồ thống trị thế giới.</p> <p>+ Xu hướng liên kết khu vực về kinh tế - chính trị ngày càng phổ biến, điển hình là Liên minh châu Âu (EU).</p> <p>- Về quan hệ quốc tế, sự xác lập của Trật tự thế giới hai cực với đặc trưng lớn là sự đối đầu gay gắt giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng lớn này là nhân tố chủ yếu chi phối nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX.</p> <p>- Với những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã và sẽ đưa lại những hệ quả nhiều mặt không lường hết được đối với loài người cũng như mỗi quốc gia, dân tộc.</p>
---	--

2. Hoạt động 2. 2. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay

- **Mục tiêu:** Biết được các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 4 bài 11, trả lời câu hỏi vào vở</p> <p>Trình bày các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.</p>	<p>- Xu hướng hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.</p> <p>- Một trật tự thế giới mới hình thành theo chiều hướng đa cực, đa trung tâm.</p> <p>- Dưới tác động của cách mạng khoa học – công nghệ, hầu hết các nước đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.</p>

Thực hiện nhiệm vụ học tập GV sẽ kiểm tra vở về bài báo cáo của các em	- Nhưng ở nhiều khu vực (như châu Phi, Trung Á,...) lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu với những hậu quả nghiêm trọng. * Xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.
---	--

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Phần 2: LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

Chương I: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919-1930.

Tiết 16, Bài 14:

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được nguyên nhân và những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Biết được những nét chính về chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp.
- Chỉ ra được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.
- Xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ.
- So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

2. Kỹ năng

Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ, các tư liệu lịch sử, văn học để minh hoạ khắc sâu những nội dung cơ bản của bài học trên lớp.

3. Thái độ

- Giáo dục cho HS lòng căm thù đối với bọn thực dân Pháp áp bức bóc lột dân tộc ta.
- HS đồng cảm với sự vất vả, cực nhọc của người lao động sống dưới chế độ thực dân phong kiến.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ.
 - + So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Suu tầm tranh ảnh, tài liệu về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam.

V. Tiến trình dạy học**1. Ổn định lớp****2. Kiểm tra bài cũ (linh động)****3. Bài mới****3.1. Hoạt động khởi động**

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận xét được sự bóc lột, khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đối với Việt Nam qua một số hình ảnh, video, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan một số tranh ảnh và xem đoạn video về cảnh TD Pháp khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- + Em có suy nghĩ gì về những hình ảnh và đoạn video đó?

- **Dự kiến sản phẩm**

- + HS trả lời theo suy nghĩ của mình.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Chiến tranh thế giới thứ nhất để lại hậu quả vô cùng nặng nề đối với các nước TBCN kể cả những nước thắng trận hay bại trận, để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp đã tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, tấn công quy mô và toàn diện vào nước ta, biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá ế thừa và thị trường đầu tư tư bản có lợi cho chúng. Với chương trình khai thác lần này, kinh tế, văn hoá – giáo dục và xã hội VN biến đổi sâu sắc... và điều đó thể hiện như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức**1. Hoạt động 1: 1. I) Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp**

- **Mục tiêu:** Trình bày được nguyên nhân và những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ. So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc SGK mục 1. - Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận: + Nhóm 1,2: Nguyên nhân và những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. + Nhóm 3,4: Trình bày những chính sách về nông nghiệp, công nghiệp của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. + Nhóm 5: Trình bày những chính sách về thương nghiệp, GTVT và ngân hàng của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc qua những câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Dựa vào đâu Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam ngay sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhằm mục đích gì? (<i>Là nước thắng trận nhưng bị thiệt hại nặng nề ...</i>)</p> <p>? Vì sao Pháp chỉ đầu tư vào một số ngành trọng điểm? (<i>Đầu tư vốn ít nhưng thu lợi nhiều, trong thời gian ngắn...</i>)</p> <p>? Quan sát hình 27 SGK, xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ? (<i>cao su, công nghiệp nhẹ, xuất khẩu lúa, gạo, than</i>)</p> <p>? So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp là nước thắng trận, nhưng bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế kiệt quệ, tư bản Pháp đẩy mạnh chương trình khai thác thuộc địa để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra. - Chính sách khai thác của Pháp: <ul style="list-style-type: none"> + Nông nghiệp: Tăng cường đầu tư vốn, chủ yếu vào đồn điền cao su, làm cho diện tích trồng cây cao su tăng lên nhanh chóng. + Công nghiệp: Chú trọng khai mỏ, số vốn đầu tư tăng; nhiều công ti mới ra đời, mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến. + Thương nghiệp: Độc quyền, đánh thuế nặng hàng hoá các nước nhập vào Việt Nam. + Giao thông vận tải: Đầu tư phát triển thêm, đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn. + Ngân hàng: Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế Đông Dương.
--	--

2. Hoạt động 2. 2. Các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục

- **Mục tiêu:** Biết được những nét chính về chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp.

- **Phương pháp:** Khuyến khích tự đọc.

- **Thời gian:** 10 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính về chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ học sinh bằng hệ thống câu hỏi gợi mở: ? Trong chương trình khai thác, TDP đã thực hiện những chính sách cai trị ntn đối với nước ta? ? Chính sách này nhằm mục đích gì? ? Những chính sách về văn hoá, giáo dục của TDP trong chương trình khai thác thuộc địa là gì? (<i>Tuyên truyền chính sách “khai hoá”</i>) ? Chính sách văn hoá, giáo dục của Pháp có đúng là “khai hoá văn minh” cho người Việt không? Mục đích là gì? (<i>Không vì: Pháp muốn thông qua giáo dục để đào tạo tay sai; Kìm hãm dân ta trong vòng ngu dốt để dễ bề cai trị</i>) Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - Học sinh trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	- Chính trị: Thực hiện chính sách “chia để trị”, thu tóm mọi quyền hành, cấm đoán mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố,... - Văn hoá giáo dục: Khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội, hạn chế mở trường học,...

3. Hoạt động 3: 3. Xã hội Việt Nam phân hoá

- **Mục tiêu:** Biết được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 3. - Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận trên phiếu học tập: Hoàn thành bảng sau		
Các giai tầng	Đặc điểm	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng
Địa chủ PK		
Tư sản		
Tiểu TS thành thị		
Nông dân		

Công nhân		
-----------	--	--

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày, phản biện.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

Dự kiến sản phẩm:

Các giai tầng	Đặc điểm	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng
Địa chủ PK	Áp bức bóc lột, chiếm đoạt ruộng đất của nông dân	- Cấu kết chặt chẽ với TD Pháp - Có một bộ phận nhỏ có tinh thần yêu nước.
Tư sản	Phân hoá thành hai bộ phận: TS mại bản và TS dân tộc	- TS mại bản làm tay sai cho TD Pháp - TS dân tộc có tinh thần dân tộc, dân chủ, chống đế quốc và phong kiến nhưng dễ thoả hiệp
Tiểu TS thành thị	- Gồm trí thức, tiểu thương, thợ thủ công - Bị TS Pháp chèn ép, khinh bỉ, đời sống bấp bênh	- Có tinh thần cách mạng, là một lực lượng trong quá trình cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta
Nông dân	- Chiếm trên 90 % dân số - Bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề - Bị bần cùng hoá và phá sản	Là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất cuộc cách mạng
Công nhân	- Phát triển nhanh, gắn bó với nông dân, có truyền thống yêu nước	Nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo. Lập bảng về tình hình phân hoá giai cấp xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất vào vở

<i>Giai cấp/tầng lớp</i>	<i>Phân hóa</i>	<i>Địa vị kinh tế</i>	<i>Thái độ chính trị</i>
<i>Địa chủ phong kiến</i>			
<i>Tư sản</i>			
<i>Tiểu tư sản</i>			
<i>Nông dân</i>			
<i>Công nhân</i>			

- **Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để so sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

- **Thời gian:** 5 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

Cuộc khai thác lần thứ hai được tăng cường đầu tư vốn, kỹ thuật và mở rộng sản xuất để kiếm lời nhiều hơn.

* GV giao nhiệm vụ cho HS

- Suru tầm các hình ảnh về chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.

- Chuẩn bị bài mới: Xem trước chuẩn bị bài 15: Phong trào cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 – 1925).

- Nguyên nhân làm cho phong trào công nhân ở nước ta phát triển một bước cao hơn sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

|

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 16, Bài 15

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 - 1925)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được những ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cách mạng Việt Nam.

- Trình bày được những nét chính về các cuộc đấu tranh trong phong trào dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1925.

- Trình bày được phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1919 - 1925, qua đó thấy được sự phát triển của phong trào.

- Lập niên biểu về phong trào yêu nước và phong trào công nhân từ năm 1919 đến năm 1925.

- Nhận xét về phong trào công nhân trong thời kì này.

2. Kỹ năng

Rèn kĩ năng trình bày các sự kiện lịch sử tiêu biểu và có sự đánh giá đúng về các sự kiện.

3. Thái độ

Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, kính yêu và khâm phục các bậc tiền bối cách mạng, luôn phấn đấu hi sinh cho cách mạng như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Tôn Đức Thắng, Phạm Hồng Thái.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Lập niên biểu về phong trào yêu nước và phong trào công nhân từ năm 1919 đến năm 1925.
 - + Nhận xét về phong trào công nhân trong thời kì này.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh về phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Chân dung các nhà cách mạng: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận ra và biết được vài nét về một số nhà lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ này, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.
- **Thời gian:** 3 phút.
- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan cho HS quan sát hình ảnh cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và Tôn Đức Thắng. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
 - + Em biết gì về những người này?
 - + Tại sao ta phải tìm hiểu về những người này?
- **Dự kiến sản phẩm**
 - + HS trả lời theo suy nghĩ của mình.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Trong lúc XHVN phân hóa sâu sắc do ảnh hưởng của tình hình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp, thì tình hình thế giới sau

CTTG có những thuận lợi như thế nào đến cách mạng Việt Nam, phong trào VN phát triển ra sao? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới

- **Mục tiêu:** Biết được những ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cách mạng Việt Nam.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. Trả lời câu hỏi: Trình bày những ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cách mạng Việt Nam. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV nhấn mạnh thêm: Lúc này NAQ đang hoạt động ở nước ngoài và đọc được luận cương của Lê-nin tìm cách truyền bá về Việt Nam.	- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga. - Thành lập Quốc tế Cộng sản (3 - 1919). - Sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản như: Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921),... → đã tác động rất lớn đến cách mạng Việt Nam.

2. Hoạt động 2. 2. Phong trào dân tộc dân chủ công khai (1919 - 1925)

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về các cuộc đấu tranh trong phong trào dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1925.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 10 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận trên phiếu học tập:		
Nội dung	Giai cấp tư sản	Tầng lớp Tiểu tư sản.
Mục tiêu		

Hình thức		
Tích cực		
Hạn chế		

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm thảo luận.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Học sinh trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả..

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV cung cấp thêm:

- Tư sản dân tộc phát động phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá (1919), chống độc quyền cảng Sài Gòn và chống độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ (1923).

- Các tầng lớp tiểu tư sản được tập hợp trong các tổ chức chính trị như Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt,... với nhiều hình thức đấu tranh như: xuất bản những tờ báo tiến bộ, tổ chức ám sát những tên trùm thực dân (tiếng bom Sa Diện), phong trào đòi thả Phan Bội Châu, đám tang Phan Châu Trinh. GV giới thiệu chân dung Cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

Dự kiến sản phẩm

Nội dung	Giai cấp tư sản	Tầng lớpTiểu tư sản.
Mục tiêu	Đòi tự do dân chủ và đòi quyền lợi kinh tế	Đòi tự do dân chủ và chống cường quyền
Hình thức	Bằng báo chí và thành lập Đảng Lập hiến.	Tập hợp các tổ chức chính trị như Việt Nam nghĩa đoàn, Hội phục việt thông qua hình thức đấu tranh bằng báo chí và phong trào dân chủ
Tích cực	Thức tỉnh lòng yêu nước	Thức tỉnh lòng yêu nước
Hạn chế	Cải lương.	Ấu trĩ, xóc nổi (chưa có chính đảng)

3. Hoạt động 3: 3. Phong trào công nhân (1919 - 1925)

- **Mục tiêu:** Trình bày được phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1919 - 1925, qua đó thấy được sự phát triển của phong trào. Lập niên biểu về phong trào yêu nước và phong trào công nhân từ năm 1919 đến năm 1925. Nhận xét về phong trào công nhân trong thời kì này.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
--	-------------------------

<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 3. Trả lời câu hỏi: Trình bày được phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1919 – 1925. Nhận xét về phong trào công nhân trong thời kì này.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ học sinh làm việc bằng một số câu hỏi gợi mở:</p> <p>? Phong trào công nhân nước ta sau chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra trong bối cảnh thế giới và trong nước như thế nào?</p> <p>? Hãy nêu rõ các cuộc đấu tranh của GCCN trong thời kì này?</p> <p>? Em cho biết điểm mới cuộc bãi công Ba-sơn (8-1925)? (<i>Đấu tranh kết hợp vừa đòi quyền lợi kinh tế lẫn chính trị</i>)</p> <p>? Em có nhận xét gì về phong trào công nhân 1919-1925?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn thành lập tổ chức Công hội (bí mật).</p> <p>- Năm 1922, công nhân viên chức các Sở Công thương ở Bắc Kỳ đấu tranh đòi nghỉ chủ nhật có trả lương.</p> <p>- Năm 1924, diễn ra nhiều cuộc bãi công của công nhân ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.</p> <p>- Tháng 8 - 1925, công nhân Ba Son bãi công nhằm ngăn cản tàu chiến Pháp chở binh lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc.</p> <p>->Cuộc đấu tranh này đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam – giai cấp công nhân bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và mục đích chính trị rõ ràng.</p>
---	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về phong trào CMVN sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- **Thời gian:** 7 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm), tùy vào thời gian mà GV đặt câu hỏi cho HS.

Câu 1. Phong trào dân tộc dân chủ công khai (1919-1925), do những gia tầng nào lãnh đạo?

- A. Giai cấp tư sản, công nhân. B. Giai cấp nông dân và phong kiến.
C. Tầng lớp tiểu tư sản, nông dân. **D. Tầng lớp tiểu tư sản trí thức và tư sản.**

Câu 2: Trong những năm 1919-1925, giai cấp tư sản Việt Nam đấu tranh bằng hình thức

- A. khởi nghĩa vũ trang. B. chính trị kết hợp vũ trang.
C. dùng báo chí và thành lập Đảng lập hiến. D. xuất bản báo chí tiên bộ.

Câu 3: Trong những năm 1919-1925, tầng lớp tiểu tư sản trí thức Việt Nam đấu tranh bằng hình thức

A. xuất bản báo chí tiến bộ, phát động quần chúng đấu tranh.

B. chính trị kết hợp vũ trang.

C. dùng báo chí và thành lập một chính đảng của giai cấp mình.

D. khởi nghĩa vũ trang.

Câu 4: Điểm mới của giai cấp tư sản Việt nam trong giai đoạn này là

A. dám mạnh dạn đấu tranh.

B. vận động được quần chúng.

C. thành lập cho giai cấp mình một chính đảng.

D. bắt tay với tư bản Pháp để làm giàu thêm.

Câu 5: Đảng Cộng sản Pháp ra đời tác động đến cách mạng Việt Nam vì

A. Việt Nam là thuộc địa của thực dân Pháp.

B. có Nguyễn Ái Quốc tham gia cùng sáng lập.

C. chứng tỏ giai cấp công nhân nước Pháp đang lớn mạnh.

D. tầm ảnh hưởng của hoạt động Nguyễn Ái Quốc đến cách mạng nước ta.

Câu 6: Sự ra đời của Đảng Cộng Sản Trung Quốc tác động cách mạng Việt Nam vì

A. ta và Trung Quốc có mối quan hệ với nhau.

B. ta và Trung Quốc gần với nhau thuận tiện giao lưu.

C. các luồng tư tưởng dễ truyền bá vào nước ta.

D. luồng tư tưởng cộng sản dễ truyền bá vào nước ta.

Câu 7: Phong trào yêu nước dân chủ công khai trong những năm 1924-1925 là phong trào nào?

A. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đấu tranh đòi trả tự do nhà yêu Phan Bội Châu.

B. Đấu tranh đòi trả tự do nhà yêu Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh.

C. Xuất bản nhiều tờ báo tiến bộ và lập nhiều nhà xuất bản tiến bộ.

D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và để tang cụ Phan Chu Trinh.

Câu 8: Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (tháng 8/1925) thể hiện

A. tinh thần đoàn kết của công nhân.

B. tinh thần đoàn kết quốc tế.

C. ý thức đấu tranh giai cấp vô sản.

D. ý thức đấu tranh có tổ chức của giai cấp.

Câu 10: Cho các sự kiện sau:

1. Quốc tế cộng sản ra đời

2. Đảng cộng sản In-đô-nê-xia thành lập

3. Đảng cộng sản Pháp ra đời.

4. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời.

Các sự kiện nào ra đời tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mac-Lenin vào nước ta?

A. 1,2,3.

B. 1,3, 4.

C. 1, 2, 4.

D. 1, 2, 3,

4.

Câu 11: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, sự kiện lịch sử thế giới quan trọng ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam là

A. hội nghị Vec-xay phân chia lại thế giới.

B. phong trào giải phóng dân tộc Á, Phi phát triển.

C. cách mạng tháng Mười Nga thành công.

D. thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 14: Điểm tích cực trong phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản trong những năm 1919-1925 là

A. khơi dậy tinh thần yêu nước trong nhân dân.

B. lôi cuốn nhân dân đứng lên đấu tranh chống Pháp.

C. tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế.

D. tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 15: Điểm tích cực trong phong trào đấu tranh của tầng lớp tiểu tư sản trí thức trong những năm 1919 - 1925 là

A. khơi dậy tinh thần yêu nước trong nhân dân.

B. góp phần thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá các luồng tư tưởng cách mạng mới.

C. lôi cuốn nhân dân đứng lên đấu tranh chống Pháp.

D. tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 16: Điểm hạn chế trong phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản trong những năm 1919-1925 là

A. chưa khơi dậy tinh thần yêu nước trong nhân dân.

B. chưa lôi cuốn nhân dân đứng lên đấu tranh chống Pháp.

C. hoạt động còn mang tính cải lương, sẵn sàng thỏa hiệp.

D. chưa tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 17: Hạn chế trong phong trào đấu tranh của tầng lớp tiểu tư sản trí thức trong những năm 1919-1925 là

A. không mạnh dạn lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chống Pháp.

B. chưa tổ chức chính đảng nên đấu tranh còn mang tính chất xóc nổi, ấu trĩ.

C. chưa thức tỉnh tinh thần yêu nước trong nhân dân.

D. không tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 18: Điểm mới của cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (tháng 8/1925) là

A. đấu tranh có tổ chức, đòi quyền lợi kinh tế.

B. đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế và chính trị.

C. đấu tranh có tổ chức và mục đích chính trị.

D. thể hiện trình độ tổ chức chính trị cao.

- **Dự kiến sản phẩm** (Đáp án in đậm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
ĐA									

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để vận dụng kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn. HS biết rút ra được điểm mới phong trào Ba Son.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Câu 1: Nguyên nhân cơ bản nào làm cho phong trào dân tộc dân chủ công khai bị thất bại?

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản bị lỗi thời, lạc hậu.

B. Thực dân Pháp còn mạnh đủ khả năng đàn áp.

C. Giai cấp tư sản và tiểu tư sản yếu kém về kinh tế nên uơon hèn về chính trị.

D. Do chủ nghĩa Mác-Leenin chưa truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 2: Đến năm 1925, phong trào công nhân nước ta đã có một bước tiến mới là

A. Không còn lẻ tẻ, tự phát.

B. Không còn lẻ tẻ.

C. thể hiện ý thức tự giác của giai cấp.

D. còn lẻ tẻ mà tự giác

Câu 3: Qua cuộc bãi công của công nhân Ba Son(8/1925), đã để lại bài học gì cho giai cấp công nhân đấu tranh giành thắng lợi sau này?

A. Cần có một tổ chức thống nhất lãnh đạo.

B. Phải có đường lối đúng đắn.

C. Liên kết công nhân trong nhiều ngành nghề đấu tranh.

D. Có tổ chức thống nhất lãnh đạo đúng đắn, liên minh giai cấp.

- Thời gian: 5 phút.

- Dự kiến sản phẩm

(đáp án in đậm)

* GV giao nhiệm vụ cho HS

- Ôn tập theo nội dung đề cương để chuẩn bị tốt cho bài làm kiểm tra học kỳ 1.

ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.
- Biết được các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.
- Biết lịch sử Việt Nam giai đoạn 1918-1925

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho học sinh phương pháp tư duy, tổng hợp, phân tích, so sánh liên hệ được những kiến thức đã học ở thực tế.

3. Thái độ

- Học sinh cần nhận thức được cuộc đấu tranh gay gắt với những diễn biến phức tạp giữa các lực lượng XHCN, độc lập dân tộc, dân chủ tiến bộ và chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực phản động khác.
- Nước ta là một bộ phận của thế giới, ngày nay càng có quan hệ mật thiết với khu vực và thế giới, nhất là trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế ngày nay.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

II. Phương pháp: Hướng dẫn học sinh về nhà đọc ...

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản đã học từ đầu năm đến bây giờ. Đây là bài ôn tập những điều đã học chứ không phải giảng bài mới. Mục tiêu của bài này là giáo viên tổ chức và dẫn dắt học sinh nhớ lại, củng cố những nội dung đã học.

- **Phương pháp:** Nêu vấn đề
- **Thời gian:** 2 phút.
- **Tổ chức hoạt động:** GV nêu vấn đề
- **Dự kiến sản phẩm**

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Qua các bài 1 đến bài 15 các em đã học về các nước xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa, các nước Á, Phi, Mĩ La tinh cùng phong trào giải phóng dân tộc ở đây, tình hình trật tự thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng như phần lịch sử Việt Nam hôm nay chúng ta ôn tập lại những kiến thức đã học

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI

1. Hoạt động 1: 1. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Thời gian:** 20 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 1.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận:</p> <p>+ Nhóm 1: Sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa sau năm 1945? Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu?</p> <p>+ Nhóm 2: Phong trào đấu tranh GPDT ở châu Á, Phi, Mĩ latinh? Ý nghĩa lịch sử của phong trào GPDT ở châu Á, Phi và MLT sau CTTG thứ hai?</p> <p>+ Nhóm 3: Tình hình kinh tế các nước tư bản sau CTTG thứ hai? Xu hướng phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa sau năm 1945?</p> <p>+ Nhóm 4: Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay diễn ra như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 5: Nêu những thành tựu chủ yếu của cuộc CM KH-KT lần thứ hai? Cuộc cách mạng này có ý nghĩa lịch sử to lớn với nhân loại như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 6: Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV</p>	<p>- Chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống thế giới. Là một lực lượng hùng mạnh, có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình phát triển của thế giới. Nhưng do phạm phải nhiều sai lầm, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tan rã vào những năm 1989 – 1991.</p> <p>- Cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã sụp đổ. Nhiều quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời, ngày càng giữ vai trò quan trọng trên trường quốc tế và thu được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, xã hội.</p> <p>- Những nét nổi bật của hệ thống tư bản chủ nghĩa là:</p> <p>+ Nền kinh tế phát triển tương đối nhanh, tuy không tránh khỏi có lúc suy thoái, khủng hoảng.</p> <p>+ Mĩ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và theo đuổi mưu đồ thống trị thế giới.</p> <p>+ Xu hướng liên kết khu vực về kinh tế - chính trị ngày càng phổ biến, điển hình là Liên minh châu Âu (EU).</p> <p>- Về quan hệ quốc tế, sự xác lập của Trật tự thế giới hai cực với đặc trưng lớn là sự đối đầu gay gắt giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội</p>

<p>sử dụng bản đồ chính trị thế giới từ sau CTTG thứ hai đến năm 1989 (để HS biết rõ sự thay đổi của thế giới sau năm 1945)</p> <p>GV nhấn mạnh: Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình xây dựng CNXH không phù hợp, chứ không phải là sự sụp đổ của một lý tưởng. CNXH vẫn là cái đích mà loài người phải vươn tới... (kể tên các nước XHCN hiện nay)</p> <p>Về cuộc cách mạng KH-KT: Liên hệ về nội dung cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay (Cách mạng công nghiệp 4.0)</p>	<p>chủ nghĩa. Đặc trưng lớn này là nhân tố chủ yếu chi phối nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX.</p> <p>- Với những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã và sẽ đưa lại những hệ quả nhiều mặt không lường hết được đối với loài người cũng như mỗi quốc gia, dân tộc.</p>
---	--

2. Hoạt động 2. 2. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay

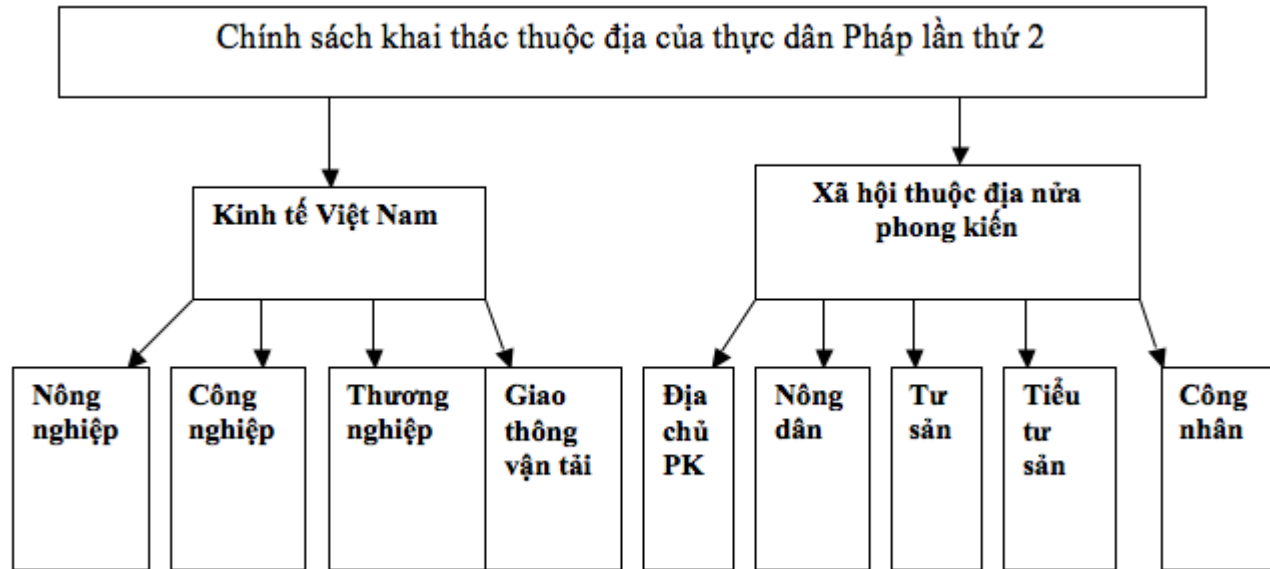
- **Mục tiêu:** Biết được các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 10 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc SGK mục 4 bài 11, trả lời câu hỏi theo hình thức nhóm cặp đôi:</p> <p>Trình bày các xu thế phát triển của thế giới ngày nay. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Học sinh trả lời các câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV liên hệ tình hình thế giới hiện nay: Xung đột, khủng bố, tranh chấp (Giáo dục bảo vệ chủ quyền biển đảo, xu hướng phát triển của VN trong giai đoạn hiện nay, đường lối đấu tranh hòa bình kiên quyết bảo vệ chủ quyền biển đảo, hợp tác phát triển với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở tôn</p>	<p>- Xu hướng hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.</p> <p>- Một trật tự thế giới mới hình thành theo chiều hướng đa cực, đa trung tâm.</p> <p>- Dưới tác động của cách mạng khoa học – công nghệ, hầu hết các nước đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.</p> <p>- Nhưng ở nhiều khu vực (như châu Phi, Trung Á,...) lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu với những hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>* Xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.</p>

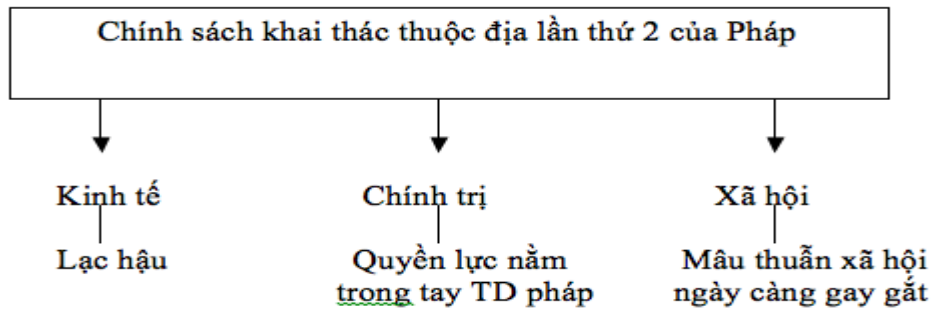
trọng độc tập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; giải quyết các tranh chấp biển đảo theo luật pháp quốc tế.)

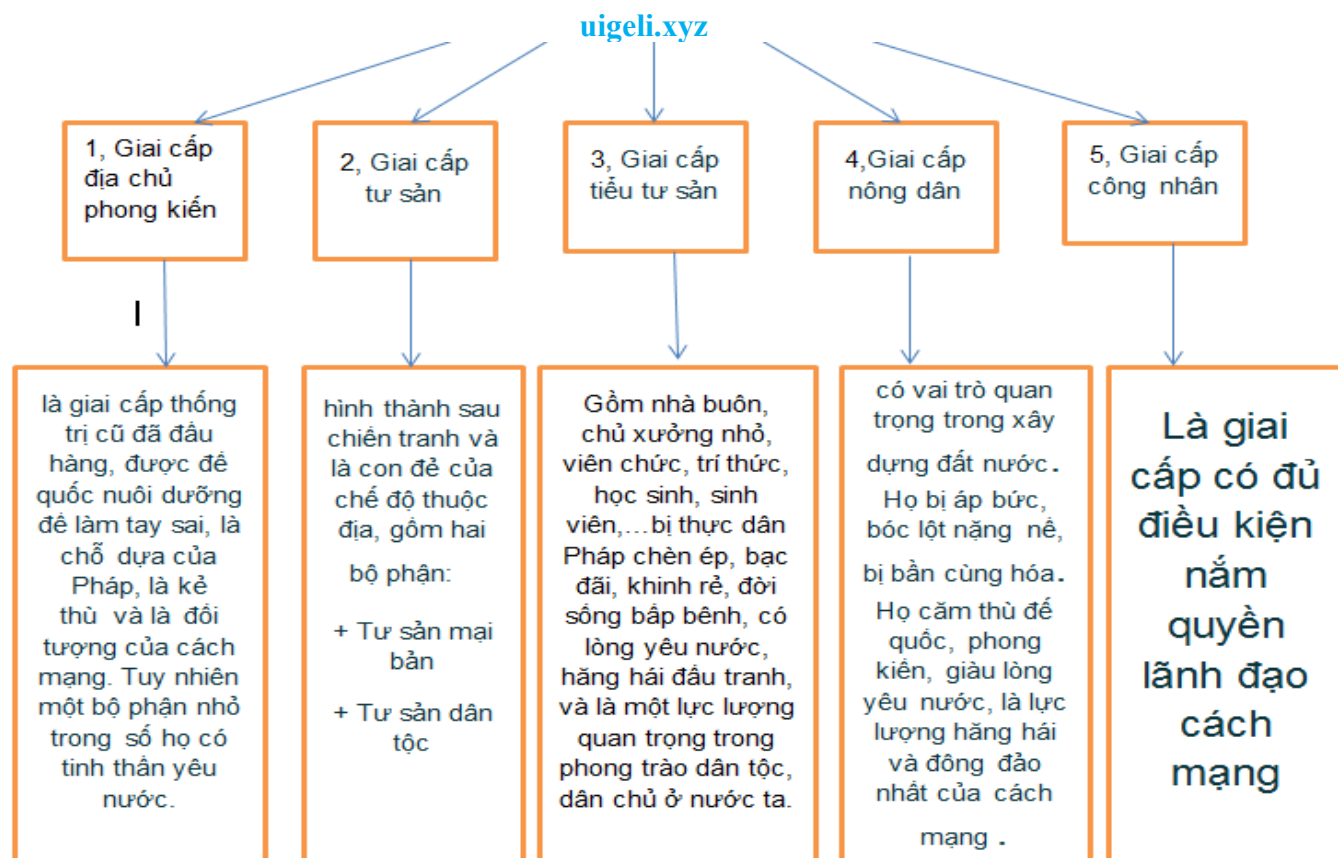
LỊCH SỬ VIỆT NAM

Thực hiện ôn tập bằng sơ đồ



Sơ đồ 2: Hậu quả của chính sách khai thác và bóc lột





Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 18: KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. Mục tiêu**1. Kiến thức**

- Nhằm kiểm tra các mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh về các chủ đề đã học trong học kì I:
- Biết được sự ra đời một số tổ chức liên kết khu vực ở Á, Phi, Mĩ La- tinh; Hội nghị Ianta;
- Lí giải được 1 số sự kiện của cuộc đấu tranh ở các nước Á, Phi, Mĩ La- tinh; Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Nhật Bản;
- So sánh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La- tinh; Chứng minh được sự phát triển kinh tế sau CTTG thứ hai; Nhận xét được xu thế của thế giới;
- Rút bài học lịch sử; Liên hệ thực tiễn Việt Nam và bản thân.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho Kỹ năng tái hiện; trình bày một bài viết lịch sử, khả năng lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề, phân tích và đánh giá, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học lịch sử.

3. Thái độ

- Giáo dục học sinh có thái độ nghiêm túc, tính trung thực, tự giác trong làm bài. Biết trân trọng các thành quả cách mạng.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực ngôn ngữ, tư duy.
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực phân tích, đánh giá, vận dụng, liên hệ.

II. Hình thức kiểm tra. Trắc nghiệm khách quan + Tự luận**III. Ma trận đề kiểm tra.**

Chủ đề	Cấp độ		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Cộng
	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
Các nước Á, Phi, Mĩ La- tinh từ năm 1945 đến nay			Biết được sự ra đời một số tổ chức liên kết khu vực ở Á, Phi, Mĩ La- tinh		Lí giải được 1 số vấn đề của cuộc đấu tranh ở các nước Á, Phi, Mĩ La- tinh		So sánh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La- tinh				TL: 0. TN: 7 Điểm:2
Số câu Số điểm	2 0,5				4 1		2 0,5				
Mĩ- Nhật Bản- Tây Âu từ năm 1945 đến nay					- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển		Chứng minh được sự phát triển kinh tế sau CTTG thứ hai.		Rút bài học lịch sử; Liên hệ thực tiễn Việt Nam.		TL: 1, TN: 4 Điểm: 4
Số câu Số điểm						1/3 1,5	2 0,5	1/3 1	2 0,5	1/3 0,5	
Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay			Biết được một số vấn đề của hội nghị Ianta				Nhận xét được xu thế của thế giới.				TL: 1, TN:4 Điểm 4
Số câu	2	½					2	½			

Số điểm	0,5	1			0,5	2			
Cộng	TL: 1/2 TN: 4 Điểm: 2 Tỉ lệ: 15%	TL: 1/2; TN: 4 Điểm: 2,5 Tỉ lệ: 35%			TL: 1/3; ½ TN: 6 Điểm: 4,5 Tỉ lệ: 45 %		TL: 1/3 TN: 2 Điểm: 1 Tỉ lệ: 10 %		TL: 2 – 6đ TN: 16- 4đ Điểm: 10

IV. Đề ra và đáp án

Nhận biết:

Câu 1: Nhóm nước nào sau đây tham gia sáng lập tổ chức hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ?

- A. Thái Lan, MaLaixia, Miến Điện, Philippin, Bru này.
- B. Thái Lan, Philippin, In đônêxia, Malaixia, Xingapo.
- C. Malaixia, Philippin, Miến Điện, Xingapo, Inđônêxia.
- D. Philippin, Bru này, Inđônêxia, Xingapo, Thái Lan.

Câu 2: Hiệp hội các nước Đông Nam Á được thành lập tại:

- A. Gia-các-ta (Inđônêxia)
- B. Ma-ni-la (Philippin)
- C. Băng cốc (Thái lan)
- D. Cua-la-lăm-pơ (Ma-lai-xi-a)

Câu 3: Hội nghị I-an-ta diễn ra khi chiến tranh thế giới thứ hai:

- A. bước vào giai đoạn kết thúc
- B. đang diễn ra vô cùng ác liệt
- C. bùng nổ và ngày càng lan rộng
- D. đã kết thúc.

Câu 4: Nguyên thủ của những cường quốc nào sau đây tham dự Hội nghị I-an-ta?

- A. Liên Xô, Mỹ, Nhật Bản
- B. Liên Xô, Anh, Nhật Bản
- C. Liên Xô, Mỹ, Anh
- D. Mỹ, Anh, Nhật Bản

Thông hiểu

Câu 5: Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa lịch sử về sự ra đời nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa?

- A. Kết thúc ách nô dịch hơn 100 năm đế quốc và hàng ngàn năm của chế độ phong kiến của phong kiến
- B. Đưa Trung quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do
- C. Xã hội chủ nghĩa nổi lên từ châu Âu sang châu Á
- D. Đưa Trung Quốc xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

Câu 6: Cuộc tấn công của 135 thanh niên yêu nước vào pháo đài Môncada có ý nghĩa gì?

- A. Thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh vũ trang ở Cu Ba và mở đầu cho phong trào 26/7.
- B. Đã lật đổ được chế độ độc tài thân Mỹ
- C. Tiêu diệt được đội quan đánh thuê của Mỹ
- D. Đưa Cu Ba tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 7: Vì sao năm 1960 được gọi là năm Châu Phi?

- A. Tất cả các nước Bắc Phi giành độc lập
- B. Có 3 nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bich, Ghi-nê-bit-xao giành độc lập.
- C. Có 17 nước giành được độc lập
- D. Là dấu mốc đánh dấu chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 8 Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế chính trị ở nhiều nước Mỹ La Tinh:

- a. gặp nhiều khó khăn, có lúc trở nên căng thẳng

- b. bị khủng hoảng sụp đổ do sự bao vây cấm vận của Mỹ
- c. không ổn định ngày càng lệ thuộc vào Mỹ
- d. phát triển ổn định và dành được nhiều thành tựu

Vận dụng:

Câu 9: Điểm giống nhau cơ bản về hình thức giành chính quyền của các nước Mỹ La tinh so với các nước châu Á là gì?

- A. Chủ yếu giành chính quyền bằng khởi nghĩa vũ trang
- B. Chủ yếu giành chính quyền bằng đấu tranh chính trị quần chúng
- C. Chủ yếu giành chính quyền bằng đấu tranh ngoại giao
- D. Chủ yếu giành chính quyền bằng đấu tranh nghị trường

Câu 10: So với các nước châu Á, châu Phi điểm khác biệt về tình hình chính trị của các nước Mỹ La tinh trước chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Là những nước thuộc địa và đã mất hết độc lập chủ quyền vào tay đế quốc Mỹ.
- B. Là những nước đã giành được độc lập nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc của Mỹ.
- C. Là những nước đã giành độc lập nhưng sau đó lại trở thành những nước thuộc địa của Mỹ.
- D. Là những nước đã giành độc lập nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc của các nước thực dân phương tây.

Câu 11: Biểu hiện chủ yếu nào chứng tỏ sau chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ là nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới?

- A. Là một trong ba trung tâm kinh tế thế giới
- B. Là trung tâm công kinh tế tài chính duy nhất
- C. Sản lượng công nghiệp của Mỹ chiếm $\frac{3}{4}$ sản lượng công nghiệp của thế giới
- D. Sản lượng công nghiệp của Mỹ đứng đầu trong thế giới các nước tư bản

Câu 12: Sự kiện được coi là: “ngọn gió thần” đối với sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Hiến pháp mới được ban hành
- B. Viện trợ của Mỹ
- C. Việc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Triều Tiên , Việt Nam
- D. Việc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Triều Tiên

Câu 13: Xu thế chung của thế giới hiện nay có gì khác so với trước chiến tranh lạnh?

- A. Hòa hoãn, hòa dịu trong quan hệ quốc tế
- B. Hình thành trật tự thế giới theo hướng đơn cực .
- C. Hầu hết các nước điều chỉnh chiến lược.
- D. Hòa Bình ổn định hợp tác và phát triển

Vận dụng cao

Câu 15: Từ sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thập niên 60 – 70 của thế kỷ XX, Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm chủ yếu nào cho công cuộc phát triển kinh tế hiện nay?

- A. Tích cực tiềm kiếm nguồn viện trợ từ bên ngoài để phát triển kinh tế
- B. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động.
- C. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao
- D. Đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nặng

Câu 16: Bước chuyển biến quan trọng trong quan hệ Việt Nam- Mỹ sau 1975 là gì?

- A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
- B. Bồi thường hậu quả của chiến tranh cho Việt Nam
- C. Thực hiện hợp tác về an ninh
- D. Hợp tác cùng phát triển đi lên xã hội chủ nghĩa.

Câu 19: Xu thế phát triển của thế giới ngày nay tác động như thế nào đến Việt Nam:

- A. Tạo thời cơ cho Việt Nam thu hút vốn của nước ngoài
- B. Vừa là thời cơ vừa là thách thức
- C. Là thách thức lớn đối với các nước đang phát triển.
- D. Tạo điều kiện cho khoa học kỹ thuật phát triển.

Tự luận

Câu 1:(3,0 điểm) Chứng minh sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai? Việt Nam rút ra được bài học kinh nghiệm gì từ Nhật Bản để có thể vận dụng vào công cuộc CNH-HĐH đất nước hiện nay?

Câu 2: (3,0)Hãy nêu những nghị quyết của hội nghị I-an-ta (tháng 2/1945) và phân tích hệ quả của nghị quyết đó

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3đ)	Sự phát triển kinh tế:	1
	- Từ 1960 đến 1973, được gọi là giai đoạn phát triển “thần kì”.	0,25
	- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 1960-1969 là 10,8%.	0,25
	- 1968, kinh tế Nhật Bản vươn lên thứ 2 thế giới tư bản (sau Mỹ).	0,25
	- Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mỹ và Tây Âu).	0,25
	Nguyên nhân:	1,5
	- Phát triển kinh tế trong điều kiện quốc thuận lợi; nhờ những đơn đặt hàng của mỹ...	0,25
	- Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỉ luật và coi trọng tiết kiệm.	0,25
	- Biết áp dụng các thành tựu khoa học – kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.	0,25
	- Truyền thống văn hóa lâu đời của người Nhật, sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới nhưng cần giữ được bản sắc dân tộc.	0,25
	- Hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ty Nhật Bản.	0,25
	- Vai trò quan trọng của Nhà nước ..	0,25
	Bài học kinh nghiệm	0,5
	+ Phải đầu tư phát triển giáo dục nâng cao dân trí	0,25
	+ Nâng cao kỷ luật trong lao động, coi trọng tiết kiệm, giữ uy tín trong kinh doanh ...giáo dục thế hệ trẻ giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc	0,25
Câu	Câu 2: Hãy nêu những nghị quyết của hội nghị I-an-ta (tháng 2/1945) và phân tích hệ quả của nghị quyết đó	Điểm
	1. Hoàn cảnh lịch sử: – Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra trước các nước Đồng minh: Việc nhanh chóng đánh bại phát xít. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.	0,5

	<p>Việc phân chia thành quả chiến thắng.</p> <p>– Tháng 2/1945, Mỹ (Ru dơ ven), Anh (Sóc sin), Liên Xô (Xtalin) họp hội nghị quốc tế ở I-an-ta (Liên Xô) để thỏa thuận việc giải quyết những vấn đề bức thiết sau chiến tranh và hình thành một trật tự thế giới mới.</p>	0,5
	<p>2. Nội dung của hội nghị (những quyết định quan trọng):</p> <p>– Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.</p> <p>– Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.</p> <p>– Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc để duy trì hòa bình, an ninh thế giới</p> <p>– Thỏa thuận việc đóng quân, giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận ở châu Âu và Á :</p> <p>+ Ở châu Âu: Liên Xô chiếm Đông Đức, Đông Âu;Đông Béc lin : Mỹ, Anh, Pháp chiếm Tây Đức, Tây Âu, Tây Béc lin.</p> <p>+ Ở châu Á:</p> <p>* Vùng ảnh hưởng của Liên Xô: Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Nam Xa-kha-lin, 4 đảo thuộc quần đảo Cu-rin;</p> <p>* Vùng ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây:Nhật Bản,Nam Triều Tiên;Đông Nam Á,Nam Á, Tây Á ...</p> <p>* Ở Đông Dương : việc giải giáp quân Nhật giao cho quân Anh ở phía Nam và quân Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc.</p> <p>* Trung Quốc trở thành quốc gia thống nhất.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>3. Hệ quả của những quyết định trên:</p> <p>Những quyết định của hội nghị Yalta (I-an-ta) đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là “Trật tự hai cực Ianta”.</p>	0,5

4. Củng cố:

-GV thu bài,nhận xét và rút kinh nghiệm tiết kiểm tra

5. Hướng dẫn về nhà:

- Ôn lại các ND đã học

- Xem trước bài mới: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 - 1925

Ngày soạn:

Ngày giảng:

HỌC KÌ II:

Tiết 19, Bài 16

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919-1925

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau khi học bài này học sinh

- Biết những hoạt động của NAQ từ 1917 đến 1923 ở Pháp. Nhấn mạnh đến việc NAQ đã tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.
- Hiểu những hoạt động cụ thể của NAQ từ 1923 đến 1924 ở Liên Xô để hiểu rõ đó là sự chuẩn bị tư tưởng cho sự thành lập Đảng
- Trình bày những hoạt động cụ thể của NAQ từ 1924 đến 1925 ở Trung Quốc để hiểu rõ đó là sự chuẩn bị tổ chức cho sự thành lập Đảng
- Nhận xét về quá trình hoạt động cách mạng của NAQ từ 1919 – 1925?

GDMT:

- + Gửi bản “Yêu sách của ND An Nam” đến Hội nghị Vecxây (1919), đọc bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề DT và thuộc địa; tham dự ĐH Đảng XH Pháp và tham gia thành lập ĐCS Pháp (1920).
- + Dự ĐH Quốc tế CS lần V (1924).
- + Thành lập Hội VNCM Thanh niên.

- GD tấm gương ĐD.HCM:

- + CD: GD tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ quyết tâm tìm đường cứu nước
- + ND: Những h/động của NAQ tìm thấy con đường cứu nước GPDT.

2. Kỹ năng: - Quan sát hình 28 để biết được NAQ tham gia Đại hội Đảng xã hội Pháp (12/1920)

- Lập bảng hệ thống về hoạt động của NAQ từ năm 1919 đến 1925 và nêu nhận xét
- Rèn luyện kỹ năng quan sát và trình bày một số vấn đề lịch sử bằng bản đồ.

3. Thái độ: Giáo dục cho Học sinh lòng khâm phục, kính yêu lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các chiến sĩ cách mạng.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- So sánh, nhận xét, đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm về những thuận lợi và khó khăn trên con đường hoạt động cách mạng của Người.

II. Chuẩn bị: 1. Giáo viên: + Giáo án word và Powerpoint.

+ Lược đồ: Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước.

2. Học sinh: Học + Đọc sách giáo khoa.

III. Phương pháp dạy học

- Phương pháp thuyết trình, bản đồ, vấn đáp, nhóm.

IV. Tiến trình:

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra:** Nhận xét bài kiểm tra học kỳ 1

3. **Bài mới:**

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt biết những hoạt động nổi bật của NAQ từ 1917 đến 1923 ở Pháp. Nhấn mạnh đến việc NAQ đã tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho xem ảnh Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (12 – 1920) yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi

? Qua bức hình trên, em biết đây là nhân vật lịch sử nào? Nhân vật đó đang ở đâu?

? Em biết gì về nhân vật lịch sử này?

- Dự kiến sản phẩm

+ Bức ảnh đó là: Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (12 – 1920)

- Nhân vật lịch sử: Nguyễn Ái Quốc

- Địa danh: ở Tua Pháp.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới:

Cuối TK XIX đầu TK XX CMVN rơi vào tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo và bế tắc về đường lối, nhiều chiến sĩ ra đi tìm đường cứu nước nhưng không thành. Nguyễn Ái Quốc khâm phục và trân trọng các bậc tiền bối nhưng không đi theo con đường mà các chiến sĩ đương thời đã đi. Vậy Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường nào? Để hiểu rõ hơn ta vào bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>1. Hoạt động 1</p> <p>Mục I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917-1923)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: HS trình bày được hoạt động nổi bật của NAQ từ 1917 đến 1923 ở Pháp. Nhấn mạnh đến việc NAQ đã tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. - Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm. - Phương tiện <ul style="list-style-type: none"> + Hình 28 SGK + Nếu có Ti vi dùng Ti vi. - Thời gian: 11 phút - Tổ chức hoạt động <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia thành nhóm cặp đôi. <p>Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>Trong thời gian sinh sống tại Pháp Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động nào từ 1917-1920 ?</p> <p>? Sau khi tìm thấy chân cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động gì ở Pháp (từ 1921-1923)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>? Sau chiến tranh thế giới thứ nhất bọn đế quốc thắng trận đã làm gì ? (hợp để phân chia quyền lợi).</p> <p>? Tại hội nghị Véc Xai, Người đã làm gì ?</p> <p>? Nội dung bản yêu sách nói gì ?</p> <p>? Bản yêu sách không được chấp nhận nhưng việc làm đó có tác dụng gì ?</p> <p>? Để tìm hiểu về cách mạng tháng 10 Nga, Người đã làm gì ?</p> <p>? Những sách báo của Lê Nin đã có tác dụng như thế nào đối với Người ?</p> <p>? Trong thời gian sinh sống tại Pháp Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động nào từ 1917-1920 ?</p> <p>? Sau khi tìm thấy chân cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động gì ở Pháp (từ 1921-1923) ?</p> <p>? Theo em, con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có</p>	<p>I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917-1923)</p> <ul style="list-style-type: none"> + 18-6-1919 Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Vec-xai bản yêu sách 8 điểm đòi tự quyền tự do, bình đẳng, tự quyết của dân tộc Việt Nam. + 7-1920 Nguyễn Ái Quốc đọc được “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc của Lê-nin” tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: Con đường CM vô sản. + 12-1920 Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập ĐCS Pháp, đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động CM của Người từ chủ nghĩa yếu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin <ul style="list-style-type: none"> ● Bỏ phiếu tán thành Quốc tế III ● Gia nhập Đảng Cộng sản Pháp <p>- 1921 Người sáng lập Hội</p>

<p>gì mới và khác với lớp người đi trước?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>Liên Hiệp các dân tộc thuộc địa</p>
<p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh <u>GV</u>: giới thiệu với học sinh Hình 28 → Người từ chủ nghĩa yếu nước chân chính đến với chủ nghĩa Mác – Lênin. - Hầu hết các chí sĩ đương thời sang các nước phương Đông (Nhật Bản, Trung Quốc) tìm đường cứu nước. - Nguyễn Ái Quốc sang phương Tây(Pháp) rồi sau đó đi vòng quanh thế giới để tìm đường cứu nước => Các chí sĩ trước Nguyễn Ái Quốc là 2 cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đều không thành đạt, không tìm thấy con đường cứu nước chân chính cho dân tộc. - Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ ràng: muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp; Người sang Pháp để tìm hiểu nước Pháp có thực sự “ Tự do, Bình đẳng, Bác ái” hay không ? Nhân dân Pháp như thế nào ? Sau đó Người sang Anh, Mỹ đi vòng quanh thế giới tìm hiểu, tìm ra con đường cách mạng chân chính cho dân tộc - Người nhận thấy rằng: Trước cách mạng XHCN tháng 10 Nga 1917, xã hội tư bản là tiến bộ hơn tất cả các xã hội trước đó, có khoa học- kĩ thuật và văn minh phát triển. - GDMT: +Gửi bản “Yêu sách của ND An Nam” đến Hội nghị Vecxây (1919), đọc bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề DT và thuộc địa; tham dự ĐH Đảng XH Pháp và tham gia thành lập ĐCS Pháp (1920). Chốt ý ghi bảng.</p>	<p>- 1922 Người ra báo Người Cùng Khổ (Le Paria). Viết tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp => Thức tỉnh quần chúng đứng lên đấu tranh</p>
<p>1. Hoạt động 2 Mục II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923-1924) - Mục tiêu: Trình bày những hoạt động cụ thể của NAQ từ 1923 đến 1924 ở Liên Xô để hiểu rõ đó là sự chuẩn bị tư tưởng cho sự thành lập Đảng - Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích.</p>	<p>II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923-1924) + 6-1923 Nguyễn Ái Quốc</p>

- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu

? Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động gì ở Liên Xô từ 1923-1924?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt) và hỗ trợ HS như:

? Tại hội nghị lần V của Quốc tế cộng sản Người đã trình bày quan điểm, lập trường của mình về những vấn đề nào ?

? Những quan điểm cách mạng mới mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được và truyền bá về trong nước sau chiến tranh thế giới I có vai trò quan trọng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

? Những quan điểm đó có vai trò như thế nào đối với cách mạng Việt Nam ?

-Bước 3: Học sinh báo cáo hoạt động và kết quả.

- Học sinh lần lượt trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh

GDMT: Dự ĐH Quốc tế CS lần V (1924).

⇒ Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Sau khi tìm thấy con đường cách mạng chân chính cho dân tộc-cách mạng vô sản: Nguyễn Ái Quốc chuyên tâm hoạt động theo hướng đó. Từ 1920-1924 Người đã chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

GV chốt ý ghi bảng

Mục III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924-1925)

- Mục tiêu: Trình bày những hoạt động cụ thể của NAQ từ

dự Hội nghị Quốc tế nông dân. Người tham gia nghiên cứu, viết bài cho báo Sự thật và tạp chí Thư tín Quốc tế.
+ 1924 dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản

1924 đến 1925 ở Trung Quốc để hiểu rõ đó là sự chuẩn bị tổ chức cho sự thành lập Đảng

- Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích.
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu

? Tại Trung Quốc Người đã có những hoạt động chủ yếu gì ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn

? Sau một thời gian ở tại Liên Xô học tập và nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Đảng kiểu mới, Nguyễn Ái Quốc đã làm gì

? Những hoạt động của NAQ có tác dụng gì ?

? Địa bàn hoạt động Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được mở rộng như thế nào ? (Khắp toàn quốc, các tổ chức quần chúng xuất hiện: Cộng hội, nông hội ...).

? Việc thành lập Cộng sản Đoàn làm nòng cốt cho Hội Việt Nam cách mạng thanh niên có ý nghĩa gì ?

? Ngoài công tác huấn luyện, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên còn chú ý đến công tác gì ?

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả.

- Đại diện các nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh

- Đây là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, có hạt nhân là Cộng sản Đoàn: gồm có 7 đồng chí: Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lưu Quốc Long, Trương Văn Lĩnh, Lê Quang Đạt, Lâm Đức Thụ.

- Lúc đầu tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên gồm 90% là tiểu tư sản trí thức, chỉ có 10% là công nhân

- Báo Thanh niên và cuốn Đường Cách Mệnh được bí mật truyền về nước thúc đẩy nhân dân đứng lên đấu tranh

GV: Năm 1928, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên có chủ trương “ Vô sản hoá” nhằm tạo điều kiện cho hội viên tự rèn luyện, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin, tổ chức và lãnh đạo công nhân đấu tranh.

III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924-1925)

- Cuối 1924 Nguyễn Ái Quốc về Trung Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6-1925)

- Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở các lớp huấn luyện, sau đó đưa cán bộ về hoạt động trong nước.

- Ngoài ra công tác tuyên truyền cũng được chú trọng: xuất bản báo Thanh Niên (6-1925), cuốn sách Đường Cách Mệnh (1927)

- Năm 1928, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên có chủ trương “ Vô sản hoá”.

=> Chuẩn bị tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

- GDMT:

+Thành lập Hội VNCM Thanh niên...

Cuốn Đường cách mệnh đã tập hợp tất cả các bài giảng của Người ở Quảng Châu.

-GD tấm gương ĐĐ.HCM:

+CĐ: GD tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ quyết tâm tìm đường cứu nước

+ND: Những h/động của NAQ tìm thấy con đường cứu nước GPDT.

GV chốt ý ghi bảng.

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919- 1925.

- Thời gian: 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Lập bảng thống kê những sự kiện cần ghi nhớ theo bảng sau :

TT	Thời gian	Sự kiện	Ý nghĩa
1	5.6.1911	Ra đi tìm đường cứu nước	Mở ra 1 chân trời mới cho CMVN
2	1911-1917	Đi khắp các châu Á, Âu, Mĩ, Phi : làm nhiều nghề để kiếm sống, vừa tham gia các hoạt động cách mạng.	Người rút ra một điều: ở đâu giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới đều là bạn, CNĐQ ở đâu cũng là thù.
3	1917	Người trở lại Pháp	
4	1919	Gửi bản yêu sách 8 điểm tới Hội nghị Véc xay, đòi quyền tự do, dân chủ	Gây được tiếng vang lớn
5	7/1920	Đọc sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê nin	Tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc VN theo con đường CMVS ; chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước cho CMVN.
6	12/1920	Gia nhập Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng CS Pháp	Mở ra 1 bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động CM của Người : Từ 1 người yêu nước trở thành 1 người cộng sản ; từ chủ nghĩa yêu nước đến với CN Mác-Lênin
7	1921	Sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa	Truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào các nước thuộc địa và VN.
8	1922	Sáng lập báo Người cùng khổ	Vạch trần, tố cáo tội ác của thực dân Pháp ; thức tỉnh nhân dân thuộc địa
9	1922-1923	Viết bài cho báo Nhân đạo, Đòi sống công nhân, Bản án chế độ thực dân pháp	Được bí mật đưa về trong nước, góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin, thức tỉnh nhân dân...
10	6.1923	Sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân	Những hoạt động của Người ở Liên Xô là sự chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng CS sau
11	1924	Dự Hội nghị Quốc tế cộng sản, tham	

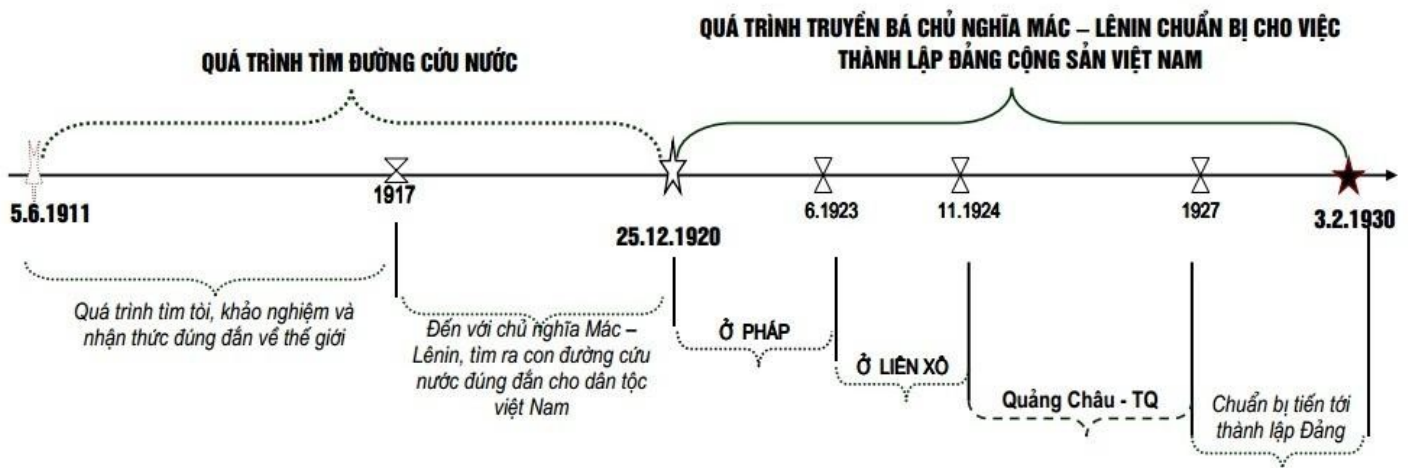
		luận về nhiệm vụ cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước đế quốc.	này.
12	Cuối 1924	Về Trung Quốc	
13	6.1925	Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên	Đây là tổ chức tiền thân của Đảng CS Việt Nam
14	1925-1927	Mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng.	
15	1927	Ra tác phẩm « Đường cách mệnh »	Vạch ra những đường lối cơ bản cho CMVN
16	1928	Chủ trương phong trào Vô sản hóa	Rèn luyện Cán bộ CM, truyền bá CN M-LN, thúc đẩy PT công nhân PT.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn về con đường hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919 – 1925. HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm về những khó khăn của Người trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi Người tìm ra con đường cứu nước.

- Phương thức tiến hành: Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Lập bảng hệ thống hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 – 1930 và nêu nhận xét.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Sưu tầm một vài hình ảnh hiện nay của tờ báo được đề cập trong yêu cầu 3 (phần Hoạt động vận dụng).

Tìm đọc một số cuốn sách sau:

Trịnh Đình Tùng (Chủ biên), Tư liệu Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007.

Kể chuyện Bác Hồ, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Văn nghệ, H.1956.

Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 (về những nội dung liên quan đến tờ báo Thanh niên và tác phẩm Đường Kách mệnh + Chuẩn bị bài mới

- Xem trước bài Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng cộng sản ra đời.

Đọc và soạn nội dung câu hỏi: Tại sao chỉ trong một thời gian ngắn, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 20- Bài 17

CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Sau bài học học sinh cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Giúp HS nắm được bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam.
- Hoàn cảnh lịch sử dẫn tới sự ra đời của Tân Việt Cách mạng đảng. Chủ trương và hoạt động của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng, sự khác nhau của tổ chức này với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở nước ngoài.

2. Tư tưởng:

GD cho HS lòng kính yêu khâm phục các bậc tiền bối.

3. Kỹ năng:

Biết hình dung, hồi tưởng lại sự kiện lịch sử và biết so sánh chủ trương hoạt động của các tổ chức cách mạng.

4. Năng lực cần hướng tới

- Nhận biết và so sánh

II. CHUẨN BỊ:

GV: Bản đồ Việt Nam. Những tài liệu về tiểu sử, hoạt động của các nhân vật lịch sử và các tài liệu đề cập đến Tân Việt Cách mạng Đảng.

HS : Học bài và xem trước bài ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

1. Ôn định lớp: 1'

2. Kiểm tra bài cũ: 10'

a/ Trình bày hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 – 1925.

b/ Người đã trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính Đảng vô sản ở VN như thế nào?

3. Giới thiệu bài mới: 1'

GV cho HS nhắc lại chủ trương của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (chủ trương vô sản hóa). GV nhấn mạnh Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời và hoạt động đã có tác dụng to lớn đối với phong trào Cách mạng VN. Nó làm phong trào cách mạng nước ta phát triển, đặc biệt là phong trào công nhân và phong trào yêu nước có những bước phát triển mới.

4. Dạy bài mới 15'

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	GHI BẢNG
<p>Hoạt động 2: 15'</p> <p>♦ Tân Việt CM Đảng ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <p>HS: Do 1 nhóm SV trường CĐSP Đông Dương và nhóm tù chính trị cũ ở Trung Kỳ lập Hội Phục Việt. Sau nhiều lần đổi tên, tháng 7/ 1928 lấy tên là Tân Việt CM Đảng.</p> <p>GV giảng thêm : Khác với Hội VN CM Thanh niên, Tân Việt CM Đảng là tổ chức yêu nước trải qua nhiều thay đổi và cải tổ, mà tiền thân là Hội Phục Việt (14/7/1925) ra đời tại Vinh.</p> <p>Thành phần của Tân Việt CM Đảng gồm những ai?</p> <p>HS: Gồm những trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.</p> <p>♦ Nhận xét gì về địa bàn hoạt động ?</p> <p>GV: Trên tất cả các khu vực TVCM Đảng đều có cơ sở của mình, nhưng địa bàn hoạt động chính là các tỉnh miền Trung thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.</p> <p>★ GV cho HS thảo luận :</p> <p>♦ Vì sao Tân Việt CM Đảng lại bị phân hóa?</p> <p>HS đại diện nhóm nêu kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>GV phân tích:</p>	<p>II. TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG (7/ 1928).</p> <p>- Hoàn cảnh: Ra đời ở trong nước do 1 số sinh viên trường CĐSP Đông Dương và nhóm tù chính trị cũ ở Trung Kỳ thành lập (Tiền thân là Hội Phục Việt). Sau nhiều lần đổi tên, tháng 7/ 1928 lấy tên là Tân Việt CM Đảng.</p> <p>- Thành phần : Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.</p> <p>- Hoạt động :</p> <p>+ Khi mới thành lập là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt</p> <p>+ Do ảnh hưởng của Hội VNCM Thanh niên, nội bộ Tân Việt phân hóa thành 2 khuynh hướng : Tư sản và vô sản .</p>

+ Khi mới thành lập là 1 tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt → nên nó có sự phân hóa .

+ Hoạt động của Hội VN CM Thanh niên do NAQ sáng lập với lý luận và tư tưởng của CN Mac - Lênin → ảnh hưởng lớn tới Tân Việt Cách mạng Đảng, lôi kéo nhiều Đảng viên trẻ, tiên tiến đi theo.

+ Ngoài công tác GD, huấn luyện Đảng viên, TV còn tiến hành các hoạt động khác như lớp học ban đêm, phổ biến sách báo mác xít, đưa hội viên vào hoạt động thực tế....

+ Trong quá trình hoạt động, nội bộ TV phân hóa sâu sắc thành 2 khuynh hướng rõ rệt: tư sản và vô sản. Xu hướng CM theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin → đó là Đông Dương Cộng sản liên đoàn. (mà các em được học phần sau)

♦ ***Em có nhận xét gì về tổ chức CM này ?***

HS so sánh, nhận xét, bổ sung.

GV: So với hội VN CM thanh niên, Tân Việt còn nhiều hạn chế , hàng ngũ Tân Việt ngày càng bị thu hẹp ...

♦ ***Tân Việt Cách mạng Đảng ra đời có ý nghĩa gì?***

HS: Chứng tỏ tinh thần yêu nước và nguyện vọng cứu nước của thanh niên trí thức tiểu tư sản Việt Nam. Tân Việt góp phần cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương sau này.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP 15p

1. Mục tiêu:

Hệ thống hóa kiến thức, củng cố và hoàn thiện kiến thức kĩ năng của bài Trình bày được sự ra đời và những hoạt động chủ yếu của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng và so sánh với tổ chức VNCMTN

2. Nhiệm vụ học sinh: hoàn thành các bài tập

3. Các bước thực hiện

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Các tổ chức cách mạng nào được thành lập ở Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời? Hãy so sánh các tổ chức cách mạng đó theo tiêu chí: thời gian thành lập, thành phần tham gia, đường lối hoạt động, địa bàn hoạt động, ý nghĩa.

Dự kiến sản phẩm

Các tổ chức cách mạng được thành lập ở Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là:

- Hội Việt Nam cách mạng thanh niên
- Tân Việt cách mạng đảng

So sánh:

	Thời gian hoạt động	Thành phần tham gia	Đường lối hoạt động	Địa bàn hoạt động	Ý nghĩa
Hội Việt Nam cách mạng thanh niên	6/1925	Nòng cốt là Cộng sản Đoàn	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo, huấn luyện cán bộ cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê Nin - Tuyên truyền, phổ biến sách báo - Thực hiện “vô sản hoá” góp phần thúc đẩy phong trào công nhân chuyển sang tự giác 	Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và hải ngoại	Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ra đời đã hoàn thành xuất sắc việc tuyên truyền, tổ chức, chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, chứng tỏ xu hướng vô sản đang thắng thế trong phong trào cách mạng Việt Nam
Tân Việt cách mạng đảng	7/1928 đổi tên là Tân Việt cách mạng đảng	Trí thức trẻ, thanh niên tiểu tư sản yêu nước	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, phổ biến sách báo yêu nước - Lãnh đạo cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương và công nhân. 	Trung Kỳ	Tân Việt Cách ra đời giúp thúc đẩy sự phát triển các phong trào công nhân, các tầng lớp nhân dân trong phong trào dân tộc, dân chủ ở các địa phương có đảng hoạt động

D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

Hãy cho biết di tích lịch sử, đường phố hoặc trường học nào liên quan đến các sự kiện, nhân vật lịch sử xuất hiện trong bài học ở địa phương em hoặc em biết.

Viết bài giới thiệu ngắn gọn về một di tích hoặc nhân vật lịch sử liên quan đến giai đoạn này mà em thích nhất.

Tại sao một số tổ chức hoặc chính đảng được thành lập đều thành lập và ấn hành một tờ báo? Nêu tên một số tờ báo được xuất bản liên quan đến các tổ chức cách mạng được thành lập trong những năm 1925 – 1930 ở Việt Nam. Tờ báo nào vẫn được duy trì đến nay?

Gợi ý sản phẩm

Phần này, GV hướng dẫn HS liên hệ với thực tế ở địa phương và thực tế hiện nay để trả lời câu hỏi.

Lưu ý:

Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau

HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E,HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Tìm đọc một số cuốn sách sau:

Trịnh Đình Tùng (Chủ biên), Tư liệu Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007.

Kể chuyện Bác Hồ, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Văn nghệ, H.1956.

Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 (về những nội dung liên quan đến tờ báo Thanh niên và tác phẩm Đường Kách mệnh).

Ngày soạn:

Ngày giảng:

CHỦ ĐỀ :

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1939

Thời lượng dạy học: 3 tiết (Tiết 21, 22,23)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam: Thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa
- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng
- Phong trào cách mạng trong những năm 1930-1931. Trình bày đôi nét về Xô Viết Nghệ Tĩnh
- Những nét chính về phong trào dân chủ trong những năm 1936-1939: Mặt trận dân chủ Đông Dương, ý nghĩa

2. Kỹ năng: Quan sát lược đồ, tranh ảnh, lập bảng biểu, nhận xét đánh giá

3. Thái độ: Căm ghét chế độ thực dân, có thái độ trân trọng các phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân lao động

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:**

- + Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

- **Năng lực chuyên biệt:** Phát triển cho HS:

- + Năng lực tái hiện sự kiện lịch sử.
- + Xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng và tác động giữa các sự kiện lịch sử với nhau.
- + Nhận xét đánh giá, liên hệ thực tế và rút ra bài học lịch sử.

II. MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ NĂNG LỰC ĐƯỢC HÌNH THÀNH

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời	Trình bày: - sự ra đời 3 tổ chức cộng sản - nội dung, ý nghĩa của hội nghị - thành lập Đảng - Nội dung luận cương chính trị	Lý giải được sự cần thiết phải thống nhất các tổ chức Đảng Hiểu được ý nghĩa của việc thành lập Đảng	Phân tích ý nghĩa thành lập Đảng So sánh luận cương với chính cương	Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc và Trần Phú
2, Phong trào cách mạng trong những năm 1930-1931	Trình bày được những nét chính về tác động cuộc khủng hoảng đến KT và XH Việt nam		Trình bày diễn biến phong trào cách mạng 1930-1931 trên lược đồ	Phân tích và làm rõ ý nghĩa những hoạt động của Xô viết Nghệ tĩnh
Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936-1939	Biết được những tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến CMVN	Trình bày được chủ trương mới của Đảng trong giai đoạn này	Quan sát kênh hình, kênh chữ để nhận xét về quy mô phong trào	So sánh với thời kỳ 1930-1931

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Câu hỏi nhận biết:

Câu 1- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929- 1933 đã tác động đến tình hình kinh tế xã hội Việt Nam như thế nào?

Câu 2- Sự đàn áp của thực dân Pháp đã tác động như thế nào đến thái độ của nhân dân ta?

Câu 3- Nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân trong những năm 1930- 1931?

Câu 4- Kết quả, ý nghĩa của phong trào cách mạng?

Câu 5- Sau khi lên nắm chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh đã làm gì?

Câu 6- trình bày thời gian địa điểm và thành phần tham gia hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản.

Câu 7 Trình bày nội dung luận cương chính trị

Câu 8- Em hãy cho biết tình hình thế giới sau cuộc k. hoảng kinh tế (1929- 1933)?

Câu 8- Căn cứ vào tình hình thế giới Đảng ta xác định kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương là ai?

Câu 9 - Hình thức và phương pháp đấu tranh trong giai đoạn (1936- 1939)?

2. Câu hỏi thông hiểu:

Câu 1: **Lý giải** được sự cần thiết phải thống nhất các tổ chức Đảng. Trình bày ý nghĩa của việc thành lập Đảng

Câu 2- Em có nhận xét gì về tác động của cuộc khủng hoảng này đối với kinh tế xã hội Việt Nam?

Câu 3- Dựa vào lược đồ và sách giáo khoa em hãy thuật lại diễn biến của phong trào cách mạng Việt Nam từ tháng 2 đến trước 1/5/1930?

Câu 4- Tại sao đỉnh cao của phong trào là ở Nghệ An- Hà Tĩnh mà không phải là ở nơi khác?

Câu 5 - Em hiểu thế nào về chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh?

Câu 6- - Cuộc vận động dân chủ 1936- 1939 có ý nghĩa lịch sử như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

3. Câu hỏi vận dụng :

Câu 1: - Phong trào Xô viết- Nghệ Tĩnh so với phong trào trước có điểm gì khác về hình thức và quy mô?

Câu 2 So sánh luận cương chính trị với cương lĩnh chính trị

Câu 3- Căn cứ vào đâu để cho rằng Xô viết Nghệ- Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

Câu 4 - Tại sao nói chủ nghĩa phát xít xuất hiện là kết quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929- 1933)?

Câu 5 - Tại sao thời kì 1936- 1939 Đảng ta lại chủ trương đấu tranh dân chủ công khai?

Câu 6 - Học sinh lập niên biểu so sánh theo mẫu sau: (nhiệm vụ, kẻ thù, mặt trận, hình thức, phương pháp đấu tranh) của phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1930 - 1931 và 1936 - 1939?

4. Câu hỏi vận dụng cao:

Câu 1: - PT Xô viết- Nghệ Tĩnh so với các phong trào trước có điểm gì giống khác về hình thức và quy mô?

Câu 2 Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Thời lượng	Thời điểm	Thiết bị DH, Học liệu	Ghi chú
1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời	Trên lớp	1 tiết	Tiết 22	- Ảnh chân dung Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Trần Phú - Tranh Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc với việc thành lập Đảng,	
2, Phong trào cách mạng trong những năm 1930- 1931	Trên lớp	1 tiết	Tiết 23	- Lược đồ về phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và 1 số tư liệu, tranh ảnh về các chiến sĩ cộng sản.	
Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936- 1939	Trên lớp	1 tiết	Tiết 24	- Bản đồ Việt Nam. - Ảnh cuộc mít tinh ở khu Đấu Xảo- Hà Nội. - Sưu tầm 1 số sách báo tiến bộ thời kỳ này.	

				- Tài liệu về phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ trong những năm 1936- 1939	
--	--	--	--	--	--

IV. THIẾT KẾ TIẾN TRÌNH HỌC TẬP

I. Tiết 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Tạo tình huống mâu thuẫn giữa hiểu biết đã có của HS về sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Nhiệm vụ: Dựa vào hiểu biết của em, hãy trao đổi với bạn những hiểu biết của mình về sự thành lập ĐCS

Phương thức hoạt động:

- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ cá nhân.
- HS huy động hiểu biết đã có của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Dự kiến các bước thực hiện tiến trình khởi động:

Bước 1: - **Giáo viên** : + Yêu cầu HS kể tên 3 tổ chức cộng sản việc ra đời một lúc 3 tổ chức cộng sản có ảnh hưởng như thế nào đến cách mạng Việt Nam ? Vấn đề đặt ra là phải làm gì để cách mạng tiếp tục phát triển

+ **Phương thức hoạt động:** Các HS làm việc cá nhân và ghi lại những kết quả mình làm được vào vở hoặc giấy nháp, Gv gọi 2 HS trả lời, sau đó trao đổi với bạn bổ sung hoàn thiện sản phẩm của mình.

Bước 2: **Học sinh:** lắng nghe, tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ:

- **HS:** thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1, Mục tiêu bài học:

***Kiến thức:**

- Quá trình thành lập Đảng cộng sản Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử, thời điểm và không gian nào?

-Nội dung chính của hội nghị thành lập Đảng

-Những nội dung chính của luận cương chính trị năm 1930.Vai trò của Trần Phú.

-Phân tích ý nghĩa quan trọng của việc thành lập Đảng.

-Đánh giá vai trò của Nguyễn ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

***.Tư tưởng:** Qua vai trò lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với hội nghị thành lập Đảng giáo dục cho học sinh lòng biết ơn và kính yêu chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có niềm tin về vai trò lãnh đạo của Đảng.

***.Kỹ năng:** Rèn luyện cho học sinh khả năng sử dụng tranh ảnh lịch sử.

Biết phân tích sự kiện lịch sử, đánh giá vai trò của các nhân vật Lịch sử.

Biết lập niên biểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1920-1930.

2. Nhiệm vụ

- HS dựa vào các hình, sơ đồ và thông tin sách giáo khoa và dưới sự hướng dẫn của GV để trả lời các câu hỏi

3, Các bước tiến hành:

	HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	<p>1. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời. Mục tiêu: HS nắm được sự ra đời của ba tổ chức cộng sản. ? Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh như thế nào. G: Giới thiệu H30 (sgk) ? Theo em, tại sao một số hội viên tiêu biểu của HVNCMTN ở Bắc Kỳ lại chủ động thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. G: Liên hệ với chi bộ cộng sản ở Hải Phòng. G: Trình bày sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ? Theo em, tại sao trong một thời gian ngắn (4 tháng) ba tổ chức CSĐ nối tiếp nhau ra đời ở Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức CS. G: Xu thế ra đời của tổ chức CS là tất yếu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 5 phút - Cử đại diện trình bày - Các nhóm bổ sung - Chốt 	<p>1. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929. a) Hoàn cảnh. - 3/1929: chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời. - 5/1929 đại hội lần thứ nhất. b, Sự thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam. - Đông Dương cộng sản đảng (6/1929). - An Nam cộng sản đảng (8/1929). - Đông Dương cộng sản liên đoàn: (9/1929). c ý nghĩa.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - GV giúp học sinh liên hệ để Lý giải tại sao cần phải thống nhất các tổ chức Đảng? GV treo tranh Nguyễn ái Quốc với việc thành lập Đảng, yêu cầu học sinh trình bày: ? thời gian địa điểm và 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 5 phút - Cử đại diện trình bày - Các nhóm bổ sung 	<p>2. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam - Thời gian: Từ ngày 6-1-1930 Nguyễn ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Cửu Long-Hương Cảng –Trung quốc. Thành phần: 4 đại biểu của ĐDCS Đảng và An Nam Cộng sản Đảng + 2 trợ lý cho</p>

	<p>thành phần tham gia hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản. ?Hội nghị thành lập đã thông qua những nội dung gì ?</p> <p>GV nhấn mạnh vai trò của Nguyễn ái Quốc với việc thành lập Đảng . Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm: Vai trò (hoặc công lao) của NAQ đối với sự thành lập Đảng cộng sản Việt nam? GV đánh giá chung và giúp học sinh rút ra kết luận. Qua sự kiện thành lập Đảng lấy tên là đảng CSVN thấy rõ tư tưởng chủ đạo của Người là đề cao tính dân tộc, đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết.</p>	<p>- Chốt</p> <p>HS thảo luận nhóm Các nhóm cử đại diện trình bày</p>	<p>Nguyễn ái Quốc. +Nội dung: -Nguyễn ái Quốc phân tích tình trạng nguy hiểm của phong trào cách mạng Việt Nam hiện tại. Khẳng định cần thiết chấm dứt tình trạng chia rẽ bè phái để hợp nhất thành một chính Đảng duy nhất là Đảng cộng sản Việt Nam. + Hội nghị thông qua chính cương, sách lược điều lệ tóm tắt và lời kêu gọi nhân dân thành lập Đảng do Nguyễn ái Quốc soạn thảo. -Cương lĩnh xác định tính chất , nhiệm vụ, lực lượng của cách mạng Việt Nam. - Đây là đường lối chiến lược cho cách mạng Việt Nam mang tính đúng đắn sáng tạo. + ý nghĩa: Mang tính chất là một đại hội của Đảng đưa ra đường lối chiến lược cho cách mạng Việt Nam. *Vai trò của Nguyễn ái Quốc đối với sự thành lập Đảng: + Chuẩn bị tư tưởng: phát hiện truyền bá lý luận cứu nước mới là chủ nghĩa Mác-Lê Nin. +Chuẩn bị tổ chức, lực lượng cán bộ cốt cán cho cách mạng Việt Nam. +Xác định đường lối chiến lược cho cách mạng Việt Nam. + Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành 1 chính Đảng duy nhất.</p>
10	<p>GV giới thiệu hoàn cảnh lịch sử và những nội dung của hội nghị TW Đảng lần 1 ? Gv dùng ảnh tư liệu yêu cầu học sinh nêu những hiểu biết của mình về tổng bí thư Trần Phú? Luận cương chính trị của Đ/c Trần Phú có những nội dung gì ? GV phát phiếu học tập</p>	HS	<p><u>3.Luận cương chính trị tháng 10/1930</u> <u>A. Nội dung của hội nghị</u> 1.Đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương. 2.Bầu BCH TW chính thức do đ/c Trần Phú là tổng bí thư. 3.Thông qua luận cương chính trị do đ/c Trần Phú khởi thảo. <u>b. Nội dung của luận cương chính trị T10/1930.</u> + Xác định tính chất của CMVN là CMTS dân quyền trải qua hai giai đoạn:</p>

<p>Yêu cầu HS điền thông tin vào phiếu.</p> <table border="1" data-bbox="220 170 625 562"> <tr> <td>tính chất</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhiệm vụ</td><td></td></tr> <tr> <td>Lực lượng</td><td></td></tr> <tr> <td>Vai trò của Đảng</td><td></td></tr> <tr> <td>Mối quan hệ</td><td></td></tr> </table> <p>Em có nhận xét gì về những vấn đề mà đ/c Trần Phú khởi thảo .</p>	tính chất		Nhiệm vụ		Lực lượng		Vai trò của Đảng		Mối quan hệ		<p>+Xác định nhiệm vụ của CMVN +Xác định phương hướng và vai trò lãnh đạo của Đảng +Mối quan hệ giữa CMVN và CM thế giới * Vai trò của Trần Phú: -xác định đường lối chiến lược cho cách VN. -Hạn chế: Chưa thấy hết mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam. Chưa đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc và chưa nhận thức được tầm quan trọng của các giai cấp khác trong nhiệm vụ giải phóng dân tộc.</p>
tính chất											
Nhiệm vụ											
Lực lượng											
Vai trò của Đảng											
Mối quan hệ											
<p>Sự ra đời của Đảng cộng Sản Việt Nam có ý nghĩa trọng đại như thế nào ? GV phân tích để học sinh thấy được tại sao đó lại là sản phẩm của sự kết hợp giữa 3 yếu tố..... Tại sao là một bước ngoặt vĩ đại, là sự chuẩn bị có tính tất yếu...</p>	<p><u>3.ý nghĩa của việc thành lập Đảng</u> * Đối với dân tộc +Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước +Là bước ngoặt vĩ đại của phong trào cách mạng Việt Nam. + Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. + Khẳng định sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam họ đã bước lên vũ đài chính trị để nắm quyền lãnh đạo quần chúng làm cách mạng giải phóng dân tộc. +là sự chuẩn bị có tính tất yếu, quyết định những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng. * Đối với thế giới: + Đóng góp một phần vào ự thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới và sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác-Lê Nin. + Đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.</p>										

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

4. Mục tiêu:

Hệ thống hóa kiến thức, củng cố và hoàn thiện kiến thức kĩ năng của bài

5. Nhiệm vụ học sinh: hoàn thành các bài tập

6. Các bước thực hiện

Lập niên biểu các sự kiện chính trong quá trình hoạt động cách mạng của lãnh tụ NAQ từ 1920-1930, đó cũng là quá trình Người phấn đấu không mệt mỏi cho ra đời của Đảng

THỜI GIAN	SỰ KIỆN
7-1920	NAQ đọc sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Người nhận biết ngay đây là chân lí CM.
12-1920	
1921	
1922	
6/1923-1924	
12-1924	
6/1925-1927	
3-2-1930	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

+ *Mục tiêu*: giúp HS vận dụng được các kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống cụ thể

+ *Nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và hoàn thành sản phẩm

+ *Các bước thực hiện*:

Bài tập 1. Tại sao nói sự ra đời của ba tổ chức cộng sản vào năm 1929 là xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam?

Câu 2 Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Theo em khi nào thì Đảng cộng sản Việt Nam ra đời

a. Khi phong trào công nhân phát triển mạnh, giai cấp công nhân trưởng thành

b. Khi phong trào yêu nước phát triển dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

c. Khi chủ nghĩa Mác-lê Nin được truyền bá rộng rãi và trở thành lý luận nền tảng của các tổ chức cách mạng.

d. Tất cả 3 yếu tố trên.

Khi học sinh làm bài xong GV chốt:

Như vậy Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp bởi 3 yếu tố: phong trào công nhân+ phong trào yêu nước và chủ nghĩa Mác-Lê Nin.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng ở giai đoạn sau.

Tiết 2. II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 -1935

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Tạo tình huống mâu thuẫn giữa hiểu biết đã có của HS về sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Nhiệm vụ: Dựa vào hiểu biết của em, hãy trao đổi với bạn những hiểu biết của mình về sự thành lập ĐCS

Phương thức hoạt động:

- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ cá nhân.
- HS huy động hiểu biết đã có của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Dự kiến các bước thực hiện

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Mục tiêu:

*. **Kiến thức:** HS hiểu và nắm được Nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 -1931 với đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.

*. **Tư tưởng:** GD lòng kính yêu, khâm phục tinh thần đấu tranh anh dũng của quần chúng công nông và các chiến sĩ cộng sản.

*. **Kỹ năng:** Sử dụng lược đồ, so sánh.

2.Nhiệm vụ:

- HS dựa vào các hình, sơ đồ và thông tin sách giáo khoa và dưới sự hướng dẫn của GV để trả lời các câu hỏi

3.Các bước thực hiện

TL	HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
15	<p>- Giáo viên giới thiệu đôi nét về cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933).</p> <p>Hỏi: <i>Kinh tế Việt Nam có chịu ảnh hưởng cuộc khủng hoảng này không? Vì sao? ảnh hưởng như thế nào?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Tình hình xã hội Việt Nam chịu tác động như thế nào?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Trong khi đó, điều kiện tự nhiên nước ta như thế nào? TDP lại thi hành chính sách gì?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Hậu quả gì sẽ xảy</i></p>	<p>HS dựa vào thông tin SGK để trả lời các câu hỏi</p>	<p>I. Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế</p> <p>- Kinh tế: Việt Nam là thuộc địa của Pháp nên chịu hậu quả nặng nề: Nông nghiệp và công nghiệp đều suy sụp, xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hoá khan hiếm, đắt đỏ.</p> <p>- Xã hội: Công nhân mất việc, lương giảm. Nông dân tiếp tục mất đất, phá sản. Các tầng lớp khác: tiểu tư sản, tư sản dân tộc...điều đứng.</p> <p>- Hạn hán, lũ lụt, Pháp tăng thuế, khủng bố, đàn áp.</p> <p>=> Hậu quả: Toàn thể dân tộc VN mâu thuẫn với TDP -> đấu tranh.</p>

	<i>ra?</i>		
20	<p>- GV Giải thích lại khái niệm Xô Viết Nghệ Tĩnh.</p> <p>- Hỏi: <i>Nguyên nhân nào dẫn đến cao trào cách mạng 1930 - 1931 lại bùng nổ? Nguyên nhân nào là cơ bản, quyết định tới sự bùng nổ của phong trào?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Trên toàn quốc, phong trào cách mạng diễn ra như thế nào?</i> (giới thiệu trên lược đồ)</p> <p>- Hỏi: <i>Ở Nghệ Tĩnh, phong trào diễn ra như thế nào</i></p> <p>- Hỏi: <i>Vì sao ở Nghệ Tĩnh, phong trào cách mạng lại lên cao?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Nêu những việc làm của chính quyền Xô Viết? Nhận xét?</i></p> <p>- GV Liên hệ với công xã Pa-ri.</p> <p>- Hỏi: ý nghĩa của cao trào cách mạng 1930-1931?</p>	<p>HS dựa vào thông tin SGK để trả lời các câu hỏi</p> <p>HS trình bày trên lược đồ</p>	<p>II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH</p> <p>1. Nguyên nhân:</p> <p>- Kinh tế: Pháp tiến hành áp bức, bóc lột nặng nề.</p> <p>- Chính trị: Sau KN Yên Bái, Pháp tiến hành khủng bố trắng -> không khí chính trị Đông Dương càng thêm căng thẳng.</p> <p>- ĐCS VN ra đời và lãnh đạo CM.</p> <p>2. Diễn tiến:</p> <p>a. Trên toàn quốc:</p> <p>- Tháng 2/1930: phong trào cách mạng cả nước lên cao, nổi nên là phong trào của công nhân và nông dân. (phân in nhỏ SGK)</p> <p>- Tiêu biểu: ngày 1/5/1930, tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.</p> <p>b. Ở Nghệ Tĩnh:</p> <p>- Tháng 5/1930: đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động.</p> <p>- Tháng 8/1930: công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công.</p> <p>- Tháng 9/1930: phong trào công - nông phát triển tới đỉnh cao: đấu tranh chính trị kết hợp với kinh tế quyết liệt diễn ra dưới nhiều hình thức -> tấn công chính quyền địch -> Địch tan rã, Đảng lập ra chính quyền Xô Viết.</p> <p>- Xô-Viết Nghệ-Tĩnh tồn tại được 4-5 tháng thì bị đế quốc, PK tay sai đàn áp.</p> <p>- Từ giữa năm 1931, phong trào tạm lắng.</p> <p>3. Ý nghĩa:</p> <p>- Mặc dù bị kẻ thù dập tắt trong máu lửa, nhưng ptrào XVNT đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh kiên cường, oanh liệt và khả năng CM to lớn của quần chúng.</p> <p>- Ptrào CM 1930 -1931 là cuộc tổng diễn tập lần thứ nhất của Đảng và quần chúng CM chuẩn bị cho CM tháng 8 1945.</p>

			- Nhận định về XVNT, HCM đã viết: “Tuy đế quốc Pháp đã đập tắt ptrào trong 1 biển máu, nhưng XVNT đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động VN. Ptrào tuy thất bại nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cách mạng tháng 8 thắng lợi sau này”.
--	--	--	---

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

Hệ thống hóa kiến thức, củng cố và hoàn thiện kiến thức kĩ năng của bài

2. Nhiệm vụ học sinh: hoàn thành các bài tập

3. Các bước thực hiện

- *Hỏi: Căn cứ vào đâu để nói: Xô Viết - Nghệ Tĩnh là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?*

- Xô Viết Nghệ Tĩnh ra đời trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng.

- Chính quyền Xô Viết Nghệ Tĩnh đã thi hành các chính sách nhằm mang lại quyền lợi cho nhân dân:

+ *Chính trị*: thực hiện các quyền tự do dân chủ.

+ *Kinh tế*: Xoá bỏ các loại thuế, chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xoá nợ.

+ *VH-XH*: Khuyến khích học chữ quốc ngữ, bài trừ hủ tục phong kiến...

+ *Quân sự*: Mỗi làng có một đội tự vệ vũ trang

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

+ *Mục tiêu*: giúp HS vận dụng được các kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống cụ thể

+ *Nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và hoàn thành sản phẩm

+ *Các bước thực hiện*

Hướng dẫn HS

Giải thích tại sao nói Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931

Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 vì:

- Phong trào XVNT là phong trào cách mạng quần chúng đầu tiên do Đảng lãnh đạo.
- Có qui mô rộng lớn ... thời gian dài
- Qui tụ được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia
- Xây dựng được chính quyền Xô Viết tiến bộ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội => Phong trào cách mạng 1930 -1931 là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong nước

D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Về nhà tìm hiểu về các di tích lịch sử của thời kỳ 1930-1931 trên quê hương Nghệ An

Tiết 3 III. CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 - 1939

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu:

- Tạo tình huống mâu thuẫn giữa hiểu biết đã có của HS về cuộc vận động dân chủ 1936-1939

Nhiệm vụ: Dựa vào hiểu biết của em, hãy trao đổi với bạn những hiểu biết của mình về phong trào dân chủ 1936-1939

Phương thức hoạt động:

- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ cá nhân.
- HS huy động hiểu biết đã có của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ học tập

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Mục tiêu:

***. Kiến thức:** Giúp HS hiểu và nắm được:

- Hoàn cảnh trong nước và thế giới có ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam trong những năm 1936-1939 -> đảng ta thay đổi chủ trương đấu tranh.

- ý nghĩa của phong trào đấu tranh.

***. Tư tưởng:** Giáo dục lòng tin vào sự lãnh đạo của đảng.

***. Kỹ năng:** Sử dụng tranh ảnh và so sánh.

TL	HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
12	<p>- Hỏi: <i>Liên hệ với lịch sử thế giới hãy cho biết các nước tư bản giải quyết khủng hoảng như thế nào ?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Mục đích việc thành lập mặt trận nhân dân ?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Khi đó, tình hình Việt Nam như thế nào?</i></p> <p>- Hỏi: <i>Tất cả những sự kiện trên tác động như thế nào đến cách mạng Việt Nam ?</i></p>	<p>- HS tự N/C SGK trả lời các câu hỏi</p> <p>HS: Tập hợp lực lượng yêu nước, dân chủ chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình</p>	<p>I. Tình hình thế giới và trong nước</p> <p>1. Thế giới:</p> <p>- Khủng hoảng kinh tế 1929-1933-> Chủ nghĩa phát xít nắm quyền ở một số nước: Đức, Italia, Nhật đe dọa chiến tranh.</p> <p>- Đại hội VII Quốc tế cộng sản chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít chống chiến tranh.</p> <p>2. Trong nước:</p> <p>- ảnh hưởng nặng nề cuộc khủng hoảng + chính sách phản động => đời sống nhân dân ngột ngạt.</p> <p>- Mặt trận nhân dân Pháp thắng cử cầm quyền áp dụng một số chính sách dân chủ cho thuộc địa. => Đảng có chủ trương mới.</p>
15	<p>- Hỏi: <i>Kẻ thù trước mắt của nhân dân là ai?</i></p> <p>- Giáo viên tổ chức cho HS so sánh với thời kỳ 1930-1931.</p> <p>- Giáo viên cho học sinh</p>	<p>HS so sánh</p> <p>HS quan</p>	<p>II. Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ</p> <p>GV chỉ cho HS nắm được mục tiêu, hình thức đấu tranh trong thời kì này</p>

	quan sát tranh để nhận xét và so sánh hình thức đấu tranh. - Hỏi: <i>Em hãy kể tên một số phong trào tiêu biểu ?</i> - Giáo viên giới thiệu vận động dân chủ của các tổ chức - Hỏi: <i>Tại sao đến năm 1938 phong trào tạm lắng xuống ?</i> - Giáo viên giải thích.	sát tranh và nhận xét	
5	- Hỏi: <i>Em hãy trình bày ý nghĩa của phong trào cách mạng 1936 - 1939?</i> - Hỏi: <i>Tại sao lại gọi đây là một cao trào cách mạng?</i> - Giáo viên kết luận; phân tích.		III. ý nghĩa của phong trào Trình độ chính trị, công tác của cán bộ, đảng viên được nâng cao, uy tín ảnh hưởng của đảng được mở rộng Quần chúng được tập dượt đấu tranh, đội quân chính trị hùng hậu được hình thành Phong trào là cuộc tập dượt thứ hai chuẩn bị cho cách mạng tháng 8

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

Hệ thống hóa kiến thức, củng cố và hoàn thiện kiến thức kĩ năng của bài

2. Nhiệm vụ học sinh: hoàn thành các bài tập

3. Các bước thực hiện

Em hãy so sánh phong trào cách mạng 1930-1931 và phong trào dân chủ 1936-1939? (về mục tiêu, lực lượng, hình thức)

Nội dung	1930 – 1931	1936 - 1939
mục tiêu		
lực lượng		
hình thức		

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

+ *Mục tiêu:* giúp HS vận dụng được các kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống cụ thể

+ *Nhiệm vụ* HS thảo luận nhóm và hoàn thành sản phẩm

+ *Các bước thực hiện:*

Cao trào dân chủ 1936-1939 đã chuẩn bị những gì cho cách mạng tháng Tám năm 1945?

Đ. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

HS về nhà chuẩn bị bài 21 tìm hiểu: Việt Nam trong những năm 1939 -1945.

» Tìm hiểu tình hình thế giới và Đông dương

» Những cuộc nổi dậy đầu tiên : khởi nghĩa Bắc Sơn , khởi nghĩa Nam Kỳ và cuộc Binh biến Đô Lương .

Ngày soạn:

Ngày giảng:

:

Chương III. CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

TIẾT 24, BÀI 21. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939-

1945

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: học sinh biết:

- Sau khi CTTG 2 bùng nổ, Nhật vào Đông Dương, Pháp - Nhật cấu kết với nhau để thống trị và bóc lột Đông Dương, làm cho nhân dân ta vô cùng khốn khổ
- Những nét chính về diễn biến của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương. Ý nghĩa lịch sử của 3 cuộc khởi nghĩa

2. Kỹ năng

Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng bản đồ, các tư liệu lịch sử để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản trong bài học.

3. Thái độ Giáo dục h/s lòng căm thù đế quốc Pháp, FX Nhật, khâm phục tinh thần dũng cảm của nhân dân ta

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề

- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định các mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử

+ So sánh, nhận xét, đánh giá, về phong trào dân chủ thời kỳ 1936-1939

+ Vận dụng kiến thức mới mà học sinh đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn. HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp

III. Phương tiện: Lược đồ knghĩa Bắc Sơn, knghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương .

IV. Chuẩn bị:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, tranh ảnh, tư liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước sách giáo khoa và tài liệu có liên quan.
- Sưu tầm tư liệu tranh ảnh về phong trào dân chủ thời kỳ 1936-1939

V. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ.(Linh động)

3. Bài mới.

3.1 Hoạt động khởi động

- Phương pháp, kĩ thuật: trực quan, thuyết trình.
- Thời gian: 2 phút
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho HS xem một số hình ảnh về phong trào dân chủ thời kỳ 1936-1939

? Em có nhận định gì phong trào đấu tranh thời kỳ 1936-1939 ?

- Dự kiến sản phẩm (HS trả lời theo nhận định)

Trên cơ sở trả lời của học sinh GV dẫn dắt vào bài mới.

GV nhận xét vào bài mới: -Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, câu kết chặt chẽ với thực dân pháp để thống trị và bóc lột nhân dân ta. Nhân dân Đông Dương phải sống trong cảnh “một cổ hai tròng” rất cực khổ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vùng lên đấu tranh mở đầu thời kì mới thời kì khởi nghĩa vũ trang. Đó là 3 cuộc khởi nghĩa: Bắc Sơn, Nam kì và Bình biến Đô Lương.

3.2 Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

Mục I. . Tình hình thế giới và Đông Dương

- Mục tiêu: HS cần nắm được tình hình thế giới và Đông Dương trước chiến tranh thế giới thứ hai

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, Nhóm.....

-Phương tiện: hình ảnh thế giới và Đông Dương

-Thời gian: 15 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
1.Chuyên giao nhiệm vụ học tập - chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục I SGK(thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau; + Nhóm chẵn:Tình hình thế giới ? + Nhóm lẻ:Tình hình Đông Dương ? 2, Thực hiện nhiệm vụ học tập HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt) Tình hình thế giới và Đông Dương những	* <u>Thế giới</u> - Tháng 9/1939, CTTG 2 bùng nổ - Tháng 6/1940, Đức tấn công Pháp → Chính phủ Pháp đầu hàng - Ở Viễn Đông: Nhật xâu rục TQuốc, tiến sát biên giới Việt Trung. * <u>Đông Dương</u> - Pháp đứng trước 2 nguy cơ: cmạng Đông Dương, Nhật lấn le hất cẳng - Tháng 9/1940, Nhật → ĐDương → Nhật - Pháp cấu kết với nhau, áp bức bóc lột ndân ĐDương + Pháp thi hành chính sách

<p>năm 1939 -1945 có gì khác so với thời kỳ 1936 1939?</p> <p>Vì sao TD Pháp và FX Nhật thoả hiệp với nhau để cùng thống trị Đông Dương?</p> <p>GV. giải thích về sự cấu kết của Pháp - Nhật</p> <p>Nêu những thủ đoạn của Pháp -Nhật?</p> <p>Hậu quả của những thủ đoạn đó?</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>= Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày,</p> <p>GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS,</p> <p>Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p>gian xảo → thu lợi nhiều nhất</p> <p>+ Nhật → Đông Dương thành thuộc địa, căn cứ c tranh</p> <p>⇒ <i>Nhân dân chịu 2 tầng áp bức</i></p>
--	---

2. Hoạt động 2: Những cuộc nổi dậy đầu tiên

- Mục tiêu: HS cần nắm được Những nét chính về diễn biến của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương. Ý nghĩa lịch sử của 3 cuộc khởi nghĩa

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp.

Nhóm.....

-Phương tiện: Những hình ảnh về diễn biến của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương.

-Thời gian: 15 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục II SGK thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau;</p> <p>+ Nhóm chẵn: Khởi nghĩa Bắc Sơn diễn ra trong hoàn cảnh nào? Vì sao cuộc knghĩa thất bại?</p> <p>+ Nhóm lẻ: Nguyên nhân bnổ khởi nghĩa Nam Kỳ? Nguyên nhân bnổ khởi nghĩa Nam Kỳ?</p> <p>2, Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó</p>	<p><u>1.Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940)</u></p> <p>* <u>Diễn biến:</u></p> <p>- Ngày 22/9/1940, Nhật → Lạng Sơn, Pháp bỏ chạy qua châu Bắc Sơn</p> <p>- Nhân dân Bắc Sơn nổi dậy → giải tán chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng (27/9/1940)</p> <p>- Nhật – Pháp cấu kết → đàn áp.</p> <p>* <u>Kết quả:</u></p> <p>+ Khởi nghĩa thất bại</p> <p>→ Đội du kích Bắc Sơn</p> <p><u>2.K nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940)</u></p>

<p>GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p> <p>GV. Sử dụng LĐ tường thuật diễn k nghĩa</p> <p>HS. Xác định vị trí Pháp ném bom tàn sát → giáo dục ý thức bảo vệ môi trường</p> <p>Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm rút ra từ 3 cuộc nổi dậy trên??</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày,</p> <p>GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p>* <u>Nguyên nhân</u>: Do việc Pháp bắt lính Việt → Lào, cam-pu-chia chết thay cho chúng</p> <p>* <u>Diễn biến</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đêm 22 rạng 23/11/1940, knghĩa bùng nổ khắp các tỉnh Nam Kỳ - Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều vùng, cờ đỏ sao vàng lần đầu xuất hiện - Pháp đàn áp → cách mạng tổn thất nặng <p><u>3. Binh biến Đô Lương (13/01/1941)</u></p> <p>Không dạy</p> <p><u>4. Ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân ta - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý: <ul style="list-style-type: none"> + Về khởi nghĩa vũ trang. + Xây dựng lực lượng vũ trang. + Chiến tranh du kích.
---	---

3.3 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới, mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về :

- tình hình thế giới và Đông Dương trước chiến tranh thế giới thứ hai
- Những nét chính về diễn biến của khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương. Ý nghĩa lịch sử của 3 cuộc khởi nghĩa

-Thời gian 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô. Lập bảng thống kê theo mẫu:

Tên cuộc khởi nghĩa	Nguyên nhân	Diễn biến	Kết quả- ý nghĩa
Bắc Sơn			được coi là tiếng súng mở đầu thời kì khởi nghĩa vũ trang giành độc lập dân tộc
Nam Kỳ			chứng tỏ tinh thần yêu nước, sẵn sàng đứng lên chống quân thù của các tầng lớp nhân dân Nam Kỳ.

3.4 Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn, HS nhận xét đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay.

-Phương thức hình thành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

Vì sao Nhật-Pháp cấu kết nhau thống trị đông dương?

-Thời gian 5 phút

-Dự kiến sản phẩm

Thực dân Pháp và phát xít Nhật thoả hiệp với nhau để cùng thống trị Đông Dương vì:

Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, chúng thực sự không thể một mình độc chiếm Đông Dương. Về phía Pháp, Pháp suy yếu cả ở chính quốc và Đông Dương (Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng). Chúng không đủ sức để chống quân Nhật, Pháp buộc phải chấp nhận những yêu sách của chúng, dựa vào chúng để chống phá cách mạng và cai trị Đông Dương. Về phía Nhật, lợi dụng Pháp để kiếm lời và chống lại cách mạng Đông Dương, vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh mà Nhật Bản đang theo đuổi.

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh

+ Học bài cũ theo câu hỏi SGK

+ Đọc soạn Bài 22

Ngày soạn:

Ngày giảng:

TIẾT 25, BÀI 22. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

I. MẶT TRẬN VIỆT MINH RA ĐỜI (19/5/1941)

I. Yêu cầu cần đạt

1. **Kiến thức:** học sinh trình bày được:

- Hoàn cảnh ra đời, chủ trương và hoạt động của Mặt trận Việt Minh. Vai trò của Việt Minh đối với sự phát triển của cách mạng

2. Kỹ năng

- Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng bản đồ, các tư liệu lịch sử để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản trong bài học.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh và lòng tin vào Đảng.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định các mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử

+ So sánh, nhận xét, đánh giá về tình hình cách mạng năm 1945 và tiến tới cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa 1945.

+ Vận dụng kiến thức mới mà học sinh đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn. HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp

III. Phương tiện: Lược đồ khu giải phóng Việt Bắc, Ảnh đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân

IV. Chuẩn bị:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, tranh ảnh, tư liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước sách giáo khoa và tài liệu có liên quan.

- Sưu tầm tư liệu tranh ảnh về phong trào dân chủ thời kỳ năm 1945

V. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ.

3. Bài mới.

3.1 Hoạt động khởi động

- Phương pháp, kỹ thuật: trực quan, thuyết trình.

- Thời gian: 2 phút

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho HS xem một số hình ảnh về phong trào dân chủ thời kỳ 1945

? Em có nhận định gì về tình hình nước ta năm 1945 ?

- Dự kiến sản phẩm (HS trả lời theo nhận định)

Trên cơ sở trả lời của học sinh GV dẫn dắt vào bài mới.

GV nhận xét vào bài mới :Bước sang năm 1941 cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai chuyển sang giai đoạn mới quyết liệt hơn .Tháng 6-1941 Đức tấn công Liên Xô cuộc chiến tranh thế giới lần thứ Hai thay đổi tính chất .Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương Hồ Chí Minh về nước :28-1-1941 Người trực tiếp chủ trì hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần thứ VIII người sáng lập ra mặt trận Việt Minh .Mặt trận Việt Minh trực tiếp chuẩn bị lực lượng cho cách mạng tháng Tám năm 1945 và tiến tới cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa 1945.

3.2 Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1.: Hoàn cảnh ra đời của Mặt trận Việt Minh

- Mục tiêu: HS cần nắm được hoàn cảnh ra đời của Mặt trận Việt Minh
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp.

Nhóm.....

- Phương tiện: hình ảnh về Mặt trận Việt Minh
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK(thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau; + Nhóm chẵn:Tình hình thế giới ? + Nhóm lẻ:Tình hình trong nước ? <p>2, Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p> <p>Tình hình thế giới trong thời gian này có gì khác có gì khác so với thời kỳ trước?</p> <p>Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh trong hoàn cảnh như thế nào?</p> <p>GV. Nhắc lại hành trình của NAQ từ 1911.Ngày 28/1/1941, về nước triệu tập Hội nghị TƯ 8</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình</p>	<p><i>* Thế giới:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 6/1941, Đức tấn công Liên Xô → thế giới hình thành 2 trận tuyến - Cuộc đấu tranh của nhân ta là 1 bộ phận của trận tuyến Dân chủ <p><i>* Trong nước:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân ta sống dưới 2 tầng áp bức của Pháp - Nhật → mâu thuẫn dân tộc sâu sắc + Hậu quả của chính sách áp bức, bóc lột của Nhật – Pháp làm cho đời sống của nhân dân ta vô cùng cực khổ, điêu đứng. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ở Việt Nam với đế quốc Pháp – Nhật trở nên sâu sắc - Ngày 28/1/1941, NAQ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

bày,
GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh

2. Hoạt động 2. Hội nghị TU 8

- Mục tiêu: HS cần nắm được những hoạt động của Hội nghị TU 8
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Phương tiện: tranh ảnh về hoạt động của Hội nghị TU 8
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- chia thành nhóm chẵn lẻ. Các nhóm đọc mục 2 SGK thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau;</p> <p>+ Nhóm chẵn: Thời gian, địa điểm của Hội nghị TU 8?</p> <p>+ Nhóm lẻ: Nêu nội dung chủ yếu của Mặt trận Việt Minh?</p> <p>2, Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p> <p>GV. Giới thiệu về Pác Bó, qua đó giáo dục h/s ý thức bảo vệ di tích lịch sử cách mạng (xác định kẻ thù, khẩu hiệu đấu tranh, Mặt trận...)</p> <p>?Em có nhận xét gì về chủ trương của Đảng trong thời kỳ này?</p> <p>(tiếp tục chuyển hướng HN VI, chuyển hướng kịp thời,...)</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình</p>	<p>- Thời gian: 10 đến 19/5/1941</p> <p>- Địa điểm: Pác Bó (Cao Bằng)</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc</p> <p>+ Khẩu hiệu: “Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất”</p> <p>+ Chủ trương thành lập: Mặt trận Việt Minh</p> <p>- Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập</p> <p>→ Hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược</p>

bày,
GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh

3. Hoạt động 3: Hoạt động của Mặt trận Việt Minh

- Mục tiêu: HS cần nắm được hoạt động của Mặt trận Việt Minh

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp.

Nhóm.....

-Phương tiện: hình ảnh về hoạt động của Mặt trận Việt Minh

-Thời gian: 10 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 SGK(thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau; + Nhóm chẵn:Để xây dựng, phát triển lực lượng chính trị Việt Minh đã làm gì? Kết quả đạt được? + Nhóm lẻ:Việt Minh đã làm gì để từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị k/n?</p> <p>2, Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p> <p>Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh đã làm gì? (xây dựng lực lượng, chuẩn bị k/n)</p> <p>Em có nhận xét gì về hình ảnh của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân? (ảnh lễ tuyên thệ của 34 chiến sỹ do đ/c Võ Nguyên Giáp làm Đội trưởng - Tại khu rừng Trần Hưng Đạo - Cao Bằng).</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày, GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p><i>* <u>Xây dựng lực lượng chính trị:</u></i></p> <p>- Lập các Hội cứu quốc → tập hợp quần chúng</p> <p>- Các đoàn thể cứu quốc được xây dựng khắp cả nước nhất là ở Cao</p> <p>- Bắc - Lạng</p> <p>- Đẩy mạnh công tác báo chí cách mạng của Đảng, Việt Minh → tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng</p> <p><i>* <u>Xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị k/n:</u></i></p> <p>- Năm 1941, thành lập Cứu quốc quân → phát động ctranh du kích ở Bắc sơn –Vũ Nhai</p> <p>- Tháng 5/1944, ra chỉ thị sắm sửa vũ khí.</p> <p>- Ngày 22/12/1944, lập Đội Việt Nam TTGPQ</p> <p><i>* <u>Xây dựng căn cứ cách mạng:</u></i></p> <p>Mở rộng căn cứ Cao -Bắc</p>

4.4 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới, mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về : Hoàn cảnh ra đời, chủ trương và hoạt động của Mặt trận Việt Minh. Vai trò của Việt Minh đối với sự phát triển của cách mạng

-Thời gian 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc GV

Câu hỏi: Mặt trận Việt Minh ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào? Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám năm 1945?

Dự kiến sản phẩm:

Mặt trận Việt Minh ra đời trong hoàn cảnh:

Tháng 6- 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, trên thế giới hình thành hai trận tuyến: Một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu và một bên là khối phát xít Đức, I-ta -li -a, Nhật. Ngay từ đầu, cuộc chiến của nhân dân ta đã là một bộ phận trong cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ.

Nhận thấy, trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến có lợi cho cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã thể hiện sự nhạy bén chính trị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1945) nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước phát cao ngọn cờ độc lập dân tộc.

Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám năm 1945:

- Xây dựng lực lượng chính trị: vận động đông đảo mọi tầng lớp nhân dân vào mặt trận cứu quốc
- Xây dựng lực lượng vũ trang: thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và sau hợp nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, thành lập các trung đội cứu quốc quân.
- Xây dựng căn cứ địa cách mạng. Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc ra đời là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.
- Chuẩn bị để tiến tới Tổng khởi nghĩa: phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

=> Như vậy, cho đến đầu năm 1945, sự chuẩn bị của mặt trận Việt Minh cho cuộc tổng khởi nghĩa cơ bản đã hoàn thành. Một bầu không khí tiền khởi nghĩa đã sục sôi trong cả nước.

3.4 Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn, HS nhận xét đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay.

-Phương thức hình thành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

Nhận xét về chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong Hội nghị TU 8?

-Thời gian 5 phút

-Dự kiến sản phẩm

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh

+ Học bài cũ theo câu hỏi SGK

+ Đọc, soạn Bài. 22. Cao trào ... năm 1945 (tiếp)

Ngày soạn:

Ngày giảng:

TIẾT 26, BÀI 22. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG

KHOI

NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 (tiếp theo)

II. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

I. Mục tiêu

1. **Kiến thức:** sau khi học xong bài học, Học sinh nắm được:

Chủ trương của Đảng sau khi Nhật đảo chính Pháp và diễn biến của cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

2. Kỹ năng

Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng bản đồ, các tư liệu lịch sử để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản trong bài học.

3. Thái độ

Giáo dục: Lòng kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh và lòng tin vào Đảng.

4. Định hướng phát triển năng lực

-**Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định các mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử

+ So sánh, nhận xét, đánh giá, về phong trào CM 1945

+ Vận dụng kiến thức mới mà học sinh đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn. HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp

III. Phương tiện: Lược đồ khu giải phóng Việt Bắc

IV. Chuẩn bị:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, tranh ảnh, tư liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước sách giáo khoa và tài liệu có liên quan.

- Sưu tầm tư liệu tranh ảnh về phong trào dân chủ thời kỳ 1936-1939

V. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ.

3. Bài mới.

3.1 Hoạt động khởi động

- Phương pháp, kĩ thuật: trực quan, thuyết trình.

- Thời gian: 2 phút

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho HS xem một số hình ảnh về cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

? Em có nhận định gì cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ?

- Dự kiến sản phẩm (HS trả lời theo nhận định)

Trên cơ sở trả lời của học sinh GV dẫn dắt vào bài mới.

GV nhận xét vào bài mới: Sau khi Nhật tiến vào đông Dương và cầu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân ta, dẫn đến nhân dân ta sống dưới hai tầng áp bức bóc lột và nổi dậy đấu tranh giải phóng dân tộc.

3.2 Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

Mục 1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)

- Mục tiêu: HS cần nắm được nguyên nhân vì sao Nhật đảo chính Pháp

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp.

Nhóm.....

-Phương tiện: Một số hình ảnh Nhật đảo chính Pháp

-Thời gian: 15 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập - chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau; + Nhóm chẵn: Tại sao Nhật đảo chính	* <u>Hoàn cảnh</u> - Thế giới: + Đầu 1945, CTTG 2 → giai đoạn kết thúc, Pháp được giải phóng

<p>Pháp?</p> <p>+ Nhóm lẻ: Nhật đảo chính Pháp như thế nào? Kết quả ra sao ?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p> <p>Em có nhận xét gì về hành động của quân Nhật?</p> <p>(giả nhân giả nghĩa,...)</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày,</p> <p>GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p>+ Nhật khốn đốn ở Thái Bình Dương</p> <p>- Ở Đông Dương Pháp ráo riết hoạt động → âm mưu giành lại địa vị thống trị</p> <p>→ <i>Nhật đảo chính Pháp → độc chiếm Đông Dương</i></p> <p>* <u>Diễn biến</u></p> <p>- Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương</p> <p>- Pháp chống cự yếu ớt → đầu hàng</p> <p>- Sau khi độc chiếm Đông Dương, Nhật tăng</p> <p>cường chính sách áp bức, bóc lột</p> <p>→ <i>Nguyên nhân bùng nổ cao trào kháng Nhật cứu nước</i></p>
--	--

2. Hoạt động 2:

Mục 2: Tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- Mục tiêu: HS cần nắm được Những nét chính về diễn biến cao trào kháng Nhật
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp. Nhóm.....
- Phương tiện : Hình ảnh diễn biến cao trào kháng Nhật
- Thời gian: 15 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- chia thành nhóm chẵn lẻ . Các nhóm đọc mục 2</p> <p>SGK(thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau;</p> <p>+ Nhóm chẵn: Khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng ta đã có chủ trương ntn để thúc đẩy cách mạng ptriển?</p>	<p>* <u>Chủ trương của Đảng:</u></p> <p>- Ngày 9/3/1945, Hội nghị mở rộng của Đảng</p> <p>+ Ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”:</p>

<p>+ Nhóm lẻ: Tại sao Đảng ta quyết định phát động cao kháng Nhật cứu nước?</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt) Cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra như thế nào? (từ giữa tháng 3, k/n từng phần xuất hiện ở nhiều địa phương,...) Giữa lúc cao trào kháng Nhật dâng cao, Đảng đã có chủ trương gì? Tác dụng chủ trương đó? GV. Hướng dẫn h/s khai thác H.38 (SGK trang 91) Em có nhận xét gì về cao trào kháng Nhật cứu nước trước ngày tổng khởi nghĩa? (sôi nổi, quyết liệt, làm tê liệt bộ máy chính quyền bù nhìn, tạo nên khí thế sẵn sàng khởi nghĩa trong cả nước) 3. Báo cáo kết quả và hoạt động - Đại diện các nhóm trình bày. 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày, GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p>+ Xác định kẻ thù chính: FX Nhật</p> <p>- Phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”</p> <p>* <u>Diễn biến cao trào kháng Nhật</u></p> <p>- Giữa tháng 3/1945, khởi nghĩa từng phần ở nhiều địa phương</p> <p>+ Cao - Bắc - Lạng và nhiều châu huyện được giải phóng</p> <p>+ Ở nêhôn –thành thị, Việt Minh diệt bọn tay sai Việt gian</p> <p>- Ngày 15/4/1945, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp:</p> <p>+ Thống nhất llượng vũ trang → VNGPQ</p> <p>+ Lập ủy ban quân sự Bắc Kỳ</p> <p>- Ngày 4/6/1945, khu giải phóng Việt Bắc ra đời</p> <p>- Phong trào “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”</p> <p>→ <i>Tạo khí thế sục sôi, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa trong cả nước</i></p>
---	--

3.3 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới, mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về : Chủ trương của Đảng sau khi Nhật đảo chính Pháp và diễn biến của cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

-Thời gian 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô.

Câu 1. Lập bảng thống kê các sự kiện quan trọng từ tháng 4- 6/1945

Câu 2. Mặt trận Việt Minh ra đời đã có tác động như thế nào đến cao trào kháng Nhật cứu nước?

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Sự kiện

3.4 Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn, HS nhận xét đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay.

-Phương thức hình thành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

? Đảng cộng sản Đông Dương đã có chủ trương và khẩu hiệu như thế nào để đưa phong trào cách mạng đi lên?

-Thời gian 5 phút

-Dự kiến sản phẩm

*** Để đưa phong trào cách mạng đi lên, Đảng cộng sản Đông Dương đã có chủ trương và khẩu hiệu:**

● Chủ trương của Đảng:

- Xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật.
- Ra chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12-3-1945)
- Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.
- Hình thức đấu tranh: từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển qua tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

● Khẩu hiệu:

- Thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”.
- Đưa ra khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng” và khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”.

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà tìm hiểu và hoàn thành bài tập

+ Học bài cũ theo câu hỏi SGK

+ Đọc, soạn Bài. 23. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 nước VNDC cộng hòa

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 27, 28 BÀI 23. TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945 VÀ SỰ
THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ**

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: sau khi học xong bài học sinh trình bày được:

- Nhật đầu hàng Đồng minh tạo ra thời cơ hết sức thuận lợi cho ta khởi nghĩa giành chính quyền.

- Chủ trương của Đảng, diễn biến chính Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà
- Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945

2. Kỹ năng

Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng bản đồ, các tư liệu lịch sử để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản trong bài học.

3. Thái độ

Giáo dục lòng kính yêu Đảng và lãnh tụ, niềm tin vào thắng lợi của cách mạng, niềm tự hào dân tộc

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề

- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định các mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử

+ So sánh, nhận xét, đánh giá về tình hình cách mạng tháng Tám năm 1945

+ Vận dụng kiến thức mới mà học sinh đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn. HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp

III. Phương tiện:

- Ảnh: Cuộc mít tinh tại Nhà hát lớn Hà Nội (19/8/1945)
Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập (2/9/1945)
- Bản đồ: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

IV. Chuẩn bị:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, tranh ảnh, tư liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước sách giáo khoa và tài liệu có liên quan.
- Sưu tầm tư liệu tranh ảnh về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

V. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ.

3. Bài mới.

3.1 Hoạt động khởi động

- Phương pháp, kỹ thuật: trực quan, thuyết trình.
 - Thời gian: 2 phút
 - Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho HS xem một số hình ảnh về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
- ? Em có nhận định gì về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ?

- Dự kiến sản phẩm (HS trả lời theo nhận định)

Trên cơ sở trả lời của học sinh GV dẫn dắt vào bài mới.

GV nhận xét vào bài mới :Cuối năm 1945 cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai chuyển sang giai đoạn kết thúc.tạo điều kiện thuận lợi cho CM ta tiến tới cuộc tổng khởi nghĩa 1945. giành độc lập tự do cho nước nhà và xây dựng chế độ mới của nước VN DCCCH

3.2 Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1:

Mục I: .Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

- Mục tiêu: HS cần nắm được lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố trong hoàn cảnh như thế nào

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp

-Phương tiện: hình ảnh, tư liệu về lệnh tổng khởi nghĩa

-Thời gian: 10 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
1.Chuyên giao nhiệm vụ học tập - Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục I SGK(thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau; + Nhóm chẵn:Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố trong hoàn cảnh nào? + Nhóm lẻ: Lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố ntn? 2, Thực hiện nhiệm vụ học tập HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt) Em có nhận xét gì về thời cơ của cách mạng tháng Tám năm 1945? (thời cơ ngàn năm có một, chỉ tồn tại từ khi Nhật đầu hàng → quan Đồng minh vào ĐĐương) GV. Chớp thời cơ, Đảng đã kịp thời phát động lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Sau khi Lệnh Tổng knghĩa được ban bố Đảng đã lgi để t tới Tổng knghĩa giành cquyền? (tổ chức ĐH Quốc dân Tân Trào → thống	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính) * <u>Hoàn cảnh:</u> - Thế giới: CNPX bị tiêu diệt, 15/8/1945 Nhật đầu hàng Đồng minh - Trong nước: + PX Nhật cùng tay sai hoang mang cực độ + Không khí cách mạng sục sôi ⇒ Tạo đk tời để giành chính quyền * <u>Lệnh khởi nghĩa được ban bố</u> - Ngày 14 - 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc ở Tân Trào(Tuyên Quang) + Phát động Tổng khởi nghĩa +Lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc - Ngày 16/8, Quốc dân Đại hội ở Tân Trào: + Tán thành lệnh Tổng khởi nghĩa + Thông qua 10 chính sách của Việt Minh. + Lập Ủy ban dân tộc giải phóng - Chiều 16/8/1945 quân giải phóng → Thái Nguyên → Hà Nội

<p>nhất ý chí toàn quân và toàn dân) Thực hiện lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, quân giải phóng đã làm gì?</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động - Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày, GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	
---	--

2. Hoạt động 2.

Mục II và III: Diễn biến chính tổng khởi nghĩa tháng Tám

- Mục tiêu: HS cần nắm được tình hình quần chúng tiến hành giành chính quyền ở Hà Nội và Giành chính quyền trong cả nước

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích tổng hợp

-Phương tiện: tranh ảnh về hoạt động giành chính quyền ở Hà Nội và Giành chính quyền trong cả nước

-Thời gian: 10 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập -. Các nhóm đọc mục II và III SGK thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau; HS. Đọc tư liệu: “Ở Hà Nội...tận gốc rễ” (SGK trang 92, 93) + Nhóm chẵn: Em có nhận xét gì không khí cách mạng ở Hà Nội trước khởi nghĩa? + Nhóm lẻ: ?Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội đã diễn ra như thế nào?</p> <p>2, Thực hiện nhiệm vụ học tập HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các nhóm theo dõi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bằng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p>	<p>- Đầu tháng 8, không khí cách mạng sục sôi khắp Hà Nội</p> <p>- Ngày 19/8/1945, mít tinh của quần chúng ở Nhà hát lớn</p> <p>- Mít tinh nhanh chóng → biểu tình chiếm các công sở của chính quyền bù nhìn</p> <p>- Khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn</p>

<p>GV. Thông báo 14/8 đến 18/8 nhiều địa phương đã giành chính quyền</p> <p>GV. Hướng dẫn h/s khai thác H. 39 (trang 93)</p> <p>Cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội thắng lợi có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>(Cổ vũ cả nước, kẻ thù hoang mang, dao động).</p> <p>HS. Xác định các tỉnh đã giành chính quyền trước 19/8/1945</p> <p>GV. Sử dụng LĐT tường thuật khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước</p> <p>Em có nhận xét gì về cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước?</p> <p>(Khởi nghĩa thành công nhanh chóng (15 ngày), toàn dân xuống đường, llượng c trị,vũ trang)</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày, GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập củ HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p>- Ngày 14 đến 18/8, Hduong, Bgiang, HTinh, Qnam giành chính quyền</p> <p>- Ngày 23/8, Huế khởi nghĩa thắng lợi</p> <p>- Ngày 25/8, Sài Gòn giành chính quyền</p> <p>- Ngày 28/8, cách mạng t công trong cả nước</p> <p>- Ngày 2/9/1945, HCT đọc tuyên ngôn độc lập→ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</p>
---	---

3. Hoạt động 3:

Mục III: Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của cách mạng tháng Tám

- Mục tiêu: HS cần nắm được

Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của cách mạng tháng Tám

-Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích

-Thời gian: 10 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và HS	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>1.Chuyên giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Các nhóm đọc mục IV SGK(thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau;</p> <p>+ Nhóm chẵn:</p> <p>Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám?</p> <p>+ Nhóm lẻ: Nguyên nhân thành công của cách mạng tháng Tám?</p> <p>2, Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS Đọc SGK và thực hiện theo yêu cầu, GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ, GV đến các</p>	<p>1. Ý nghĩa lịch sử</p> <p>- Đập tan ách thống trị:Pháp, Nhật, phong kiến</p> <p>- Đưa Việt Nam trở thành quốc gia độc lập</p> <p>- Cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.</p>

<p>nhóm theo giỏi hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó GV gợi mở(Bảng hệ thống câu hỏi gợi mở linh hoạt)</p> <p>Tại sao cách mạng tháng Tám thành công nhanh chóng và ít đổ máu?</p> <p>GV. Phân tích dẫn chứng nguyên nhân thắng lợi của CM tháng Tám</p> <p>Tại sao cách mạng tháng Tám thành công nhanh chóng và ít đổ máu?</p> <p>GV. Phân tích dẫn chứng nguyên nhân thắng lợi của CM tháng Tám</p> <p>3. Báo cáo kết quả và hoạt động</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày,</p> <p>GV bổ sung phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh</p>	<p>2. Nguyên nhân thắng lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống đấu tranh của dân tộc - Sự lãnh đạo kịp thời sáng suốt của Đảng - có khối liên minh công nông vững chắc - Nhờ điều kiện quốc tế thuận lợi, sự ủng hộ lực lượng tiến bộ thế giới
--	--

4.4 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới, mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về : tình hình quần chúng tiến hành giành chính quyền ở Hà Nội và Giành chính quyền trong cả nước. Ý nghĩa lịch sử nguyên nhân thành công của cách mạng tháng 8

-Thời gian 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi . Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc GV

Lập bảng niên biểu cách mạng Tháng Tám

Thời gian	Sự kiện

2. Hãy nêu 4 tổ chức lớn do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập từ năm 1930 đến năm 1945 và có vai trò quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám

3. Vì sao cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự kiện lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam?

4. Vì sao nói cách mạng tháng Tám năm 1945 có tác dụng góp phần cổ vũ các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa đứng lên giành độc lập?

Dự kiến sản phẩm

2.4 tổ chức lớn do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập từ năm 1930 đến năm 1945 và có vai trò quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là:

- Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930)
- Thành lập mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936)
- Thành lập Mặt trận Việt Minh (1941)
- Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc (1945)

3. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam vì:

- Chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á;
- Chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến ở Việt Nam, kết thúc hơn 80 năm nhân dân ta dưới ách đô hộ của thực dân, phát xít.
- Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình.
- Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cầm quyền.

4. Vì sao nói cách mạng tháng Tám năm 1945 có tác dụng góp phần cổ vũ các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa đứng lên giành độc lập?

- Nói thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám cổ vũ các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa đứng lên giành độc lập vì: Thắng lợi này đã khẳng định rằng, trong điều kiện trào lưu của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mất xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu để đưa cả dân tộc đó đi lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

3.5 Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn, HS nhận xét đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ngày nay.

-Phương thức hình thành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới
. Kể tên những địa danh (trường học, đường phố, làng xã) nơi em sinh sống hoặc em biết mang tên những nhà cách mạng tiền bối (Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập...)

Tên địa danh (trường học, đường phố, làng xã) nơi em sinh sống hoặc em biết mang tên những nhà cách mạng tiền bối là:

- Trường Trung học phổ thông Trần Phú - Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trường Đào Tạo Cán Bộ Lê Hồng Phong, Đống Đa, Hà Nội
- Trường THCS Hà Huy Tập, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

-Thời gian 5 phút

-Dự kiến sản phẩm

-

Tiết 29

Bài 6

NGHỆ AN TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1945

MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa- giáo dục ở Nghệ an sau CTTG1

Phong trào yêu nước và cách mạng ở Nghệ an từ 1919-1945

2. Kỹ năng

Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng bản đồ, các tư liệu lịch sử để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản trong bài học.

3.Thái độ

Giáo dục lòng kính yêu Đảng và lãnh tụ, niềm tin vào thắng lợi của cách mạng, niềm tự hào quê hương đất nước

4.Định hướng phát triển năng lực

-**Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định các mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử + So sánh, nhận xét, đánh giá

Kiểm tra 15 phút

ĐỀ 1

Câu : Trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

ĐỀ 2

Câu : Trình bày diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Hướng dẫn chấm

ĐỀ 1

Câu : HS nêu được:

Nguyên nhân : - Chủ quan: Truyền thống yêu nước. Có sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ Tịch....

- Khách quan: Bọn phát xít Đức, Nhật đã bị đánh bại.

ý nghĩa: - Đối với dân tộc: Có ý nghĩa vĩ đại, phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế, giành độc lập...

- Đối với thế giới: Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

ĐỀ 2

- Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, không khí cách mạng lên cao.

- Chiều ngày 15/8, lệnh tổng KN về tới HN -> truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện khắp nơi - > không khí cách mạng sôi sục.

- 19/8 mít tinh, biểu tình, giành thắng lợi.

=> Ý nghĩa: là động lực, cổ vũ các địa phương khác trong cả nước nổi dậy đấu tranh

. - 4 tỉnh giành chính quyền sớm: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

- Tiếp sau HN(19/8), Huế (23/8), Sài Gòn (25/8) cũng giành được chính quyền.

- Ngày 28/8 giành chính quyền trong cả nước.

- Ngày 2/9/1945, Hồ Chủ Tịch đọc tuyên ngôn độc lập khai sinh Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà._

2. Bài mới:

<p>GV Nhắc lại 1 vài nét về tình hình nước ta trong những năm 1919 – 1930.</p> <p>? Trong những năm này Nghệ An có những chuyển biến nào?</p> <p>? Thảo luận trả lời.</p> <p>Vinh – Bến thủy ra đời trên cơ sở sát nhập 3 trung tâm đô thị Vinh- Bến Thủy- Trường thi</p> <p>? Tình hình xã hội Nghệ An thời kỳ này như thế nào?</p> <p>Chịu ảnh hưởng từ cuộc khai thác thuộc địa</p> <p>? Tình hình chính trị tại Nghệ An có điểm gì nổi bật trong giai đoạn</p>	<p><u>1. Nghệ An từ năm 1919 đến năm 1930 10'</u></p> <p>a) Kinh tế xã hội:</p> <p>Kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10- 12 – 1927 thành phố Vinh – Bến Thủy ra đời. - Hình thành các đồn điền trồng cây công nghiệp rộng lớn: Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, Thanh Chương. - Hệ thống đường bộ nối liền Vinh với các vùng, xứ trong liên bang Đông Dương được xây dựng. + Năm 1922 – 1927 xây dựng tuyến đường sắt Vinh – Đông Hà. + 1925 sân bay Vinh được đưa vào khai thác. <p>Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Đội ngũ công nhân tăng lên nhanh 7000 cn (1929) - Một số nhà tư bản người Việt đang tìm cách vươn lên. - Tầng lớp tiểu thương ngày càng đông -> phần lớn họ xuất thân trong gia đình có truyền thống yêu nước. <p>b) Tình hình chính trị:</p>
--	---

<p>này?</p> <p>H. Nhớ lại kiến thức đã học về lịch sử dân tộc để trả lời.</p> <p>GV. Hội Phục Việt sau này là Tân Việt cách mạng đảng được thành lập tại núi con Mèo thuộc phường Trung Đô ngày nay.</p> <p>?. <i>Em hãy trình bày đôi nét về phong trào xô viết Nghệ Tĩnh?</i></p> <p>H. Nhớ lại các kiến thức và trình bày tóm tắt diễn biến của phong trào.</p> <p>GV. Chốt lại và mở rộng thêm thuyết giảng. 12/9/1930 thực dân Pháp đã tàn sát đoàn biểu tình của nhân dân Hưng Nguyên làm chết 217 người, 125 người bị thương- > về sau người ta đã lấy ngày này làm ngày truyền thống xô viết Nghệ Tĩnh.</p> <p>?. <i>Nhân dân Nghệ An trong cao trào dân tộc dân chủ mà Đảng ta phát động như thế nào?</i></p> <p>H. Trình bày tóm tắt về phong trào.</p> <p>GV. Cũng giống như cao trào 1930-1931 nhân dân Nghệ An đã sôi nổi tham gia ngay trong những ngày đầu.</p> <p>?. <i>Nhân dân Nghệ An trong cuộc tổng khởi nghĩa như thế nào?</i></p> <p>Là những người tiên phong trong cao trào cách mạng 1939- 1945 -> họ là người nổ tiếng súng đầu tiên. Thuyết giảng diễn biến phong trào: Địa phương sớm nhất giành được chính quyền: Thanh thủy (16/8). Quỳnh Lưu (17/8), Hưng Nguyên (19/8). Địa phương muộn nhất: Con Quông (26/8), Tương</p>	<p>- 14 -7-1925 Hội Phục Việt ra đời.</p> <p>- Trước năm 1930 ở Nghệ An có hai tổ chức cộng sản và nhiều chi bộ cộng sản được thành lập.</p> <p>=> Chính trị, kinh tế-xã hội ở Nghệ An cũng có nhiều biến chuyển quan trọng.</p> <p><u>2. Nghệ An từ năm 1930 đến năm 1945</u> 15'</p> <p>a) <i>nhân dân Nghệ An trong phong trào cách mạng 1930- 1931</i></p> <p>- Từ 5 – 1930 ở Nghệ An nổ ra 15 cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân.</p> <p>- 1-5-1930 nông dân và công nhân trên khắp Nghệ An nổi dậy đấu tranh và thu hút hàng vạn người tham gia-> Phong trào xô viết Nghệ Tĩnh.</p> <p>- 12-9-1930 thực dân Pháp đã đàn áp phong trào của 2 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên.</p> <p>- Cuối năm 1931 phong trào tạm lắng xuống do thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào.</p> <p>b) <i>Nhân dân Nghệ An trong phong trào dân chủ 1936- 1939.</i></p> <p>- 3- 1936 các cơ sở đảng ở Nghệ An được phục hồi.</p> <p>- 20- 9- 1936 Đông Dương đại hội đã được triệu tập tại Vinh - Nghệ An.</p> <p>- Các phương hội, các nghiệp đoàn phát triển nhanh và đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm.</p> <p>c) <i>Nghệ An trong cao trào cách mạng 1939- 1945</i></p> <p>- 14- 1- 1941 Nguyễn Văn Cung đã lãnh đạo binh lính đồn Chợ Rạng nổi dậy.</p> <p>- 5- 1945 công tác chuẩn bị cho khởi nghĩa đã được đẩy mạnh:</p> <p>+ 19/5/1945 bản vậ động Việt Minh Nghệ Tĩnh đã được thành lập.</p> <p>+ 18/8/1945 uỷ ban khởi nghĩa đã thông báo lệnh khởi nghĩa.</p> <p>+ 21/8/1945 khởi nghĩa và giành được chính quyền ở Vinh và nhiều địa phương khác.</p> <p>+ 26/8/1945 địa phương cuối cùng ở Nghệ An giành được chính quyền.</p>
--	---

<p>Dương (26/8), Quỳ Châu (26/8).</p> <p>? Em có cảm nghĩ gì về phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ An?</p> <p>.</p>	<p>=>Nhân dân Nghệ An là những người đã tiên phong nổi tiếng sùng đầu tiên báo hiệu một thời kì bảo tấp cách mạng mới.</p> <p>=>Nhân dân Nghệ An ta luôn là mảnh đất “phên dậu” của đất nước, trong bất kì thời kì lịch sử nào nhân dân Nghệ An vẫn luôn đi đầu trong phong trào cách mạng.</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: 5'

Mục tiêu: Luyện tập củng cố nội dung bài học

Phương pháp dạy học: Thảo luận

- Em hãy nêu tên các danh nhân lịch sử của Nghệ An trong thời kì lịch sử 1930 – 1945.
- Nêu những đóng góp của nhân dân Nghệ An trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Hướng dẫn hs sưu tầm các tư liệu lịch sử và tranh ảnh.
- Dặn hs chuẩn bị bài 24- Soạn trước bài “ Cuộc đấu tranh bảo vệ và XD chính quyền DCND 1945 – 1946” vào vở soạn (trả lời các câu hỏi trong sgk vào vở soạn)
- + Sau c/m tháng tám nước ta gặp phải những khó khăn trên những lĩnh vực nào?
- + Những biểu hiện chính về những khó khăn đó?
- + Đảng và nhà nước ta đã có biện pháp gì để củng cố chính quyền c/m?
- + Em hãy cho biết những biện pháp chủ yếu của Đảng ta trong việc diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính?
- + Nhận xét gì về những biện pháp đó?

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Chương IV VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Tiết: 30 Bài 24 CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nắm được tình hình nước ta sau cách mạng tháng tám. Chính quyền dân chủ nhân dân trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, về thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa...
- Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài: xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân: diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

2. Tư tưởng:

- Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, có tinh thần cách mạng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và lòng tự hoà dân tộc.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đánh giá các sự kiện.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...c
 - + Phân tích, so sánh, liên hệ .
 - + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, sử dụng lược đồ...

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Trực quan, phát vấn, phân tích, kể chuyện, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề,

III. PHƯƠNG TIỆN:

- Tranh ảnh, máy tính...
- Tài liệu tham khảo, tranh ảnh.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh... về nước Nhật cuối TK XIX đến đầu TK XX.

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

(Linh hoạt kết hợp với giới thiệu bài mới thông qua trò chơi “Tìm mật mã lịch sử”)

3. Bài mới:

3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra việc nắm kiến thức cũ của HS.
- Thông qua câu hỏi, khơi gợi HS liên tưởng những khó khăn của nhân dân trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc.

2. Phương thức: GV mời HS chơi trò chơi “Tìm mật mã lịch sử”. GV quy định rõ thể thức trò chơi. HS nắm thể thức trò chơi.

Có 4 câu hỏi (giành kiểm tra kiến thức bài cũ), HS sẽ lật mở 4 mảnh ghép này để đoán bức nội dung và tìm ra mật mã lịch sử.

3. Dự kiến sản phẩm:

- GV chuẩn bị nội dung, thể thức trò chơi.
- HS được quyền chọn một câu hỏi bất kỳ, mỗi một câu hỏi là một nội dung kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, nếu trả lời đúng thì các nội dung lần lượt được mở, nếu trả lời sai sẽ nhường quyền chơi cho bạn khác....Khi các nội dung lần lượt mở ra, HS được quyền đoán được mật mã lịch sử.

HS trả lời -> GV chốt ý, quyết định điểm của các em thông qua trò chơi và dẫn vào bài mới: sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại quảng trường Ba Đình

(Hà Nội) Bác Hồ đã đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa". Tuy nhiên sau đó Đảng và nhân dân ta phải tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ vừa giành được sau cách mạng tháng 8-1945. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng tám

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
<p>1: Tình hình nước ta sau cách mạng tháng tám</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình nước ta sau cách mạng tháng tám. Chính quyền dân chủ nhân dân trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, về thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa... <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm lẻ: (1,3) <p>Sau cách mạng tháng 8 nước ta gặp phải những khó khăn gì về quân sự, chính trị ?</p> - Nhóm chẵn: (2,4) <p>Sau cách mạng tháng 8 nước ta gặp phải những khó khăn gì về kinh tế, văn hoá xã hội ?</p> - B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến 	<p><u>1. Khó khăn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> * Quân sự: giặc ngoại xâm ở 2 miền với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật các nước trong phe đồng minh đã kéo vào nước ta. - 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp. - Bọn phản động: Đại Việt, Tờ-Rốt-Kít, các giáo phái chống phá cách mạng. * Chính trị: nền độc lập bị đe dọa. - Nhà nước cách mạng chưa được củng cố. * Kinh tế: (giặc đói) - Nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

<p>khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>- B3: HS: báo cáo, thảo luận</p> <p>- B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>- GV cung cấp cho HS một số hình ảnh và giảng về tình hình nước ta sau Cách mạng tháng tám.</p> <p>- GV: bên cạnh những khó khăn trên ta gặp những thuận lợi nào ?</p> <p>- GV giới thiệu chuyển ý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hậu quả của nạn đói. - Thiên tai, hạn hán, lụt lội... - Công nghiệp đình đốn, giá cả tăng vọt, tài chính kiệt quệ. - Ngân sách trống rỗng. * văn hoá xã hội: (Nạn đói) - 90% dân số không biết chữ. - Các tệ nạn xã hội. <p>2. Thuận lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân phấn khởi vì được độc lập tự do, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.
---	--

II. Củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ nền độc lập

<p>1: Bước đầu xây dựng chế độ mới</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài: xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân. <p>* Phương thức: (cá nhân)</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để xây dựng một chính quyền Nhà nước vững mạnh, công việc đầu tiên nhân dân ta phải làm gì ? - Giáo viên giới thiệu Hình 41. - Em có nhận xét gì về hình ảnh cử tri Sài Gòn bỏ phiếu bầu Quốc hội khoá I ? <p>HD 2: Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài: diệt giặc dốt, giặc đói và giặc ngoại xâm. <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chia cả lớp thành 8 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: - Nhóm lẻ: (1,3) <p>Những biện pháp để giải quyết nạn đói ? Kết quả?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm chẵn: (2,4) <p>Những biện pháp để giải quyết giặc dốt, tài chính ? Kết quả ?</p>	<p>1. Bước đầu xây dựng chế độ mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 6/1/1946 tổng tuyển cử tự do trong cả nước (bầu Quốc hội). - Bầu 333 Đại biểu vào Quốc hội. <p>→ Chính quyền dân chủ nhân dân được xây dựng</p> <p>2. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính</p> <p>a. Giải quyết nạn đói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. - Tăng gia sản xuất, tiết kiệm. - Kết quả: Nạn đói đã được đẩy lùi. <p>b. Giải quyết giặc dốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 8/9/1945 thành lập cơ quan bình dân học vụ. - Toàn dân tham gia xoá nạn mù chữ. - Kết quả: Các cấp học đều phát triển mạnh.
---	---

<p>- B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>- B3: HS: báo cáo, thảo luận</p> <p>- B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>- GV cung cấp cho HS một số hình ảnh Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính.</p> <p>- Giáo viên cho học sinh thấy được những sách lược khôn khéo mềm dẻo của Hồ Chí Minh đối việc đối phó với thù trong, giặc ngoài.</p>	<p>c. Giải quyết khó khăn về tài chính</p> <p>- Chính phủ kêu gọi đóng góp của nhân dân.</p> <p>+ Xây dựng “Quỹ độc lập”.</p> <p>+ Phát động: “Tuần lễ vàng”.</p> <p>- Ngày 31/1/1946 ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.</p> <p>- Ngày 23/11/1946 lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.</p>
--	--

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: những khó khăn của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau Cách mạng tháng 8 năm 1945.

2. Phương thức:

GV giao nhiệm vụ cho HS (cụ thể hơn) và chủ yếu cho làm việc *cá nhân*, trả lời các câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Hoàn thành bảng theo yêu cầu sau (vào vở) về những biện pháp giải quyết khó khăn của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa sau ngày 2/9/1945

Những khó khăn	Biện pháp giải quyết	Kết quả
Chính quyền non trẻ		
Giặc đói	Trước mắt:	
	Lâu dài:	
Giặc dốt	Trước mắt:	
	Lâu dài:	
Tài chính	Trước mắt:	
	Lâu dài:	

3. Dự kiến sản phẩm:

Những khó khăn	Biện pháp giải quyết	Kết quả
Chính quyền non trẻ	Tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc Hội trong cả nước	Bộ máy chính quyền dân chủ bước đầu được củng cố và

	Các địa phương từ tỉnh đến xã bầu cử Hội đồng nhân dân Ủy ban hành chính các cấp được thành lập thay cho các Ủy ban nhân dân.	kiện toàn
Giặc đói	Trước mắt: <ul style="list-style-type: none"> ● Tổ chức quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương ● Nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ gạo ● Thực hiện phong trào “nhường cơm sẻ áo”; lập “Hũ gạo cứu đói”... 	Nạn đói được đẩy lùi
	Lâu dài: Thực hiện chính sách "tăng gia sản xuất" <ul style="list-style-type: none"> ● Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí ● Tịch thu ruộng đất và chia lại ruộng đất công công bằng. 	Sản xuất phát triển, nạn đói đẩy lùi, nhân dân đỡ khổ hơn trước.
Giặc dốt	Trước mắt: Kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để xoá nạn mù chữ Trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng	Trên toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học, xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.
	Lâu dài: Sử dụng tiếng Việt để dạy ở các trường phổ thông và đại học	Xoá nạn mù chữ, Tiếng Việt vẫn được duy trì và phát triển làm ngôn ngữ chính của nhân dân Việt Nam.
Tài chính	Trước mắt: Phát động "tuần lễ vàng" "quỹ độc lập"	Nhân dân đã tự nguyện đóng góp 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào “Quỹ độc lập” và 40 triệu đồng vào “Quỹ đảm phụ quốc phòng”
	Lâu dài: Phát hành tiền Việt Nam. Cuối năm 1946, lưu hành tiền giấy trong cả nước.	Tài chính bước đầu được gây dựng lại.

GV chuẩn bị đáp án đúng. Nếu HS trả lời sai thì HS khác và GV nhận xét chuẩn hóa kiến thức.

D. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- HS biết nhận xét, đánh giá tình hình kinh tế, chính trị của các nước châu Phi hiện nay.

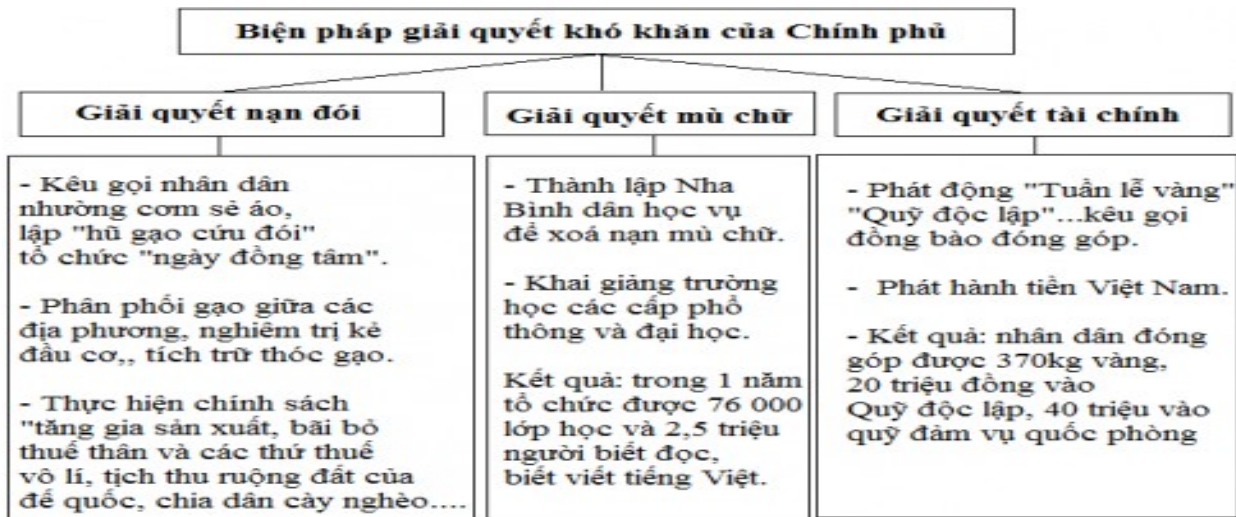
2. Phương thức:

Nêu câu hỏi sau khi đã hình thành kiến thức (củng cố mở rộng, liên hệ)

Câu 1. Hãy vẽ Sơ đồ tư duy các biện pháp giải quyết khó khăn của chính phủ trong giai đoạn đầu

Câu 2. Cho biết Đảng, Chính phủ đã thực hiện những biện pháp gì để xây dựng và củng cố chế độ mới sau cách mạng tháng Tám 1945. Biện pháp nào là quan trọng nhất? Vì sao?

3. Dự kiến sản phẩm:



Những biện pháp của Đảng, Chính phủ để xây dựng và củng cố chế độ mới sau cách mạng tháng Tám năm 1945:

- Tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội lần đầu tiên được tổ chức trong cả nước. Kết quả: gần 90% cử tri cả nước đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu vào cơ quan quyền lực nhất nhà nước.
- Sau bầu cử Quốc hội, khắp các địa phương từ tỉnh đến xã từ Trung Bộ đến Bắc Bộ đều tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.
- Ủy ban hành chính các cấp được thành lập thay cho các Ủy ban của nhân dân.

=> Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố kiện toàn.

Những biện pháp trên thì biện pháp tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội là biện pháp quan trọng nhất. Thông qua bầu cử nhân dân bầu ra được những đại biểu ưu tú nhất trong bộ máy nhà nước trung ương, có thể giúp nhân dân giải quyết những vấn đề khó khăn trước mắt và đưa đất nước đi lên.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết: 31, Bài 24 CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN

CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946) (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nắm diễn biến chính nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân pháp trở lại xâm lược.
- Biện pháp đối phó của ta đối với quân Tưởng và bọn tay sai.
- Hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và tạm ước 14-9-1946. Ý nghĩa của những kết quả bước đầu đã đạt được.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước sau Cách mạng tháng tám và nhiệm vụ cấp bách trước mắt trong năm đầu của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

3. Thái độ:

- Bồi dưỡng học sinh lòng yêu nước, tinh thần Cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, niềm tự hào dân tộc.
- Quân đội nước ngoài kéo vào nước ta với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật đã đầu hàng.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...
 - + Phân tích, so sánh, liên hệ.
 - + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, sử dụng lược đồ.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Trực quan, phát vấn, phân tích, kể chuyện, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề,

III. PHƯƠNG TIỆN:

Tranh ảnh, máy chiếu, tài liệu tham khảo ...

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

2. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh....

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Tại sao nói “Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng tám là “Ngàn cân treo sợi tóc” ?

3. Bài mới:

3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT

1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là: Quá trình xâm lược lần hai của thực dân Pháp, Những biện pháp đối phó của ta đối phó với quân Tưởng và bọn tay sai, ý nghĩa của việc kí hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và tạm ước 14-9-1946.

2. Phương thức: đặt vấn đề

- Trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính chúng ta đạt nhiều kết quả nhưng ngay sau đó chúng ta lại tiếp tục gặp những khó khăn nào ?

3. Dự kiến sản phẩm:

- Đó là quá trình trở lại xâm lược của Pháp, sự chống phá của Tưởng và bọn phản cách mạng.

HS trả lời câu hỏi, GV dẫn dắt vào bài mới.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
<p>HD 1: Nhân dân nam bộ kháng chiến chống thực dân pháp trở lại xâm lược</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm diễn biến chính nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân pháp trở lại xâm lược. <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: - Nhóm lẻ: (1,3) <p>Thực dân Pháp đã có âm mưu và hành động trở lại xâm lược nước ta như thế nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm chẵn: (2,4) <p>Vậy trước những âm mưu và hành động trở lại xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân ta đã đứng lên kháng chiến như thế nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt). 	<p>3. Nhân dân nam bộ kháng chiến chống thực dân pháp trở lại xâm lược</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực dân Pháp đã có âm mưu trở lại xâm lược nước ta từ khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh - Ngày “<i>Tết độc lập</i>” (2/9/1945), Pháp xả súng vào dân thường ở Sài Gòn - Chợ Lớn làm 47 người chết, nhiều người bị thương. → Đêm 22, rạng sáng 23/9/1945, Pháp chính thức cho quân nổ súng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. - Nhân dân Nam Bộ đã anh dũng đánh trả bọn xâm lược bằng mọi hình thức và vũ khí trong tay, gây cho Pháp nhiều khó khăn → Nhân dân ta anh dũng chống trả quân xâm lược ở Sài Gòn, sau đó ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- **B3:** HS: báo cáo, thảo luận

- **B4:** HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

HD 2: Đấu tranh chống quân tướng và bọn phản cách mạng

* **Mục tiêu:**

- Biện pháp đối phó của ta đối với quân Tướng và bọn tay sai.

* **Phương thức:** cá nhân

* **Tổ chức hoạt động:**

- Ngay sau ngày “Tết độc lập”, Đảng và Chính phủ ta cùng một lúc phải đối phó với nhiều loại kẻ thù nguy hiểm: quân Anh, Pháp, phát xít Nhật ở miền Nam, quân Tướng và bọn Việt Quốc, Việt Cách ở miền Bắc... Trong đó, quân Anh và Tướng vào nước ta là có pháp lí quốc tế, làm nhiệm vụ giải giáp phát xít Nhật.

→ Vậy theo các em, chúng ta có nên dùng quân sự để đánh quân Tướng lúc này không ?

- Để đối phó với quân Tướng và bè lũ tay sai ta đã có biện pháp gì ?

- Em có nhận xét gì về những biện pháp đối phó của Đảng và chính phủ ta ?

HD 3: Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946)

* **Mục tiêu:**

- Việc kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước hòa hoãn với Pháp nhưng giữ vững được độc lập.

- Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng vạn thanh niên miền Bắc hăng hái gia nhập đoàn quân “*Nam tiến*”, sát cánh cùng nhân dân miền Nam đánh Pháp.

→ Nhân dân miền Bắc tích cực chi viện cho nhân dân miền Nam chiến đấu.

4. Đấu tranh chống quân tướng và bọn phản cách mạng

- Quân Tướng vào miền Bắc với 2 vạn quân cùng bọn phản động chúng đưa ra nhiều yêu sách về chính trị và kinh tế.

→ Ta chọn sách lược hòa hoãn, dùng ngoại giao khôn khéo để tránh xung đột quân sự, đồng thời kiên quyết vạch mặt âm mưu phá hoại của quân Tướng và bọn phản cách mạng.

- Cụ thể:

+ Nhường cho bọn Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp.

+ Nhân nhượng cho quân Tướng một số quyền lợi về kinh tế (cung cấp cho chúng một phần lương thực, nhận tiền tiền của Trung Quốc,...)

+ Đảng tuyên bố “tự giải tán”, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật.

+ Ban hành một số sắc lệnh để trấn áp các tổ chức phản cách mạng, trừng trị thẳng tay những hành động phá hoại của bọn tay sai ...

→ Âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của kẻ thù thất bại.

5. Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946)

a. Hoàn cảnh

- Tướng - Pháp ký hiệp ước Hoa - Pháp (28/02/1946), chống phá cách

* **Phương thức:** Hoạt động nhóm

* **Tổ chức hoạt động:**

- **B1:** GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau:

- Nhóm 1:

+ Để đem quân ra Bắc nhằm thôn tính cả nước ta, thực dân Pháp đã đàm phán với Tưởng để cho Pháp ra chiếm đóng miền Bắc thay quân Tưởng bằng sự kiện nào ?

+ Vì sao thực dân Pháp và quân Tưởng lại kí với nhau Hiệp ước Hoa - Pháp ?

- Nhóm 2:

+ Nội dung Hiệp ước Hoa – Pháp ?

- Nhóm 3:

+ Em có nhận xét gì nội dung của Hiệp ước này ?

+ Trước tình hình đó Chính Phủ của Hồ Chí Minh đã làm gì ?

- Nhóm 4:

+ Tình hình nước ta sau Hiệp định sơ bộ ?

+ Chủ trương của ta ?

- **B2:** HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).

- **B3:** HS: báo cáo, thảo luận

- **B4:** HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

mạng nước ta.

- Nội dung: quân tướng được Pháp trả lại một số quyền lợi trên đất Trung Quốc, được vận chuyển hàng hóa qua bến Hải Phòng vào Vân Nam không phải nộp thuế. Pháp thay Tưởng ra Bắc giải giáp quân Nhật.

b. Nội dung Hiệp định sơ bộ 6/3/1946

- Để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù và có thêm thời gian hòa hoãn và chuẩn bị lực lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn giải pháp “hòa để tiến”: Kí với chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946).

- Nội dung Hiệp định sơ bộ 6/3/1946: (SGK).

- Sau hiệp định sơ bộ 6/3/1946 thực dân Pháp liên tiếp gây xung đột vũ trang.

- Ngày 14/9/1946, ta kí với Pháp Tạm ước nhượng bộ 1 số quyền lợi kinh tế, văn hoá.

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: những sự kiện chính của thời kì lịch sử (1945-1946)

2. Phương thức: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, lập bảng niên biểu về những sự kiện chính của thời kì lịch sử này. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô.

Thời gian	Sự kiện
23/9/1946	
6/1/1946	
28/2/1946	

6/3/1946	
14/9/1946	

3. Dự kiến sản phẩm:

Thời gian	Sự kiện
23/9/1946	Thực dân Pháp chính thức trở lại xâm lược nước ta
6/1/1946	Nhân dân cả nước đi bầu cử Quốc hội
28/2/1946	Pháp và Trung kí hiệp ước Hoa - Pháp.
6/3/1946	Ta kí hiệp định Sơ bộ với Pháp
14/9/1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh kí tạm ước Việt Pháp(14/9/1946)

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn, HS nhận xét đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm.

2. Phương thức: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

? Qua những biện pháp giải quyết khó khăn của Đảng, Chính Phủ ta sau Cách mạng tháng Tám 1945, em thấy yếu tố nào là quan trọng nhất giúp đất nước thoát khỏi khó khăn? Trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay, chúng ta có thể học tập được điều gì?

3. Dự kiến sản phẩm

Theo em, trong những biện pháp giải quyết khó khăn của Đảng, Chính Phủ ta sau Cách mạng tháng Tám 1945, em thấy yếu xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền nhà nước là quan trọng nhất.

Bởi chính nhờ bộ máy nhà nước mà nhân dân bầu đã đưa ta những chính sách nhằm giúp nhân dân từng bước vượt qua khó khăn, nạn mù chữ cũng được đẩy lùi, tài chính đất nước ngày càng bình ổn..

GV giao nhiệm vụ cho HS (học sinh có thể làm bài tập ở nhà):

- + Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.
- + Tiếp tục sưu tầm các tư liệu, hình ảnh liên quan đến quân và dân ta trong những ngày đầu kháng chiến chống TDP.
- + Chuẩn bị nội dung, tư liệu, tranh ảnh của bài học sau.
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen gọi...
- Qua việc chuẩn bị bài mới, HS có được một số kiến thức nhất định về bài mới.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Chương V: VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 – 1954

Tiết: 32 , Bài 25: NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1950)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950).
- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 những ngày đầu kháng chiến toàn quốc; đôi nét về diễn biến, ý nghĩa.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng sử dụng tranh ảnh, bản đồ các chiến dịch, các trận đánh.

3. Tư tưởng:

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng cho học sinh.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...

+ Phân tích, so sánh, liên hệ, vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, sử dụng lược đồ.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Trực quan, phát vấn, phân tích, kể chuyện, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề,

III. PHƯƠNG TIỆN:

- Tranh ảnh, máy chiếu...

- Tài liệu tham khảo.

- Bản đồ hành chính Việt Nam.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**3. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án word và Powerpoint.

- Tranh ảnh có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh...

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:**1. Ổn định:****2. Kiểm tra bài cũ:**

- Hoàn cảnh chúng ta kí hiệp định sơ bộ 6/3/1946 là gì ? Em hãy trình bày nội dung Hiệp định sơ bộ 6/3/1946?/

- Trước những việc làm của Pháp, ta có chủ trương gì ?

3. Bài mới:**3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT****1. Mục tiêu:**

- Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là: những khó khăn của ta sau Hiệp định sơ bộ và Tạm ước 14/9/1946.

2. Phương thức: đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến trong hoàn cảnh nào ?

3. Dự kiến sản phẩm:

- Đó là quá quá trình thực dân Pháp tìm cách phá hoại, nhằm tiến hành cuộc chiến tranh một lần nữa.

HS trả lời câu hỏi, GV dẫn dắt vào bài mới.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
HD 1: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19/12/1946)	I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược

*** Mục tiêu:**

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950).
- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta.

*** Phương thức:** Hoạt động nhóm, cá nhân

*** Tổ chức hoạt động:**

- Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống Thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ?

- Hãy nêu những chứng cứ về việc Pháp bội ước?

- Sau đó chúng có những hành động nào nghiêm trọng hơn ?

- Trước tình hình đó Đảng ta có những chủ trương gì ?

- Hồ chủ tịch quyết định phát động toàn quốc kháng chiến trong hoàn cảnh như vậy thể hiện tinh thần gì ở Bác ? Bản thân em là học sinh, em học tập được tinh thần đó như thế nào ?

- Lời kêu gọi đó có ý nghĩa như thế nào ? Thái độ của nhân dân ra sao ?

- Nội dung cơ bản của đường lối chống Pháp của Đảng ta là gì ?

- Em hãy cho biết tính chất, phương châm của cuộc kháng chiến này là gì ?

Hoạt động nhóm

- **B1:** GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau:

Nhóm 1: Thế nào là kháng chiến toàn dân ?

Nhóm 2: Thế nào là kháng chiến toàn diện ?

Nhóm 3: Thế nào là kháng chiến trường kì ?

Nhóm 4: Thế nào là tự lực cánh sinh ?

- **B2:** HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).

- **B3:** HS: báo cáo, thảo luận

- **B4:** HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

- GV: Tại sao nói kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta là chính nghĩa và mang tính nhân dân ?

HD 2: Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến

bùng nổ (19/12/1946)**1. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ**

a. Nguyên nhân

+ Cuối tháng 11/1946 Pháp tấn công cơ sở cách mạng .

+ 12/1946 liên tiếp gây xung đột vũ trang ở Hà Nội.

+ Ngày 18/12/1946 gửi tối hậu thư cho chính phủ nước ta.

b. Đảng ta quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

- Nội dung: Sách giáo khoa Trang 104.

- Đêm 19/12/1946 tiếng súng kháng chiến bắt đầu.

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta

- Nội dung đường lối kháng chiến của ta được thể hiện trong các văn bản: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban thường vụ TƯ Đảng và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh

- Đường lối kháng chiến là cuộc chiến tranh nhân dân: là toàn dân (3 thứ quân) toàn diện (quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao), trường kỳ, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị

<p>16</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 những ngày đầu kháng chiến toàn quốc; đôi nét về diễn biến, ý nghĩa. <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm, cá nhân</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao ta phải tiến hành kháng chiến ở các đô thị trước ? <p>Hoạt động nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: Nhóm lẻ: (1,3) - Cuộc chiến đấu ở Hà Nội diễn ra như thế nào ? - Em có nhận xét gì về tinh thần chiến đấu của quân và dân Hà Nội ? <p>Nhóm chẵn: (2,4)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại các Thành Phố khác cuộc chiến diễn ra như thế nào ? - Em học tập được gì về tinh thần của các chiến sĩ thủ đô trong cuộc sống và học tập ngày nay ? <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt). - B3: HS: báo cáo, thảo luận - B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1). <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>GV: Cuộc chiến đấu ở các đô thị đã mang lại ý nghĩa như thế nào?</p>	<p>phía Bắc vĩ tuyến 16</p> <p><u>1. Diễn biến</u></p> <p>a. Hà Nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Hà Nội, cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. - Đến đêm 17-2-1947, Trung đoàn Thủ đô rút quân khỏi vòng vây của địch ra căn cứ an toàn. <p>b. Tại các thành phố khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Miền Bắc: Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định và Bắc Ninh. + Miền Trung: Huế, Đà Nẵng. <p>→ Quân ta tiến công làm tiêu hao sinh lực địch.</p> <p><u>2. Ý nghĩa</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giam chân địch ở các đô thị, giảm bước tiến của chúng. - Tạo điều kiện để trung ương Đảng và bộ đội chủ lực rút lui an toàn chuẩn bị kháng chiến lâu dài.
---	---

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950). Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 những ngày đầu kháng chiến toàn quốc; đôi nét về diễn biến, ý nghĩa.

2. Phương thức:

GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô.

- GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu HS chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Hành động nghiêm trọng trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước tiến công ta?

- A. ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng của ta.
- B. ở Bắc Bộ thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.
- C. ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.
- D. 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ hạ vũ khí đầu hàng

Câu 2. Sự kiện nào trực tiếp đưa đến quyết định của Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp?

- A. Pháp đánh Hải Phòng (11/1946).
- B. Pháp đánh chiếm Lạng Sơn (11/1946).
- C. Pháp tấn công vào cơ quan Bộ Tài chính ở Hà Nội (12/1946).
- D. 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư buộc ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Câu 3. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?

- A. Kháng chiến toàn diện.
- B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.
- C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 4. Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến biểu hiện ở điểm nào?

- A. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta
- B. Mục đích cuộc kháng chiến của ta là tự vệ chính nghĩa.
- C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.
- D. Chủ trương sách lược của Đảng ta.

+ Phần tự luận

- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” trong hoàn cảnh nào ?
Nội dung ?

3. Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4
ĐA	D	D	D	B

+ Phần tự luận.....

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (5 phút)**1. Mục tiêu:**

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.
- HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ở thời điểm đó.

2. Phương thức: Nêu câu hỏi sau khi đã hình thành kiến thức (củng cố mở rộng, liên hệ):

? Em hãy phân tích đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta

3. Dự kiến sản phẩm:

- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta là: Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế.

- Kháng chiến toàn dân: xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ tư tưởng “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Có lực lượng toàn dân, tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.
- Kháng chiến toàn diện: Do địch đánh ta toàn diện nên ta phải chống lại chúng toàn diện. Cuộc kháng chiến của ta bao gồm cuộc đấu tranh trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế... nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, ta vừa “kháng chiến” vừa “kiến quốc”. tức là xây dựng chế độ mới nên phải kháng chiến toàn diện.
- Kháng chiến lâu dài: so sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta về nhiều mặt, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, phải có thời gian để chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, phát triển lực lượng của ta, tiến lên đánh bại kẻ thù.
- Kháng chiến tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế: Mặc dù ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm vào.

GV giao nhiệm vụ cho HS (học sinh có thể làm bài tập ở nhà):

- + Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.
- + Chuẩn bị nội dung, tư liệu, tranh ảnh của bài học sau.
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...
- + Tiếp tục sưu tầm các tư liệu, hình ảnh về Chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947
- Qua việc chuẩn bị bài mới, HS có được một số kiến thức nhất định về bài mới

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết: 33 Bài 25 NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC

CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1950) (Tiếp theo)

I. Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức: Sau bài học HS trình bày được

- Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947: âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta: tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.
- Bước phát triển của cuộc kháng chiến từ năm 1948-1953, đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.

2. kĩ năng:

- Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ và các tranh ảnh lịch sử.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá sự kiện lịch sử, những hoạt động của địch của ta trong thời kì này.

3. Thái độ:

- Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lòng tự hào dân tộc.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...
 - + Phân tích, so sánh, liên hệ, vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, sử dụng lược đồ.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Trực quan, phát vấn, phân tích, kể chuyện, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề,

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

4. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ: Chiến dịch Việt Bắc
- Tranh ảnh có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh...

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

Trình bày đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

3. Bài mới:

3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT (5 phút)

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra việc nắm kiến thức cũ của HS.
- Thông qua câu hỏi, khơi gợi HS liên tưởng những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp -> dẫn dắt vào bài mới.

2. Phương thức: GV mời HS chơi trò chơi “Tìm mật mã lịch sử”. GV quy định rõ thể thức trò chơi. HS nắm thể thức trò chơi.

Có 4 câu hỏi (giành kiểm tra kiến thức bài cũ), HS sẽ lật mở 4 mảnh ghép này để đoán bức nội dung và tìm ra mật mã lịch sử.

3. Dự kiến sản phẩm:

- GV chuẩn bị nội dung, thẻ thức trò chơi.
- HS được quyền chọn một câu hỏi bất kỳ, mỗi một câu hỏi là một nội dung kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, nếu trả lời đúng thì các nội dung lần lượt được mở, nếu trả lời sai sẽ nhường quyền chơi cho bạn khác....Khi các nội dung lần lượt mở ra, HS được quyền đoán được mật mã lịch sử.

HS trả lời -> GV chốt ý, quyết định điểm của các em thông qua trò chơi và dẫn vào bài mới.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
<p>HD 1: Chiến dịch Việt Bắc – Thu Đông năm 1947</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947: âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta: tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa. <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm, cá nhân</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy trình bày âm mưu của thực dân Pháp trong cuộc tiến công Việt Bắc ? - Để thực hiện âm mưu đó Pháp đã có những hành động gì ? - Dựa vào nội dung và lược đồ Hình 45 SGK, hãy trình bày diễn biến Cuộc 	<p>III. Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947</p> <p>1. Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc</p> <p>a. Âm mưu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện “Đánh nhanh, thắng nhanh”. + Tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực. + Khoá chặt biên giới Việt Trung để cô lập Việt Bắc. <p>b. Diễn biến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học SGK, phần chữ in nghiêng trang 106 và 107 <p>2. Quân dân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc</p> <p>a. Diễn biến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ta đánh nhiều hướng, bẻ gãy từng gọng kìm của địch. - Tại Bắc Cạn: Ta chủ động bao vây, chia cắt, phục kích. - Đường bộ: Ta phục kích ở đường số 4 thắng lớn ở đèo Bông Lau. - Đường thủy: Ta thắng lớn trên sông Lô, Đèo Hùng, Khe Lau.

<p>chiến đấu của quân dân ta bảo vệ Căn cứ địa Việt Bắc ?</p> <p>Hoạt động nhóm</p> <p>B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm lẻ: (1,3) Chiến dịch Việt Bắc ta đã thu được kết quả như thế nào ? - Nhóm chẵn: (2,4) Chiến dịch Việt Bắc ta để ý nghĩa như thế nào ? <p>- B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>- B3: HS: báo cáo, thảo luận</p> <p>- B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>HD 2: Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước phát triển của cuộc kháng chiến từ năm 1948-1953, đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện. <p>* Phương thức: Hướng dẫn HS tự đọc</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p>	<p>b. Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau 75 ngày đêm chiến đấu: Căn cứ Việt Bắc được giữ vững, đầu não kháng chiến an toàn, bộ đội chủ lực trưởng thành nhanh chóng. <p>c. Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ vũ thêm tinh thần và sức mạnh cho quân và dân ta. <p><u>V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp thực hiện dùng người Việt đánh tranh. - Ta thực hiện: “Đánh lâu dài”. Tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân. + Tăng cường lực lượng vũ trang. + Đẩy mạnh cuộc kháng chiến. - Thực hiện: + Quân sự: vận động vũ trang toàn dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích. + Chính trị: năm 1948 tại Nam Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân. Tháng 6/1949 thống nhất 2 mặt trận: Việt Minh và Liên Việt. + Ngoại giao: Năm 1950 một loạt các nước XHCN đặt quan hệ ngoại giao với ta. + Kinh tế: phá hoại kinh tế địch, xây dựng và củng cố kinh tế kháng chiến. + Giáo dục: Tháng 7/1950 ta chủ trương cải cách giáo dục phổ thông.
--	--

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947. Bước phát triển của cuộc kháng chiến từ năm 1948-1953, đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.

2. Phương thức: HS trả lời câu hỏi

***Khoanh tròn vào đáp án đúng trong các câu trả lời sau**

Âm mưu của Pháp trong việc tấn công lên Việt Bắc là:

A. phá tan cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

B. tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.

C. khoá chặt biên giới Việt Trung và kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

D. Cả A, B, C đều đúng.

*** Nối thời gian với sự kiện sao cho đúng về chiến dịch Việt Bắc 1947:**

Thời gian	Sự kiện
1.19/12/1947	a. Binh đoàn dù đổ quân xuống chiếm Bắc Cạn, chợ Mới, chợ Đồn
2. 3/10/1947	b. Quân Pháp ngược sông Hồng, sông Lô, sông Gâm đánh thị xã Tuyên Quang, Chiêm Hoá.
3.7/10/1947	c. Quân ta phục kích trên đèo Bông Lau
4.9/10/1947	d. quân Pháp rút khỏi Việt Bắc

3. Dự kiến sản phẩm:

GV quan sát cách trình bày của HS. Nếu HS trả lời sai thì HS khác và GV nhận xét chuẩn hóa kiến thức.

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.
- HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm.

2. Phương thức:

Nêu câu hỏi sau khi đã hình thành kiến thức (củng cố mở rộng, liên hệ):

Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc chiến đấu thắng lợi ở đô thị và chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 ?

GV giao nhiệm vụ cho HS (học sinh có thể làm bài tập ở nhà):

- + Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.
- + Chuẩn bị nội dung, tư liệu, tranh ảnh của bài học sau.
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

3. Dự kiến sản phẩm:

- Hình ảnh hoặc tư liệu về bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.
- Qua việc chuẩn bị bài mới, HS có được một số kiến thức nhất định về bài mới.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết: 34 Bài 26 BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950-1953)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức:

Sau bài học học sinh trình bày được: Chiến dịch biên giới thu - đông 1950.

Hiểu Đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951).

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá.
- Rèn luyện kỹ năng biết sử dụng lược đồ, bản đồ,...

2. Thái độ:

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh thần đoàn kết,...

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...
 - + Phân tích, so sánh.
 - + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống.
 - + Sử dụng lược đồ.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Trực quan, phát vấn, phân tích, kể chuyện, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề,

III. PHƯƠNG TIỆN:

- Hình ảnh SGK, hình ảnh Bác Hồ ra chiến dịch Biên Giới.
- Tranh, ảnh, tài liệu có liên quan,...
- Lược đồ “chiến dịch biên giới thu – đông 1950”, máy chiếu.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**1. Chuẩn bị của giáo viên.**

- Tranh ảnh có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:**1. Ôn định:****2. Kiểm tra bài cũ:****3. Bài mới:****3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT****1. Mục tiêu:**

Nắm được những thuận lợi trong nước và thế giới sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947. - Đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng

2. Phương thức: đặt vấn đề

- Tại sao ta mở chiến dịch thu – đông 1950 ?

3. Dự kiến sản phẩm: (HS trả lời theo nhận định)

- Trên cơ sở trả lời của học sinh GV dẫn dắt vào bài mới.
- GV nhận xét vào bài mới: chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc, quân ta giành và giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng là Đại hội đẩy mạnh kháng chiến đi đến thắng lợi.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
----------------------	----------

HD 1: Chiến dịch biên giới Thu - Đông 1950*** Mục tiêu:**

- Hoàn cảnh lịch sử mới.
- Chiến dịch biên giới thu - đông 1950.
- * Phương thức:** Hoạt động nhóm
- * Tổ chức hoạt động:** cá nhân
- Sau chiến dịch Việt Bắc 1947, tình hình thế giới có thuận lợi như thế nào cho kháng chiến ?
- Tình hình trong nước như thế nào ?
- Trước tình hình đó Pháp + Mỹ có âm mưu gì ? Tại sao Mỹ lại can thiệp ?

- Nhận viện trợ Mỹ, Pháp đã làm gì ?

- Trước tình hình đó ta đã có quyết định gì ?

- Chiến dịch biên giới đã diễn ra như thế nào ?

- Chiến dịch biên giới ta thu được kết quả gì ?

- Chiến dịch biên giới thắng lợi có ý nghĩa gì ?
- Giáo viên cho học sinh nhận thấy quân dân ta am hiểu tường tận địa hình bố trí lực lượng, chiến đấu anh dũng đã đánh thắng quân xâm lược.

HD 2: Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp*** Mục tiêu:**

- Pháp âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương.

*** Phương thức: Học sinh tự đọc và tìm hiểu**

- Sau khi thất bại ở chiến dịch biên giới Pháp lâm vào thế bị động Pháp đẩy mạnh âm mưu gì ?
- Để thực hiện âm mưu đó Pháp, Mỹ đã làm gì ?

I. Chiến dịch biên giới Thu - Đông 1950**1. Hoàn cảnh lịch sử mới:****1. Hoàn cảnh lịch sử mới:**

- Thế giới: Cách mạng Trung Quốc thắng lợi (nối liền với hậu phương các nước XHCN).
- Trong nước: Pháp liên tiếp thất bại.
- Pháp lệ thuộc Mỹ: Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

2. Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc

- Âm mưu của Pháp: khoá cửa biên giới Việt Trung chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần thứ hai.
- Chủ trương của ta: 6.1950 ta quyết định mở chiến dịch Biên giới, nhằm: Tiêu diệt sinh lực địch, khai thông đường biên giới, mở rộng và củng cố Việt Bắc.
- Diễn biến:
 - + Ngày 16/9/1950 ta đánh Đông Khê.
 - + Ngày 18/9/1950 ta tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê.
 - + Địch cho quân từ Cao Bằng đánh xuống, từ Lạng Sơn đánh lên để ứng cứu cho Đông Khê.
 - + Ta: mai phục, chặn đánh địch trên đường số 4.
 - + 22/10/1950 địch rút khỏi đường số 4.
- Kết quả:
 - + Khai thông 750 km đường biên giới.
 - + Giải phóng 35 vạn dân.
 - + Hàng lang Đông Tây bị chọc thủng.
 - + Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững.
- Ý nghĩa: Ta chuyển sang thế chủ động tiến công.

II. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp

- Pháp: muốn giành lại quyền chủ động:
 - + Mỹ tăng viện trợ.

<p>- Em có nhận xét gì về sự cấu kết giữa Pháp + Mĩ ?</p> <p>- Sự cấu kết đó có ảnh hưởng gì cho kháng chiến ?</p> <p>HD 3: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ của Đảng (2/1951)</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951).</p> <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <p>- B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>- Nhóm 1: Hoàn cảnh đưa đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần 2.</p> <p>- Nhóm 2, 3: Nội dung Đại hội.</p> <p>Nhóm 4: Ý nghĩa Đại hội.</p> <p>- B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>- B3: HS: báo cáo, thảo luận</p> <p>- B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>- Cho học sinh thấy được vai trò to lớn của Bác, tinh thần không sợ huy sinh gian khổ tham gia trực tiếp chiến dịch và đã xây dựng được đường lối cách mạng Việt Nam trong Đại hội Đảng lần thứ II</p>	<p>+ Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (23/12/1950).</p> <p>+ Tháng 12/1950 đề ra kế hoạch Đờ-Lát-Đờ-Tát-Xi-Nhi.</p> <p><u>III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ của Đảng (2/1951)</u></p> <p><u>1. Hoàn cảnh:</u></p> <p>- Tháng 2/1951 Đại hội đại biểu toàn quốc lần 2 họp tại Chiêm Hoá - Tuyên Quang.</p> <p><u>2. Nội dung:</u></p> <p>- Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>- Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Đại hội quyết định đưa Đảng ra công khai, đổi tên là Đảng lao động Việt Nam.</p> <p>- Bầu Ban chấp hành Trung ương Đảng.</p> <p><u>3. Ý nghĩa:</u></p> <p>- Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng, thúc đẩy cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.</p>
--	---

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về:

- Chiến dịch biên giới thu - đông 1950.

- Đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951).

2. Phương thức: HS trả lời câu hỏi

- Âm mưu của thực dân Pháp - Mĩ trong cuộc chiến tranh Đông Dương (Sau chiến dịch biên giới).

3. Dự kiến sản phẩm:

GV chuẩn bị đáp án đúng. Nếu HS trả lời sai thì HS khác và GV nhận xét chuẩn hóa kiến thức.

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.
- HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm.

2. Phương thức: Nêu câu hỏi sau khi đã hình thành kiến thức (củng cố mở rộng, liên hệ):

- Những sự kiện nào chứng tỏ từ chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn phát triển mới ?

GV giao nhiệm vụ cho HS (học sinh có thể làm bài tập ở nhà):

- + Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.
- + Chuẩn bị nội dung, tư liệu, tranh ảnh của bài học sau.
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

3. Dự kiến sản phẩm:

- Bộ sưu tập về hình ảnh hoặc tư liệu liên quan đến tiết học sau.
- Qua việc chuẩn bị bài mới, HS có được một số kiến thức nhất định về bài mới.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết: 35, Bài 26 BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN

QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950-1953) (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951-1953. Ý nghĩa của sự kiện đó.
- Chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951-1952 (chiến dịch Hòa Bình- Tây Bắc).

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá.
- Rèn luyện kỹ năng biết sử dụng lược đồ, bản đồ,...

3. Tư tưởng:

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh thần đoàn kết,...

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...
 - + Phân tích, so sánh, liên hệ.
 - + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, sử dụng lược đồ.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Trực quan, phát vấn, phân tích, kể chuyện, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề,

III. PHƯƠNG TIỆN:

Tranh ảnh, máy chiếu...

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**5. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh...

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:**1. Ổn định:****2. Kiểm tra bài cũ:**

(Linh hoạt kết hợp với giới thiệu bài mới thông qua trò chơi “Ngôi sao may mắn”)

3. Bài mới:**3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT:****1. Mục tiêu:**

- Kiểm tra việc nắm kiến thức cũ của HS -> dẫn dắt vào bài mới.

2. Phương thức: GV mời HS chơi trò chơi “Ngôi sao may mắn”. GV quy định rõ thể thức trò chơi. HS nắm thể thức trò chơi.

Mỗi tổ được chọn một ngôi sao may mắn. Có 5 ngôi sao, đằng sau mỗi ngôi sao là một câu hỏi tương ứng. Nếu trả lời đúng câu hỏi thì được 10 điểm, nếu trả lời sai không được điểm và tổ khác được quyền trả lời. Thời gian suy nghĩ là 15 giây.

3. Dự kiến sản phẩm:

- GV chuẩn bị nội dung, thể thức trò chơi.
- HS được quyền chọn một ngôi sao bất kỳ, mỗi một ngôi sao là một kiến thức liên quan đến nội dung bài cũ và phải trả lời câu hỏi, nếu trả lời đúng thì ngôi sao lần lượt được mở, nếu trả lời sai sẽ nhường quyền chơi cho bạn khác. HS trả lời -> GV chốt ý, quyết định điểm của các em thông qua trò chơi và dẫn vào bài mới.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**3.1. Tình huống xuất phát****1. Mục tiêu:**

- Kiểm tra việc nắm kiến thức cũ của HS.
- Thông qua các câu hỏi -> dẫn dắt vào bài mới.

2. Phương thức: GV mời HS chơi trò chơi “ngôi sao may mắn”. GV quy định rõ thể thức trò chơi. HS nắm thể thức trò chơi.

Mỗi tổ được chọn một ngôi sao may mắn. Có 5 ngôi sao, đằng sau mỗi ngôi sao là một câu hỏi tương ứng. Nếu trả lời đúng câu hỏi thì được 10 điểm, nếu trả lời sai không được điểm và tổ khác được quyền trả lời. Thời gian suy nghĩ là 15 giây

3. Dự kiến sản phẩm:

- GV chuẩn bị nội dung, thể thức trò chơi.

- HS được quyền chọn một ngôi sao bất kỳ, mỗi một ngôi sao là một nội dung liên qua đến bài cũ, nếu trả lời đúng thì các mảnh ghép lần lượt được mở, nếu trả lời sai sẽ nhường quyền chơi cho bạn khác.

HS trả lời -> GV chốt ý, quyết định điểm của các em thông qua trò chơi và dẫn vào bài mới.

3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
<p>HD 1: Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951-1953. Ý nghĩa của sự kiện đó. <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm (mỗi tổ 2 nhóm) thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: - B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt). - B3: HS: báo cáo, thảo luận - B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kĩ thuật 3-2-1). <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>HD 2: Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhởõng thaéng lồi veà quaân sối cuôa ta sau chieán thaéng Bieân Giôùl Thu-Ñoâng 1950. <p>* Phương thức: Hoạt động nhóm</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chia cả lớp thành 8 nhóm (mỗi tổ 2 nhóm) thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: - Nhóm lẻ: (1,3,) Lí do ta (hoaëc Phaùp) môu chieán dòch. - Nhóm chẵn: (2,4) Keát quaû; YÙ nghóa cuôa töøng chieán dòch. - B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực 	<p><u>IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt</u></p> <p><u>1. Chính trị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 3/3/1951 mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt. - Ngày 11/3/1951 Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào ra đời. <p><u>2. Kinh tế</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1952 đề ra cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Chấn chỉnh thuế khóa. - Xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp. - Tháng 12/1953 Quốc hội thông qua Luật cải cách ruộng đất. - Tháng 4/1953 - 7/1954 thực hiện 5 đợt cải cách ruộng đất ở vùng tự do. - Cuối năm 1953 cấp 18 vạn ha đất cho nông dân. <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 7/1950 tiếp tục cải cách giáo dục với 3 phương châm. <p>* Văn hoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phong trào thi đua yêu nước lan rộng khắp ngành. + Ngày 1/5/1952 Đại hội thi đua toàn quốc lần I tại Việt Bắc. Tuyên dương 7 anh hùng. <p><u>V. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường</u></p> <p>GV hướng dẫn cho HS đọc thêm những phần thảo luận</p>

hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).

- **B3:** HS: báo cáo, thảo luận

- **B4:** HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn (theo kỹ thuật 3-2-1).

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về:

- Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951-1953. Ý nghĩa của sự kiện đó.

2. Phương thức: H

GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô.

- GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu HS chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

1. Để bồi dưỡng sức dân trước hết là nông dân, đầu 1953 Đảng và Chính phủ đã có chủ trương gì ?

- A. Chấn chỉnh chế độ thuế khoá.
- B. Cuộc vận động lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm.
- C. Xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp.
- D. Phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

2. Từ năm 1951 đến 1952, về chính trị có sự kiện gì quan trọng nhất ?

- A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951).
- B. Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt (3/3/1951).
- C. Hội nghị thành lập “liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào”.
- D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (1/5/1952).

3. Trong kháng chiến chống Pháp (1951-1953) để xây dựng hậu phương vững mạnh, sự kiện nào sau đây mang lại lợi ích cho nông dân trực tiếp và cụ thể nhất ?

- A. Thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (1951).
- B. Ban hành chính sách về thuế nông nghiệp (1951).
- C. Phát hành đồng giấy bạc Việt Nam mới (1951).
- D. Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hiện tiết kiệm (1952).

4. Đảng và chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất vì nhiều lý do, lý do nào sau đây không đúng ?

- A. Xoá bỏ sự bóc lột của địa chủ phong Kiến đối với nông dân.
- B. Thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”.
- C. Nông dân phấn khởi, ủng hộ cuộc kháng chiến.
- D. Vì giai cấp địa chủ là trở lực cho cuộc kháng chiến.

+ Phần tự luận

- Nêu những thành tựu đạt được trong phát triển hậu phương từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng ?

3. Dự kiến sản phẩm

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4
ĐA	D	A	B	D

+ Phần tự luận.....

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức: câu hỏi

- Lập bảng các niên đại và sự kiện thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị trong kháng chiến chống Pháp từ thu - đông 1950 đến trước đông - xuân 1953 - 1954.

GV giao nhiệm vụ cho HS (học sinh có thể làm bài tập ở nhà):

- + Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.
- + Chuẩn bị nội dung, tư liệu của bài học sau.
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

3. Dự kiến sản phẩm

Mặt trận	Thời gian	Sự kiện
Chính trị	Từ ngày 11 đến 19-2-1951	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần II của Đảng Cộng sản Đông Dương.
	Ngày 3-3-1951	Thống nhất Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).
	Ngày 11-3-1951	Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập để tăng cường khối đoàn kết của ba nước Đông Dương.
Quân sự	Từ 16-9 đến 22-10-1950	Chiến dịch Biên giới thu – đông thắng lợi, đập tan kế hoạch Rơ-ve.
	Đông - xuân 1950-1951	Chiến dịch trung du và đồng bằng Bắc Bộ
	Đông - xuân 1951-1952	Chiến dịch Hòa Bình
	Thu - đông năm 1952.	Chiến dịch Tây Bắc
	Xuân - hè năm 1953.	Chiến dịch Thượng Lào

GV giao nhiệm vụ cho HS (học sinh có thể làm bài tập ở nhà):

- + Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.
- + Chuẩn bị nội dung, tư liệu của bài học sau.
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 36, Bài 27

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953- 1954)

I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Sau bài học HS trình bày được:

- Âm mưu của Pháp - Mỹ trong kế hoạch Nava

- Nét chính về diễn biến và tác dụng của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân

1953 - 1954 đối với cuộc kháng chiến chống Pháp

2. Kỹ năng :

Rèn luyện thao tác phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện ,đọc bản đồ chiến sự

3. Thái độ :

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn, làm tăng thêm lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

4. Năng lực hướng tới:

- *Năng lực chung*: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- *Năng lực chuyên biệt*:

+ Năng lực tái hiện bối cảnh lịch sử

+ Phân tích, so sánh.

Biết được sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta đã đưa cuộc KC của dân tộc có những bước phát triển như thế nào.

II. PHƯƠNG PHÁP:

Trực quan, phát vấn, phân tích, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh các sự kiện lịch sử....

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Bản đồ Đông Xuân 1953-1954, tranh ảnh liên quan .

2. Học sinh

Học bài cũ, tìm hiểu trước bài mới.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Bài cũ

3. Bài mới:

3.1. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT (5 phút)

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh tướng Na va..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: tướng Na va....

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Năm 1953 Đảng đã quyết định mở cuộc tiến công Đông Xuân 1953-1954 nhằm phân tán lực lượng của địch ở Bắc Bộ, với thắng lợi đạt được ta chủ động mở chiến dịch Điện Biên Phủ quyết định số phận của Pháp ở Đông Dương.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Mục tiêu, phương thức	Gợi ý sản phẩm
<p>1. Hoạt động 1: cá lớp - cá nhân</p> <p>Mục tiêu: HS Trình bày và phân tích bối cảnh lịch sử, âm mưu, thủ đoạn mới của TD pháp và can thiệp Mĩ trong k/h Nava.</p> <p>GV: <i>Vì sao, Kế hoạch Nava ra đời?</i> HS: HS suy nghĩ để trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp gặp nhiều khó khăn ... - Dựa vào Mĩ để tìm thắng lợi, kết thúc chiến tranh trong danh dự <p>GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận</p> <p>GV: Nội dung và mục đích của kế hoạch Nava?</p> <p>HS dựa vào SGK để trả lời Sau đó GV khắc sâu một lần nữa qua phân tích và trình bày trên lược đồ. GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận</p> <p>Như vậy kế hoạch Nava Pháp-Mĩ dự kiến tiến hành trong thời gian 18 tháng với mục đích “chuyển bại thành thắng” kết thúc chiến tranh trong danh dự.</p> <p>Âm mưu của Pháp Mĩ có thành công hay không chúng ta sang tiếp túc tìm hiểu phần II của bài...</p>	<p>I/ KẾ HOẠCH NA VA CỦA PHÁP MỸ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 7/5/1953 Na Va được cử sang làm tổng chỉ huy quân đội pháp ở Đông Dương và kế hoạch Nava nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh trong danh dự. <p>Nội dung: Chia làm 2 bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Thu - Đông 1953 và Xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Trung và Nam Đông Dương. + Bước 2: Từ Thu - Đông 1954, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh. <ul style="list-style-type: none"> - Pháp xin tăng thêm viện trợ, tăng thêm quân, tập trung quân ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn.
<p>Hoạt động 2: cá nhân - cả lớp</p> <p>Mục tiêu : Hs nắm được diễn biến cuộc tiến công chiến lược Đ-Xuân 1953-1954 theo lược đồ, hiểu rõ được cuộc tiến công bước đầu làm phá sản k/h Nava.</p>	<p>II/ CUỘC CHIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953 - 1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ 1954.</p> <p>1. Cuộc chiến công chiến lược Đông</p>

<p>-GV: Để đối phó với kế hoạch Nava, ta có chủ trương gì? HS dựa vào SGK để trả lời Cuối tháng 9/1953, Bộ CTBCHTW Đảng họp tại Việt Bắc để bàn k/h quân sự trong đông-xuân 1953-1954. ta chủ trương : GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận</p> <p>-GV: Em có nhận xét gì phương hướng chiến lược của ta? - HS: Điều khiển địch, buộc chúng phân tán theo kế hoạch của ta HS dựa vào SGK để trả lời</p> <p>-GV : Nhận xét, trình bày diễn biến trên bản đồ.</p> <p>GV: Em có nhận xét gì về kết quả đạt được trong đông –xuân 1953-1954?</p> <p>GV gợi ý : Điểm then chốt của kế hoạch Nava? HS suy nghĩ để trả lời</p> <p>- Tập trung quân...ta phá thế tập trung Như vậy với cuộc tiến công đông –xuân 1953-1954, Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi lớn ở Điện Biên Phủ</p>	<p>Xuân 1953 - 1954</p> <p>- Phương hướng chiến lược của ta: Mở các cuộc tiến công vào hướng quan trọng về chiến lược mà lực lượng địch yếu, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng. - Phương châm chiến lược là tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh ăn chắc, đánh chắc thắng.</p> <p>- Tháng 12/1953, ta tiến công và giải phóng Lai Châu, Pháp buộc phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, đây thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.</p> <p>- Tháng 12/1953, liên quân Lào - Việt tiến công Trung Lào, giải phóng Thà - Khẹt, Pháp phải tăng cường cho Xê - nô, đây thành nơi tập trung quân thứ ba của Pháp.</p> <p>- Tháng 1/1954, liên quân Lào - Việt tấn công Thượng Lào, giải phóng tỉnh Phong – xa - lý, Pháp phải tăng quân giữ Luông-pha- băng, đây là nơi tập trung quân thứ tư của Pháp.</p> <p>- Tháng 2/1954, ta giải phóng thị xã Kon - Tum, uy hiếp Plây - cu, Pháp phải tăng quân giữ Plây - cu, đây thành nơi tập trung quân thứ năm của Pháp.</p> <p>* Ý nghĩa : Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi lớn ở Điện Biên Phủ</p>
--	--

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức:

2. Phương thức:

- GV tổ chức tổ chức cho học sinh lập bảng niên biểu các sự kiện chính trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954

Dự kiến sản phẩm

THỜI GIAN	SỰ KIỆN CHÍNH	KẾT QUẢ, Ý NGHĨA
Tháng 12/1953	Quân ta mở chiến dịch Tây Bắc, giải phóng toàn bộ thị xã Lai Châu. Nava phải điều quân lên tập trung tại Điện Biên Phủ.	Cuộc Tiến công chiến lược đông-xuân 1953-1954 của quân ta đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của Pháp - Mĩ. Buộc địch phải phân tán lực lượng.
Tháng 12/1953	Phối hợp với bộ đội Lào, ta mở chiến dịch Trung Lào và thắng lớn. Ta bao vây Xavanakhet và Xê nô, Nava phải tăng thêm quân cho Xê nô.	
Tháng 1/1954	Ta và Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng toàn tỉnh Phongxali. Nava buộc phải điều thêm quân cho Luôngphabăng.	
Tháng 2/1954	Ta mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên, giải phóng toàn bộ Kontum, bao vây Plâycu. Nava phải điều thêm quân cho Plâycu, biến nơi đây thành điểm tập trung quân thứ năm của địch.	

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

- Vì sao Pháp thực hiện Kế hoạch Nava, nội dung cơ bản. ?
- Nghệ thuật quân sự của Đảng ta khi chỉ đạo tiến công trong Đông xuân 1953-1954?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, làm bài tập ở SGK

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 37, BÀI 27.

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 - 1954).

(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hs hiểu biết về

- Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, nội dung Hiệp định Giơ- ne –vơ.
- Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp

2. Kỹ năng: Rèn luyện cho Hs kỹ năng phân tích, nhận định đánh giá âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Pháp.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước tinh thần cách mạng lòng đoàn kết dân tộc, đoàn kết với nhân dân Đông Dương, đoàn kết quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và niềm tự hào dân tộc

4. Năng lực hướng tới:

- *Năng lực chung*: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- *Năng lực chuyên biệt*:

+ Năng lực tái hiện bối cảnh lịch sử

+ Phân tích, so sánh.

Biết được sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta đã đưa cuộc KC của dân tộc có những bước phát triển như thế nào.

II. PHƯƠNG PHÁP:

Trực quan, phát vấn, phân tích, mô tả, làm việc nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh các sự kiện lịch sử.....

III. PHƯƠNG TIỆN:

Tranh ảnh, máy chiếu...

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án word và Powerpoint.

- Bản đồ Chiến dịch Điện Biên Phủ, tranh ảnh liên quan .

2. Học sinh

Học bài cũ, tìm hiểu trước bài mới.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định lớp. (1 phút)****2. Kiểm tra bài cũ. (4 phút)**

CH: Trình bày nội dung kế hoạch Na Va?

Trả lời:

+ Bước 1: Thu — Đông 1953 và Xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Trung và Nam Đông Dương.

+ Bước 2: Từ Thu — Đông 1954, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh.

3. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT (5 phút)

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp..., Sau đó GV hỏi: Hình ảnh trên là ai? Sự kiện nào gắn liền với tên tuổi của ông? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: Đại tướng Võ nguyên Giáp tên ông gắn liền với chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới:

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Mục tiêu, phương thức	Gợi ý sản phẩm
Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân <i>Mục tiêu: nắm được âm mưu của địch và chủ trương của ta tại Điện Biên Phủ</i>	II. Cuộc tiến công chiến lược đông — xuân 1953 — 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

<p>-GV: Tại sao trong thế bị động, Nava quyết định chọn ĐBP làm nơi chấp nhận một trận quyết chiến chiến lược?</p> <p>-HS: Suy nghĩ trả lời?</p> <p>-GV: Để phá tan âm mưu của địch, ta có chủ trương gì?</p> <p>HS: nghiên cứu SGK trả lời: Đầu tháng 12-1953, Bộ CTTW Đảng thông qua k/h tác chiến của Bộ tổng tư lệnh quyết định mở CD ĐBP.</p> <p>GV: bổ sung thêm về công việc chuẩn bị của ta: huy động 1L. Lực lượng lớn: 4 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công pháo, nhiều tiểu đoàn công binh, thông tin, vận tải, quân y...với tổng số 55.000 quân. Hàng chục nghìn tấn vũ khí đạn dược, 27.000 tấn gạo, 628 ô tô tải, 11.800 thuyền bè, 21.000 xe đạp, hàng nghìn xe ngựa, trâu bò...chuyển ra mặt trận.</p> <p>Tích hợp môn văn: Dốc Pha Đin anh gánh chị thồ Đèo lũng Lô anh hò chị hát -> Tinh thần chuẩn bị cho cuộc KC hăng say sôi nổi, ko quản khó khăn gian khổ...</p> <p>*Chủ trương của ta: Quyết tâm đập tan tập đoàn cứ điểm ĐBP Phương châm cách đánh: Từ “Đánh nhanh, thắng nhanh” sang “Đánh chắc, tiến chắc” Cuộc chiến đấu giữa Hổ và Voi như thế nào chúng ta vào phần diễn biến.</p>	<p>A.Cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954.</p> <p>B. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954, ĐBP Vị trí chiến lược quang trọng... *Âm mưu của địch: ĐBP có vị trí chiến lược quan trọng → Xây dựng ĐBP thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương: gồm 3 phân khu, 49 cứ điểm, 16.200 quân, trang bị hiện đại nhất Đông Nam Á...</p> <p>*trương của ta: Tháng 12/1953, Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.</p>
<p>Hoạt động 2: Mục tiêu Trình bày diễn biến theo lược đồ, nêu kết quả, ý nghĩa của chiến dịch ĐBP.</p> <p>-GV: Tại sao ta quyết tâm đập tan tập đoàn cứ điểm ĐBP?</p> <p>HS: suy nghĩ trả lời</p> <p>GV: Sự chuẩn bị đã hoàn tất ngày mở màn cho chiến dịch đã đến</p> <p>-GV trình bày diễn biến trên bản đồ</p> <p>- HS: theo dõi tiếp thu và ghi bài</p> <p>-GV: giới thiệu một số tranh ảnh Điện biên phủ.Sử dụng kiến thức liên môn: Môn văn: đọc đoạn thơ của Tố Hữu: Bài thơ: Hoan hô chiến sĩ điện biên: 56 ngày đêm khoét núi ngủ hầm,</p>	<p>* Diễn biến: Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngày 13/3/1954 đến ngày 7/5/1954, chia làm 3 đợt.</p> <p>+ Đợt 1: Quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.</p> <p>+ Đợt 2: Quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm phía Đông phân khu Trung tâm, cuộc chiến diễn ra quyết liệt.</p> <p>+ Đợt 3: Quân ta đồng loạt tấn công các cứ điểm còn lại ở phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều 7/5,</p>

<p>mưa dầm cơm vắt máu trộn bùn non, gan ko núng, chí ko mòn. - GV: <i>chiến dịch ĐBP có kết quả, Ý nghĩa gì?</i> - HS: suy nghĩ và kết hợp SGK để trả lời, GV bổ sung nhận xét. - Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh: Nói về thắng lợi Điện Biên Phủ CTHCM khẳng định:</p> <p>“Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi CNTD lắng xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào GPDT khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn”</p>	<p>tướng Đờ Ca- xơ-ri cùng toàn bộ Ban tham mưu của địch đầu hàng.</p> <p>* Kết quả: Ta tiêu diệt và bắt sống 16 200 tên địch, bắn rơi 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.</p> <p>* Ý nghĩa: Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na- va, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ- ne- vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.</p>
<p>*Hoạt động 3: Mục tiêu: <i>Học sinh nắm được nội dung cơ bản, ý nghĩa hiệp định</i> hướng dẫn HS đọc thêm: mục 1.Hội nghị Giơnevơ: HS nắm cho được 3 sự kiện - 1-1954, HN ngoại trưởng 4 nước: LX, M, A, P họp tại Béc-lin thỏa thuận triệu tập HNHB ở ĐĐ - Ngày 8-5-1954, Hội nghị Giơnevơ về ĐĐ họp. Phái đoàn CP ta do PVD làm trưởng Đoàn tham dự. - Ngày 21-7-1954, hiệp định Giơnevơ về ĐĐ được kí kết. GV giới thiệu về nét chính HN Giơnevơ sau đó cho các em nắm nội dung của Hiệp định.SGK hình 56... GV phân tích và yêu cầu HS trả lời 1 số câu hỏi sau: -GV: <i>Nhận xét về nội dung của hiệp định Giơnevơ? Nội dung nào của HĐ là quan trọng nhất? Vì sao?</i> -HS: suy nghĩ và kết hợp SGK để trả lời, GV bổ sung nhận xét. -GV: <i>Tại sao nói thắng lợi của ta giành được ở Hội nghị chưa trọn vẹn, bị hạn chế so với thắng lợi của ta trên chiến trường?</i> -HS: suy nghĩ và kết hợp SGK để trả lời, GV bổ sung nhận xét. -GV: tổ chức thảo luận, mời 1 số em trình bày. GV</p>	<p>III. HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH Ở ĐÔNG DƯƠNG 1945. - Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ- ne- vơ (Thụy Sĩ) được ký kết.</p> <p>- Nội dung: (SGK)</p> <p>- Ý nghĩa: + Đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp của Mỹ ở Đông Dương. + Là văn bản mang tính pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương. + Buộc Pháp phải rút hết quân về nước. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.</p>

nhận xét, bổ sung, phân tích, kết luận, tiếp tục nêu câu hỏi

-GV: **Hiệp định Giơnevơ có ý nghĩa gì?**

- HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, nhận xét và chốt.

*** Hoạt động 4: Tập thể, cá nhân :**

Mục tiêu : Rút ra những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những thắng lợi của cuộc KC chống Pháp. Trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc KCC Pháp xâm lược.

GV : phân tích giới thiệu sau đó hỏi :

-GV: **Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi có ý nghĩa lịch sử như thế nào?**

- HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, nhận xét và chốt.

***Đối dân tộc ta:**

***Đối với thế giới:**

-GV gọi các em trả lời sau đó bổ sung và chốt ý.
Kết thúc bài

-GV? **Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất, vì sao?**

- HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, phân tích, nhận xét và chốt. Chuyển ý

IV. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 -1954)

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

- Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN, tạo điều kiện để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. .

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc

*** Nguyên nhân thắng lợi:**

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.

- Có chính quyền dân chủ nhân dân, có lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng được mở rộng, có hậu phương vững chắc.

- Tình đoàn kết, liên minh chiến đấu Việt — Miên — Lào, sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN, cùng các lực lượng tiến bộ khác.

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức:

2. Phương thức:

- GV tổ chức cho HS lập bảng thống kê chiến thắng quân sự của nước ta từng bước đánh bại thực dân Pháp 1946 - 1954 theo các nội dung: thời gian,, chiều thắng tiêu biểu, ý nghĩa

Thời gian	Thắng lợi tiêu biểu	Ý nghĩa
		●

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Thắng lợi tiêu biểu	Ý nghĩa
19/12/1946	Cuộc chiến đấu ở ở Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16	<ul style="list-style-type: none"> ● Làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của chúng, tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.
năm 1947	Chiến dịch Việt Bắc thu-đông	<ul style="list-style-type: none"> ● Là chiến dịch phản công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. ● Chứng minh đường lối kháng chiến của Đảng là đúng, chứng minh tính vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc. ● Làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.
năm 1950	Chiến dịch Biên giới thu – đông	<ul style="list-style-type: none"> ● Là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến. ● Mở đường liên lạc quốc tế, làm cho cuộc kháng chiến thoát khỏi tình thế bị bao vây cô lập. ● Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc; bộ đội thêm trưởng thành và tích lũy được nhiều kinh nghiệm. ● Giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
Năm 1953 - 1954	Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân	<ul style="list-style-type: none"> ● Bước đầu phá sản kế hoạch của Pháp
Năm 1954	Chiến dịch	<ul style="list-style-type: none"> ● Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch

	lịch sử Điện Biên Phủ	Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở thực lực về quân sự cho cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơnevơ, kết thúc cuộc kháng chiến.
--	-----------------------	---

3.4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

? Từ nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), có thể rút ra bài học gì trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

Bài học rút ra:

- Muốn đất nước phát triển đồng bộ, các tầng lớp nhân dân phải đoàn kết, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước
- Đảng và Nhà nước là cơ quan đầu não, phải có những chính sách, bước đi đúng đắn nhằm mang lại nhiều lợi ích cho nhân dân và cho đất nước
- Bên cạnh khai thác những tiềm năng trong nước, ta phải biết tận dụng sự giúp đỡ, đầu tư của nước ngoài vào, tuy nhiên phải chú trọng đến việc phát triển kinh tế đồng hành với bảo vệ môi trường.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, làm bài tập ở SGK.
- Bài mới : ôn tập kiểm tra học kỳ

Tiết 38

ÔN TẬP**I Mục Tiêu bài học****1. Kiến thức:**

- Củng cố, ôn tập, hệ thống hóa toàn bộ kiến thức đã học : Quá trình phát triển đi đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức lịch sử của học sinh đầu kỳ II, phần LSVN từ năm 1919->1954.

2. Kỹ năng: Liệt kê các sự kiện lịch sử. Tư duy trình bày, phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện LS.

3. Thái độ: Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. **4. Năng lực hướng tới:**

- *Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- *Năng lực chuyên biệt:*
 - + Năng lực tái hiện bối cảnh lịch sử
 - + Phân tích, so sánh

II. Chuẩn bị:

GV: Bản đồ chiến dịch Việt Bắc, Biên giới, Điện Biên phủ

HS: Nắm các mốc lịch sử cơ bản

II. Tiến trình thực hiện

1. Bài cũ kết hợp với ôn tập
2. Tiến hành ôn tập

1. Lập bảng niên biểu các sự kiện quan trọng

(GV ghi mốc thời gian yêu cầu học sinh điền sự kiện và ý nghĩa của các sự kiện đó)
(15p)

Thời gian	Sự kiện
6/1/1930	Đảng cộng sản Việt Nam thành lập
10/1930	Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hương Cảng – Trung Quốc
1/5/1938	Mít tinh của công nhân và nd ở Đấu Xảo
27/9/1940	Khởi nghĩa Bắc Sơn
23/11/1940	Khởi nghĩa Nam Kỳ
28/1/1941	Bác Hồ về nước
10->19/5/1941	Hội Nghị TƯ 8
19/5/1941	Mặt trận Việt Minh thành lập
9/3/1945	Nhật đảo chính Pháp
15/4/1945	Hội nghị quân sự bắc kì họp
14,15/8/1945	Hội nghị toàn quốc của Đảng
16/8/1945	Đại hội quốc dân Tân Trào họp
19/8/1945	

23/8/45	
25/8/45	
30/8/1945	
2/9/1945	
8/9/1945	
23/9/1945	
6/1/1946	
6/3/1946	
14/9/1946	
19/12/1964	
7/10/1947	
6/1950	
16/9/1950	
7/5/1953	
13/3/1954	
7/5/1954	
21/7/1954	

2. Liệt kê các chiến dịch lớn trong 9 năm trường kì kháng chiến (15')

TT	Tên chiến dịch	Thời gian	Chiến thuật
1			
2			
3			
4			

Gọi HS lên trình bày các diễn biến trên bản đồ

3 Trình bày nguyên nhân và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954

1. Ý nghĩa lịch sử. (10p)

- Đối với dân tộc:

+ Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của TDP trên đất nước ta gần một TK.

+ Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn XHCN.

- Đối với thế giới.

+ Giáng đòn mạnh vào tham vọng xâm lược, nô dịch của CNĐQ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi.

+ Được sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là chủ tịch HCM với đường lối chính trị, quân sự, đường lối kháng chiến đúng đắn và sáng tạo.

+ Có hệ thống chính quyền, Mặt trận, lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng lớn mạnh, có hậu phương vững chắc.

+ Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, sự đồng tình giúp đỡ, ủng hộ của bạn bè và nhân loại tiến bộ thế giới.

Bài tập về nhà :

1. Tại sao nói ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập đã ở vào tình thế ngàn cân treo sợi tóc? Đảng ta đã từng bước giải quyết những khó khăn đó như thế nào ?

2. Ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946 nhằm mục đích gì? Nêu nội dung của Hiệp định sơ bộ

3, Nêu và phân tích đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp của dân tộc ta

1. Trình bày nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa chiến dịch đánh dấu bước phát triển của kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp
2. Trình bày nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa chiến dịch chủ động tiến công đầu tiên của ta trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp
3. Trình bày diễn kết quả, ý nghĩa chiến dịch đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp
4. Nêu và phân tích đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp của dân tộc ta
5. Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp

Dặn dò : ôn tập tiết sau kiểm tra

Ngày soạn: 30/03/2019 Ngày dạy: 9A: 9B: 9C

Tiết 39 KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Kiểm tra mức độ tiếp nhận của học sinh về lịch sử Việt Nam**

+ Biết được một số vấn đề về ra đời của Đảng, biết tình hình nước ta sau cách mạng tháng 8.

- + Trình nguyên nhân, kết quả ý nghĩa một chiến dịch và đánh giá được các sự kiện lịch sử
- + Lí giải được một số chủ trương, đường lối của Đảng, hiểu tình hình Việt Nam sau CMT8. Hiểu được tầm quan trọng của thắng lợi trên các mặt trận, hiểu được bước tiến của cuộc kháng chiến
- + Phân tích được tầm quan trọng sự ra đời của Đảng cộng sản, Phân tích được các giải pháp khắc phục khó khăn, Phân tích được đường lối kháng chiến. Rút ra bài học từ Xô Viết Nghệ Tĩnh. - Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp

2. Tư tưởng

Giáo dục học sinh tính trung thực, sáng tạo trong thi cử.

3. **Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng tái hiện lịch sử phân tích, đánh giá, nhận xét, liên hệ.

4. **Năng lực:** Hình thành năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, thực hành bộ môn.....

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Tự luận + Trắc nghiệm

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên Chủ đề (nội dung, chương)	Nhận biết		Thông hiểu		vận dụng				TỔ NG
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	Vận dụng		Vận dụng cao		
					TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chủ đề 1: Việt nam trong những năm 1930-1939 (3t)	Biết được một số vấn đề về ra đời của Đảng		Lí giải được một số chủ trương, đường lối của Đảng		Phân tích được tầm quan trọng sự ra đời của Đảng cộng sản		Bài học từ Xô Viết Nghệ Tĩnh		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0,5 5%		2 0,5 5%		2 0,5 5%		1 0,25 2,5%		7 1,7 5 17, 5
Chủ đề 2: Cuộc vận động tiến tới cách mạng tháng 8- 1945				Hiểu được quá trình chuẩn bị cho		Phân tích được những yếu tố quan	Rút ra , liên hệ thực tiễn được		

(3t)				cách mạng tháng 8		trọng trong cách mạng tháng 8	những bài học cách mạng tháng 8		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %				$\frac{1}{2}$ 1 10		$\frac{1}{2}$ 1,5 15%	2 0,5 5%		TN: 2 TL: 1 3 30
Chủ đề 3 Việt Nam từ sau cách mạng tháng tám đến toàn quốc kháng chiến (2t)	biết tình hình nước ta sau cách mạng tháng 8(5%)		Hiểu được tình hình Việt Nam sau CMT8		Phân tích được các giải pháp khắc phục khó khăn		Rút ra được bài học cho chính sách đối ngoại hiện nay		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0,5 5%		2 0,5 5%		2 0,5 5%		1 0,25 2,5		TN: 7 1.7 5 17, 5
Chủ đề 4: Việt nam từ cuối 1946 – 1954 (4t)		Nêu những thắng lợi tiêu biểu	Hiểu được tầm quan trọng của thắng lợi trên các mặt trận	Trình nguyên nhân, kết quả ý nghĩa một chiến dịch	Phân tích được đường lối kháng chiến	- Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử - Phân tích đường lối kháng chiến		Đánh giá được các sự kiện lịch sử	
		2/5	2	1/5	2			2/5	TN: 4

		1 10%	0,5 5%	0,5 5%	0,5 5%			1 10%	TL: 1 3,5 35
Số câu	4	2/5	6	$\frac{1}{2} + \frac{1}{5}$	6	1/2	4	2/5	TN
Số điểm	1	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1	1	20
Tỉ lệ %	10%	10%	15%	15%	15%	15%	10%	10%	TL

IV. Phần đề ra

1. Trắc nghiệm:

Mức độ nhận biết:

Câu 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời:

- A. Tại hang Pắc Bó - Cao Bằng
- B. Tại Cửu Long – Hương Cảng – Trung Quốc**
- C. Tại Làng Vạn Phúc –Hà Đông
- D. Số nhà 5D phố Hàm Long – Hà Nội

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** có trong hội nghị thành lập Đảng?

- A. Nhất trí tán thành việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam
- B. Thông qua chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt, Điều lệ tóm tắt.
- C. Bầu Trần Phú là tổng bí thư**
- D. Nguyễn Ái Quốc ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng

Câu 3: Hoạt động ngoại giao nào diễn ra sau cách mạng Tám năm 1945 tác động đến nước ta?

- A. Các nước xã hội chủ nghĩa công nhận chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
- B. Tổng thống Pháp thăm chính thức Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.
- C. Quân đội của các nước đồng minh vào nước ta làm nhiệm vụ giải giáp quân nhật .**
- D. Hồng quân liên Xô vào giải giáp quân đội Nhật.

Câu 4. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ trống

Nhằm giải quyết khó khăn về....., chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân. Hưởng ứng “quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng” do chính phủ phát động. Đến ngày 23-11-1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

- A. nạn đói
- B. nạn dốt
- C. giặc ngoại xâm
- D. tài chính.**

Mức độ thông hiểu:

Câu 5: Đường lối của cách mạng Việt Nam được Đảng xác định trong Cương lĩnh là:

- A. Cuộc cách mạng tư sản dân quyền.
- B. Cuộc cách mạng tư sản dân quyền bỏ qua thời kỳ TBCN mà tiến thẳng lên CNXH**
- C. Cuộc cách mạng vô sản dân quyền
- D. Cách mạng XHCN

Câu 6: Nhiệm vụ nào **không** được Đảng xác định trong luận cương chính trị tháng 10/1930

- A. Đảng phải coi trọng việc vận động tập hợp lực lượng quần chúng
- B. Đảng phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang đánh đổ giai cấp thống trị giành chính quyền cho công nông

C. Đảng phải liên lạc với các dân tộc thuộc địa trên thế giới

- D. Đảng phải liên lạc với vô sản thế giới

Câu 7. Sự kiện nào sau đây là quan trọng nhất trong việc củng cố và kiện toàn chính quyền cách mạng

A. 6-1-1946, tổng tuyển cử, bầu quốc hội trong cả nước.

- B. 29-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam được thành lập.

C. Bầu cử hội đồng nhân dân các cấp

- D. Thành lập ra ban dự thảo hiến pháp, thông qua danh sách chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch HCM đứng đầu.

Câu 8. Yếu tố nào sau đây **không** nằm trong tác dụng của Hiệp định Sơ Bộ (6/3/1946)

- A. Dừng tay quân Pháp để đẩy 20 vạn quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi miền Bắc

B. Dừng tay quân Tưởng để đẩy thực dân Pháp ra khỏi Nam Bộ.

- C. Tránh một lúc đụng độ với nhiều kẻ thù.

D. Tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

Câu 9: Thắng lợi quân sự nào của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp có ý nghĩa bước ngoặt mở đầu giai đoạn quân ta giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính?

- a. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947

b. Chiến dịch Biên Giới 1950

- c. Chiến dịch Đông Xuân 1953-1954

d. Chiến dịch ĐBP 1954

Câu 10: Ý nghĩa nào sau đây **không** phản ánh đúng về hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

- a. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương

b. Là văn bản Pháp lí ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương

- c. Pháp phải rút quân về nước, Làm thất bại âm mưu trong vệc kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá cuộc chiến tranh xâm lược ĐD

d. Đất nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mức độ vận dụng thấp:

Câu 11: Ý nghĩa mang tính bước ngoặt của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. Là quá trình đấu tranh của dân tộc và giai cấp

B. Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối, giai cấp lãnh đạo.

- C. CMVN là một bộ phận của cách mạng thế giới.

D. Phong trào công nhân bước đầu chuyển thành phong trào tự giác.

Câu 12: Nhân tố mang tính tất yếu đầu tiên chuẩn bị cho những thắng lợi về sau của cách mạng Việt Nam là:

- A. sự giúp đỡ của các lực lượng dân chủ trên thế giới

B. tinh thần đại đoàn kết của các tầng lớp nhân dân

C. sự phát triển mạnh mẽ của đất nước về kinh tế, chính trị.

D. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 13: Sách lược của Đảng từ ngày 6/3/1946 có điểm gì khác so với giai đoạn trước đó?

- a. Hoà với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ.
- b. **Hoà với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi Miền Bắc.**
- c. Hoà với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng
- d. Tập trung lực lượng đánh cả Pháp lẫn Tưởng.

Câu 14. Sự linh hoạt trong chính sách ngoại giao của Đảng giai đoạn 1945-1946 được thể hiện ở:

- A. Hiệp định Sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9)**
- B. Hiệp định Sơ bộ (6/3) và hiệp định Gionevo (21/7)
- C. Tạm ước (14/9) và hiệp định Pari (27/1)
- D. Hiệp định Gionevo (21/7) và hiệp định Pari (27/1)

Câu 15. Nhân tố quan trọng nhất dẫn tới thắng lợi của ta trong chiến dịch biên giới thu đông 1950

- a. Hoàn cảnh thế giới thuận lợi
- b. Lực lượng kháng chiến trưởng thành
- c. Đường lối kháng chiến đúng đắn**
- d. Lực lượng cách mạng ở Lào và Campuchia phát triển

Câu 16: Tính chất toàn dân của đường lối kháng chiến toàn quốc được thể hiện là:

- a. Toàn dân dân tộc tham gia trực tiếp kháng chiến
- b. Toàn dân ủng hộ kháng chiến
- c. Toàn dân tham gia kháng chiến với nhiều hình thức**
- d. Toàn dân tăng gia sản xuất

Mức độ vận dụng cao:

Câu 17: Nội dung nào sau đây **không** phải là bài học kinh nghiệm từ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh:

- A. Phải có đường lối chiến lược đúng đắn (phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng)
- B. Phải có tinh thần đoàn kết
- C. Phải xây dựng liên minh công – nông
- D. Phải tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.**

Câu 18: Từ việc ký hiệp định Sơ Bộ (6/3/1946) nguyên tắc ngoại giao nào được Đảng ta vận dụng trong chính sách đối ngoại hiện nay.

- A. Lợi dụng sự ủng hộ của tổ chức quốc tế
- B. Kiên trì đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia
- C. Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp
- D. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược**

Câu 19: Bài học kinh nghiệm nào quan trọng nhất rút ra từ thành công của cách mạng Tháng tám

- a. Vai trò lãnh đạo của Đảng**
- b. Tinh thần đoàn kết toàn dân
- c. Xây dựng liên minh công nông vững chắc
- d. Nghệ thuật chớp thời cơ

Câu 20: Từ cách mạng tháng 8, Đảng ta đã vận dụng bài học nào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

- a. **Giữ vững vai trò sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết toàn dân**
- b. Liên minh công nông
- c. Xây dựng hậu phương vững chắc
- d. Tăng cường hợp tác và hội nhập QT

2. Tự luận:

Câu 1a: (2,5) Trình bày nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa chiến dịch đánh dấu bước phát triển của kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp

Câu 1b: (2,5) Trình bày nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa chiến dịch chủ động tiến công đầu tiên của ta trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp

Câu 2a: (2,5). Nêu và phân tích đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp của dân tộc ta

Câu 2b: (2,5) Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	b	c	c	d	b	c	a	b	b	a
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	b	d	b	a	c	c	d	d	a	a

Câu 1a,b	HS xác định được Chiến dịch biên giới 1950	1
	* Nguyên nhân: - Pháp - Mĩ cấu kết chặt chẽ với nhau. + Pháp: thực hiện kế hoạch Giơ ve. Khoá chặt biên giới Việt - Trung. Chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần hai. => Trước tình hình đó ta chủ động mở chiến dịch biên giới 1950 nhằm tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới, mở rộng căn cứ Việt Bắc.	0, 5
	* Kết quả: Căn cứ Việt Bắc được mở rộng, khai thông biên giới, tiêu hao sinh lực địch.	0, 5
	* ý nghĩa: Ta giành thế chủ động, chuyển sang thế tiến công; lực lượng quân đội trưởng thành	0, 5
Câu 2a	Nội dung: Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, thanh thủ sự ủng hộ của quốc tế.	1
	+ Lực lượng quyết định: lực lượng vũ trang	0,25
	+ Mặt trận quyết định: Mặt trận quân sự	0,25
	→ các yếu tố còn lại có tính chất quan trọng vừa hỗ trợ	0,25
	- phân tích:	0,2
	+ Là toàn dân kháng chiến vì: Cách mạng là sự nghiệp của quần	5

	chúng.....	
	+ kháng chiến trên tất cả các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao	0,25
	+ Kháng chiến trường kỳ (nghĩa là đánh lâu dài).....	0,25
	+ Chủ yếu là dựa vào sức mình là chính (sức mạnh của nhân dân) không trông chờ ỷ lại vào bên ngoài, đồng thời phải tranh thủ sự viện trợ của quốc tế. Muốn đánh lâu dài thì phải dựa vào sức mình là chính	0,25
Câu 2b	+ Được sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là chủ tịch HCM.	0,25
	+ Có hệ thống chính quyền, Mặt trận, lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng lớn mạnh, có hậu phương vững chắc.	0,25
	+ Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, sự đồng tình giúp đỡ, ủng hộ của bạn bè và nhân loại tiến bộ thế giới.	0,25
	+ Nguyên nhân thứ nhất là quan trọng nhất vì: Đảng và HCT đã đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn và sáng tạo	0,25
	Ý nghĩa lịch sử. - Đối với dân tộc: + Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của TDP trên đất nước ta gần một TK. + Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn XHCN.	1
	- Đối với thế giới. + Giáng đòn mạnh vào tham vọng xâm lược, nô dịch của CNĐQ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng. + Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.	0,5

3. Củng cố. : thu bài..

4. Dặn dò. (1 phút) Chuẩn bị bài 28 phần I,II

- Soạn trước các câu hỏi trong sgk của bài 28 vào vở soạn.

? Miền Bắc đã đạt những thành tựu gì trong công cuộc khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh? ý nghĩa lịch sử của những thành tựu đó?

? Em hãy nêu những thành tựu của miền Bắc đã đạt được trong thời kì cải tạo XHCN (1958 - 1960)?

Ngày soạn:

Ngày giảng:

CHƯƠNG VI: VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Tiết 40, Bài 28

XÂY DỰNG CNXH Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1975) (Tiết 1)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.

- Biết được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

2. Kỹ năng

Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đông Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn như: Kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử. Niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, tổng hợp, nhóm...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suru tâm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét chính về việc đồng bào Hà Nội đón bộ đội vào tiếp quản thủ đô. Dựa trên những kiến thức học sinh đã biết và chưa biết, GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi kích thích sự tò mò hiểu những điều chưa biết sẽ được giải đáp trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 2 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** Giáo viên cho xem hình 57 SGK, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về các bức ảnh này?

- **Dự kiến sản phẩm**

Mỗi HS có thể trả lời theo sự hiểu biết của mình với các mức độ khác nhau. GV kết nối vào bài mới.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương

- **Mục tiêu:** Biết được nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- **Thời gian:** 9 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.	I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương - Quân Pháp rút khỏi miền Bắc (5 - 1955), nhưng hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử chưa được tiến hành. - Mỹ thay thế Pháp, đưa tay sai lên nắm chính quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt đất
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.	
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày.	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến	

thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 57. <i>Đồng bào Hà Nội đón bộ đội vào tiếp quản Thủ đô</i> - SGK để biết được không khí phấn khởi của bộ đội và nhân dân khi Thủ đô được giải phóng.	nước ta làm hai miền, miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của chúng.
--	--

3. Hoạt động 2: III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng, tiến tới *Đồng khởi* (1954 – 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng (1954 – 1959)

- **Mục tiêu:** Biết được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- **Thời gian:** 9 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng, tiến tới <i>Đồng khởi</i> (1954 – 1960)</p> <p>1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng (1954 – 1959) - Trong hai năm đầu, nhân dân miền Nam đấu tranh dưới hình thức đấu tranh chính trị, chống Mĩ – Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Mở đầu là “Phong trào hoà bình” ở Sài Gòn – Chợ Lớn. Tại Sài Gòn – Chợ Lớn và khắp miền Nam những “Ủy ban bảo vệ hoà bình” được thành lập. - Khi Mĩ – Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp phong trào, mở những chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng, từ những năm 1958 – 1959, phong trào đấu tranh chuyển sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về xây dựng CNXH ở MB và đấu tranh chống đế quốc Mĩ ở MN..

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân nếu gặp khó khăn có thể trao đổi với bạn bè

Câu 1 Vì sao hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau? Từ thời điểm này, nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng mỗi miền là gì?

Câu 2. Nêu hình thức và nhiệm vụ đấu tranh của cách mạng miền Nam giai đoạn 1954 - 1959

Dự kiến sản phẩm

Câu 1. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau vì:

Sau khi kí hiệp định Giơ-ne-vơ, ngày 10/10/1954, quân Pháp rút khỏi Hà Nội, quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô. Đến giữa tháng 5/1955, quân Pháp rút khỏi Hải Phòng, miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Trong khi đó, ở miền Nam, Pháp vừa rút quân thì Mỹ liền dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.

=> Đất nước ta bị chia cắt hai miền Nam-Bắc với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau
Nhiệm vụ đặt ra cách mạng cho mỗi miền là:

- Miền Bắc: Nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, sau đó tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam.
- Miền Nam: Chuyển từ đấu tranh thời kì chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi chúng thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình và phát triển lực lượng cách mạng.

Câu 2. Hình thức và nhiệm vụ đấu tranh của cách mạng miền Nam giai đoạn 1954 - 1959:

- Hình thức: Chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm
- Nhiệm vụ: Đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, bảo vệ hoà bình và phát triển lực lượng cách mạng.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Viết một đoạn văn ngắn nói lên cảm nhận của em khi đồng bào Hà Nội đón bộ đội vào tiếp quản thủ đô?

- **Dự kiến sản phẩm**

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước phần 2 mục III và phần 1 mục IV bài 28.

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 41, BÀI 28. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐÁU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM 1954- 1965. (Tiếp theo)

I. Yêu cầu cần đạt.

1. Kiến thức: Sau bài học HS:

- Biết được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mỹ Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng.
- Biết được bối cảnh lịch sử, trình bày được diễn biến phong trào Đồng khởi trên lược đồ cũng như ý nghĩa của phong trào
- Trình bày hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng (9/1960)

Trình bày được những thành tựu chủ yếu trong thực hiện kế hoạch 5 năm 1961 – 1965 trên các lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, văn hóa.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định đánh giá tình hình đất nước nhiệm vụ 2 miền, âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam, kỹ năng sử dụng bản đồ chiến sự.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội, tình cảm ruột thịt Bắc Nam niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tiến độ của cách mạng.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tái hiện phong trào đồng khởi, năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS.

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tranh ảnh, lược đồ sgk, tài liệu tham khảo trong sgk.

- Giáo án word và Powerpoint.

2. Chuẩn bị của học sinh: Học thuộc bài cũ và sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG PHÁP. Trực quan, phân tích dữ liệu, đàm thoại, kể chuyện lịch sử, so sánh nhận định, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp. (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ. CH: Công cuộc cải cách ruộng đất mang lại kết quả như thế nào?

Trả lời:

- Kết quả: Sau 5 đợt cải cách ruộng đất thu được 81 ha ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ, chia cho hơn hai triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu người cày có ruộng trở thành hiện thực.

- Bộ mặt nông thôn miền Bắc thay đổi cơ bản, giai cấp địa chủ bị đánh đổ, khối liên minh công nông được củng cố.

3. Bài mới

3.1 Hoạt động khởi động:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh về chân dung nữ tướng Nguyễn Thị Định ..., Sau đó GV hỏi: Hình ảnh trên là ai, em biết gì về nhân vật này...

c. Dự kiến sản phẩm:

Bà Nguyễn Thị Định bà làm Phó bí thư Tỉnh ủy [Bến Tre](#). Sau đó bà nhận nhiệm vụ về khu ủy [Trung Nam Bộ](#) (Khu 8 cũ) dự hội nghị tiếp thu Nghị quyết 15 của [Ban Chấp hành Trung ương Đảng](#). Đầu năm [1960](#), bà một trong những người lãnh đạo [Đồng khởi Bến Tre](#) và là người chỉ đạo trực tiếp cuộc [Đồng khởi đợt I](#) (17/1/1960) ở ba điểm [xã Định Thủy](#), [Bình Khánh](#) và [Phước Hiệp](#) (thuộc huyện [Mỏ Cày Nam](#) hiện nay) thắng lợi, mở đầu cho [phong trào Đồng khởi](#) trong tỉnh và toàn miền Nam sau này.

3.2 Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG GHI BẢNG
<p>1. Hoạt động 1: : Thảo luận nhóm</p> <p>* Tổ chức hoạt động:</p> <p>-B1: GV chia cả lớp thành 4 nhóm (mỗi tổ 1 nhóm) thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>Nhóm 1: Vì sao phong trào “Đồng khởi” bùng nổ?</p> <p>Nhóm 2: Trình bày Diễn biến PT Đồng khởi trên lược đồ?</p> <p>Nhóm 3: Trình bày Kết quả của phong trào “Đồng khởi”.</p> <p>Nhóm 4: Cho biết Phong trào “Đồng khởi” có ý nghĩa gì?</p> <p>-B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>-B3: HS: báo cáo, thảo luận</p> <p>-B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn (theo kỹ thuật 3-2-1).</p> <p>- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. GV gợi mở:</p> <p>+ Mĩ - Diệm mở rộng chính sách “tổ cộng diệt cộng”</p> <p>+ Ra sắc lệnh “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật”</p> <p>+ Thực hiện “đạo luật 10-59” (5/1959) lê máy chém khắp Miền Nam giết hại người dân vô tội.</p> <p>GV giải thích: với “đạo luật 10-59” Mỹ- Diệm đưa ra khẩu hiệu: “Tiêu diệt tận gốc Chủ nghĩa Cộng sản”, “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”</p> <p>- Chúng đó gây ra những vụ thảm sát đẫm máu ở</p>	<p>2. Phong trào Đồng khởi (1959-1960)</p> <p>- Hoàn cảnh: Từ 1957-1959, Mĩ - Diệm tăng cường khủng bố, đàn áp cách mạng miền Nam; ra sắc lệnh đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, thực hiện đạo luật 10-59 công khai chém giết những người vô tội khắp miền Nam.</p>

<p>Quảng Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chôn sống 21 người ở Chợ Được. + Dìm chết 42 người ở Đập Vĩnh Trinh. + 7/1955 bắn chết 92 dân thường một lúc ở Hướng Điền. + Từ 1955-1958 có 9/10 tổng số cán bộ Miền Nam bị tổn thất. + Nam Bộ chỉ còn 5000/ tổng số 6 vạn đảng viên. <p>=> Như vậy, bọn Mỹ Diệm định dùng thủ đoạn dã man, tàn bạo để buộc ta phải khuất phục. Nhýng nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác hơn là đứng lên giành chính quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. - Dưới ánh sáng của nghị quyết 15 Đảng soi đường quần chúng tự động vũ trang để tự vệ diệt trừ bọn ác ôn. - dùng lược đồ hình 60: lược đồ phong trào “Đồng khởi”. + Tháng 2/1959: cuộc nổi dậy Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) + Tháng 8/1959: Trà Bồng (Quảng Ngãi) <p>GV giới thiệu hình 51: nhân dân nổi dậy ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) giành chính quyền 1959. (Tham khảo tư liệu sách kênh hình LS THCS/182)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính đến cuối 1960 Nam Bộ có 600/1298 xã thành lập được chính quyền nhân dân tự quản trong đó có 116 xã hoàn toàn giải phóng. + Các tỉnh ven biển Trung Bộ có 904/3829 thôn giải phóng. + Ở Tây Nguyên có 3200/5721 thôn không còn chính quyền Ngụy. - Đoàn kết toàn dân đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở Miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, đấu tranh dân chủ cải thiện dân sinh tiến tới hoà bình thống nhất đất nước. - Phong trào “Đồng Khởi” giáng 1 đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam. - Tác động mạnh làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm. - Đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam. - Từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương của Đảng: Hội nghị trung ương lần thứ 15 đã xác định con đường cơ bản của cách mạng Việt Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang. - Diễn biến: Ngày 17/1/1960 phong trào đồng khởi nổ ra ở Bến Tre, lan rộng khắp Nam Bộ, trung Trung Bộ. - Ý nghĩa: <ul style="list-style-type: none"> + Phong trào đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, + Tạo ra bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam: chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. + Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam
---	--

liên tục, đều khắp vào kẻ thù.

- Chuyển từ đấu tranh chính trị sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

2. Hoạt động 2: cả lớp, cá nhân

(11 phút)

* Tổ chức hoạt động:

GV giảng thêm thực trạng kinh tế của Miền Bắc sau năm 1954.

-B1: GV giao nhiệm vụ và yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau:

Em hãy cho biết hoàn cảnh diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng?

- Em hãy trình bày nội dung của ĐH đại biểu toàn quốc lần III của Đảng?

-B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, gợi mở HS làm việc những nội dung khó.

-B3: HS: Trả lời

-B4: GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh (theo kỹ thuật 3-2-1).

GV trình bày về hoàn cảnh lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9/1960).

→ Trong bối cảnh đó Đại hội toàn quốc lần III của Đảng được triệu tập tại Hà Nội (từ ngày 5 – 19/ 9/ 1960)

Sau Lời khai mạc của chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại hội thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng, do Lê Duẩn trình bày.

GV cho HS xem H.62: ĐH đại biểu toàn quốc lần III của Đảng tại Hà Nội

-Nhiệm vụ của mỗi miền khác nhau, nhưng có mối quan hệ khăng khít. Đề ra nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm.

GV nêu vài nét về ý nghĩa của Đại hội đảng lần III

Hoạt động 3: : cả lớp, cá nhân

(14phút)

* Tổ chức hoạt động:

-B1: GV giao nhiệm vụ và yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau:

-Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần 1 (1961-

Việt Nam ra đời.

IV/ Miền bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất –kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961-1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng (9-1960)

- Hoàn cảnh:

+ Miền Bắc giành được những thắng lợi quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế.

+ Miền Nam cách mạng có bước phát triển nhảy vọt với phong trào Đồng khởi

- Nội dung: Tháng 9/1960 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba diễn ra ở Hà Nội, thông qua những nội dung quan trọng sau:

+ Đại hội xác định nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền: miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN, miền Nam đẩy mạnh cách mạng DCND, thực hiện thống nhất đất nước.

- Đại hội đã xác định mối quan hệ trong việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền.

+ Cách mạng XHCH ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước.

+ Cách mạng DCND ở miền Nam có vai trò quan trọng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

- Ý nghĩa: Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho

<p>1965) là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để thực hiện được kế hoạch dài hạn trên, nhà nước đó có những chủ trương, biện pháp nào? - Tại sao nhà nước lại chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng? - Miền Bắc đó đạt được những thành tựu gì trong kế hoạch 5 năm? (Học sinh trung bình) <p>GV Trong công nghiệp đó đạt được thành tựu gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong nông nghiệp chúng ta đó đạt được những gì? - Trong giao thông vận tải chúng ta đã đạt được những thành tựu gì? <p>-B3: HS: Trả lời</p> <p>-B4: GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh (theo kĩ thuật 3-2-1).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là kế hoạch dài hạn đầu tiên, lấy xây dựng CNXH làm trọng tâm. - Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch: ra sức phát triển nông nghiệp, công nghiệp, đẩy mạnh cải tạo XHCN, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự xã hội. - Tăng cường vốn đầu tư gấp 3 lần khôi phục kinh tế. - Bởi sau chiến tranh nền kinh tế của ta là nền kinh tế nhỏ bộ, lạc hậu => để phát triển nền kinh tế một cách nhanh chóng phải có sự đầu tư vào phát triển công nghiệp nặng. + Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. + Văn hóa chú trọng xây dựng con người mới. + Giáo dục, y tế tăng nhanh đáp ứng nhu cầu xây dựng CNXH Miền Bắc và chi viện cho Miền Nam. - GV trích đọc lời Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong hội nghị chính trị đặc biệt (3/1964) “trong 10 năm qua Miền Bắc đó tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc đất nước xã hội và con người đều đổi mới” <p><u>GV lưu ý:</u> Bên cạnh những thành tựu đạt được, miền Bắc gặp không ít khó khăn do sai lầm về chủ trương như việc đề ra chủ trương phát triển chủ yếu thành phần kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, hạn chế các thành phần kinh tế khác; chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hiện đại hóa nền kinh tế vốn nhỏ bé lạc hậu, chưa có những tiền đề cần thiết. Đây thuộc sai</p>	<p>toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.</p> <p>2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt được thành tựu về công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải ... <p>+ Công nghiệp: được ưu tiên phát triển, nhiều khu công nghiệp và nhà máy mới được xây dựng...</p> <p>+ Nông nghiệp: ưu tiên phát triển các nông trường quốc doanh, thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc cao....</p> <p>+ Thương nghiệp: quốc doanh được ưu tiên phát triển, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, cải thiện đời sống nhân dân.</p> <p>+ Giao thông vận tải: giao thông đường bộ, đường sông, đường hàng không được củng cố..</p> <p>+ Các ngành văn hóa – giáo dục có bước phát triển và tiến bộ đáng kể.</p>
---	---

lầm về tư tưởng chủ quan do nóng vội, duy ý chí, tức là làm theo ý muốn không xuất phát từ khả năng thực tế của ta.	- Miền Bắc thực hiện nhiệm vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam vũ khí, đạn dược...
---	---

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về:

2. Phương thức:

- GV tổ chức thi cho các tổ trả lời câu hỏi trắc nghiệm nhanh và cộng điểm để khuyến khích thi đua giữa các tổ.

Câu 1: Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là

- A. đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ
- B. đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang giành chính quyền.
- C. khởi nghĩa giành vũ trang.
- D. đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Câu 2: “Đồng khởi” có nghĩa là:

- A. đồng lòng đứng dậy khởi nghĩa
- B. đồng sức đứng dậy khởi nghĩa
- C. đồng loạt đứng dậy khởi nghĩa
- D. đồng tâm hiệp lực khởi nghĩa.

Câu 3. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày nào?

- A. Ngày 20 tháng 9 năm 1960
- B. Ngày 20 tháng 10 năm 190
- C. Ngày 20 tháng 11 năm 1960
- D. Ngày 20 tháng 12 năm 1960

Câu 4: Đại hội lần thứ mấy của Đảng ta được xem là “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”?

- A. Đại hội lần thứ I
- B. Đại hội lần thứ II
- C. Đại hội lần thứ III
- D. Đại hội lần thứ IV

3.4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

Cho biết vì sao nói phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) thắng lợi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam

Phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) thắng lợi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam vì: Phong trào “Đồng khởi” đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**Tiết 42, BÀI 28. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐÁU TRANH
CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN
Ở MIỀN NAM 1954- 1965. (tiếp theo)**

V. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức: cung cấp cho HS những hiểu biết về;

- Trình bày hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng (9/1960)

- Trình bày được những thành tựu chủ yếu trong thực hiện kế hoạch 5 năm 1961 – 1965 trên các lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, văn hóa.

- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược chiến tranh đặc biệt.

- Trình bày được những thắng lợi quân sự của quân dân ta trong chiến đấu chống chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định đánh giá tình hình đất nước nhiệm vụ 2 miền, âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Miền Nam, kỹ năng sử dụng bản đồ chiến sự.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội, tình cảm ruột thịt Bắc Nam niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tiến đồ của cách mạng.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS.

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tranh ảnh, lược đồ sgk, tài liệu tham khảo trong sgk.
– Giáo án word và Powerpoint

2. Chuẩn bị của học sinh: Học thuộc bài cũ và trả lời các câu hỏi in nghiêng trong bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP. Trực quan, phân tích dữ liệu, đàm thoại, kể chuyện lịch sử, so sánh nhận định.

IV/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Ổn định lớp. (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ.

CH: Trình bày nội dung của ĐH đại biểu toàn quốc lần III của Đảng?

Trả lời: Tháng 9/1960 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba diễn ra ở Hà Nội, thông qua những nội dung quan trọng sau:

- Đại hội xác định nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền: miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN, miền Nam đẩy mạnh cách mạng DCND, thực hiện thống nhất đất nước.

- Đại hội đã xác định mối quan hệ trong việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền.

+ Cách mạng XHCH ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước.

+ Cách mạng DCND ở miền Nam có vai trò quan trọng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

3. Bài mới

3.1 Hoạt động khởi động:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh về các khu ấp chiến lược

Sau đó GV hỏi: Các em hiểu gì về những hình ảnh trên....

c. Dự kiến sản phẩm:

Đây là Ấp chiến lược được chính quyền Sài Gòn lập nên nhằm cưỡng bức trắng trợn nhằm dồn 10 triệu dân vào 16.000 “ấp chiến lược” trong vòng 18 tháng, nhằm tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam.

V.3 Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG GHI BẢNG
1. Hoạt động 1: (19 phút) Thảo luận nhóm (12 phút) * Tổ chức hoạt động: -B1: GV chia cả lớp thành 4nhóm (mỗi tổ 1 nhóm) thảo luận và giao nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu sau: Nhóm: 1,3. Tại sao đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược”Chiến tranh đặc biệt”ở miền Nam? Nhóm: 2,4. “chiến tranh đặc biệt “là gì? Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược”chiến tranh đặc biệt	V. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT CỦA MỸ (1961-1965) 1. Chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở Miền Nam - Hoàn cảnh: Sau thất bại phong trào Đồng khởi 1959-1960

“thể hiện như thế nào?

-B2: HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).

-B3: HS: báo cáo, thảo luận

-B4: HS: phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn (theo kĩ thuật 3-2-1).

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. GV gợi mở:

- Sau khi thất bại trong chiến lược chiến tranh 1 phía, đánh dấu bằng ptrào “Đồng Khởi”, từ 1961 đế quốc Mỹ đẩy cuộc chiến tranh miền Nam lên mức cao hơn là “Chiến tranh đặc biệt”. Đây là 1 trong 3 loại chiến tranh của “Chiến lược phản ứng linh hoạt 1961 – 1969” nằm trong chiến lược toàn cầu phản CM của đế quốc Mỹ.

- **“Chiến tranh đặc biệt”:** là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, do cố vấn quân sự Mỹ chỉ huy, dựa vào vũ khí trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.

- Để thực hiện âm mưu đó Mỹ có hành động ở miền Nam:

+ Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn:

1961: 170.000 người .

1964: 560.000 người.

+ Sử dụng chiến thuật “Trục thẳng vận” và “Thiết xa vận” do cố vấn Mỹ chỉ huy.

+ Thực hiện những cuộc càn quét để tiêu diệt cách mạng miền Nam.

+ Lập “ấp chiến lược”, dồn 10 triệu dân vào 16.000 ấp chiến lược (trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam) để tách quân ra khỏi dân.

+ Tăng cường bắn phá miền Bắc, phong tỏa biên giới và cùng biển để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc với miền Nam.

GV cho HS xem H.63: đế quốc Mỹ dùng chiến thuật “Trục thẳng vận” ở miền Nam.

GV cho HS giải thích khái niệm “Trục thẳng vận”, “Thiết xa vận” ở bảng tra cứu thuật ngữ.

GV giảng thêm:

- Nội dung: Quân đội tay sai + cố vấn Mỹ + vũ khí trang bị, phương tiện chiến tranh của Mỹ.

- Thực hiện:

+ Mở những cuộc càn quét.

+ Lập Ấp chiến lược.

+ Bình định miền Nam.

- Về thực chất nó là một âm mưu vô cùng thâm độc của Mỹ “dùng người Việt đánh người Việt”

+ Trọng tâm của chiến lược là chúng mở các cuộc hành quân, cường bức trắng trợn nhằm dồn 10 triệu dân vào 16.000 “ấp chiến lược” trong vòng 18 tháng, nhằm tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam.

- Số lượng cô vắn Mĩ ở miền Nam tăng nhanh:
 - + Năm 1960: 1.100 người.
 - + Cuối 1962: 11.000 người.
 - + Cuối 1964: 26.000 người.
- Bộ chỉ huy quân sự Mĩ MACV tại Sài Gòn, thành lập 8/2/1962 thay cho đoàn cố vấn MAAG thành lập 1950.
- Mĩ dự định sẽ “bình định” miền Nam trong vòng 18 tháng, bắt đầu từ giữa 1961, bằng kế hoạch Stalây – Tay lo, nhưng đến đầu 1964, kế hoạch này bị phá sản, Mĩ đã đặt yêu cầu khiêm tốn hơn, bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm bằng kế hoạch Giôn xơn – Mác na ma ra.

2. Hoạt động 2:

* Tổ chức hoạt động:

-B1: GV giao nhiệm vụ và yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau:

- Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần 1 (1961-1965) là gì?
- Chủ trương của ta trong cuộc chiến đấu chống chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ như thế nào?
- Nêu những thắng lợi quân sự của ta trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” 1961-1965?
- Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa gì?
- Trong đấu tranh chính trị đó giành được những thắng lợi gì?
- Với những thắng lợi trên mặt trận quân sự, chính trị (từ 1962 -> 1965) có tác dụng gì?

-B3: HS: Trả lời

-B4:GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh (theo kĩ thuật 3-2-1).

=> Làm lung lay từng bước 3 chỗ dựa của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ

- + Nguy quân, nguy quyền (công cụ)
- + Ấp chiến lược (xương sống)
- + Đô thị (hậu cứ)
- “Ấp bắc” là một ấp nhỏ thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Giáo viên giới thiệu hình 64: Phá ấp “chiến lược” khiêng nhà về làng cũ.

(Lần đầu tiên với số quân ít hơn địch 10 lần, nhưng ta đó thắng lợi. Chiến thắng khẳng định: quân và dân

2. Chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ

- Chủ trương: Tấn công địch ở 3 vùng chiến lược

Thắng lợi:

+ Quân sự: Thắng lợi ở chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh, Ấp Bắc 2-1-1963

+ Chính trị: phong trào phá ấp chiến lược; phong trào đấu tranh của tăng ni phật tử; lật đổ chính quyền Diệm – Nhu (1/1/1963)

Miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh thắng “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ về mặt quân sự)

- 8/5/1963, 2 vạn tăng ni Phật tử Huế biểu tình.
- 11/6/1963, hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chế độ.
- 16/6/1963, 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình làm rung chuyển chính quyền Sài Gòn.
- 1/11/1963, đảo chính anh em Diệm, Nhu.
- Cuối 1965, phong trào phá “ấp chiến lược” phát triển mạnh, 2/3 số ấp bị phá.
- Cuối 1964 – đầu 1965 tình hình chiến trường miền Nam: phối hợp với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, quân ta liên tiếp mở 1 loạt các chiến dịch. Điển hình là chiến dịch Đông – Xuân 1964 -1965.
- Giữa 1965, “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ bị thất bại.

GV kết luận: Đến giữa 1965, 3 chỗ dựa chủ yếu của “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam đã bị lung lay tận gốc rễ, nguy quân, nguy quyền, áp chiến lược, đô thị miền Nam không còn là nơi an toàn của Mỹ nguy. “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản hoàn toàn.

- Cuối 1964-1965 quân ta liên tiếp mở một loạt các chiến dịch.

⇒ Chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ bị phá sản

3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về:

2. Phương thức:

- GV tổ chức cho HS lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu **trong chiến tranh đặc biệt:**

Dự kiến sản phẩm

Mặt trận	Thời gian	Sự kiện
Chống phá “bình định”	Năm 1962	Quân giải phóng cùng với nhân dân đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh, ...
	Cuối năm 1962	Trên nửa tổng số ấp và 70% nông dân vẫn do cách mạng kiểm soát.
Chính trị	11 - 6 - 1963	Trên đường phố Sài Gòn, hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm.
	16 - 6 - 1963	70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình làm rung chuyển chế độ Sài Gòn.
	1 - 11 - 1963	Mỹ làm đảo chính lật đổ chế độ Diệm - Nhu với hy vọng ổn định tình hình
Quân sự	Ngày 2 - 1 - 1963	Chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho).
	Đông - Xuân 1964 - 1965	Chiến dịch Đông - Xuân 1964 - 1965 trên các chiến trường miền Nam và miền Trung.

3.4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Bằng những sự kiện lịch sử tiêu biểu, chứng minh phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công?
- Vì sao đến Đông Xuân (1964-1965), CLCTDB -> bị phá sản về cơ bản.
- Hãy điền kiến thức phù hợp vào các cột trống về phong trào Đồng khởi

Thời gian	Diễn biến	Kết quả	Ý nghĩa
2-1959			
8-1959			
1960			

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, làm bài tập ở SGK.
- Bài mới : Bài 22. Tìm các nội dung sau.
 - + Âm mưu thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “ Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965-1968).
 - + Những thắng lợi chủ yếu của quân và dân miền Nam (1965-1968).
 - + Tìm hiểu về tổng thống Giôn xơn, Nguyễn Văn Thiệu.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 43, Bài 29 CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

I. Yêu cầu cần đạt**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được âm mưu và hành động của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
- Trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, tiêu biểu là chiến thắng Vạn Tường, trên lược đồ.
- Biết được cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mĩ.
- Trình bày được những thành tích của quân dân miền Bắc trong chiến đấu và sản xuất.

2. Kỹ năng

Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đồng Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn như: Kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử. Niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, tổng hợp, nhóm...

IV. Chuẩn bị**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

V. Tiến trình dạy học**1. Ổn định lớp****2. Kiểm tra bài cũ (linh động)****3. Bài mới****3.1. Hoạt động khởi động**

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét chính về nhân dân Mĩ biểu tình phản đối chiến tranh ở Việt Nam. Dựa trên những kiến thức học sinh đã biết và chưa biết, GV

tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi kích thích sự tò mò hiểu những điều chưa biết sẽ được giải đáp trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 2 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** Giáo viên cho xem hình 66 SGK, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về các bức ảnh này?

- **Dự kiến sản phẩm**

Mỗi HS có thể trả lời theo sự hiểu biết của mình với các mức độ khác nhau. GV kết nối vào bài mới: Sau thất bại ở chiến lược “CTĐB” ở MN, để gỡ thế bí về chiến lược, đế quốc Mỹ đã nâng cuộc chiến tranh ở MN lên mức cao hơn “CTCB”, lính viễn chinh Mỹ được đưa ào ạt sang MN VN (giữa 1965) với những sư đoàn sừng sỏ, vũ khí hiện đại với chiến lược 2 gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” để tiêu diệt CM MN, cộng với tăng cường bắn phá MB để chặn đứng từ gốc những đòn tấn công của “Việt cộng”, giành thắng lợi quyết định, xoay chuyển tình thế trên chiến trường MN, nhưng với nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, chúng ta đã đánh bại chiến lược “CTĐB” ở MN của đế quốc Mỹ. Điều này thể hiện như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ ở miền Nam

- **Mục tiêu:** Trình bày được âm mưu và hành động của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- **Thời gian:** 6 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày âm mưu và hành động của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. ? CL “CTCB” và “CTĐB” của Mỹ ở MN có điểm gì giống và khác nhau?	I. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ (1965 - 1968) 1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ ở miền Nam - Sau khi chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị thất bại, Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 - 1968). Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn, lúc cao nhất là gần 1,5 triệu quân. - Dựa vào ưu thế quân sự, Mỹ liên tiếp mở các cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ Quân giải phóng ở Vạn Tường

(Giống: Đây là ctr thực dân kiểu mới Khác: LL tham chiến chủ yếu trong “CTĐB” là nguy quân và cố vấn Mi. Trong “CTCB” là lính viễn chinh Mi, chư hầu+ lính Ngụy)	(Quảng Ngãi), tiếp đó là hai cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định".
---	---

2. Hoạt động 2: Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

- **Mục tiêu:** Trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, tiêu biểu là chiến thắng Vạn Tường, trên lược đồ.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Thời gian:** 9 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm: Thảo luận và trả lời câu hỏi sau: Trình bày những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, tiêu biểu là chiến thắng Vạn Tường, trên lược đồ.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Hướng dẫn HS quan sát hình 66, 67 – SGK để biết được các phong trào đấu tranh chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ".</p>	<p>2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ</p> <p>- Nhân dân ta chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" với ý chí "quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược", mở đầu là thắng lợi ở Vạn Tường - Quảng Ngãi (8 - 1965). Chiến thắng Vạn Tường đã mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam, với thắng lợi này đã chứng minh khả năng ta có thể đánh thắng Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".</p> <p>- Tiếp theo, quân dân miền Nam đã đánh bại các cuộc hành quân càn quét lớn của Mĩ trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.</p> <p>- Trên mặt trận chính trị, các phong trào đấu tranh của quần chúng nổ ra từ thành thị đến nông thôn, phá vỡ từng mảng "áp chiến lược"... Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.</p>

3. Hoạt động 3: II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965 - 1968)

- **Mục tiêu:** Biết được cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mĩ.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- Phương tiện

+ Tranh ảnh, tài liệu có liên quan.

+ Ti vi.

- Thời gian: 6 phút.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mĩ.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc</p> <p>- Mĩ dựng lên "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" (8 - 1964), cho máy bay ném bom miền Bắc.</p> <p>- Đến ngày 7 - 2 - 1965, lấy cớ "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về cả nước trực tiếp đấu tranh chống Mĩ cứu nước.

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu hỏi: Nêu thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong những năm 1965 - 1967 góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

- **Dự kiến sản phẩm**

Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong những năm 1965 - 1967 góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

- Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm 1965
- Chiến thắng hai mùa khô (đông- xuân 1965 - 1966 và đông xuân 1966 - 1967)
- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em hãy chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

Dự kiến sản phẩm

Giống nhau:

- Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Cùng chung mục tiêu là chống phá cách mạng miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.
- Có sự tham gia và chi phối của tiền của, vũ khí và cố vấn quân sự Mỹ.
- Cả hai đều bị thất bại.

Khác nhau:

Tiêu chí so sánh	Chiến tranh đặc biệt	Chiến tranh cục bộ
Quy mô chiến tranh	Ở miền Nam	Mở rộng hai miền Nam – Bắc
Mục tiêu	Chống phá cách mạng và bình định miền Nam	Vừa bình định miền Nam vừa phá hoại miền Bắc.
Thủ đoạn	“Áp chiến lược” được coi như “xương sống”	chiến lược hai gọng kìm tìm diệt và bình định.
Lực lượng tham chiến	Quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dùng người Việt đánh người Việt.	Mỹ, chư hầu, Ngụy. Mỹ giữ vai trò quan trọng nhất.
Tính chất ác liệt	Ác liệt	Rất ác liệt ở mục tiêu vừa nhằm tiêu diệt quân chủ lực và bình định miền Nam, phá hoại miền Bắc, số quân tham chiến đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh cả trên bộ, trên không, trên biển.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- + Sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.
- + Chuẩn bị bài mới
- Xem trước phần 3 mục II và mục III bài 29.
- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 44, Bài 29 : CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965 - 1973) (Tiết 2)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.
- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".
- Trình bày được những thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và Đông Dương hoá chiến tranh của Mỹ.
- Biết được cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và ý nghĩa.
- Nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.

2. Kỹ năng

Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đông Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn như: nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam. Kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử. Niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

* **Tích hợp :** Liên hệ với tấm gương Bác Hồ, GD tinh thần lao động, chiến đấu cho HS.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, tổng hợp, nhóm...

III. Phương tiện

+ Máy tính, ti vi.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét chính về nhân dân nhân dân MB thực hiện nghĩa vụ địa phương. Dựa trên những kiến thức học sinh đã biết và chưa biết, GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi kích thích sự tò mò hiểu những điều chưa biết sẽ được giải đáp trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 2 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** Giáo viên cho xem hình 70 SGK, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về các bức ảnh này?

- **Dự kiến sản phẩm**

Mỗi HS có thể trả lời theo sự hiểu biết của mình với các mức độ khác nhau. GV kết nối vào bài mới.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

- **Mục tiêu:** Biết được những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- **Phương tiện**

+ Tranh ảnh, tài liệu có liên quan.

+ Ti vi.

- **Thời gian:** 6 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Yêu cầu HS quan sát hình 70. Những thửa ruộng vì miền Nam của nông dân xã Hoà Lạc (Kim Sơn, Ninh Bình) - SGK và nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.</p>	<p>3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn</p> <p>- Tuyến đường vận chuyển chiến lược - đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được khai thông từ tháng 5 - 1959.</p> <p>- Trong 4 năm, miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội và hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược,... phục vụ cho miền Nam đánh Mỹ.</p>

2. Hoạt động 2: III. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969 - 1973)

- **Mục tiêu:** Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Thời gian:** 6 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày những âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ</p>	<p>1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ</p> <p>- Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".</p>

<p>HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Yêu cầu HS quan sát hình 70. Những thừa ruồng vì miền Nam của nông dân xã Hoà Lạc (Kim Sơn, Ninh Bình) - SGK và nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.</p>	<p>- Lực lượng chính tiến hành cuộc chiến tranh là quân đội Sài Gòn kết hợp với hoả lực Mĩ, vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự.</p> <p>- Quân đội Sài Gòn được sử dụng như là lực lượng xung kích trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Cam-pu-chia năm 1970, Lào năm 1971, thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương."</p>
---	---

3. Hoạt động 3: 2. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh và Đông Dương hoá chiến tranh của Mĩ

- **Mục tiêu:** Trình bày được những thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và Đông Dương hoá chiến tranh của Mĩ.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.
- **Thời gian:** 11 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm: Thảo luận và trả lời câu hỏi sau: Trình bày những thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và Đông Dương hoá chiến tranh của Mĩ.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả</p>	<p>2. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh và Đông Dương hoá chiến tranh của Mĩ</p> <p>- Trên mặt trận chính trị:</p> <p>+ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời (6 - 1969) là thắng lợi chính trị đầu tiên trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".</p> <p>+ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp (4 - 1970) để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.</p> <p>- Trên mặt trận quân sự:</p> <p>+ Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn (từ tháng 4 đến tháng 6 - 1970).</p> <p>+ Từ tháng 2 đến tháng 3 - 1971, quân đội</p>

<p>của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Tích hợp HTVLT TGĐĐHCM: Liên hệ với tấm gương Bác Hồ, GD tinh thần lao động, chiến đấu cho HS.</p>	<p>Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn 719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào, quét sạch chúng khỏi nơi đây. - Khắp các đô thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục. Đặc biệt ở Huế, Sài Gòn, phong trào học sinh, sinh viên diễn ra rầm rộ.</p>
---	--

4. Hoạt động 43. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- **Mục tiêu:** Biết được cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và ý nghĩa.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.
- **Thời gian:** 7 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và ý nghĩa.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 - Từ ngày 30 - 3 - 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng trị làm hướng tiến công chủ yếu. - Đến cuối tháng 6 - 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch. - Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mĩ phải "Mĩ hoá" trở lại, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về cả nước trực tiếp đấu tranh chống Mĩ cứu nước.
- **Thời gian:** 5 phút
- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Em hãy lập bảng niên biểu những thắng lợi tiêu biểu về chính trị, quân sự, và ngoại giao của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trong việc làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ là:

Nội dung	Thời gian
Về chính trị.	-6/1969 chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà Miền Nam ra đời. - 4/1970 hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương hợp thể hiện sự quyết tâm đoàn kết chống Mỹ
Về quân sự	<ul style="list-style-type: none"> ● 30/4 ->30/6/1970, quân sân Việt – Campuchia phối hợp lập nên chiến thắng lớn ở Đông Bắc Campuchia. ● Ngày 12/2 ->23/3/1971, quân dân Việt –Lào đã đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719”, lập nên chiến thắng đường số 9 – Nam Lào. ● Khắp các đô thị, phong trào của các tầng lớp Nhân dân diễn ra liên tục
Ngoại giao	Thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị giữa ba nước anh em Lào, Cam-pu-chia và Việt Nam

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới. Có thể giao về nhà làm

? Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 – 1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam có điểm gì giống và khác nhau?

- Dự kiến sản phẩm

- Giống nhau: đều là chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới nằm trong chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của Mỹ.

- Khác nhau:

+ Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Tuy vậy, đây không phải là cuộc nội chiến, mà là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, bởi lẽ Mỹ đề ra kế hoạch, cung cấp đôla, vũ khí, phương tiện chiến tranh, chỉ huy bằng hệ thống "cố vấn" nhằm chống lại lực lượng cách mạng và nhân dân ta, phục vụ cho lợi ích của Mỹ. Đây là biểu hiện tính chất "đặc biệt" của loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới và việc thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt". Với sự hỗ trợ chiến đấu và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn của Mỹ, quân đội Sài Gòn mở những cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành hoạt động dồn dân, lập "ấp chiến lược", đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, "bình định" miền Nam.

+ Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân Mỹ, quân đồng minh của Mỹ (Hàn Quốc, Thái Lan, Phi-lip-pin, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân) và quân đội Sài Gòn. Trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng, không ngừng tăng lên về số lượng (lúc cao nhất là gần 1,5 triệu quân) và trang bị, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Tuy quân Mỹ trực tiếp tham chiến, chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam vẫn là chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới vì quân đội Sài Gòn vẫn

giữ vai trò quan trọng. Mĩ nhảy vào cuộc chiến nhằm cứu quân đội Sài Gòn khỏi bị sụp đổ, tiếp tục thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Dựa vào ưu thế quân sự, Mĩ liên tiếp mở các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào các vùng giải phóng của ta. Đồng thời mở rộng chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 45, Bài 29

CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1965 - 1973) (Tiết 3)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân miền Bắc (1969 – 1973).
- Trình bày được những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972).
- Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".
- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri.

2. Kỹ năng

Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đồng Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn như: Kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử. Niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, tổng hợp, nhóm...

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét chính về Hiệp định Pa ri. Dựa trên những kiến thức học sinh đã biết và chưa biết, GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi kích thích sự tò mò hiểu những điều chưa biết sẽ được giải đáp trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 2 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** Giáo viên cho xem đoạn clip về Hiệp định Pa-ri, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em nhận xét gì sau khi xem đoạn clip này?

- **Dự kiến sản phẩm**

Mỗi HS có thể trả lời theo sự hiểu biết của mình với các mức độ khác nhau. GV kết nối vào bài mới.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mĩ (1969 - 1973)

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

- **Mục tiêu:** Trình bày được những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972). Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm: Trình bày những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972). Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p>	<p>2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương</p> <p>- Ngày 16 - 4 - 1972, Mĩ tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai.</p> <p>- Trong điều kiện chiến tranh, các hoạt động sản xuất, xây dựng miền Bắc không bị ngừng trệ, giao thông vẫn bảo đảm thông suốt.</p> <p>- Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược</p>

<p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Hướng dẫn HS quan sát hình 66, 67 – SGK để biết được các phong trào đấu tranh chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ".</p>	<p>bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12 - 1972. - Quân và dân miền Bắc đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri (1 - 1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.</p>
--	--

3. Hoạt động 3: V. Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.
- **Thời gian:** 15 phút.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. Trả lời câu hỏi: Trình bày cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mỹ.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>V. Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam - Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27 - 1 - 1973, nội dung bao gồm các điều khoản cơ bản: + Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. + Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam. + Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. + Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do... - Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi để ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về cả nước trực tiếp đấu tranh chống Mỹ cứu nước.

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Lập bảng tóm tắt theo yêu cầu dưới đây về các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam (1954 - 1975)

Thời gian	Chiến lược	Âm mưu của Mỹ	Thắng lợi có tính chất bước ngoặt của ta
1954 - 1960			
1961 - 1965			
1965 - 1968			
1969 - 1973			

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Chiến lược	Âm mưu của Mỹ	Thắng lợi có tính chất bước ngoặt của ta
1954 - 1960	Chiến tranh đơn phương	Chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ	Phong trào Đồng Khởi (1959 - 1960)
1961 - 1965	Chiến tranh đặc biệt	Dùng người Việt đánh người Việt	- Trận Ấp Bắc (Mĩ Tho) - Chiến thắng Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài
1965 - 1968	Chiến tranh cục bộ	Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để có thể áp đảo quân chủ lực, giành lại thế chủ động, đẩy ta vào thế phòng ngự, phân nhỏ tán rời lui dần.	- Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm 1965 - Chiến thắng hai mùa khô (đông- xuân 1965 - 1966 và đông xuân 1966 - 1967) - Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).
1969 - 1973	Việt Nam hoá chiến tranh và Đông Dương hoá chiến tranh	- Dùng người Việt trị người Việt, - Mở rộng xâm lược Cam Pu Chia (1970) Lào (1971), dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.	Cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Lập bảng niên đại và sự kiện về thắng lợi chung của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia trên các mặt trận quân sự và chính trị từ năm 1969 đến năm 1973.

- Dự kiến sản phẩm

Mặt trận	Thời gian	Sự kiện
<i>Chính trị</i>	Ngày 24, 25 – 4 – 1970	Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia họp để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu, chống đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
<i>Quân sự</i>	Ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970	Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia, đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, giải phóng vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.
	Ngày 12 – 2 đến ngày 23 – 3 – 1971	Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào, đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719”, quét sạch 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn khỏi đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- + Sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.
- + Chuẩn bị bài mới
- Xem trước mục I, II bài 30.
- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.
- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 46, Bài 30: HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973 – 1975)

I. Mục tiêu bài học:

Sau bài học học sinh cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Cung cấp cho HS những hiểu biết về nhiệm vụ của CM miền Bắc và CM miền Nam trong thời kì mới sau Hiệp định Pari nhằm tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc k/c chống Mỹ cứu nước.

2. Tư tưởng:

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào tiền đồ của CM.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện cho HS kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta ở 2 miền Nam – Bắc nhằm tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và ý nghĩa của sự thắng lợi trên; kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh trong SGK.

4. Năng lực cần hướng tới cho học sinh

- Năng lực nhận định, phân tích, nhận định sự kiện lịch sử

II. Đồ dùng dạy học:

- Sử dụng tranh ảnh, lược đồ SGK, bản đồ treo tường “Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975”; “Chiến dịch Tây Nguyên”; “Chiến dịch Huế – Đà Nẵng”; “Chiến dịch HCM”. Cho HS sưu tầm tranh ảnh.

III. Hoạt động dạy và học:

1. Ôn định lớp: 1’

2. Kiểm tra bài cũ: 3’

a. *Trình bày âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc.*

b. *Trình bày về chiến thắng “ĐBP trên không” và ý nghĩa lịch sử của nó.*

c. *Nội dung của Hiệp định Paris .*

3 Giới thiệu bài mới: 1’ Sau Hiệp định Paris, miền Bắc tiếp tục khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, chi viện đầy đủ nhất, kịp thời nhất cho miền Nam đánh Mỹ. Đảng ta quyết định Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

4. Bài mới: 36’

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
<p>Hướng dẫn học sinh Đọc thêm</p> <p>◇ <i>Cuộc đấu tranh chống lại địch “lấn chiếm”, “tràn ngập lãnh thổ” của ta từ cuối 1973 → đầu 1975 diễn ra như thế nào?</i></p> <p>◇ <i>Thành tích sản xuất của khu giải phóng trực tiếp chi viện cho CM miền Nam như thế nào?</i></p> <p>HS: -</p> <p>GV kết luận:</p> <p>Tất cả những thành tựu trên là nguồn cung cấp, bổ sung tại chỗ rất quan trọng cùng với sự chi viện to lớn của miền Bắc, CM miền Nam được tăng cường lực lượng nhanh chóng</p>	<p>I. <u>Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh khôi phục và phát triển kinh tế – văn hóa, ra sức chi viện cho miền Nam (Giảm tải).</u></p> <p>II. <u>Đấu tranh chống địch “Bình định – lấn chiếm” tạo thế lực và tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.</u></p> <p>7 – 1973 Hội nghị Trung ương Đảng nhận định kẻ thù vẫn là đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu</p> <p>- Từ cuối 1973, ta kiên quyết đánh trả sự “lấn chiếm” của địch.</p> <p>- Cuối 1974 – đầu 1975, ta đã giành thắng lợi lớn giải phóng tỉnh Phước Long, địch không có khả năng lấy lại.</p> <p>- Thời cơ mới, khả năng mới đã xuất hiện trên chiến trường, chúng ta có thể giải</p>

thiết thực chuẩn bị cho đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hoạt động 1:

◊ *Em hãy trình bày chủ trương kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.*

HS:

◊ *Trong chủ trương kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam có những điểm nào khẳng định sự lãnh*

đạo đúng đắn và linh hoạt của đảng ta?

HS: -

GV giảng thêm:

- Sau Hiệp định Paris, quân đội Mỹ, chỗ dựa của chính quyền SG đã rút về nước viện trợ quân sự của Mỹ cho Thiệu giảm dần.

- 1972 -1973: 1.614 triệu đô la.

- 1973 -1974: 1.026 triệu đô la.

- 1974 -1975: 701 triệu đô la.

- Vì vậy có hơn quân, Thiệu vẫn không mạnh, Thiệu thiếu đạn nghiêm trọng, phải kêu gọi binh lính “chiến đấu theo kiểu con nhà nghèo”. Trong khi đó, lực

lượng của ta không ngừng lớn mạnh, đặc biệt là sau chiến thắng Phước Long của ta, địch không có khả

năng lấy lại 1 tỉnh. Cho nên thời cơ Tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

◊ *Tại sao trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ta lại mở chiến dịch Tây Nguyên đầu tiên?*

HS: -

◊ *Em hãy trình bày về chiến dịch Tây Nguyên (bằng lược đồ).*

HS: -

GV giảng thêm:

- Từ 1 → 9/3/1975, ta đánh nghi binh ở Plâycu và KonTum, địch vội vàng kéo quân từ Buôn Mê Thuột

lên ứng cứu cho Bắc Tây Nguyên.

- Bất ngờ 2 giờ sang 10/3/1975 ta đội bão lửa vào

phóng hoàn toàn miền Nam.

- Tại khu giải phóng, ta đẩy mạnh sản xuất về mọi mặt, trực tiếp phục vụ cho CM miền Nam trong thời kì này.

III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

1. Chủ trương kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Cuối 1974 → đầu 1975 tình hình CM miền Nam chuyển biến nhanh chóng, Bộ Chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm: 1975 -1976.

- Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 sẽ lập tức giải phóng miền Nam ngay 1975 để đỡ thiệt hại về người và của.

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975:

a. Chiến dịch Tây Nguyên (10/3 – 24/3/1975).

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch bố trí lực lượng sơ hở, vì phán đoán sai lầm hướng tiến công của ta.

- 10/3/1975, ta đội bão lửa vào Buôn Mê Thuột, trận then chốt này nhanh chóng thắng lợi.

- 12/3/1975, địch phản công quyết liệt chiếm lại Buôn Mê Thuột nhưng không thành.

- 14/3/1975, Thiệu ra lệnh cho Tư lệnh trưởng chiến dịch Tây Nguyên rút khỏi Tây Nguyên về giữ các tỉnh ven biển miền Trung.

- Đoán đúng ý đồ của địch, ta chặn đánh kịch liệt con đường rút lui của địch, biến cuộc “rút lui chiến lược” thành cuộc “tháo chạy hoảng loạn”.

- 24/3/1975, chiến dịch kết thúc.

Buôn Mê Thuột.

GV gọi mở vấn đề vì sao ta mở chiến dịch Huế – Đà Nẵng.

- Vào những ngày cuối cùng của chiến dịch Tây

Nguyên, ta phát hiện địch chuẩn bị rút khỏi phòng

tuyến Quảng Trị, có khả năng bỏ cả Huế, co về giữ Đà Nẵng. Quân ủy TW chỉ thị cho quân dân Trị Thiên và quân đoàn 2 giải phóng Huế nhanh hơn dự kiến.

◊ ***Em hãy trình bày về chiến dịch Huế – Đà Nẵng(bằng lược đồ).***

HS: -

GV sử dụng lược đồ trình bày lại chiến dịch Huế – Đà Nẵng. Cho HS xem H.73: quân ta giải phóng cố đô

Huế.

GV giảng thêm:

- Cuộc tấn công Đà Nẵng được Quân ủy TW quyết

định ngay sau khi giải phóng Huế (26/3/1975) với tinh thần “kịp thời, nhanh chóng, táo bạo” với lực lượng có thể chuyển tới sớm nhất.

- Sáng 28/3/1975 chúng ta bắt đầu đánh Đà Nẵng, 15

giờ ngày 29/3/1975, thành phố Đà Nẵng được giải phóng.

- Sau chiến dịch này, hệ thống phòng ngự của Thiệu ở miền Trung bị sụp đổ hoàn toàn, quân khu I bị xóa sổ, không để cho nguy rút về tăng cường cho SG, đẩy

chúng vào thế tuyệt vọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quyết chiến chiến lược cuối cùng: chiến dịch

HCM lịch sử.

GV cho HS xem H.71: Bộ chỉ huy chiến dịch HCM Xuân 1975 và giảng thêm:

- Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng kết thúc, Thiệu chủ

quan cho rằng: Phải 2 tháng nữa quân ta mới có thể

tiếp tục tiến công. Cho nên, chúng có thời

b. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (21/3 – 3/4/1975):

- Chiến dịch Tây Nguyên gần kết thúc, BCT quyết định tiến hành chiến dịch Huế – Đà Nẵng.

- 21/3/1975, ta đánh Huế và chặn đường rút chạy của địch.

- 10 giờ 30 ngày 25/3/1975, ta tiến công vào cố đô Huế.

- 26/3/1975, ta giải phóng Huế.

Với tinh thần “kịp thời, nhanh chóng, táo bạo” 28/3/1975 ta bắt đầu đánh Đà Nẵng.

- 15 giờ ngày 29/3/1975, Đà Nẵng giải phóng.

- Từ 29/3 – 3/4/1975 ta lấy nốt các tỉnh ven biển miền Trung.

- Sau chiến dịch Huế - Đà Nẵng, thế trận của Mỹ nguy ở miền Nam hết sức tồi tệ.

<p>gian, khả năng bảo vệ quân khu III và IV, chúng lập 1 phòng tuyến phòng thủ từ xa: Từ Phan Rang trở vào để che chở cho SG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mĩ lập cầu hàng không khẩn cấp chuyên chở vũ khí trang bị cho quân SG. - Trên cơ sở đánh giá thời cơ chiến lược tổng công kích vào SG đã chín muồi, với tinh thần “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” chúng ta đã tiến hành chiến dịch HCM lịch sử giải phóng SG. 	
---	--

Hoạt động: IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)

- **Mục tiêu:** Trình bày được ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- **Thời gian:** 10 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi: + Nhóm lẻ: Trình bày ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. + Nhóm chẵn: Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)</p> <p>1. Ý nghĩa lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ, cứu nước và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước. - Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. - Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc. <p>2. Nguyên nhân thắng lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. - Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. - Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh. - Sự đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc ở

học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

* **Tích hợp HTVLT TGĐĐHCM:** Liên hệ với tấm gương Bác Hồ, GD tinh thần chiến đấu, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người.

Đồng Dương; sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác

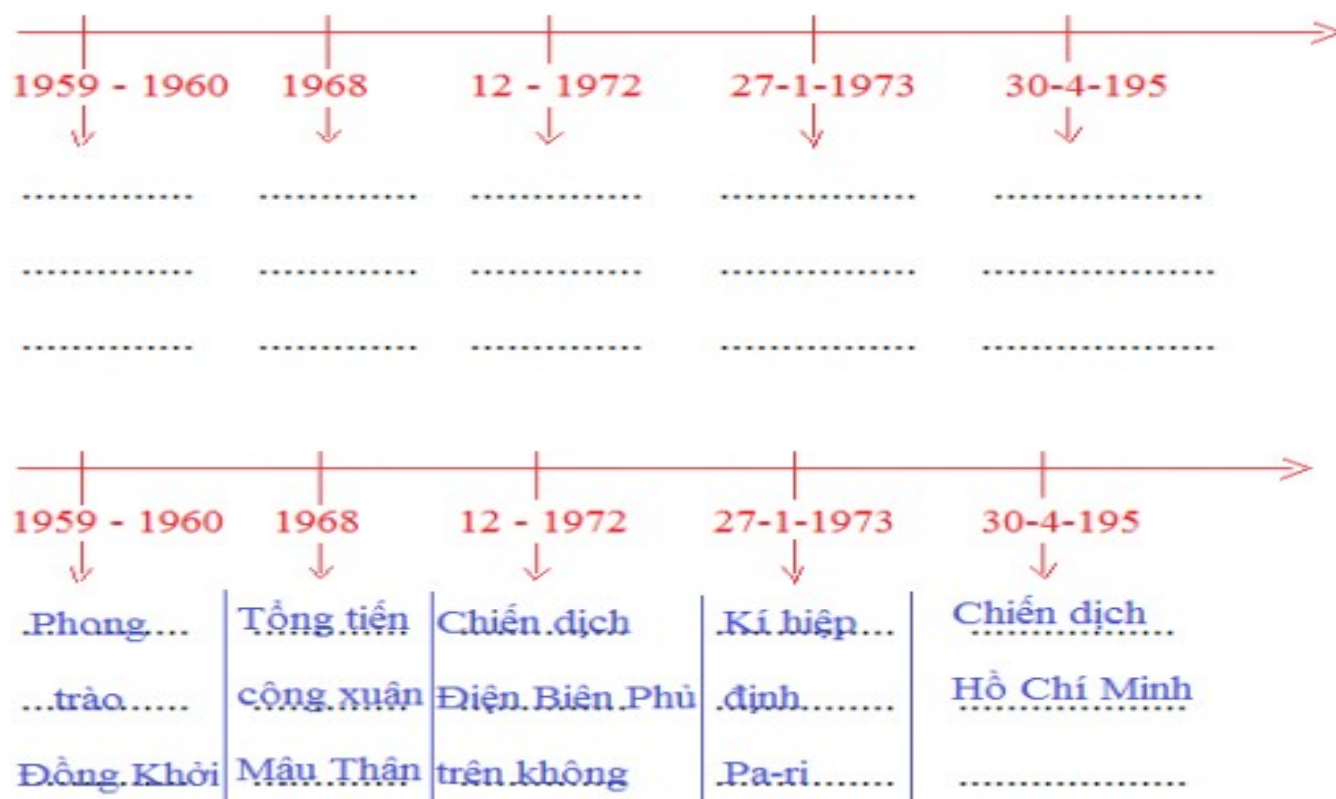
3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về về hoàn thành giải phóng miền nam, thống nhất đất nước.

- **Thời gian:** 6 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

2. Vẽ trục thời gian (theo mẫu) và điền những thắng lợi có tính chất bước ngoặt của nhân dân hai miền Nam - Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)



3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh Lập bảng các niên đại và sự kiện

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

. Nếu em là Tổng thống Mỹ trong thời gian từ năm 1954 đến năm 1975, em có tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam không? Vì sao?

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có góp phần làm "xói mòn" trật tự hai cực I-an-ta không? Vì sao?

- Dự kiến sản phẩm

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã góp phần làm "xói mòn" trật tự hai cực I-an-ta vì sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Á (trong đó có Việt Nam), Phi, Mỹ latinh đã làm thay đổi bộ mặt của khu vực này và làm mất phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và các nước Tây Âu.

Giao nhiệm vụ + Chuẩn bị bài mới: Bài 31: Việt Nam trong năm đầu sau đại thắng Xuân 1975

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 47, Bài 31

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.

- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng các tranh ảnh lịch sử.

3. Thái độ

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết B-N, tinh thần độc lập, thống nhất Tổ quốc và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai của dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

* **Tích hợp HTVLT TGĐĐHCM:** GD tinh thần đoàn kết của HCM.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.

- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học đó là hoàn thành thống nhất đất nước, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan hình 79, 80 SGK. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em cho biết đây là bức ảnh nói về điều gì?

- **Dự kiến sản phẩm**

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm: Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975. + Nhóm lẻ: Miền Bắc. + Nhóm chẵn: Miền Nam. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở miền Bắc: <ul style="list-style-type: none"> + Sau hơn 20 năm (1954 - 1975), miền Bắc đã xây dựng được cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. + Cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc. - Ở miền Nam: <ul style="list-style-type: none"> + Miền Nam được giải phóng hoàn toàn, trong chừng mực nhất định có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. + Cơ sở của chính quyền cũ cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ phân tán là phổ biến,...

2. Hoạt động 2. III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976)

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 15 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK và yêu cầu HS trình bày nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p> <p>* Tích hợp HTVLTTGDĐHCM: GD tinh thần đoàn kết của HCM.</p>	<p>III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976)</p> <p>- Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.</p> <p>- Từ ngày 24 - 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên, thông qua chính sách đối nội và đối ngoại, quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca, thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Ý nghĩa:</p> <p>+ Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành.</p> <p>+ Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước khác.</p>

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam trong những năm đầu sau đại thắng Xuân 1975.

- **Thời gian:** 6 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc GV.

Tại sao sau Đại thắng Xuân 1975, nước ta phải tiến hành việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước? Trình bày kết quả, ý nghĩa của công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Bài làm:

Sau Đại thắng xuân 1975, nước đã được thống nhất về mặt lãnh thổ, song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau. Bởi vậy, đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, nước ta cần được thống nhất về mặt nhà nước.

Từ ngày 24/6 đến 3/7/1976, Quốc hội khóa VI của nước VN thống nhất họp kì họp đầu tiên và thu được kết quả:

- Đổi tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Quyết định quốc kì là cờ đỏ sao vàng,
- Quốc ca là bài tiến quân ca,
- Thủ đô là Hà Nội,
- Sài Gòn - Gia Định đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc Hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nhà nước
- Ở địa phương, Quốc hội quyết định tổ chức thành lập ba cấp chính quyền: tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện và tương đương, cấp xã và tương đương.

Ý nghĩa:

- Đất nước thống nhất về mặt nhà nước. Từ đây việc tiếp tục hoàn thành thống nhất trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.
- Hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

*** Dặn dò: Bài 32: Giảm tải không dạy**

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 48, Bài 33

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH (từ năm 1986 đến năm 2000)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới, trình bày được nội dung đường lối đổi mới của Đảng.
- Trình bày được những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho hs kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ

- Bồi dưỡng cho hs lòng yêu nước gắn với CNXH, có tinh thần đổi mới trong lao động, công tác và học tập.
- Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới của đất nước.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn: Tinh thần lao động, sáng tạo.
- * **Tích hợp HTVLT TGĐĐHCM:** GD tinh thần lao động sáng tạo.

II. Phương pháp: Trắc quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Tài vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sơu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được một số thành tựu cơ bản của nước ta, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Tổ chức hoạt động:** GV trực quan hình 84, 85, 86 SGK. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em cảm nhận gì khi xem các bức hình này?

- **Dự kiến sản phẩm**

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975

- **Mục tiêu:** Biết được hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới, trình bày được nội dung đường lối đổi mới của Đảng.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 18 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm: + Nhóm lẻ: Nêu hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới. + Nhóm chẵn: Trình bày nội dung đường lối đổi mới của Đảng.	I. Đường lối đổi mới của Đảng - Hoàn cảnh: + Trải qua 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, nhất là về kinh tế xã hội. Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới. + Đổi mới còn xuất phát từ sự thay đổi trong tình hình thế giới, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.	- Đường lối đổi mới của Đảng: được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12 - 1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), Đại hội IX (4 - 2001): + Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày.	+ Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, đổi
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các	

kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV trực quan hình 83 và tư liệu.	mới về kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
--	---

2. Hoạt động 2. II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000)

- **Mục tiêu:** Trình bày được những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 13 phút.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK và yêu cầu HS trình bày những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p> <p>* Tích hợp HTVLT TGĐĐHCM:</p>	<p>II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000)</p> <p>- Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990:</p> <p>+ Về lương thực - thực phẩm, đến năm 1990 đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.</p> <p>+ Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.</p> <p>+ Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, hàng xuất khẩu tăng gấp ba lần.</p> <p>- Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995:</p> <p>+ Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là 8,2%; lạm phát bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển.</p> <p>+ Quan hệ đối ngoại được mở rộng: Tháng 7 - 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Cũng trong tháng này, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).</p> <p>- Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000:</p> <p>+ Tổng sản phẩm trong nước bình quân tăng hằng năm là 7%; công nghiệp tăng bình quân hằng năm là 13,5% nông nghiệp là 5,7%.</p> <p>+ Hoạt động xuất nhập khẩu không ngừng tăng lên. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.</p> <p>+ Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng...</p>

GD tinh thần lao động sáng tạo.

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam trên đường đổi mới đi lên CNXH.

- **Thời gian:** 6 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

- **Thời gian:** 6 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Yêu cầu. Lập bảng thống kê các thành tựu tiêu biểu của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 2000 theo yêu cầu sau:

Kế hoạch nhà nước 5 năm	Thành tựu
1986 - 1990	
1991 - 1995	
1996 - 2000	

Bài làm:

Kế hoạch nhà nước 5 năm	Thành tựu
1986 - 1990	<ul style="list-style-type: none"> ● Từ chỗ thiếu ăn -> năm 1990 đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. ● Hàng hoá trên thị trường dồi dào, nhất là hàng tiêu dùng ● Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh về quy mô và hình thức, xuất khẩu tăng gấp 3 lần (trong đó gạo, dầu thô là chủ lực)
1991 - 1995	<ul style="list-style-type: none"> ● Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục ● Kinh tế tăng trưởng nhanh, tăng trung bình hằng năm là 8,2%, lạm phát đẩy lùi ● Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu mở rộng, vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh. ● Hoạt động khoa học công nghệ dần thích nghi với cơ chế thị trường
1996 - 2000	<ul style="list-style-type: none"> ● Nền kinh tế giữ được nhịp độ tăng trưởng khá. ● Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển, xuất khẩu tăng bình quân hằng năm 21%. ● Khoa học công nghệ có bước chuyển biến tích cực

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> ● Giáo dục phát triển, tình hình xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường. ● Quan hệ đối ngoại không ngừng mở rộng |
|--|--|

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh Lập bảng các niên đại và sự kiện
- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.
- **Thời gian:** 4 phút.

Em hãy cho biết những thách thức và triển vọng của công cuộc đổi mới ở đất nước ta trong giai đoạn hiện nay

- **Giao nhiệm vụ**

+ Chuẩn bị bài mới: Bài 34: Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau CTTG thứ 1 đến năm 2000.

+ Học bài cũ.

+ Sưu tầm những tài liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 49, Bài 34

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ ĐỌC Ở LỚP

I. Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Nắm được các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000: đấu tranh giành độc lập, chiến đấu chống ngoại xâm, thống nhất đất nước, thực hiện đường lối đổi mới đất nước.

- Hiểu được nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm và phương hướng đi lên của cách mạng Việt Nam.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện cho hs kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá, tổng hợp các sự kiện lịch sử, hệ thống và lựa chọn các sự kiện điển hình, đặc điểm lớn của từng giai đoạn.

3. Thái độ

Trên cơ sở hiểu rõ quá trình phát triển đi lên của lịch sử dân tộc, củng cố cho các em lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng ta và sự tất thắng của sự nghiệp cách mạng.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn: Củng cố cho các em lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng ta và sự tất thắng của sự nghiệp cách mạng. tổng hợp các sự kiện lịch sử, hệ thống và lựa chọn các sự kiện điển hình, đặc điểm lớn của từng giai đoạn.

II. Phương pháp: tổ chức cho học sinh tự đọc và trả lời các câu hỏi sgk

V. Tiến trình dạy học

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Đọc SGK. Và ghi vào vở các nội dung mình nắm bắt được</p> <p>.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>GV kiểm tra việc thực hiện của học sinh</p>	<p>I. Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử</p> <p>1. Giai đoạn 1919 - 1930</p> <p>- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam đã đưa xã hội Việt Nam thực sự trở thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến.</p> <p>- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 - 2 - 1930 đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và lãnh đạo của cách mạng Việt Nam. Cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới.</p> <p>2. Giai đoạn 1930 - 1945</p> <p>- Đảng lãnh đạo các tầng lớp nhân dân liên tiếp đấu tranh qua ba cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945.</p> <p>- Khi các nước Đồng minh đánh bại phát xít Nhật (8 - 1945), Đảng đã kịp thời lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.</p> <p>3. Giai đoạn 1945 - 1954</p> <p>- CM tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn thử thách.</p> <p>- 19.12.1946 Đảng phát động toàn dân đứng lên k/c với</p>

	<p>đường lối: Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến thắng ĐBP (1954). - Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, hòa bình trở lại MB. <p>4, Giai đoạn 1954 - 1975</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau. - Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối: kết hợp giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đi tới thắng lợi vẻ vang. <p>5. Giai đoạn từ 1975 đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trên nhiều lĩnh vực, chủ yếu là về kinh tế.
--	--

<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc SGK và yêu cầu HS trình bày nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm và phương hướng đi lên của cách mạng Việt Nam. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p>	<p>II. Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm, phương hướng đi lên</p> <p>1. Nguyên nhân thắng lợi (sgk)</p> <p>2. Bài học kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế. - Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là nhân tố hàng đầu của mọi sự thắng lợi.
---	---

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh lập niên biểu các giai đoạn chính và các đặc điểm lớn gắn liền với từng giai đoạn trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919) đến nay.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Hoàn thành các giai đoạn chính và các đặc điểm lớn gắn liền với từng giai đoạn trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919) đến nay.

Giai đoạn	Sự kiện
1919-1930	Thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần hai, đã đưa xã hội Việt Nam từ phong kiến nông nghiệp lên xã hội thuộc địa Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 3-2-1930, từ đó Cách mạng Việt Nam chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng
1930-1945	Ngay từ khi mới ra đời Đảng đã lãnh đạo cao trào cách mạng 1930-1931, kẻ thù đã chìm trong biển máu đến năm 1935 mới khôi phục Cao trào dân chủ 1936-1939 chống bọn phản động thuộc địa đòi "tự do dân chủ, cơm áo hòa bình" Qua 2 cao trào đã tôi luyện được đội quân chính trị hàng triệu người, đó thực sự là cuộc diễn tập lần thứ hai của cách mạng tháng Tám năm 1945 9-3-1939, Nhật hất cẳng Pháp ở Đông Dương 14-8-1945, Đảng phát động quần chúng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong nước
1945-1954	Sau cách mạng tháng Tám thành công cách mạng nước ta phải đương đầu với muôn vàn khó khăn để giữ vững chính quyền Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối đúng đắn cho cuộc kháng chiến toàn quốc Hiệp định Giơ-ne-vơ kí chính thức ngày 21-7-1954
1954-1975	Đảng lãnh đạo nhân dân hai miền cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ Miền Bắc: xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại Miền Nam: chống các chiến lược của đế quốc Mỹ Sau hơn 20 năm chiến đấu với Cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi
1975 đến nay	Sau mùa xuân năm 1975 đất nước thống nhất cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa

- **Thời gian:** 4 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

- **Giao nhiệm vụ**

+ Học bài cũ ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kỳ

+ Sưu tầm những tài liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 50: ÔN TẬP HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức:

- Giúp học sinh ôn lại kiến thức lịch sử nước ta giai đoạn 1946 - 1975

2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện cho HS kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta ở 2 miền Nam – Bắc

3. Về tư tưởng:

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào tiền đồ của Cách mạng Việt Nam

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH

+ Giáo viên:

GV: Sử dụng tranh ảnh, lược đồ SGK, bản đồ treo tường

+ Học sinh:

Học bài, soạn bài, Sưu tầm tư liệu và tranh ảnh

III. TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY – GIÁO DỤC

1. Ôn định lớp (1')

2. Ôn tập

Giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thành các câu hỏi ôn tập

1. Em hãy nêu những thắng lợi lớn của ta về Chính trị, Kinh tế, Văn hóa - Giáo dục và Quân sự từ cuối 1950 đến đầu 1953?

* Chính trị:

CÁC MẶT	THẮNG LỢI
Chính trị	<ul style="list-style-type: none"> - 3/3/1951 Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành “Mặt trận Liên Việt”. - 11/3/1951 Liên Minh nhân dân Việt - Miên - Lào ra đời cùng đoàn kết chống thực dân Pháp. - Đảng lao động Việt Nam chính thức ra mắt trước đại biểu nhân dân trong đại hội thống nhất 2 mặt trận.
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1951 Đảng và Chính phủ đã đề ra cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm lời cuốn được đông đảo quần chúng tham gia. - Đề ra chính sách chân chính thuế khóa - Xây dựng nền tài chính, ngân hàng và thương nghiệp - Đầu 1953 phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất. - Tháng 12/1953, Quốc hội thông qua “Luật cải cách ruộng đất”. - Từ 4/1953 - 7/1954 tiến hành 5 đợt cải cách ruộng đất 8 vùng tự do - Cuối 1953 từ Liên khu IV trở ra đã cấp 18 vạn ha ruộng đất cho nông dân
Văn hóa	<p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục được đề ra từ 7/1950 với 3 phương châm: phục vụ sản xuất, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh. <p>Số người đi học và số học sinh phổ thông tăng nhanh.</p> <p>* Từ 1950 - 1954:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cấp I tăng 130% - Học sinh cấp II, III tăng 300%. <p>* 1951 - 1953: đào tạo được 7.000 cán bộ kỹ thuật.</p> <p>* Văn hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào thi đua yêu nước lan rộng trong các ngành, các giới - Ngày 1/5/1952 Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I đã khai mạc tại Việt Bắc với 154 cán bộ, chiến sĩ tiêu biểu. - Đại hội đã tổng kết biểu dương thành tích của phong trào thi đua yêu nước chọn được 7 anh hùng.
Quân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Ta thắng lớn trong chiến dịch Hòa Bình (11/10/1951 - 23/2/1952). - Từ 14/10 - cuối tháng 12/1952 ta mở chiến dịch Đông Bắc giải phóng 25 vạn dân, phá vỡ âm mưu lập “Xứ Thái tự trị” của địch. - Tháng 4/1953 Liên quân Lào - Việt mở chiến dịch thượng Lào giải

	phóng 30 vạn dân. - Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam đã nổi lên tạo thành thế uy hiếp địch ở Bắc Đông Dương
--	--

2. Lập bảng các niên đại và sự kiện thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị từ tháng 12/1946 đến 7/1954?

THỜI GIAN	SỰ KIỆN
2/1951	- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng
3/3/1951	Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt
11/3/1951	Liên minh nhân dân Việt - Lào - Khome thành lập

* Thắng lợi quân sự của ta (từ 12/1946 - 7/1954):

THỜI GIAN	SỰ KIỆN
Từ 19/12/1946 đến 17/2/1947	Cuộc chiến đấu giam chân địch trong thành phố Hà Nội sau đó Trung ương và chủ lực của ta rút lui an toàn lên Việt Bắc
7/10/1947 đến cuối 12/1947	Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947
16/9/1950 đến 22/10/1950	Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950
25/12/1950 đến 17/1/1951	Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo)
20/3 - 7/4/1951	Chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám)
28/5 - 20/6/1951	Chiến dịch Hà Nam Ninh (Quang Trung)
14/11/1951 đến 23/2/1952	Chiến dịch Hòa Bình
14/10/1952 đến cuối 12/1952	Chiến dịch Tây Bắc
8/4/1953 đến cuối 4/1953	Chiến dịch Thượng Lào
Từ 13/3/1954 đến 7/5/1954	Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ

3.* Lập bảng các niên đại về thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong sản xuất, chiến đấu, chi viện cho miền Nam đánh Mỹ (1954 - 1975)

THÀNH TÍCH SẢN XUẤT	THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU	CHI VIỆN CHO MIỀN NAM
- 1954 - 1957: Hoàn thành kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, hoàn thành cải cách ruộng đất. 1958 - 1960: Hoàn thành kế hoạch 3 năm cải tạo	- Đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ I của đế quốc Mỹ (5/8/1964 - 1/11/1968). - Đánh thắng chiến tranh phá hoại lần II của đế quốc Mỹ (6/4/1972 - 15/1/1973), trong đó có	- Miền Bắc chi viện đầy đủ nhất cho CMMN “thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”. 1965 - 1968: 30 vạn bộ đội vào Nam chiến đấu. 1964 - 1971: hàng chục

<p>XHCN.</p> <p>1961 - 1965: Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần 1.</p> <p>1965 - 1975: Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần 1.</p> <p>1965 - 1975: Vừa sản xuất, vừa chiến đấu để xây dựng CNXH ở miền Bắc và chi viện miền Nam đánh Mỹ</p>	<p>trận “Điện Biên Phủ trên không”(18/12-29/12/1972)</p>	<p>vạn bộ đội, cán bộ, thanh niên xung phong vào miền Nam chiến đấu.</p> <p>1973 - 1975: gần 30 vạn bộ đội, thanh niên xung phong và cán bộ kỹ thuật vào Nam đưa hàng chục vạn tấn hàng hóa vào Nam.</p> <p>- Đường dẫn dầu Bắc - Nam dài 5.000km</p> <p>- Đường mòn HCM dài hơn 16.000km để kịp thời chi viện cho chiến trường.</p>
---	--	--

4. Lập bảng tóm tắt những thắng lợi của ta về Chính trị, Quân sự, ngoại giao trong công cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ từ 1954 - 1975?

THỜI GIAN	THẮNG LỢI CHÍNH TRỊ	THẮNG LỢI QUÂN SỰ	THẮNG LỢI NGOẠI GIAO
1954 - 1960 nhân dân ta đánh bại “Chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mỹ”	Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời (20/12/1960)	Phong trào “Đồng Khởi” ở miền Nam 1959 - 1960	
1961 - 1965 nhân dân ta đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ	Phong trào phá “Áp chiến lược” của nhân dân miền Nam	Chiến thắng Ấp Bắc 2/1/1963 Những chiến thắng Đông Xuân 1964 - 1965	
1965 - 1968 nhân dân VN đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ	Nhân dân miền Nam tiếp tục phá “Áp chiến lược”. Phong trào đấu tranh chiến tranh đạt đến đỉnh cao, hàng chục vạn người xuống đường đòi lật đổ chính quyền Sài Gòn và đòi Mỹ rút về nước.	Miền Bắc đánh thắng chiến tranh phá hoại lần 1 của đế quốc Mỹ (5/8/1964 - 1/11/1968). Miền Nam chiến thắng Vạn Tường (8/1965). Chiến thắng 2 mùa khô: 1965 - 1966 và 1966 - 1967.	- 13/5/1968 Hội nghị Pari bắt đầu họp

		Chiến thắng Mậu Thân (1968)	
1969 - 1973 nhân dân ta đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh”.	6/6/1969, Chính phủ cách mạng LTCH MNVN ra đời. 4.1970, Hội nghị cấp cao của 3 nước Đông Dương	Miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần II của đế quốc Mỹ (6/4/1972 - 15/1/1973). Miền Nam chiến thắng đường 9 - Nam Lào Chiến thắng Xuân hè 1972	- 27.1.1973 Hiệp định Pari được kí kết. 29/3/1973 Mỹ làm lễ rút cờ về nước
1973 - 1975 hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam	Giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước	Đánh bại sự “lấn chiếm của địch” - 6.1.1975 chiến thắng Phước Long - Đại thắng mùa xuân 1975.	

. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 51: KIỂM TRA HỌC KÌ II (1 TIẾT)

I. Mục đích kiểm tra

1. Về kiến thức :

Nhằm kiểm tra kiến thức của HS phần lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ:

- Biết được các sự kiện cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1946 đến 19
- Hiểu được nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của các chiến dịch 75
- So sánh được các chiến lược chiến tranh của Mỹ đã áp dụng ở Việt Nam
- Đánh giá về âm mưu- thủ đoạn của của Mỹ trong việc thực hiện các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ
- Nhận xét được các sự kiện chính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

2. Về kĩ năng : Rèn luyện cho HS các kĩ năng : - Ghi nhớ, tái hiện sự kiện, trình bày vấn đề, viết bài, kĩ năng vận dụng kiến thức để phân tích,so sánh, đánh giá sự kiện.

3.Về thái độ : Thông qua làm bài giáo dục cho học sinh thái độ nghiêm túc, tinh thần tự lực

trong làm bài, kiểm tra, đánh giá thái độ, tình cảm của học sinh đối với các sự kiện, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

4.Năng lực: - Thực hành bộ môn; tái hiện sự kiện,so sánh; đánh giá,....

II. Hình thức : Tự luận – Trắc nghiệm

III. Thiết lập ma trận

Tên chủ đề (nội dung, chương)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao
	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	TNKQ	Tự luận	
Chủ đề 1: Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954 (6 tiết)	Biết được các sự kiện cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1954 đến 1975		Hiểu được nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của các chiến dịch				
Số câu:	4	1/2	8	1/2			
Số điểm:	1	1	2	1			
Chủ đề 2: Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 (8 tiết)					So sánh được các chiến lược chiến tranh của Mỹ đã áp dụng ở Việt Nam		- Đánh giá âm mưu- thủ đoạn của Mỹ trong việc thực hiện các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ -Nhận xét được các sự kiện chính trong cuộc kháng chiến

							cứu nư dân ta.
Số câu:					4	1/2	4
Số điểm:					1	2	1
Tổng số câu:	4	1/2	8	1/2	4	1/2	4
Tổng số điểm:	1	1	2	1	1	2	1
Tỷ lệ %:	10%	10%	20%	10%	10%	20%	10%

IV. Đề kiểm tra

Phần trắc nghiệm khách quan (mỗi câu trả lời đúng 0,25đ)

Em hãy khoan tròn vào ý đúng nhất

Câu 1:Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh được phát đi trên sóng phát thanh vào ngày tháng năm nào?

A.Ngày 6/1/1946 C.Ngày 19/12/1946

B.Ngày 14/9/1946 D.Ngày 6/3/1946

Câu 2:Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngày tháng năm nào?

A.Ngày 13/3/1954 Ngày 13/3/1954

B.Ngày 7/5/1954 Ngày 21/7/1954

Câu 3: “”Pháo đài bất khả xâm phạm”” của Pháp xây dựng ở Điện biên phủ như thế nào?

A. Bao gồm 49 cứ điểm và 3 phân khu

B. Bao gồm 50 cứ điểm và 3 phân khu

C. Bao gồm 48 cụm cứ điểm và 2 phân khu

D. Bao gồm 49 cứ điểm và 5 phân khu

Câu 4: Hiệp định Giơ ne vợ được ký kết vào ngày tháng năm nào?

A. Ngày 8/5/1954 C.Ngày 13/3/1954

B. Ngày 7/5/1954 D.Ngày 21/7/1954

Câu 5: Pháp đề ra kế hoạch Na Va nhằm mục đích :

A. xoay chuyển cuộc chiến tranh Đông Dương, chuyển từ bại thành thắng.

B. buộc ta phải ký hiệp định có lợi cho chúng.

C. xây dựng lực lượng, bình định vùng tạm chiến.

D. khóa chặt biên giới Việt Trung và cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 6:Tại sao Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành một pháo đài không thể công phá?

A.Nhằm chiếm toàn bộ Đồng bằng Bắc Bộ.

B.Nhằm thu hút bộ đội chủ lực của ta vào đây để tiêu diệt.

C.Nhằm chiếm lại Trung và Thượng Lào.

D.Nhằm tấn công chiến lược miền Trung và miền Nam Đông Dương.

Câu 7:Vì sao ta lại phải phát động cuộc kháng chiến toàn quốc?

A.Tấn công Hà Nội mở đầu cuộc xâm lược miền Bắc.

B.Đàm phán với ta.

C.Gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu.

D.Rút quân khỏi Hà Nội

Câu 8: Nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp là:

- A. Toàn dân, toàn diện, tranh thủ sự ủng hộ của thế giới.
- B. Trường kỳ, tự lực cánh sinh
- C. Toàn diện, Tự lực cánh sinh, trường kỳ.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 9. Trong chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950 ta sử dụng chiến thuật gì?

- A. Công đồn diệt viện
- B. Đánh công kiên
- C. Đánh vận động
- D. Cát vó

Câu 10: Kết thúc Chiến dịch Biên giới, quân ta giành được thắng lợi gì?:

- A. Đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.
- B. Đã làm thất bại âm mưu trong việc phong tỏa hành lang Đông Bắc của Pháp.
- C. Đã buộc Pháp phải rút quân về cố thủ ở đồng bằng Bắc bộ.
- D. Đã Giải phóng 35 vạn dân, khai thông đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập, đồng thời chọc thủng hành lang Đông Tây tại Hòa Bình.

Câu 11. Kết quả nào sau đây không phải là của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 là:

- A. Kế hoạch Na Va bước đầu bị phá sản
- B. Ta giải phóng hoàn toàn Thượng và Trung Lào
- C. Quân chủ lực của Pháp bị động phân tán và giam chân ở vùng rừng núi.
- D. Pháp phải đàm phán với ta về việc rút hết quân

Câu 12. Thắng lợi quyết định nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thể hiện trên mặt trận :

- A. Chính trị, ngoại giao
- B. Kinh tế, văn hóa
- C. Quân sự
- D. Chính trị, văn hóa

Câu 13: Chiến lược “chiến tranh cục bộ” có điểm gì khác so với chiến lược “chiến tranh đặc biệt”?

- A. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội tay sai.
- B. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội tay sai, quân chư hầu
- C. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội tay sai, quân đội Mĩ
- D. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân Đồng Minh.

Câu 14: cuộc tiến công chiến lược năm 1972 thắng lợi có ý :

- A. Mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta.
- B. Giáng một đòn nặng nề vào chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh”.
- C. Đã giáng một đòn nặng nề vào quân Ngụy (công cụ chủ yếu) của Mĩ.
- D. Buộc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa ” trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 15: Đánh giá kết quả quan trọng nhất hiệp định Pa ri đối với công quốc cứu nước của dân tộc ta

- A. phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ
- B. đánh cho “Mĩ cút” “Ngụy nhào”.

C. Mỹ công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.

D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mĩ cút”

Câu 16: Thủ đoạn của mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” “có gì mới so với các chiến lược chiến tranh trước?”

A. Đồn dân lập ấp chiến lược .

B. Hành quân tìm, diệt.

C. Mở rộng chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

D. Mở rộng chiến tranh xâm lược sang Lào, Cam-pu-chia.

Câu 17: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam thể hiện *tính sáng tạo* trong sự lãnh đạo của Đảng

A. Trong năm 1975 tiến công trên quy mô lớn.

B. Năm 1976 , tổng khởi nghĩa , giải phóng hoàn toàn Miền Nam.

C . Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn Miền Nam.

D. Tranh thủ thời cơ đánh nhanh, thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của.

Câu 18: Thành quả mà nhân dân ta đã đạt được và đang được hưởng từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cho đến nay :

A. chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của CNĐQ, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

B. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. tạo điều kiện cho Lào và Campuchia giải phóng đất nước.

D. chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của CNĐQ, Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử: Cả nước độc lập thống nhất cùng tiến lên xây dựng CNXH.

Câu 19: Nhân tố mang tính chất quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ Cứu nước là:

A. nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn

B. có hậu phương vững chắc ở Miền bắc xã hội chủ nghĩa.

C. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

D. sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 20: Sau hiệp định Pa-ri , so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút về nước, Ngụy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính của Mĩ tăng gấp đôi.

C. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất , tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho Miền Nam.

D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm) Tại sao ta lại mở chiến dịch biên giới thu đông 1950? Kết quả, ý nghĩa ?

Câu 2. (3 điểm) So sánh chiến lược “chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam? Qua đó em hãy đánh giá tội ác của Mỹ đối với nhân dân ta.

ĐÁP ÁN:

* Nguyên nhân: - Pháp - Mỹ cấu kết chặt chẽ với nhau.	0,25
+ Pháp: Thực hiện kế hoạch Giơ ve, khoá chặt biên giới Việt - Trung.	0,25
Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, cô lập căn cứ địa Việt Bắc Thiết lập “hành lang Đông Tây”	0,25
Chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần hai.	0,25
* Kết quả, ý nghĩa. - Sau hơn một tháng chiến đấu trên mặt trận biên giới quân ta đã giải phóng vùng biên giới Việt –Trung, từ cao Bằng đến	0,5
Tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới, mở rộng căn cứ Việt Bắc tạo điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến.	0,5

Câu 2

***So sánh: (2đ)**

- Giống nhau:

+ Đều là chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc (0,5)

- Khác nhau:

Khác nhau	“Chiến tranh cục bộ”	“Việt Nam hóa chiến tranh”
Lực lượng (0,5)	- Quân đội Mỹ, quân đồng minh và quân đội tay sai ở miền Nam	- Quân đội tay sai ở miền Nam là chủ yếu, quân Mỹ phối hợp bằng hỏa lực và không quân.
Quy mô (0,5)	- Tiến hành ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.	- Tiến hành ở miền Nam, phá hoại miền Bắc đồng thời mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương.
Vai trò của Mỹ (0,5)	- Mỹ trực tiếp chiến đấu vừa làm cố vấn chỉ huy.	- Mỹ phối hợp chiến đấu vừa làm cố vấn chỉ huy.

***Đánh giá: (1đ)**

- Thông qua việc cung cấp vũ khí phương tiện chiến tranh..... tàn sát, hủy hoại tài nguyên, con người....

-Thâm độc dùng người Việt trị người Việt dùng người Đông dương đánh người Đông Dương

Tiết 52

BÀI 7
NGHỆ AN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

I. Mục tiêu bài học:**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu được những chuyển biến cơ bản về kinh tế chính trị của Nghệ An từ năm 1945 đến nay.
- những thành tựu mà nhân dân Nghệ An đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

2. Tư tưởng:

- Giáo dục lòng tự hào về truyền thống đấu tranh cũng như trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh nhà.
- Giáo dục lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng bộ Nghệ An, cũng như quá trình phấn đấu của nhân dân tỉnh nhà.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng xác định các địa danh lịch sử, so sánh các thành tích mà nhân dân Nghệ An đạt được với thành tích cả nước.
- Sưu tầm các tư liệu về thời kỳ lịch sử hào hùng của tỉnh ta.

4. Năng lực: - Thực hành bộ môn; tái hiện sự kiện, so sánh; đánh giá,....

II. Thiết bị dạy học:

- Tài liệu lịch sử Nghệ An, tranh ảnh lịch sử liên quan.
- Những mẫu chuyện về quá trình đấu tranh của nhân dân Nghệ An.

III. Tiến trình dạy học:**1. Bài cũ**

- Nêu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

2. Bài mới:

	Hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu tài liệu.	<u>1. Nghệ An trong năm đầu sau cách mạng tháng tám (2/9/1945 – 19/12/1946)</u>
?	<i>Tình hình Nghệ An trong năm đầu sau giải phóng như thế nào?</i>	- 10/ 1945 Đảng bộ lâm thời được thành lập, 21/1/1946 uỷ ban hành chính được thành lập trên cơ sở uỷ ban cách mạng lâm thời.
H	Thảo luận trả lời	- cũng như nhân dân cả nước nhân dân nghệ An cũng đứng trước vô vàn những khó khăn thử thách nhưng nhân dân Nghệ An vẫn quyết tâm giải quyết khắc phục những khó khăn.
GV	Thuyết giảng và mở rộng thêm về những biện pháp mà Đảng bộ và nhân dân Nghệ An đã làm để giải quyết những khó khăn.	+ Diệt giặc đói: nhân dân Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nam Đàn đã vỡ hoang 700 mẫu, phục hoá 1.420 mẫu, thành phố Vinh và 5 huyện đồng bằng quyền góp được 23kg vàng.
?	<i>Nêu những thành tựu mà nhân dân Nghệ An đã đạt được trong năm 1946?</i>	+ Diệt giặc đốt: Các hội khuyến học ra đời-> đến năm 1946 hơn nửa dân số đã biết đọc biết viết.
H	Dựa vào tài liệu trả lời: + Diệt giặc đói. + Diệt giặc đốt...	+ 24/2/1946 uỷ ban cách mạng được thành lập.
GV	Nêu các số liệu cụ thể để dẫn chứng.	- Ngoài ra trong thời kì này hàng trăm thanh niên Nghệ An đã tham gia đoàn quân Nam tiến. Nhân dân Nghệ An cũng tích cực xây dựng, thành lập các xưởng sản xuất.
?	<i>Ngoài những thành tựu trong công cuộc giải quyết giặc đói giặc đốt nhân dân Nghệ An còn có những thành tựu nào nữa?</i>	- Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến nhân dân Nghệ An nổi dậy đấu tranh và giành thắng lợi ở Vinh (đêm 19/12/1946).
H	Chỉ viện cho Miền Nam, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh.	<u>2. Nghệ An trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)</u>
GV	Mở rộng thêm bằng các tư liệu cụ thể.	- Nhân dân Nghệ An tích cực thực hiện chính sách tiêu thổ kháng chiến.
?	<i>Trong cuộc kháng chiến chống Pháp nhân dân Nghệ An đã làm gì?</i>	- Phong trào thi đua sản xuất, xây dựng và bảo vệ vững chắc hậu phương diễn ra sôi nổi trên khắp Nghệ An.
H	Thảo luận đưa ra các biện Pháp mà nhân dân Nghệ An đã áp dụng trong cuộc kháng chiến.	
GV	Thuyết giảng về các phong trào thi đua của nhân dân Nghệ An. + Chỉ viện cho chiến dịch Biên giới.	

<p>?</p> <p>H GV</p> <p>?</p> <p>H GV</p> <p>?</p> <p>H GV</p>	<p>+ Chi viện cho chiến cuộc Đông xuân 1953 – 1954...</p> <p><i>Nghệ An đã làm gì trong những năm 1954 – 1964/</i> Thảo luận để trả lời. Trình bày những công việc và thành tựu mà nhân dân Nghệ An đã làm.</p> <p><i>Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhân dân Nghệ An đã làm gì?</i> Dựa vào tài liệu thảo luận để trả lời, cử đại diện nhóm trình bày. Bổ sung và đưa ra chuẩn kiến thức Kể chuyện về phong trào bắn máy bay Mỹ, bắt giặc lái, chuyện về tuyến đường chi viện chiến lược Trường Sơn, chuyện về Trường Bồn...</p> <p><i>Tình hình Nghệ An sau năm 1975 như thế nào?</i> Thảo luận nhóm trình bày những hiểu biết của học sinh. Nhận xét những hiểu biết của hs sau đó đưa ra kiến thức chuẩn.</p> <p>Đưa ra những thành tựu cũng như những khó khăn mà nhân dân Nghệ An có được trong quá trình tiến hành tách tỉnh.</p>	<p>– Nghệ An cũng góp phần quan trọng vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.</p> <p><u>3. Nghệ An từ năm 1954 đến năm 1975.</u></p> <p><u>a) Nghệ An từ năm 1954 đến năm 1964</u> - Bắt tay vào xây dựng khôi phục lại các tuyến đường, các nhà máy, giải quyết các vấn đề an ninh xã hội. - Tháng 3/ 1955 Nghệ An tiến hành các cách ruộng đất. - Thành tựu: + Bộ mặt kinh tế thay đổi mạnh. + Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. + Hệ thống giáo dục ở Nghệ An được thiết lập từ lớp 1 đến đại học.</p> <p><u>b) Nghệ An từ 1965 đến 1975</u> - Tuy Nghệ An là một trọng điểm đánh phá của đế quốc Mỹ nhưng nhân dân Nghệ An đã anh dũng chống trả. + Nhân dân Vinh Cửa hội đã bắn rơi chiếc máy bay đầu tiên 5/8/1964 mở đầu phong trào bắn rơi máy bay Mỹ ở Nghệ An. + Nghệ An cũng dốc sức chi viện cho miền Nam.</p> <p><u>c. Nghệ An từ 1975 đến năm 2000</u> - 27/ 12/ 1975 Nghệ An và Hà Tĩnh đã hợp nhất thành Nghệ Tĩnh. - Trong mười năm đầu Đảng bộ và nhân dân Nghệ Tĩnh đã thực hiện nhiều chính sách lớn tuy nhiên nền kinh tế vẫn đi xuống, nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn. - Năm 1986 chính sách đổi mới của Đảng đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế của Nghệ Tĩnh. - Năm 1991 Nghệ An lại được tái lập có diện tích lớn thứ 3 trong cả nước và có Vinh là một đô thị loại 2, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nghệ An kinh tế của</p>
--	--	---

		Nghệ An có tốc độ tăng trưởng bình quân từ 7,1% GDP bình quân đầu người đạt 270 USD/ người / năm
--	--	--

Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập.

- Thời lượng để thực hiện hoạt động: 5 phút
- Mục đích của hoạt động: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Nghệ An
- Cách thức tổ chức hoạt động:
Giáo viên có thể tổ chức cho hs hoạt động cá nhân, cặp đôi. Học sinh huy động hiểu biết của bản thân và nội dung vừa học để hoàn thành nhiệm vụ học tập
- Phương tiện: Nguồn tư liệu, bảng phụ, phiếu học tập
- Dự kiến sản phẩm của hs: Học sinh hoàn thành cơ bản các dạng bài tập giáo viên giao.
- Gợi ý tiến trình hoạt động:
 - + Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh đọc thông tin, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân thông qua lĩnh hội kiến thức vừa học. HS làm việc cá nhân và ghi lại kết quả mình làm dc vào phiếu học tập, vào vở.
 - + HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện NV cá nhân, có thể trao đổi với bạn. HS hoàn thành các bài tập do giáo viên giao. GV quan sát, trợ giúp và yêu cầu HS thực hiện đầy đủ, hoàn chỉnh nhiệm vụ.
 - + Báo cáo kết quả và trao đổi thảo luận: Sau khi có kết quả, GV có thể gọi HS trình bày.

HS khác lắng nghe, thảo luận, bổ sung sản phẩm.

Từ kết quả làm việc của HS, GV đánh giá kiến thức, kỹ năng và sự vận dụng của HS hoàn thành bài tập. Nếu HS chưa hoàn

IV. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

- Hướng dẫn học sinh sưu tầm các tư liệu lịch sử ở địa phương Tân Kỳ : tốc độ tăng trưởng kinh tế, đóng góp của nhân dân Tân Kỳ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.